# HÀN MẶC TỬ
# THI-NHÂN BÌNH-ĐỊNH

DÒNG VIỆT SỐ 21
2007

# DÒNG VIỆT SỐ 21

**DÒNG VIỆT – SỐ 21**
**Mùa Hạ năm 2007**

# HÀN MẶC TỬ
# THI-NHÂN BÌNH-ĐỊNH

**Chủ-trương biên-tập :**
**Đoàn Khoách**
**Lê Văn**

**Địa-chỉ liên-lạc :**
**17212 Blue Fox Circle.**
**Huntington Beach, CA 92647**
**Tel: (714) 842-7589**
**E-mail : SEACAEF@socal.rr.com**

**Giá bán : $ 12.00 + $ 2.00 cước-phí**
**và thuế Tiểu-bang**

# HÀN MẶC TỬ
# THI-NHÂN BÌNH-ĐỊNH

DÒNG VIỆT SỐ 21
2007

**LỜI TÒA SOẠN.**

**Để thực-hiện số báo này, Dòng Việt đã thu-thập bài vở của các vị cựu Giáo-sư, các vị học-giả cũng như thân hữu gần xa của Ban biên-tập.**

**Vì hoàn-cảnh đặc biệt chúng tôi đã không thể trực-tiếp xin phép tất cả các tác-giả và nhà xuất-bản liên hệ đến một số bài đăng trong đặc-san này. Chúng tôi mong, với lòng yêu mến văn-hóa Việt-Nam, quý vị sẵn sàng thứ lỗi cho Ban biên-tập.**

**DÒNG VIỆT tôn-trọng quyền tự-do phát biểu của các tác-giả và không chịu trách-nhiệm về những ý-kiến đã đuọc phát biểu.**

**Ban Biên-tập DÒNG VIỆT**

MỤC LỤC

-oOo-



"THƠ TÔI BAY"

*"Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu*
*"Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu*
*"Trên triều-thiên ngời chói vạn hào quang "*
Hàn Mạc Tử - Ave Maria
(Xuân Như Ý)

-o0o-

PHẦN MỞ ĐẦU

"Năm canh mộng .......bốn phương trời."

*"Tương tư mộng thấy năm canh mộng*
*Luyến ái trời vương bốn phương trời"*
Hàn Mạc Tử.- (Nhớ Trường Xuyên)

PHẦN III

"....giữa nguồn trong trẻo..."

*'Người Thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo"*

Hàn Mạc Tử .- (Tựa Gái Quê)



PHẦN IV

" Cách nhau ngàn vạn dặm..."

"Cách nhau ngàn vạn dặm,
*"Nhớ chi đến trăng thề*
*"Dầu ai không mong đợi......."*

Hán Mặc Tử.-Tình Quê (Gái Quê)

# PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động và thương tiếc
khi được tin buồn

**Giáo-sư Nguyễn Khắc Kham**
**tự Lãng Hồ**

Đã thất lộc
ngày 8 tháng 3 năm 2007
Tại San Jose, Hoa-Kỳ
**Hưởng thọ 100 tuổi.**

Ban Chủ biên và toàn thể Nhân-viên
Đặc-san Dòng Việt

Xin thành kính phân ưu cùng Tang quyến và nguyện cầu Hương linh Cụ Nguyễn Khắc Kham sớm tiêu diêu miền Cực lạc.



GIÁO SƯ NGUYỄN KHẮC-KHAM
PROFESSOR NGUYỄN KHẮC-KHAM

# LỜI GIỚI THIỆU

-oOo-

## " THƠ TÔI BAY...."

*"Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu*
*"Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu*
*"Trên triều thiên ngời chói rạng hào quang"*
Hàn Mac Tử .- Ave Maria
(Xuân Như Ý)

- 1 -

Trong « Thi Nhân Việt Nam » trước khi bình luận về Thi Ca của Hàn Mạc Tử, Hoài Thanh đã ghi nhận trước tiên vang âm của thời đại trước ánh sáng của một Thiên Tài

*«Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mạc Tử nhiều lắm. Có người bảo:- Hàn Mạc Tử ? Thơ với thẩn gì !Toàn nói nhảm « Có người còn nghiêm khắc hơn : « Thơ gì mà rắc rối thế ! Mình tưởng có ý nghĩa khuất khúc, cứ đọc đi đọc lại hoài, thì ra nó lừa mình ! » . Xuân Diệu có lẽ cũng nghĩ đến Hàn Mạc Tử trong khi viết đoạn này : « Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ của những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu : tôi điên đây ! tôi điên đây ! Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống»* (Thơ của Người .- Ngày Nay 7-8-1938)

*Nhưng tôi cũng đã nghe những người ca tụng Hàn Mạc Tử. Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mạc Tử. Bao nhiêu thơ Hàn Mạc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết. Mà thuộc hết thơ Hàn Mạc Tử đâu phải chuyện dễ. Đã khúc mắt mà lại nhiều ; tất cả đến sáu bảy tập. Họ thuộc hết và*

*chọn những lúc đêm khuya thanh vắng họ sẽ cao giọng, ngâm một mình. Bài thơ đã biến thành bài Kinh và người thơ đã trở thành một vị Giáo chủ . Chế Lan Viên nói quả quyết: « Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau ,những cái tầm thường, mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại của cái thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mạc Tử* (Người Mới, số 5.- 23/11/1940).- Trích *Thi nhân Việt Nam tr.203-204*

Lược sử về Thi Nhân, Hoài Thanh chỉ ghi nhận : « Chính tên là Nguyễn trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 ở Lệ Mỹ, Đồng Hới, mất ngày 11-11-1940. Trú ngụ ở Qui Nhơn từ nhỏ. Nhà nghèo, cha mất sớm.Học trường Qui Nhơn đền năm thứ ba. Làm sở Đạc Điền một độ,bị đau rồi mất việc. Vào Nam làm báo ít lâu lại trở về Qui Nhơn. Kế đó mắc bệnh hủi, đưa vào nhà thương Qui Hòa, rồi mất ở đó.

Làm thơ từ ngày 16 tuổi (lấy hiệu là Phong Trần rồi Lệ Thanh). Đến năm 1936, khi chủ trương tờ Phụ Trương Văn Chương báo SAIGON, mới đổi hiệu là Hàn Mạc Tử (Hai chử « Hàn Mạc » trong tự điển không có, chỉ có « Hàn Mặc » nghĩa là văn chương).

Đã đăng thơ : *Phụ Nử Tân Văn, Saigon, Trong Khuê Phòng, Đông Dương Tuần Báo, Người Mới.*

Đã xuất bản : *Gái Quê* .- 1936

-2-

Thi Ca của Hàn Mạc Tử ?

Từ Nghệ Thuật sáng tạo, đến nguồn sống của Thi Nhân, xin để nghe Người tự nói :

*« Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong-trẻo.*

*Trên đầu Người là cao cả, vô biên và vô lượng ; chung quanh người là mơn-trớn với yêu-đương vây phủ bởi trăm giây quyến luyến- làm bằng êm-dịu, làm bằng thanh-bai...Gió phương mô đẩy-đưa Người đến bờ xa-lạ, đầy trinh tiết và đầy thinh-sắc. Người dừng lại để hái những lá tinh- hoa. Người nín lặng để mà nghe tiếng trăng reo vang vang như tiếng châu báu vỡ lở. À ra Người cũng dại dột hốt vàng rơi bọc trong vạt áo.*

*Trí người đã dâng cao và thơ người dâng cao hơn nữa. Thì ra Người đang say-sưa đi trong Mơ-ước, trong Huyền-diệu, trong Sáng-láng và vượt hẳn ra ngoài Hư-linh.*

-oOo-

Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung-rinh một làn ánh-sáng.

Anh sẽ thấy hơi đàn lả-lướt theo hơi thở của hồn tôi và chìu theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển-chuyển.

Anh sẽ run theo khúc ngân-nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai-âm rền-rỉ nuối không ngưng.

Và anh sẽ cảm-giác lạ, nhìn không chớp mắt khi một tia-sáng xôn-xao lại có vì Sao vỡ. Những thứ ấy là âm-điệu của thơ tôi, âm-điệu thiêng-liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút.

Tôi làm thơ ?

Nghĩa là tôi yếu-đuối quá. Tôi bị cám-dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí-mật.

Và nghĩa là tôi đã mất trí, tôi phát điên.

Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn-cản được tiếng lòng tôi ?

-Tôi đã sống mãnh-liệt và đầy-đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát-triển hết cả cảm-giác của Tình-Yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống.

\- - oOo-

*Thôi mời cô cứ vào...*

*Ánh sáng lạ trong thơ tôi sẽ làm cho gò má cô đỏ gấc. Và một khi cô đã vào là cô sẽ lạc, vì vườn thơ tôi rộng rinh, không-bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh...*

Hàn Mạc Tử

("Tựa "Gái Quê")

Tuy Vườn Thơ của Thi Nhân không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh, nhưng Người vẫn cảm thấy chưa vừa. Người muốn mời cho được Xuân Thiên ra đời để được bình an cả và thiên hạ.Người muốn đạt cho được tuổi xuân NGỌC NHƯ Ý, tên xuân DẠ LAN HƯƠNG, để Xuân trở thành phong vị thái hòa như Người sắp sáng tạo ra đây "Một Mùa Xuân Như Ý" :

*"Cho mau lên ! Dồn ánh nguyệt vào đây...Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất-bảo. Tình-cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý-tứ ta sẽ cao-cường hơn ngọn núi.*

*"Lạy Chúa Trời tôi ! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả...Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng-vọng như tài-hoa, cao-sang như nhân-đức, chói-chan vô vàn phước-lộc...*

*"Ôi ! Trời hạo-nhiên đây không phải là châu báu của Người sao ?*

*"Lòng vô-lượng đây không phải do phép-tắc mầu-nhiệm của Đấng Vô-thỉ Vô chung ?*

*"Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh-bạch, đàn ly-tao, tranh tuyệt phẩm...ưa ra, nào là gió chia-biệt, trăng đoàn-viên, chim tứ-chiếng, mây giang-hồ, và nào là trời thanh-sắc, lòng nhủ-hươmg, niềm mộc-dược.*

*"Vẫn là chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi được chí muôn sao ...*

*"Phải mời cho được XUÂN THIÊN ra đời...*

*"Bình-an cả và thiên-hạ...*

*"Vì chưng muôn xuân là lương-thực ngon-ngọt, mĩ-vị, ánh xuân là nguồn tơ-tưởng thơm-tho, tinh-khiết, khi xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê-ly, tuổi xuân là NGỌC NHƯ Ý, tên xuân là DẠ LAN HƯƠNG.*

*"Và xuân là phong-vị thái-hòa của năm muôn năm, trời muôn trời, châu-lưu trên thượng tầng không-khí, bàng- bạc cả giải Hà-sa, chen-lấn vô tận hồn tạo-vật...*

*"Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Cha cả sáng.*

*"Và loài người hãy cám ơn Thi-nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu-lệ, đã từng uống mật đắng-cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt-sắng...*

*"Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió,*

*"Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao...*

*"Thi-nhân sẽ vừa say-sưa, vừa điên-cuồng, oẹ ra từng búng thơ sáng-láng, phương phi như một mùa XUÂN NHƯ Ý.*

*Viết tại Qui-Nhơn trong một ngày*
*rất say, rất dại, và rất nhớ, rất thương*
Hàn Mạc Tử
(Tựa Xuân Như Ý)

Xuân Như Ý tuy là mùa xuân Xuất Thế Gian , nhưng với Hàn Mạc Tử đó chính là Mùa Xuân của "Thanh Tịnh Cõi Lòng" ; nơi Thơ Bay suốt một đời chưa thấu, nơi Hồn không biết bao giờ mới đậu được, vì nhân thế e không bao giờ đạt được cõi thiên không này :

*"Xuất thế gian chưa có tại trong lòng*
*Muôn ý tứ say chìm nơi Bát giác*

*Hương cám dỗ mê người trong khoái lạc..."*
Hàn Mạc Tử.-Ra Đời .-(Xuân Nhu Ý)

để Chàng (Thi Sĩ) một mình biết được Mùa Xuân này mà thế gian chẳng bao giờ ai biết cả :

*- Chàng ơi. Chàng ơi, sự lạ đêm qua*
*Mùa Xuân tới, mà không ai biết cả."*
Hàn Mạc Tử.- Ra Đời.-(Xuân Như Ý)

-3 -

Trở lại trần gian với lời tâm sự của chính tác giả "Thi Nhân Việt Nam" :

*"Không bao giờ tôi thấy cái việc phê bình thơ tàn ác như lúc này. Tôi nghĩ đến người đã sống trong một túp lều tranh, phải lấy bì thơ và giấy nhật trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến người không sao nuốt được vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh khủng đã bắt người chịu bao nhiêu phũ phàng, bao nhiêu ruồng rẫy. Sau cùng Người bị vứt hẳn ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết mọi người thân thiết. Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn cả thể phách lẫn linh hồn cùng tan rã...*

*"Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ mất rồi ta xúm lại kẻ chê người khen .Chê hay khen tôi đều thấy có cái gì bất nhẫn".* (Mai-1941)

("Thi Nhân Việt-Nam" trang 214-215).

Đó là một Chân Dung Hiện Thực của Một Thiên Tài trong kiếp trần giang phong trần đã luôn soi sáng Nguồn Sáng Tạo Thanh Cao.

Tiết Quí Thu Bính Tuất, 2006.
.DÒNG VIỆT

# PHẦN MỞ ĐẦU

"Năm canh mộng . .. . .bốn phương trời"

*"Tương tư mộng thấy năm canh mộng*
*Luyến ái trời vương bốn phương trời"*
Hàn Mạc Tử .- Nhớ Trường Xuyên

# HÀN MẶC TỬ : THI-NHÂN BÌNH-ĐỊNH

*"Người đẹp vẫn thường hay chết yểu*
*Thi-nhân đầu bạc sớm hơn ai. . ."*
(J. Leiba)

**Nguyễn Tử Can.**

***Lời Toà Soạn .-*** *Bài văn này không có gì là độc sáng. Đây chỉ là sự thu góp tài liệu của nhiều tác-giả cùng với kỷ-niệm riêng tư của đương sự để tạo thành một bài văn có hệ thống. Rất tiếc không thể viết thư cám ơn từng người một có tài liệu dùng trong bài này vì không biết địa chỉ của các vị ấy, và hơn nữa một số khác đã quá vãng. Xin trân trọng cám ơn quí vị tác giả.*

Môt cuộc đời ngắn ngủi, tan vỡ từ 24 tuổi vì bệnh phung, Hàn Mặc Tử đã dành cho Thơ, những gì tinh khiết của tìng yêu tuyệt vọng hướng về các người đẹp đã đi ngang qua đời Tử. Giống như các nhà thơ lãng mạn Anh-quốc, nhất là John Keats, qua đời lúc 26 tuổi vì bệnh lao, trơ trọi một mình tại La-Mã, xa cả người yêu cùng thân nhân quyến thuộc, HMT đã lìa đời lúc 28 tuổi vì bệnh phung, cũng một mình trơ trọi tại nhà thương phung Qui Hòa. Nhưng có chỗ khác với John Keats là Keats chỉ có độc nhất một người yêu là Fanny Brawne, trong khi HMT có đến 6,7 người yêu và các người này đã ảnh hưởng không ít thi nhiều sự phát triển thi văn của Tử.

Muốn hiểu rõ sự phát triển thi văn của HMT, chúng ta hãy xét qua thân thế của Tử cũng như sự liên lạc với các người yêu và bạn bè quen thuộc.

Hàn Mạc Tử, tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại Lệ Mỹ (Đồng Hới) Quảng Bình là con thứ tư của ông Nguyễn Văn Toản, công chức sở Thương Chánh và bà Nguyễn Thi Duy, con gái một vị ngự y có tiếng dưới thời vua Tự Đức. Đây là một gia đình Công giáo lâu đời. HMT lấy tên thánh rửa tội là Phêrô và tên chịu phép thêm sức là Phanxicô Xaviê.

Từ nhỏ không ai nói đến dòng họ của thi sĩ tuy biết ông nội tên là Phạm Bồi, quê ở Thanh Hóa, lập nghiệp tại làng Thanh Tân, quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Cũng không ai tìm hiểu vì sau thân phụ thi sĩ mang họ Nguyễn mà các chú thi sĩ đều giữ họ Phạm.

Theo gia phả, thì lúc Trịnh Kiểm soán vị và ám toán Thế tử Nguyễn Uông, quân tướng của ông này nổi lên chống lại Trịnh Kiểm. Cuộc nổi dậy bị thất bại, một số lớn bị giết, số còn lại phải cải tánh ra họ Phạm và bị đày vào Nam, lập nghiệp tại Thanh Hóa, trong đó có ông Phạm Bồi. Sau đó ông Phạm Bồi vào Thừa Thiên, giúp LM. Đồng xây dựng nhà thờ Thanh Tân rồi ở lại, lập nghiệp luôn tại đó.

Ông Nguyễn Văn Toản, thân sinh ra HMT là con trưởng của ông Pham Bồi. Khi đến tuổi đi học, ông được LM. Đồng giúp cho vào Tiểu Chủng Viện va làm thủ tục đổi lại họ Nguyễn, với sự giúp đở của Cụ Thượng Nguyễn Hữu Bài.

Rời Chủng Viện, ông Toản ra làm việc ở Tòa sứ Huế, sau đổi vào Hội An và thuyên chuyển qua sở Thương Chánh.

HMT lúc sinh ra thân thể yếu đuối. Nhưng lúc lớn lên, theo lời Nguyễn Bá Tín người em kế, Tử là một cậu bé tinh nghịch, thích bắn ná cao-su, thích đi chơi trên mấy độn cát, thích đi tắm sông. Một lần suýt bị chết đuối, từ đó Tử rất sợ nước, trở nên nhút nhát và ít nói.

Trong khoảng thời gian 1920-24 ông Toản luôn thay đổi chỗ làm. Từ Đồng Hới vào Qui Nhơn, rồi Bồng Sơn và đến năm 1924 đổi ra Sa Ky. Tất cả các nhiệm sở đều là các thị trấn ở vùng bể.

Đầu tháng 7 năm 1926, ông Toản qua đời hưởng dương 45 tuổi. HMT theo mẹ dọn về Qui Nhơn ở với anh cả là Nguyễn Bá Nhàn tức là Mộng Châu, làm thầu khoán. Hoc hết bậc tiểu học ở Qui Nhơn, HMT ra Huế học trường Pellerin đến năm 1930 thì thôi học về lại Qui Nhơn sống với gia đình.

Mộng Châu là một nhà thơ Đường sành nghề. Chính nhờ anh mà đường học vấn của HMT không bị gián đoạn khi thân sinh qua đời, và cũng đã dìu dắt Tử bước vào làng Thơ.

HMT có rất nhiều bút hiệu : lúc đầu ký là Minh Duệ Thị, sau đổi thành Phong Trần. Rồi đổi là Lệ Thanh, lấy chữ đầu của sinh quán (Lệ Mỹ) và chữ đầu chánh quán (Thanh Tân). Lại đổi là Hàn Mạc Tử ("hàn mạc" là bức rèm lạnh. Sau cùng mới lấy hiệu Hàn Mặc Tử (là anh hàng bút mực)

Tử nổi danh với bút hiệu Phong Trần vào khỏang 1930-31, do lời giới thiệu của Cụ Phan Sào Nam. Lúc bấy giờ Phan tiên sinh bị Pháp bắt về an trí tại Huế. Để có thể trao đổi tâm tình cùng người trong nước, tiên sinh mở ra một hội thơ lấy tên là "Mộng Du thi xã". Thơ bốn phương gởi đến rất nhiều. HMT cũng gởi đến ba bài : "*Thức khuya*", "*Chùa hoang*" và "*Gái ở chùa*".

Phan tiên sinh rất tán thưởng, liền họa vận và đăng các bài xướng cùng họa trên báo với những lời ca tụng. Sau đó HMT ra Huế, tìm đến thăm Phan tiên sinh tại Bến Ngự.

Trước đó cụ Thượng Nguyễn Hữu Bài, bạn thân của thân phụ Tử, đã ghi tên Tử vào danh sách những người được đi Pháp du học. Nhưng sau khi Tử đến thăm cụ Phan thì bị sở

Mật Thám Qui Nhơn đòi hỏi mấy lần tôi gạt tên khỏi danh sánh du học.

Năm 1932 HMT vào làm việc ở sở Đạc Điền. Công việc không có gì bận lắm, Tử có đủ thì giờ đọc sách và làm thơ Trong quyển sổ ghi tên những người mượn sách của học xá Pháp Việt (Cercle d'Etudes) của LM. Maheu người ta thấy tên Tử chiếm gần phân nữa, mượn toàn sách về Baudelaire, Valéry, Lamartine, Mallarmé, Le Breton, Gérard de Nerval và Jean Laforge. Chính LM. Paul Maheu, tục danh là cố Mỹ, đã cùng với BS. Lemoine, giám đốc Bệnh viện Qui Nhon, khởi công xây cất trại phung tư tại Qui Hòa từ 1929 và hoàn tất năm 1932. HMT đến năm 1940 cũng vào nhà thương này, với số hiệu 1134.

Mùa thu năm 1935, HMT thôi việc ở sở Đạc Điền và vào Saigon làm báo với Thúc Tề. Ban đầu Tử giữ trang văn chương cho tờ *Saigon*. Rồi viết cho tờ *Công Luận* và *Tân Thời*. HMT đã chuyển từ địa hạt thơ Đường sang địa hạt Thơ Mới. Không đầy một năm Tử trở về Qui Nhơn, gom góp các bài thơ đã làm ở Saigon cùng một số khác thành tập *"Gái Quê"* xuất bản cuối năm 1936.

Thơ Mới vừa ra đời trước đó ít lâu, nhưng phải nói là nhờ nhóm nhà thơ trẻ Bính Định mà phong trào Thơ Mới được phát triển mạnh : những cấm ky, những niêm luật khắc khe của thơ Đường luật đã tan vỡ để nhường chỗ cho một cách diễn đạt mới, một trữ tình cuồng nhiệt và thành thực. Trong số các nhà thơ ấy phải kể HMT, Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê và Quách Tấn, một bạn thân của Tử. Tuy Quách Tấn là một nhà thơ cổ điển nhưng ông vẫn giữ mối liên lạc chặt chẻ với nhóm này.

Cũng như thơ Đường, Thơ Mới của HMT rất được hoan nghênh, nhất la Thơ Mới của Tử chỉ mới ở tình tứ và hơi văn.

Về hình thức thì Tử bỏ sự đối cặp và hạn chế số cân văn của luật thơ Đường. Còn thể thơ và âm điệu vẫn giữ nguyên.

Ví dụ bài "*Bẽn Lẽn*" làm theo thể thất ngôn, và bài "*Tình Quê*" làm theo thể ngủ ngôn. Hai bài đều tỏa ra một không khí mơ màng. Tình trong "*Tình Quê*" nhẹ nhàng nhưng thấm thía. Tứ trong "*Bẽn Lẽn*" mới và bạo. Nhưng cả hai đều giữ tách chất Á đông, và cách dùng chữ vẫn còn trong khuôn khổ.

Đó là hai bài tiêu biểu nhất của "*Gái Quê*".Các bài khác trong tập hầu hết đều có giá trị : lời thơ êm đềm, nhạc thơ du dương, hình ảnh mơ màng có, lộng lẩy có... làm rung cảm người đọc một cách dịu dàng.. .

"*Gái Quê*" ra đời, HMT định bán xong lấy tiền đi du lịch khắp Bắc Nam. Nhưng rồi Tử bị bệnh ! Bệnh hủi, một bệnh hiểm nghèo trong bốn bệnh nan y ! Nguyên nhân vì sao không ai biết rõ. Chỉ biết rằng bệnh khởi phát trong lúc Tử còn ở Saigon.

Uống thuốc Nam không bớt, triệu chứng bệnh mỗi ngày càng rõ rệt. Biết mình mắc phải bệnh nan y ghê tởm, HMT tuyệt giao bạn bè và dặn người nhà không cho ai biết sự thật.

Nghe ở Gò Bồi, cách Qui Nhon độ mươi lăm cây số có thầy hay, bà thân HMT đưa con đến điều trị. Nhưng bệnh càng ngày càng tăng, Tử trở về Qui Nhơn tìm thầy khác

Mùa xuân 1938, ông Đoàn Phong, cậu thi sĩ Quách Tấn nhận lời chửa cho Tử. Đây là một võ sĩ có danh tiếng mà cũng là một lương y có uy tín. Thoạt mới uống mươi thang, bệnh HMT giảm xuống một cách bất ngờ. Tay Tử đã co lại, bổng ngay ra được và cầm viết lại được như cũ. Từ ấy bệnh mỗi ngày bớt dần, chỉ hai tháng sau da thịt trơn liền lại nhu cũ. Sau đó ít lâu Ông Đoàn Phong cho uống thuốc bổ. Mấy thang đầu Tử thấy dễ chịu nhưng đến thang thứ mười thì lên sốt nặng, bệnh dần dần tái phát nhưng lần này rất mạnh. Thầy cho nghỉ

thuốc bổ, uống thuốc trị bệnh trở lại, nhưng càng uống bệnh càng tăng. Cuối cùng thầy đành bỏ cuộc !

Không lẻ bó tay, bà thân HMT tìm thầy khác. Nghe đâu có thầy hay thì bà tìm đến, khó khăn, tốn kém mấy bà cũng không nề. Mà các thầy thuốc, ông nào cũng vậy, uống mấy thang đầu thì có hiệu quả, không ít thì nhiều, nhưng rồi bệnh trở lại, càng nặng thêm

Từ ngày mắc chứng nan y, thiên tài của Tử bộc phát và thơ của Tử mở ra một chân trời mới lạ hẳn.

Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, HMT hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều, khi ít. Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ thay vì phát hiện ra ngoài một cách bồng bột, thì lại ăn sâu vào tâm hồn và ngấm ngầm nung nấu nạn nhân. Nỗi đau khổ càng ray rứt, thấm thía, thơ Tử càng thêm sức mạnh,"nóng ran" từ những "tia sáng xôn xao" thoát ra những "tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú"...

Những bài thơ tân kỳ xuất hiện.

Đọc những bài thơ như "*Trường Tương Tư*" hoặc "*Hồn là Ai ?*" thì chúng ta cũng có thể cảm thông được nổi đau đớn của Tử. Nguồn cảm hứng của Tử đã phát xuất ra từ đáy hồn đau khổ vô biên, và tuôn ra ,- như lời Tử nói ,- khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút. Nó gây nơi chúng ta một cảm giác lạ lùng và rùng rợn. Đưa chúng ta vào "một vườn hoa rộng thinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh"

Bên cạnh nổi đau khổ vì bệnh tật, còn thêm nỗi buồn thương vì phải sống xa gia đình, xa bè bạn, trong những nơi đìu hiu xa vắng.

Đọc hai bài thơ trên chúng ta cản thấy một nổi cô quạnh hoàn toàn, một nổi cô quạnh rùng rợn, khủng khiếp ! Cô quạnh đến nổi nghe cả tiếng nói tận đáy hồn. Cô quạnh đến nổi nghe tiếng mơ lớn bằng tiếng rú, tiếng than rên...

Những cảnh đó không chỉ có trong thơ mà thôi. Đó là sự thật đã biến thành thơ. Những thơ của Tử đều là những lời ghi chép trung thành những cảm giác, những tư tưởng... của Tử, những hình ảnh, những ảnh tượng hiển hiện rõ ràng ra trước mắt hay kết tụ trong mơ.

Như bài "*Cô Liêu*", HMT dã làm sau một đêm cuối thu, một mình ngồi ngắm cảnh trăng khuya trên bải biển Qui Nhơn.

"Đêm ấy,- theo lời HMT kể,- vì tiết sắp sang đông nên bãi biển không một bóng người qua lại, mặc dù trời không lạnh và trăng sáng như ban ngày. Đêm tạnh hết sức, tạnh đến nổi nghe cả tiếng của chiêm bao ! Cảnh trời thật mênh mông bát ngát. Lòng tôi lại mênh mông bát ngát bằng hai...Thân tôi chìm trong không gian vô tận và hồn tôi chìm trong cỏi lòng rộng vô biên.

"Tôi có một cảm giác ngờm ngợp.

"Chợt nhìn lên trời thấy bóng trăng đã đứng đầu, và nhìn bên cạnh thấy một bóng người ngồi sát. Liền đó, từ bóng người ngồi bên cạnh tôi bước ra một bóng người thứ hai, đi từ từ ra biển và bước lững thững trên mặt nước. Rồi cả hai bóng đều biến mất và mặt biển đông lại thành tuyết sáng ngời dưới bóng trăng khuya. Thoạt hiện ra một người, thân vóc nở nang, mình khoác chiếc áo lông, vai gánh hai thùng thiếc đựng đầy nước óng ánh. Người ấy đi thì nước trong thùng tung ra và hóa thành huyết đỏ lã chã trên tuyết. Người gáng máu đi lần vào bờ... Tôi khiếp quá hét lên thành tiếng, vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà. Vừa đến nhà, mệt quá, té nằm trước thềm, ngút hơi ...Từ ấy cảnh tượng kia ám ảnh tôi mãi..."

`Do đó mà HMT soạn thành hai bài thơ, bài "*Cô Liêu*" và bài "*Cuối Thu*" trong đó có những câu :

*Lụa trời ai dệt với ai căng ?*
*Ai thả chim bay đến Quảng Hằng ?*
*Và ai gánh máu đi trên tuyết,*
*Mảnh áo da cừu ngắm nở nang ...*

Những cảnh tượng ấy do tâm trạng HMT phát hiện.

HMT sống lẻ loi trong niềm đau khổ. Nền đau khổ nung nấu Tử đến một độ mà tâm trí chúng ta- những người chưa bao giờ đau khổ đến mức độ của Từ - không thể tưởng tượng nổi, khiến tâm hồn Tử mang những sắc thái đặc biệt quá xa lạ đối với chúng ta. Do đó nhiều bài thơ của Tử, đối với chúng ta trở thành bí hiểm. Bí hiểm vì chúng ta không nhìn thấy trạng thái tâm hồn của Tử, không thông cảm những nổi khổ đau của Tử chứ không phải Tử cố ý làm cho thơ mình bí hiểm, như đã có người hiểu lầm.

Đau khổ đến thế cũng là cực điểm !

Nhưng bên cạnh nổi đau khổ về bệnh tật, về cô quạnh, HMT còn phải chịu đau khổ về tình duyên.

Nguyên HMT có một người yêu ở Phan Thiết là Mộng Cầm (tên thật là Huỳnh Thị Nghệ). Cuộc tình của Tử và MC rất thắm tươi, ít ra cũng đậm đà thắm thiết về phần Tử, và đã thể hiện nhiều chỗ trong hai tập "*Thơ Điên*" và "*Xuân Như Ý*". Nhưng sau khi Tử lâm bệnh hiểm nghèo thì mối tình chấm dứt giữa năm 1936. Và để an ủi Tử trước khi đi lấy chồng MC đã đến thăm nhà thơ lần cuối tại Qui Nhon. MC đi lấy chồng gieo vào lòng Tử một mối buồn thương vô hạn.

Bài "*Muôn Năm Sầu Thảm*" phản ảnh nổi lòng tha thiết của Tử. Thật là nhưng tiếng "kêu rên thống thiết" :

*Nghệ hởi, Nghệ muôn năm sầu thảm,*
*Nhớ thương còn một nắm xương thôi.*
*Thân tàn ma dại đi rồi*
*Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan !*

Năm 1961, ông Châu Hải Kỳ, một người thích thơ HMT, và nghiên cứu rất nhiều về HMT đã nhờ một cựu học sinh của ông đưa đến gặp MC lúc đó là bà thứ mẫu của em này tại Phan Thiết. Trong cuộc phỏng vấn đăng trong tạp chi "*Phổ Thông*" số 63, MC đại khái cho biết : "Năm 17 tuổi, học

lớp Nhất trường Nam ở Phan Thiết, rất ham văn chương, đêm di học thêm Việt ngữ với cậu là Bích Khê, làm thơ Đường luật và gởi đăng báo *Công Luận* ở Saigon. Ít lâu nhận được thơ của HMT tỏ ý muốn tìm để giao thiệp trao luyện văn thơ. Bắt đầu từ đó hai người có thư đi lại với nhau... Giao thiệp được 5, 6 tháng thì MC về Quảng Ngải rồi trở lại Phan Thiết, ra Mủi Né học làm cô đở với BS Lê Quang Thuần là cậu MC, anh cả của Bích Khê...Tình cờ đọc báo *Saigon Mới* , thấy HMT nhắn tìm MC, ông Thuần nói cho MC biết. MC kể lại câu chuyện hai người quen biết nhau với mục đích trao luyện văn chương. Mấy tháng sau Tử ra Phan Thiết, thuê đò đi Mủi Né tìm đến bệnh xá'

Sau khi chào hỏi, MC mời vào nhà giới thiệu với Cậu. Sau đó HMT xin phép đưa MC đi Phan Thiết chơi và nhân dịp giới thiện Tử với Bích Khê mà Tử hằng ao ước gặp.

Gặp hôm có trăng, nhưng không ngồi trên mui để ngắm trăng mà ngồi trong khoang để nói chuyện. Nhờ ngọn đèn sáng dưới đó, MC dã ngờ ngợ ngay từ hôm đó HMT có bệnh phung vì hai trái tai hơi đo đỏ mà dày dày. Vì có học ở nhà thương nên MC biết triệu chứng, nhưng chưa dám chắc. Về sau khi gặp anh Nguyễn Thông, bạn học cũ, cùng làm sở Đạc Điền với Tử cho biết :"Chị có biết HMT bị phung không?" MC mới chắc chắn.

Sau đấy MC ra dạy ở trường Hồng Đức, HMT ra vào Qui Nhơn – Phan Thiết thường xuyên vào mỗi cuối tuần. Một dịp đi chơi lầu Ông Hoàng, HMT thổ lộ mối tình với MC. MC từ chối, viện lẽ tôn giáo khác nhau, nhưng thật ra vì biết Tử mắc bệnh hiểm nghèo, không thể sống lâu được. Tuy vậy hai người vẫn giao thiệp thân mật trong hơn hai năm... sau đó MC mới đi lấy chồng...

MC không phải là mối tình đầu của HMT. Khi làm ở sở Đạc Điền,HMT yêu một thiếu nữ con ông Thương tá Hoàng Phùng, giám đốc sở Địa Chánh, nhà ở cùng đường Khải Định

với HMT. Tên nàng là Hoàng Thị Kim Cúc, không đẹp nhưng thùy mị và có duyên. HMT yêu tha thiết nhưng vì tính vốn rụt rè nên chỉ đứng xa mà ngắm và bộc bạch nổi lòng với thơ. Sau đây là bài "*Vịnh Hoa Cúc*" :

*Thu về nhuộm thắm nét tường hoa,*
*Sương điểm trăng lồng bóng thiết tha,*
*Vẽ mặt khác chi người quốc sắc,*
*Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.*

Và bài "*Trồng Hoa Cúc*" :

*Thích trồng hoa cúc để xem chơi,*
*Cúc ngó đơn sơ, lắm mặn mòi,*
*Đêm vắng gần kề say chén nguyệt*
*Vườn thu vắng vẻ đủ mua vui...*

Thời bấy giờ phong trào lãng mạng tuy đã bành trướng khắp nơi, song ở Qui Nhơn ảnh hưởng vẫn còn chưa sâu sắc. Cho nên cách tỏ tình cần phải kín đáo. Hai bài thơ trên phản ảnh thái độ yêu đương của thanh niên thời bấy giờ mà HMT là một.

HMT thôi làm việc ở sở Đạc Điền để vào Saigon làm báo với Thúc Tề thì lại gặp MC, và khi HMT trở về Qui Nhơn để xuất bản tập "*Gái Quê*" thì Hoàng Kim Cúc đã theo gia đình về Huế, sau khi cụ Hoàng Phùng về hưu trí.

Khi HMT đau nằm ở Qui Nhơn, theo lời đề nghị của Hoàng Tùng Ngâm, anh em chú bác với Kim Cúc ở cùng nhà và cũng quen biết HMT, Kim Cúc có gởi vào tặng HMT một tấm "carte postale" hình "cô gái Huế" với lời mời "ra chơi Vỹ Dạ".

Tạ lòng tri kỷ, HMT gởi tặng lại một bài thơ nhan đề là "Đây Thôn Vỷ Dạ":

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ,*
*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên,*
*Vườn ai mướt qua ! xanh như ngọc !*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lời gió, mây đường mây,*
*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...*
*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*
*Có chở trăng về kịp tối nay ?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa*
*Áo em trắng quá nhìn không ra*
*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,*
*Ai biết tình ai có đậm đà ?*

Người gốc ở Qui Nhơn tôi có hân hạnh được biết chị Kim Cúc vì chị là bạn thân của chị ruột tôi. Ở Qui Nhơn lúc đó chị tôi học đàn tranh với một thầy đờn có tiếng ở Bình Định do thân phụ tôi mời xuống dạy. Lóp đàn tranh tổ chức tại nhà tôi, gồm có 4 người theo học : chị tôi, chị Kim Cúc và hai chị em cô Mỹ Thiện và Mỹ Thuận, con của ông họ Cung làm Tòa sứ. Ông họ Cung mất vợ sớm sau tục huyền với một bà vợ rất trẻ, chỉ hơn hai chị em cô Mỹ Thiện, Mỹ Thuận độ mươi tuổi, vì thế mối liên lạc dì ghẻ con chồng không được đằm thắm cho lắm. Sau khi học đàn tranh độ một năm thì cô Mỹ Thiện buồn chuyện gia đình, uống thuốc độc tự tử, và cô Mỹ Thuận cũng thôi học đàn từ đó. Chỉ còn lại chị tôi và cô Kim Cúc tiếp tục học cho đến khi ông Hoàng Phùng về hưu và gia đình dọn về Huế, ở xóm Vỹ Dạ.

Đầu niên-khóa 1948-49 tôi về Huế ghi danh học tại trường Khải Định. Lúc đó quân Pháp còn chiếm giữ trường Khải Định, nên trtường Đồng Khánh thành trụ sở của cả hai trường : Khải Định ở bên tay mặt, Đồng Khánh bên trái, cột cờ ở giữa sân. Mỗi sáng học sinh hai trường cùng chào cờ một lần trước khi vào học.

Tết năm ấy, GS. Ngô Văn Hân không về Quảng Trị để ăn Tết, mà lại ở Huế, trên lầu 3 trường Khải Định. GS. Hân rủ

chúng tôi đến ăn cơm tối và đón Giao Thừa. Chỉ có 3 người nhận lời : Vĩnh Ấn, hiện nay là một họa sĩ ở Paris, Vương Hữu Thiều sau học Ecole Navale de Brest, làm Đại tá Hải quân vừa tạ thế cách đây mấy năm tại Orange Co. và tôi. Tối hôm đó sau khi đón Giao thừa, uống hết một chai "cognac" rồi xoay ra đánh "các tê" mãi đến 2,3 giờ sáng mới đi ngũ. Gần sáng lúc đang ngũ ngon thì chúng tôi bị GS.Hân dựng dậy nói với giọng gắt gỏng :"Cậu nào đã treo cái quần lãnh đen trên cột cờ ? Mau xuống tháo ra đi !". Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau thì mệ Vĩnh Ấn đứng dậy càu nhàu :"Cứ để đó sáng mai tháo cũng được chứ có sao đâu.". "Không được, phải tháo ngay, để ban ngày người ta thấy thì sinh chuyện to đấy ! GS. Hân nói tiếp.

Sáng mồng Một Tết, trong khi ăn điểm tâm thì chúng tôi mới vỡ lẽ ra là tối hôm trước khi chúng tôi ngũ say, Vĩnh Ấn đã lần xuống lầu đi qua bên Đồng Khánh chui vào bếp đinh làm ma dọa Cô Thanh, hiệu trưởng ở bên đó. Bất ngờ Mụ Tôn đi vắng, nên lấy cái quần lãnh đen đem ra treo ở cột cờ cho vui. Câu chuyện đến đây là hết, cả ba chúng tôi đều giữ kín vì thấy lối nghịch đó hơi quá đáng. Tuy nhiên một số học sinh của hai trường, nhất là bên Đồng Khách biết được chút ít, nên cố tìm để biết : Ai đã treo *cấy chi* trên cột cờ tối Giao thừa năm 1948 ?

Mười năm sau, lúc tôi đi du học về và phục vụ tại Viện Đại học Huế, Tết năm 1958 tôi đến thăm cô Kim Cúc lúc đó là giáo sư nữ công gia chánh, và ở trên lầu 3 trường Đồng Khánh. Lúc ra về, Cô níu tay tôi và nói : "Văn nì ! Chị có chuyện ni muốn hỏi em, liệu em có trả lời được không ?". Tôi đáp :"Chị cứ hỏi".-Chị muốn biết AI đã treo CẤY CHI trên cột cờ trường Đồng Khánh tối giao thừa năm 1948 ? – Em cũng có chuyện muốn hỏi Chị, nếu Chị trả lời thì sau đó em sẽ trả lời câu hỏi của Chị. Chị nói :"Em hỏi đi !".Tôi cười tủm tỉm nhìn thẳng vào mặt Chị rồi hỏi :"Em muốn biết Chị có yêu HMT không ?"

Câu hỏi thật bất ngờ, Chị đỏ mặt, sau vài phút đắn đo, Chị nói nhỏ nhẹ :"Hỏi chi mà lạ rứa. Chị không trả lời mô !".Tôi cười xí xóa :"Nếu Chị không trả lời câu hỏi của em, thì em khỏi trả lời câu hỏi của Chị".

Sau đó tôi gặp Chị nhiều lần khác nhưng không bao giờ nhắc đến HMT nữa.

Chính trong lúc phục vụ tại Viện Đại học Huế mà tôi có dịp gặp lại chị Mỹ Thuận, lập gia đình với ông Ưng Cán, một công chức cao cấp tại Tòa Đại biểu Chính phủ Trung phần mà ông Hồ Đắc Khương là Đại biểu. Khi Thái tử Thái Lan cùng phu nhân đến viếng Viện Đại học Huế, Tòa Đại biểu Chính phủ có tổ chức một bữa tiệc lớn để khoản đải Hoàng Tử Thái Lan và mời bà Mỹ Thuận đến biểu diễn đàn tranh. Do dó nên tôi mới có dịp gặp lại "Chị Mỹ Thuận" ngày xưa...

Người yêu HMT sau Mộng Cầm là cô giáo Lê Thị Ngọc Mai tức Mai Đình nữ sĩ. Nguyên thân sinh MĐ là viên chức tỉnh Thanh Hóa chuyển vào làm việc ở Tòa sứ Phan Thiết.Mối tình đầy huyền thoại và lãng mạn giữa MĐ và HMT là ở Qui Nhơn trong những năm nhà thơ bị bệnh nặng nhất.

Khoảng cuối năm 1937, MĐ đến Qui Nhơn cùng với người bạn là Trần Kiêm Mỹ để thăm Tử. Tử không tiếp. Song để đáp lại tấm lòng người phương xa, Tử gởi tặng nàng một tập "*Gái Quê*"

Ở Nha Trang MĐ được giới thiệu vói Quách Tấn do một ngươi bạn.. Nàng nói chuyện rất tự nhiên như với người quen biết từ lâu. Nàng tỏ thật nổi lòng cùng Quách Tấn : lúc đầu biết Tử thì hết sức thương cảm, nhưng sau khi đọc tập "*Gái Quê*" thì nàng yêu Tử vô cùng. Bài "*Biết Anh*" làm tặng Tử, nhờ Quách Tấn đưa lại có những câu :

*Còn anh, em đã gặp anh đâu,*
*Chỉ cảm vần thơ có những câu,*
*Âu yếm say sưa đầy cả mộng*
*Xui lòng tơ tưởng lúc đêm thâu...*

Tử xúc động,làm bài "*Lưu Luyến*"tặng MĐ, nhờ Quách Tấn trao lại :

*Chẳng gặp nhau mà đã biệt ly,*
*Hồn anh theo dõi bóng em đi*
*Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,*
*Lưu luyến bên em chẳng nói gì.*

Mùa Xuân 1938 MĐ lại đi ngang qua Qui Nhơn, ghé lại thăm Tử lần nửa, nhưng Tử vẫn không tiếp. MĐ ngở rằng Tử không muốn nàng trông thấy "tấm thân bệnh tật". Nàng viết thư cho HMT :"Nếu anh không mắc bệnh này thì Mai không bao giờ lại thăm đâu. Đã tưởng tượng bao nhiêu cái rùng rợn của người đau bệnh ấy rồi, nên không sợ, Cứ cho gặp đi."

Nhận thấy mối chân tình của nàng, hai bà chị của Tử khuyên Tử "không nên xử tệ" với người có lòng chiếu cố đến mình. Về sau lúc MĐ đến thăm, Tử vui vẻ ra tiếp. Tử tiếp MĐ đâu hai lần trong năm 1938.

Năm 1939 MĐ lại đến thăm Tử một lần nữa. Lần này nàng xin phép thân mẫu Tử cho ở chơi cùng hai chị của Tử trong vài hôm. Nàng chỉ ở có hai hôm. Trong hai hôm đó nàng thường chuyện trò cùng Tử. Vốn biết bà cụ tuy hiền nhưng rất nghiêm, nên dù yêu Tử đến đâu nàng vẫn giữ theo khuôn phép Tử rât cảm động. Khi từ biệt nhau Tử tặng nàng một bài thơ có nhiều câu thống thiết :

*Cười cho lắm cho dầm dề nước mắt,*
*Chết ruột gan mà ngoài mặt như không*
*Anh nhìn MAI mà chua xót nửa tấm lòng.*
*Không biết nói làm sao cho dạ diết.*

. . . . . .. . . . . . . . . . .

*Đây Mai Đình tiên nữ ở Vu Sơn*
*Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt,*
*Nàng, ôm nàng hai tay ta ghì chặt,*
*Cả bài thơ êm mát lạ lùng thay !*
*Ta là người uống muôn hận sầu cay,*

*Nàng là mật của muôn tuần trăng mật*
*Ôi ! khoái trá thấm dần vô thể chất !*
*Hồn trong xương ảnh hưởng đến mê tơi*
*Quí như vàng, trọng như ngọc trên đời !*
*MAI, MAI, MAI là Nguyệt Nga tái thế ...*

Mai Đình đền thăm Tử lần ấy là lần cuối cùng.

Đi ngang qua đời tình ái của HMT, đồng thời cùng MĐ còn một người nữa. Đó là Lê Thị Ngọc Sương.

Ngọc Sương người Thu Xà, tỉnh Quang Ngải, là dì ruột Mộng Cầm và chị ruột thi sĩ Bích Khê. Hai chị em lúc bấy giờ mở trường dạy học ở Phan Thiết. Bích Khê quen HMT rồi trở nên thân thiết là do Mộng Cầm giới thiệu.

Khi MC đi lấy chồng, Bích Khê rất buồn. Để an ủi Tử, Bích Khê nghĩ ra một kế.

Năm 1938 Bích Khê ra thăm Tử, tặng Tử một tấm hình bán thân của Bích Khê chụp chung với chị, và giới thiêu Ngọc Sương với Tử. Ngọc Sương là người có hoc thức, có dung mạo phảng phất giống Bích Khê.

Vốn yêu Bích Khê, Tử yêu luôn người phảng phất giống Bích Khê nhưng không dám nói ra. Một hôm ngồi ngắm bức ảnh, Tử không cầm lòng được thốt ra bốn câu thơ :

*Ta đề chữ NGỌC trên tàu lá*
*SƯƠNG ở cung Thiềm nhớ chẳng thôi*
*Tình ta khuấy mãi không thành khối*
*Nư giận đòi phen cắn phải môi.*

Bích Khê nghe được nhưng giả lơ không hay biết và cũng không nói cho chị biết. Câu chuyện không lọt ra ngoài vòng gia đình, và mãi đến gần một năm sau Ngọc Sương mới biết do MĐ đã đọc bài thơ kia cho Ngọc Sương nghe. Nàng không hiểu vì sao Tử lại biết mình và yêu "bất ngờ: như thế. Mới gạn hỏi Bích Khê, và Bích Khê phải thú thật về tấm ảnh.

Qua năm 1940, Tử gặp một nguồn tình cảm mới mà Tử gọi là "nguồn thơ bất tuyệt", "nguồn thơ vĩnh viễn" : đó là Thương Thương. Đây là một nữ sinh 15 tuổi ở Huế, em ruột Trần Tái Phùng và cháu gọi Trần Thanh Địch bằng chú. Nhận thấy Mông Cầm đi lấy chồng, để lại trong tâm hồn Tử một khoảng trống mà Mai Đình không thể lấp nổi,Trần Thanh Địch mượn tên Thương thương giới thiệu cùng Tử và nói rằng đó là một giai nhân rất yêu thơ Tử.

Thỉnh thoảng HMT nhận được đôi bức thư của Thương Thương, viết theo lời chú dặn, lời lẽ đoan chính. Chỉ nghe cái tên kiều diễm, chỉ đọc đôi hàng chữ thân thương, mà Tử đem lòng yêu tha thiết. Tử tưởng tượng Thương thương là một nàng tiên đẹp tuyệt vời, một người hoàn toàn và cũng yêu chàng vô hạn.

Chỉ trong vòng nữa năm, nguồn thơ Thương Thương đã giúp HMT soạn được một tập thơ, trước định lấy tên "*Thương Thương*" nhưng sau đổi lại là '*Cẩm Châu Duyên*" và hai vở kịch là "*Duyên Kỳ Ngộ*" và "*Quần Tiên Hội*"

Thơ tromg "*Cẩm Châu Duyên*" nhẹ nhàng và trong sáng. Tình trong "*Cẩm Châu Duyên*" là tình thơ mộng nhưng đậm đà. Còn "*Duyên Kỳ Ngộ*" và "*Quần Tiên Hội*" là hai giấc mộng tình mà nhân vật không ai nào khác là tác giả và Thương Thương.

Cốt truyện "*Duyên Kỳ Ngộ*" đại khái như thế này :

"Thi sĩ đi tìm nguồn thơ, lạc vào một nơi tiên cảnh. Đương khi thi sĩ say sưa cùng những cảnh vừa kiều diễm vừa thanh tao của Tạo vật, thì một tiên nga trong trắng và ngây thơ xuất hiện : Thương Thương.

Hai bên găp nhau, tình thanh ý thắm, trao đổi dưới một trời châu gấm, đầy nhạc, đầy hương, đầy lời chim cùng tiếng suối phụ họa. Nhưng thi sĩ sực nhớ đến hoàn cảnh mình, liền từ biệt tiên nga, ra đi với tấm lòng khô héo.

"*Quần Tiên Hội*" cũng là một giấc mộng, tiếp theo giấc mộng "*Duyên Kỳ Ngộ*'. Đại ý rằng : Thương thương vốn là một nàng tiên tên là Quỳnh Tiên. Nàng cùng các tiên nữ Hoa Khôi, Nguyệt Tiên, Thiềm Tiên... lập Quần Tiên Hội. HMT không chịu cảnh chia ly cùng Thương Thương, bèn đi tu. Chàng thành chánh quả, cải trang làm tiên nữ, lấy tên là Huyền Tiên, và xin gia nhập Quần Tiên Hội.

Chư tiên mở tiệc Bàn Đào. Rượu say, chư tiên xuống tắm dươi hồ sen thơm ngát. Huyền Tiên lấy cớ say quá không tắm. Tắm xong các tiên nữ bước lên bờ đua nhau mặc xiêm áo rồi bày cuộc khiêu vũ. Quỳnh Tiên vốn biết Huyền Tiên là người tri kỷ của mình cải trang, bèn đến mời. Huyền Tiên hội ý, ra khiêu vũ cùng Quỳnh Tiên.

Huyền Tiên và Quỳnh Tiên vừa múa vừa trao đổi tâm tình. Sung sướng quá thành mê mẩn, ôm nhau hôn đắm đuối ! Thế là vô ý để lộ chân tướng của Quỳnh Tiên...."

"*Quần Tiên Hội*" còn một đoạn chót nữa. Tác giả đã lập ý và bố cục xong xuôi, thì Trần Tái Phùng, anh lớn của Thương Thương, viết thư yêu cầu HMT ngưng viết tiếp "*Quần* Tiên Hội". Tử quăng bút không vết nữa, và mối tình Thương Thương cũng chấm dứt từ đấy...

Thời gian này, thân phụ của Thương Thương là ông Trần Thanh Đạt đang làm Tuần Vũ tỉnh Bình Thuận, và có lẽ vì danh giá gia phong của gia đình quan lại nên Trần Tái Phùng mới yêu cầu Tử ngưng viết "*Quần Tiên Hội*".

Người ta tưởng "*Quần Tiên Hội*" không bao giờ được hoàn thành, nhưng một kỳ diệu đã xãy ra cho HMT và nền thi ca của nước Việt. Nhân ngày giổ HMT lần thứ năm mươi (1990) tác giả Huỳnh Hay (tức GS. Hoàng Minh Thức) đã cho độc giả biết trong tuân báo *Công Giáo và Dân Tộc* số 782 lã có nhà thơ Đơn Phương (Trần Hồng Phương) đã tiếp tục và

hoàn tất "*Quần Tiên Hội*". Đầu năm 1960 Đơn Phương mắc bệnh phung, nhập trại Bến Sắn một lần với Nguyễn Văn Xê (người bạn của HMT ở Qui Hòa) Từ năm 1972 đến 1988 Đơn Phương đã hoàn thành bản thảo "*Quần Tiên Hội*" và năm 1991 nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh đã in tập kịch thơ này, với lời giới thiệu của GS.Võ Long Tê, một chuyên gia về HMT hiện ở Gia nã Đại.

Cuối tháng 9 năm 1940, HMT nghe lời khuyên của anh rễ là ông Bữu Dõng, lúc đó là y tá bệnh viện Qui Nhơn, vào nhà thương Qui Hoà và 52 ngày sau (11 thang 11 năm 1943) từ giả cõi trần không một người thân quyến hay người yêu thương bên cạnh.

Ngày hôm sau, khi được tin HMT qua đời, bà thân cùng chị Như Lễ, chị thứ hai của Tử vào thăm và dự lễ an táng tại nghĩa trang các người phung ở Qui Hòa, dưới gốc một cây dương liễu lớn. Sau đó các bạn bè lần lượt đến thăm, có cả Trần Thanh Mại đến để kiếm thêm tài liệu viết quyển sách về HMT. Mai Đình là người yêu độc nhất đến thăn mộ Tử mấy tháng sau đó.

*Mộ phần Hàn Mạc Tử*.- Năm 1955 Quách Tấn vào Qui Hòa thăm lại mộ HMT. Bà phước nuôi nấng HMT và anh Nguyễn Văn Xê, tuy đã qua đời, mộ Tử vẫn được các bà chăm sóc ky càng. Quách Tấn bàn cùng gia đình lo việc cải táng. Việc cải táng đã thực hiện ngày 13 tháng 1 năm 1959. Hiện nay mộ HMT nằm trên một quả đồi ở Gành Ráng, có đường xe ô tô chạy ngang dưới chân đồi, người xa mến cảnh có thể đến viếng mộ một cách dễ dàng./.

Orange Co. tháng 7 năm 2006.

## Tài-liệu tham khảo :

Quách Tấn.- *Đôi nét về Hàn Mạc Tử* (hồi ký).- NXB Quê Mẹ, Paris : 1988

Quách Tấn(Quách Giao sưu tầm và biên soạn)-*Bóng ngày qua* NXB Văn Nghệ. Thành phố HCM : 2001

Trần Thanh Mại.- *Hàn Mạc Tử.*- NXB Tân Việt

Lữ Huy Nguyên.-*Hàn Mạc Tử, Thơ và Đời.*- NXB Văn Học . Hà Nội : 2003

Mã Giang Lân.- *Thơ Hàn Mạc Tử và Những lời bình.*- NXB Văn Hóa ,- Hà Nội : 2003

Nguyễn Thụy Kha.- *Hàn Mạc Tử, Thi-sĩ Đồng trinh.* NXB Đà Nẳng : 1993

Huyền Vũ.- *Hàn Mạc Tử, Qua những Cuộc Tình* .- Tác-giả tự xuất bản.- Texas : 2006

*

*   *

# NHỚ HÀN MẶC TỬ

*NGUYỄN VĂN XÊ*
Trích hồi ký

Buổi sáng mùa thu ngày 20 – 9 – 1940. Nơi nhà thương Nam ở Quy Hòa những bệnh nhân già yếu đang run lên vì gió lạnh từ ngoài biển thổi vào. Mẹ Juetta người phụ trách nhà thương Nam đẩy chiếc xe đi băng bó vết thương của từng bệnh nhân với những thao tác nhẹ nhàng và nụ cười tươi vui, lời thăm hỏi đầy thân ái. Bỗng có tiếng thắng xe ô tô trước cổng. Các bệnh nhân người đứng nhìn ra cửa sổ, người nhanh chân chạy ra gần chiếc xe. Anh em còn trong nhà thì bàn tán: "Chà, ai vô đây ? Già hay trẻ ? Bệnh nặng hay nhẹ ?". Còn mẹ Juetta lẹ làng chạy ra cửa tiếp hồ sơ nơi tay bác y tá đứng tuổi với nụ cười và lời cảm ơn. Ngoài sân bác tài xế già cũng đã mở cửa nhưng người bệnh đó như bị tê hai chân nên gắng gượng lắm mới đứng lên được, đầu gối run run bước từng bước một tay bám vào xe cho khỏi ngã. Mẹ Juetta: "Mau đưa tay cho mẹ đỡ xuống con". Mẹ nói và bước tới xốc đỡ người bệnh xuống đất một cách nhẹ nhàng. Theo bàn tay dìu đỡ của mẹ, người bệnh cố đi như lết, đầu cúi xuống trước bao cặp mắt dán vào cái hình hài gầy gò nhỏ thó Kia là ai ? Từ đâu tới ? Đến giường số 3 Mẹ dừng lại, nhìn hồ sơ và nói: "Trí, đây là chỗ của con". Tôi ôm mớ hành lý gói bằng giấy báo cũ của Trí để lên đầu chiếc tủ con rồi tiếp tay với anh lao công trải chiếu chăn cho Trí. Làm xong tôi nói với Trí khi đó đang đứng vịn vào giường run run : "Anh Trí lên giường nằm cho khỏe". Trí gật đầu rồi rút đôi chân sưng đen ra khỏi đôi ba ta trắng cũ rích đã ngã sang màu vàng xám có mùi hôi thối - đã bị đạp nhẹ ở cuối gót thành dép lê để xỏ chân. Mẹ Juetta bưng lên một tách lớn đầy sữa nóng và múc từng muỗng cho Trí uống. Trí e ngại nói: "Xin mẹ để con tự bưng uống được". Mẹ lắc đầu nói : "Không được, để mẹ đút cho con uống, vì sữa nóng sẽ làm con phỏng tay". Rồi mẹ sung sướng mĩm cười thấy Trí cố gắng cạn

ly sữa. Mẹ nói : "Con nằm nghỉ, chút nữa ăn cơm". Trí lễ phép : "Con cảm ơn mẹ". Khi mẹ Jetta quay về phòng thuốc rồi, mọi người quan sát thấy Trí mặc đồ ba bà trắng, khoác chiếc veston màu trắng bám đầy bụi đường, cổ choàng chiếc khăn lông trắng.Trí trang phục rườm rà thế nhưng vẫn không sao che nổi tấm thân gầy còm, ốm yếu. Trí để nguyên quần áo nằm lên giường lim dim mắt.

Đến 11 giờ tiếng trống báo hiệu giờ cơm trưa, tôi đến bên giường Trí nói : "Anh Trí ra dùng cơm trưa". Trí mệt nhọc gượng ngồi dậy nói : "Cám ơn anh tôi sẽ ra" rồi cố gắng khập khiễng lê từng bước ra bàn ăn và cố gắng ăn nửa chén cơm chan canh rau. Tôi đã đoán ngay Trí không đá động đến món cá biển tuy hôm ấy cá rất tươi ngon. Mẹ Juetta thấy Trí ăn quá ít nên đã đến ép Trí cố gắng ăn thêm, nhưng Trí vẫn một mực từ chối : "Thưa mẹ, cảm ơn mẹ, con đã no lắm rồi !". Sau bữa ăn, tôi đem đến cho Trí một chén trà nguội, và đưa trí về giường rồi tôi mới về.

15 giờ hôm ấy tôi trở lại và trò chuyện với Trí, để tìm hiểu. "Tôi là Nguyễn Văn Xê, người Huế, vào trại đã hai năm. Hiện đang giúp việc cho các mẹ". Trí cười : "Tôi là Trí, Nguyễn Trọng Trí, chắc anh Xê nghe giọng nói cũng biết là người ở gần Huế." Tôi cười vui : "Vậy thì anh Trí ở Quãng Bình hay Quãng Trị phải không ?". Trí gật đầu cùng với tiếng cười, tôi lại nói : "Tôi còn nhỏ lắm, mới 21 tuổi thôi, xin anh Trí hãy gọi bằng em cho thân mật". Trí lại lắc đầu : "Xin anh Xê đừng quan tâm chuyện tuổi tác, tôi cũng còn nhỏ mà". Tôi lại tò mò : "Vậy anh Trí năm nay bao nhiêu tuổi ?" Trí nói nhỏ vừa đủ tôi nghe : "Hai mươi tám". Tôi cười vui nói: "Vậy là làm anh đúng rồi". Trí không chấp hay phủ nhận mà lại hỏi tôi : "Nhà anh Xê ở mô ?" Tôi trả lời ngay : "Ở bên Lào, tận Savanakhet. Còn anh ?". Trí có hơi xúc động trong giọng nói : "Nhà tôi ở ngay Qui Nhơn". Nghe vậy tôi không giấu được sự ngạc nhiên liền hỏi : "Ở ngay Qui Nhơn mà anh không vào đây ngay chữa trị ?". Sau câu hỏi này của tôi thì Trí lộ vẽ xúc động với đôi mắt long lanh buồn thảm : "Tôi nghĩ không bao giờ mình bị bệnh này anh Xê à". Tôi buộc miệng nói ngay : "Uổng quá".

Thấy mình lỡ lời nên tôi vội vàng nói thêm : "Nhưng cũng không muộn màng gì đâu anh Trí, anh yên tâm chữa trị vài tuần thì sẽ thấy khỏi ngay". Trí lúc này thật buồn, nói như bị nấc cụt: "Tôi tuyệt vọng rồi hy vọng. Hy vọng rồi tuyệt vọng đã mấy năm nay rồi". Thấy thế tôi vội an ủi: "Bây giờ anh phải hy vọng vì chữa thầy đã đúng chỗ rồi". Trí cũng rầu rầu nói với vẽ mặt không tin tưởng : "Khắp các tiệm thuốc Bắc và các ông bà thầy thuốc Nam ở Bình Định tôi đến chữa không sót một người mà càng ngày thân thể ra thế này". Thấy câu chuyện không ngờ làm Trí buồn lòng, tôi nói vài lời an ủi Trí rồi tạm biệt Trí đi về cho Trí được thảnh thơi nghỉ ngơi, tránh cảm xúc.

Thấm thoát thời gian trôi mau, Trí vào Quy Hòa đã được ba tuần lễ. Nhờ sự chăm sóc chu đáo, tận tụy của các nữ tu dòng thánh Francois D'assise. Đặc biệt là mẹ Juetta phụ trách nhà thương Nam là người lo lắng cho Trí nhất, nên bệnh tật Trí thuyên giảm rõ rệt.

Trí và tôi thường nói chuyện với nhau và có lần Trí thổ lộ tâm tư đôi chút : "Tôi đến Quy Hòa này là nơi có bãi biển, rừng dừa xanh, núi non hùng vĩ, cù lao xanh huyền ảo, đặc biệt là tình người, nên tôi được hưởng cái bình an của nội tâm, cái thanh thản của nguồn vui tưởng như đã chết trong tôi khi ở thôn Tấn đầy đau khổ, nghèo túng".

Cả buổi trưa đến tối ngày 30-1-1940, tôi bận việc nên sáng hôm sau mới hay Trí đi kiết đến kiệt sức không thể đi nhà thờ. Khi tôi đến thăm Trí thì thấy anh phờ phạc, xanh xao nhiều lắm, đề nghị xin mẹ Juetta cho anh vào trong phòng liệt cho tiện. Trí có nói với tôi là từ khi mắc bệnh cũng như khi vào Qui Hòa ngày ngày Trí ăn thịt heo nạc kho tiêu với cơm hoặc cháo. Tôi để ý điều này đúng y như vậy, cứ mỗi tuần lễ thì có anh Hành là người nhà mang từ Qui Nhơn vào thịt heo kho tiêu, thứ thịt heo nạc không mỡ được rang mặn đựng trong chiếc cà men nhôm

Rồi suốt hơn một tuần lễ từ 30-10-1940 đến 7-11-1940 bệnh kiết lị của Trí vẫn không giảm mà có phần tăng thêm, nên trông Trí người khô đét, gầy guộc xanh xao trông đến thảm não.

Đêm 8-11-1940- phiên trực của tôi. Lúc 21giờ, Trí đột nhiên ngồi dậy lấy từ trong áo gối ra hai tập giấy đánh máy đóng rất đẹp rồi hỏi tôi : "Anh Xê đã có tình yêu chưa?". Câu hỏi bất ngờ quá, nhưng tôi vẫn trả lời : " Từ nhỏ tới giờ tôi chỉ có một tình yêu duy nhất đối với Thiên Chúa mà thôi". Trí gật đầu rồi lấy cây bút chì cùn trong túi áo veston ra ghi vài dòng chữ như sau : "*Thơ Cầu nguyện* để tặng anh Xê - Francois Trí". Rồi anh ghi tiếp tập thơ *Đời* để tặng anh Phạm văn Trung, rồi đưa cả hai tập thơ và nói : "*Thơ Cầu nguyện* là tặng anh, còn T*hơ Đời* là tặng anh Trung, nhờ anh đưa giúp". Thú thật, lúc ấy tôi không thể nói một lời, dù là một lời cảm ơn thông thường nhất, tay cứ mân mê hai tập thơ mỏng độ ba bốn mươi trang.

Đêm ấy Trí đi tiêu rất nhiều lần, mỗi lần đi có một chút đờm và vài giọt máu. Trí mệt lả bước không nổi tôi phải dìu đi rồi dìu về giường nằm. Đêm càng khuya thì sức tôi càng mệt nên tôi đã ngủ quên chắn cả lối đi, không ngờ trong lúc ấy Trí tuột xuống giường đi không nổi…

Sáng 9-11-1940 sau khi khám bệnh mẹ Juetta bưng chén thuốc cho Trí uống xong nói : "Chiều nay có xe đi mời cha tuyên úy vào xức dầu cho con". Trí cúi đầu và dạ rất nhỏ.

Sáng 10-11-1940, lúc 6giờ 45 phút Cha cho Trí chịu phép xức dầu và rước lễ. Nguyên ngày hôm ấy Trí vẫn đi tiêu nhưng tôi thấy tinh thần Trí tươi tỉnh khi nói chuyện với tôi. Tôi hỏi Trí có cần gì thì cứ thành thật bảo tôi. Trí đọc cho tôi hai địa chỉ cần báo tin khi Trí đã chết :

1. Trần Thanh Mại - Trésor - Huế
2. Quách Tấn - Résident - Nha Trang

Tôi hỏi Trí có cho gia đình biết tin không, thì Trí nói : "Rồi anh Hành sẽ vào, và dĩ nhiên mẹ và gia đình tôi tất biết".

Đêm ấy tôi trực với mẹ Juetta và xơ Julienne. Chúng tôi có đến thăm Trí ba lần, và lần thứ ba lúc khoảng ba giờ thì xơ Julienne cho biết từ giờ đến sáng Trí sẽ chết.

Ngày 11-11-1940 Trí đã tắt thở. Sau khi báo tin cho các mẹ, tôi và anh em cùng giúp thay quần áo cho Trí và khâm liệm. Xong xuôi đâu vào đó thì các anh em bệnh nhân đến đọc kinh cầu nguyện. Khi ấy tôi thu gọn "tài sản" của Trí gồm một bộ bà ba trắng cũ, một veston cũ, một đôi ba ta sắp hư, một gói con con, một cuốn sách dày 200 trang của Rouseau và một bài văn tiếng Pháp viết bằng bút chì, mà lúc thay đồ cho Trí tôi lấy ở trong túi áo ra xem qua, đó là bài văn "La pureté de l'âme" (Sự trong sạch tâm hồn). Và tuyệt nhiên không có một xu hào nào trong túi Trí từ khi vào cho đến chết.

Trên đường trở về nhà thương, vừa đi tôi vừa suy nghĩ về Trí, về sự khiêm nhường của Trí la từ ngày vô cho đến chết Trí chưa hề nói tiếng Pháp với bất cứ mẹ nào. Lúc nào tôi cũng là người thông ngôn. Biết Trí làm thơ, viết văn thì tôi lại càng áy náy hơn nhưng thật sự tôi vẫn chưa hề biết Trí là nhà thơ có tiếng tăm ngoài đời.

Sau khi Trí chết chôn ba ngày thì anh Hành theo thường lệ hàng tuần đem thịt heo nạc kho tiêu vào cho Trí mới được tin Trí qua đời. Qua ngày hôm sau mẹ và chị Lễ của anh Trí tức tốc vào Quy Hòa. Tôi hướng dẫn gia đình Trí đi thăm mộ. Nơi đây tôi không thể cầm được giọt lệ trước người mẹ khóc đứa con yêu, một người chị khóc em trong buổi chiều mùa đông se se lạnh. Mẹ Trí khóc thật nhiều rồi ôm lấy tôi nói lời đầy uất nghẹn: "Xê ơi, bà đã già trước tuổi vì đời của bà đã mấy lần tang tóc, đã rơi không biết bao nhiêu là nước mắt".

Giờ đây, ôn lại ngày mẹ và chị Lễ lên thăm mộ Trí tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ :

*"Một mai kia, ở bên khe nước ngọc*
*Với sao sương anh nằm chết như trăng*
*Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc*
*Đến hôn anh và rửa vết thương tâm".*

Tôi đã chứng kiến có một mẹ tiên và một chị tiên da đến khóc nức nở bên mộ Trí.

Sau khi Trí chết, tôi theo di ngôn gửi thư báo tin ngay cho Trần Thanh Mại và Quách Tấn. Một ngày cuối hạ 1941, tôi đang ở nhà riêng thì có người xuống gọi bảo tôi lên hướng dẫn cho thân nhân anh Trí ra thăm mộ. Tôi vội vã lên nhà dòng thì gặp một đôi thanh niên nam nữ. Tôi hướng dẫn họ đi ra nghĩa trang. Có điều tôi lấy làm lạ là người thanh nam thì im lặng cúi đầu đếm bước, người thanh nữ kia thì đã khóc tự lúc nào nên tôi quay về ngay, vì bận nhiều công việc, tuy có thấy cây thánh giá mộ anh Trí đã rút ngã bên đường. Bây giờ nhờ Phạm Xuân Tuyền trực tiếp gặp bà Mai Đình tôi mới biết người thanh nữ khóc nức nở lúc đó là bà Mai Đình và người thanh niên là bạn trai làm ngành đường sắt ở Quy Nhon "hộ vệ" bà vào Quy Hòa.

Đầu mùa thu 1941 tôi đang làm việc thì mẹ Nhì Maria Venant, phó giám đốc gọi tôi lên nhà dòng gấp. Mẹ chỉ người đang ngồi trong phòng khách là một thanh niên tuấn tú, ăn vận Âu phục trắng trông rất lịch sự : "Đây là ông Trần Thanh Mại ở Huế vào gặp con". Tôi gật đầu chào thì ông Mại lịch sự đứng dậy bắt tay tôi nói : "Rất hân hạnh và vui mừng được gặp anh Nguyễn Văn Xê".Và tôi, qua cái xiết tay của ông Mại cũng đáp lễ : "Dạ, tôi cũng rất hân hạnh được gặp ông".

Chúng tôi đi thăm mộ Trí, và trên đường đi ông Mại hỏi tôi rất nhiều về Trí, từ lúc mới vào đến khi yên giấc ngàn thu. Vì ông nói chính mẹ Juetta đã nói rằng chỉ có tôi là biết rõ nhất về sinh hoạt của Trí và hiện tôi là người đang giữ tập thơ di cảo của Trí. Tôi thủy chung như nhất, kể rành rọt khúc chiết về những ngày Trí ở Quy Hòa cho ông Mại nghe, vì tôi nghĩ chính Trí đã căn dặn ở "di ngôn" phải báo ngay cho Trần Thanh Mại và Quách Tấn biết là Trí đã chết ngày tháng nào. Sau khi nghe tôi kể rồi, thì ông Mại đứng trầm tư mặc niệm trước mộ Trí. Qua những phút suy tưởng ông Mại hỏi tôi : "Anh Xê, tập thơ *Cầu nguyện* hiện nay là của anh nhưng vì sự nghiệp thi ca của Trí ngày mai, nên tôi xin anh cho tôi mượn một thời gian ngắn để làm tài liệu nghiên cứu". Tôi sốt sắng trả lời ông Mại ngay: "Thưa ông, tôi rất sẵn lòng đưa ngay cho ông mượn, nhưng rất tiếc là tôi đã trao cho dượng rể tôi là nhà văn Bùi Tuân hồi cuối hè vừa rồi". Ông Mại nghe tôi nói rồi gật đầu, nhưng nét mặt

biểu hiện nhiều suy nghĩ, nên ông lại hỏi tôi tiếp : "Còn tập gọi là *Thơ Đời* của Trí thì để tặng cho ai như lúc nãy anh nói với tôi". Tôi trả lời : "Đó là anh Phạm Văn Trung, cũng là một bệnh nhân ở đây và có mở một quán hàng nhỏ tạp hóa". Ông Mại nhíu mày hỏi tôi như ngạc nhiên :"Anh Xê có hiểu nguyên nhân nào Trí đã tặng anh Trung tập *Thơ Đời* không?".Tôi đã rõ là ông Mại hiểu lầm nên tôi giải thích : "Sở dĩ tập Thơ Đời tặng anh Trung là vì Trí hỏi tôi yêu đời hay yêu đạo, tôi trả lời là yêu đạo, nên Trí mới ghi tặng tôi tập *Thơ Cầu nguyện*, và dĩ nhiên tập *Thơ Đời* thì Trí phải để tặng anh Trung". Nhưng ông Mại vẫn còn thắc mắc: "Ông chủ quán tên Trung có liên quan gì đến Trí mà sao tôi không nghe các mẹ khi nãy nói đến". Tôi phải thêm một lần nữa giải thích: "Anh Trung có mở quán bán tạp hóa nên từ ngày Trí vào cho đến chết, anh luôn luôn chăm sóc Trí bằng cách cung cấp nước trà sớm trưa chiều tối, và thỉnh thoảng đôi ba ngày gói ít bánh kẹo cho Trí ăn chơi". Lúc này ông Mại gật gật đầu :"À! À! Ân đền oán trả mà. Tôi hiểu, tôi hiểu lòng Trí lắm". Sau khi ở nghĩa trang về, tôi đưa ông Mại đến quán anh Trung và sau khi nghe lời giới thiệu đôi bên của tôi và lời yêu cầu của ông Mại thì anh Trung mở ngăn bàn, ngăn tủ kiếm để cuối cùng đưa ra tập giấy pelure trắng mỏng đã bị xé rách hơn phân nửa. Anh Trung nhìn đôi tay ông Mại nâng niu lật từng trang mà lắp bắp như người có lỗi : "Thưa thầy, tôi không ngờ nó quý để giữ cẩn thận, nên tôi dùng bừa bãi quá, xin thầy tha lỗi cho!". Ông Mại cầm tập thơ xem tới xem lui rồi hỏi : "Các trang bị xé rách anh còn giữ được không?". Anh Trung trả lời như người bị bệnh : "Dạ, không dám giấu thầy, tôi thấy giấy tốt quá nên quấn thuốc hút và dùng gói tiêu, tỏi bán hàng". Nói vừa dứt anh chạy đến rổ tiêu, tỏi và mau tay bóc ra hết rồi gom lại từ từng góc,từng phần nửa tờ pelure . Ông Mại cầm tờ giấy mà không nén được tiếng thở dài rồi hỏi tiếp : "Anh Trung, anh cố nhớ những tờ giấy như thế này còn ở đâu nữa không ? Anh hãy gắng tìm giùm cho Trí đi". Anh Trung loay hoay như gà mắc đẻ, lục lọi tìm kiếm một lần nữa ở quán anh, và rồi với hai bàn tay đã cong, anh vung lên phân bua : "Thưa thầy, tôi nói thật nếu có điều gì không phải xin thầy tha lỗi cho". Thấy anh Trung như thế nên ông Mại với nụ cười nhẹ nói : "Anh cứ nói sự thật". Anh Trung nghe nói

như vậy nên hớn hở ra mặt :"Thú thật với thầy là nhựt trình mắc quá nên tôi thỉnh thoảng cũng làm giấy đi tiêu".Nghe xong lời anh Trung tôi thấy mặt ông Mại đổi sắc nhưng giọng nói vẫn ôn tồn : "Thường thì mấy anh đi tiêu ở mô?". Tôi và anh Trung cùng chỉ tay về mấy hàng dương xa xa và nói : "Dạ ở trên lũy ngoài đó". Ông Mại hướng về phía chỗ chúng tôi chỉ, và thở dài lắc đầu chịu thua khi ông nghĩ những tờ giấy pelure mỏng đã bị tách rời khỏi tập thì chắc chắn đã bị những cơn mưa mùa đông, mùa xuân miền Trung xóa nhòa tan nát vụn vặt hay, hay bị cái gió núi, gió biển thổi tung bay muôn hướng. Sau khi biết không hy vọng kiếm tìm gì hơn nữa nên ông Mại đã đi lên chào các mẹ và dạo một vòng ngắm Quy Hòa trong buổi hoàng hôn rồi đi bộ về Quy Nhơn.

Sau cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, ở bệnh viện Quy Hòa xảy ra nhiều việc lộn xộn nên tôi xin xuất viện.

Ngày 17-10-1945, tôi ở ga xe lửa Quy Nhơn chen lấn mua vé đi Sài Gòn. Sau khi mua xong vé tôi lên toa hành khách thì thấy người và hàng chật như nêm, đứng nhìn dáo dác một hồi, tôi đến bên một ông khách mặc Âu phục rất chỉnh tề, lịch sự, và có để kế bên một chiếc cặp da lớn. Tôi lễ phép hỏi : "Thưa ông, nếu có thể cho tôi ngồi ở nơi chiếc cặp da này?". Ông khách quan sát tôi nhưng không nói, chỉ lẳng lặng cầm chiếc cặp da lên cho tôi ngồi xuống đó. Khi xe lửa bắt đầu chuyển bánh thì ông khách mở cặp da lấy một cuốn sách và xoay lưng lại đọc, nên tôi được dịp coi ké. Những dòng chữ đầu dán vào mắt, tôi run lên vì quá rõ ràng : "*Thơ Cầu nguyện để tặng anh Xê-Francois Trí*". Từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, trừ lúc ăn ngủ, tiểu tiện, còn thì giờ khác thì tôi tranh thủ "coi cọp", và lúc ông khách không xem thì tôi mượn coi. Khi đến ga Mường Mán của Phan Thiết thì tôi đã xem hết cuốn "*Thân thế và thi văn Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mại".

Nhờ may mắn xem cuốn sách nên tôi mới biết anh Trí là nhà thơ Hàn Mặc Tử đã có danh tiếng lúc chưa mắc bệnh và ông Mại là một nhà văn nghiên cứu, phê bình, viết truyện ký...

Mường tượng lại sinh hoạt của Trí trong những ngày sống ở Quy Hòa, thú thật tôi chưa bao giờ nghe Trí nhắc đến một nàng con gái nào, chứ đừng nói là kêu gào, than khóc, nhớ thương, mộng tưởng như trong thơ Hàn Mặc tử.

Và tôi chưa hề thấy Trí khóc lần nào dù chỉ là một giọt lệ âm thầm. Mà nếu có chăng thì đó là tiếng khóc thời còn ở ngoài đời hoặc họa có chăng thì chỉ là sự giấu giếm nơi lòng Trí mà thôi.

Nói đến cái chết thì tôi thấy Trí rất tỉnh táo, không lo sợ mà sốt sắng dọn cho mình chớ không như những lời ảm đạm thê lương, luôn bị tử thần ám ảnh, hù họa ngày vĩnh biệt nên lòng luôn luyến tiếc trần thế như Trí đã làm lúc chưa vào Quy Hòa.

Và trong những ngày ở Quy Hòa tôi cũng không bao giờ hình dung được một tấm thân nhỏ thó, gầy còm là một bợm nhậu hay ít nữa là cũng là một người biết uống rượu. Thế mà đến giờ đây đọc thơ Hàn Mặc Tử chúng ta thấy nhan nhản những từ say và say.

Còn nói đến cử chỉ hành động bộc lộ ra ngoài mà tôi và mọi người thấy rõ ràng nhất là Trí trong những ngày giờ biết mình sắp chết thì rất sốt sắng lo về phần hồn của tôn giáo, nên Trí rất thích nói về Đức mẹ Maria đầy ân phước...

(Trích **Tạp chí Sông Hương** - Số 26)

# HÀN-MẶC-TỬ
## VỚI MỐI TÌNH THÔN VỸ

***GS. Hoàng Công Duyên*** (Úc Châu)

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*
*Có chở trăng về kịp tối nay?*

Hơn một nửa thế kỷ nay, mến mộ thơ văn Hàn Mặc Tử (1912-1940) một số bạn bè gần gũi, nhiều nhà văn thơ, nhà nghiên cứu phê bình đã viết nhiều bài, nhiều tác phẩm về nhà thơ tài hoa mệnh bạc này. Những lý giải xúc tích về một hồn thơ dị biệt đã được nêu lên, nhìn ngắm từ nhiều khía cạnh, tùy theo cảm nhận riêng của từng người viết.

Một người say mê nghệ thuật như Hoài Thanh, tác giả cuốn *Thi Nhân Việt Nam*, đã để ra "ngót một tháng trời để đọc thơ văn HMT, từ lối thơ Đường đến vở kịch bằng thơ *Quần Tiên Hội* và đã cảm thấy mệt lả", vì tâm hồn nhà thơ này có một sắc thái gì đó rất dị thường. "dễ sợ", làm cho độc giả phải bối rối, khó tiếp cận những câu thơ trong cõi mộng khó khăn khúc mắc.

Tả một đám mây in hình dưới dòng nước:

*Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng*
*Trôi thây về xa tận cõi vô biên.*

Mượn lời thơ để tả sự đau đớn của mình:

*Ta muốn hồn tràn ra đầu ngọn bút:*
*Mỗi lời thơ đều dính não của ta*
*Bao nét chữ quay cuồng như mửa vọt*
*Như mê man chết điếng cả làn da.*

Phạm vi bài viết này chỉ nhắm trước hết trình bày mối tình thôn Vỹ - mối tình của Tử với Hoàng Cúc - được coi như là một trong những tư liệu tuyệt hảo để thơ Tử ào ạt tuôn trào như thác lũ trên giấy : *Đừng nắm lại nguồn thơ ta đương siết,*
*Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.*

Những khía cạnh khác lý thú: Đau thương và sáng tạo - Hồn thơ dị biệt - Tính cách tân kỳ trong thơ - Những khát khao

siêu hình trong thơ Tử... tùy theo cơ duyên, sẽ xin lần lượt trình bày những lần sau.

ĐÔI NÉT VỀ TIỂU SỬ.

Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sanh 22-9-1912 tại Lệ Mỹ, Đồng Hới, bên bờ sông Nhật Lệ, con thứ tư của ông Nguyễn Văn Toản mất năm 1926 lúc mới 45 tuổi, là một viên thông phán sở Thương Chánh và mẹ là bà Nguyễn thị Duy mất năm 1951 tại Gò Bồi, Qui Nhơn, thọ 71 tuổi, một từ mẫu suốt đời tận tụy nuôi sáu đứa con với một tình yêu bao la, nhất là đối với Tử, con người gầy yếu, "vặt vẹo" từ nhỏ. Suốt đời niên thiếu, Nguyễn Trọng Trí theo cha đi làm việc nhiều nơi như Đồng Hới, Sa Kỳ 1920, Qui Nhơn - Bồng Sơn 1921-1923, trở lại Sa Kỳ, Quảng Ngãi năm 1924. Chính ở đây, Trí đã nhiều đêm đi qua và thưởng ngoạn mê say cái động cát rất đẹp về đêm có cái tên huyền diệu là Sa Kỳ mà Trí dùng làm chất liệu sau đó để viết lên bài *Chơi Giữa Mùa Trăng*, một bài thuộc loại thơ xuôi được coi như là trác tuyệt trong nền văn chương nhân loại cả về nội dung lẫn hình thức.

Sau khi thân sinh mất, Trí được thân mẫu gởi ra học trường dòng Pellerin, Huế. Tại cố đô này, Trí có nhiều dịp thưởng ngoạn vùng trời thơ mộng của núi Ngự, sông Hương, Kim Long. Đập đá, thôn Vỹ... mà các nhà thơ dân gian dùng làm nguồn thi hứng:

*Thuyền từ Đông Ba, thuyền qua Đập Đá*
*Thuyền từ Vỹ Dạ, xuống Ngã Ba Sinh*
*Là đà bóng ngã trăng chênh*
*Giọng hò xa vọng nhắn tình nước non.*
Ca dao.
*Ôi Vỹ Dạ! Sao quen thân đến thế?*
*Thiên Mụ chuông chùa như tiếng gọi quê hương...*

NHỮNG BÚT HIỆU

Hàn Mặc Tử có khiếu thơ văn rất sớm. Khi mới lên mười lăm. Tri lấy bút hiệu là Minh Duệ Thị để ký dưới những bài thơ Đường luật đầu tiên mà Tri hay xướng họa với người anh

cả Nguyễn Bá Nhẫn (bút hiệu Mộng Châu), với người bạn thân Quách Tấn và có lần với cả Cụ Phan Bội Châu... Như tiên tri được cái thân phận đau thương, bi đát, cô đơn, gió bụi của mình mà Tử lấy bút hiệu tiếp theo là Phong Trần, Lệ Thanh và sau cùng mới đổi là Hàn Mặc Tử (anh chàng bút mực), cái tên bất tử, chói sáng trong thi giới từ đó đến nay.

Hồi mới 15,16 tuổi, Tử đã sáng tác bài *Vội Vàng Chi Lắm*, ký bút hiệu Minh Duệ Thị để họa lại bài thơ của anh ruột Mộng Châu:

*Vội vàng chi lắm nhạn lưng mây*
*Chầm chậm cho mình gửi mối dây*
*Về đến Thần Kinh khoan nghỉ đã*
*Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay*
*Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi*
*Chỉ một lòng son muốn giãi bày*
*Này nhạn! Ta còn quên chút nữa*
*Con tim non nớt tặng nàng đây.*

Lời thơ thật trong trẻo, nhẹ nhàng, thanh thoát.
Trong *Lệ Thanh thi tập*, thơ Đường luật của HMT thật tuyệt bút. Đặc biệt có hai bài thơ "*Cửa Sổ Đêm Khuya*" và "*Đi Thuyền*" HMT làm lúc mới 17,18 tuổi, có thể đọc được 6 cách: đọc xuôi, đọc ngược, bỏ 2 từ đầu đọc xuôi và đọc ngược, bỏ 2 từ cuối đọc xuôi và đọc ngược.

CỬA SỔ ĐÊM KHUYA

*Hoa cười, nguyệt rọi cửa lồng gương*
*Lạ cảnh buồn thêm nỗi vấn vương*
*Tha thướt liễu in hồ gợn bóng*
*Hững hờ mai thoảng gió đưa hương*
*Xa người nhớ cảnh tình lai láng*
*Vắng bạn ngâm thơ rượu bẽ bàng*
*Qua lại yến ngàn đâu à lá*
*Hoa đàn sẵn cõi để bên nương.*

ĐI THUYỀN

*Bèo trôi nước dợn sóng mênh mông*
*Cỏ mọc bờ xa bóng liễu trông*

*Chèo vững thiếp qua nơi khổ hải*
*Giữ bên chàng đến vận trung không*
*Theo lần nguyệt xê mây mù mịt*
*Họa đáp thẳng reo trăng não nùng*
*Neo thả biết đâu nơi định trước*
*Bèo trôi nước dợn sóng mênh mông.*

Trong thi giới có mấy ai làm thơ đọc được 6 cách như thế này ?

Tất cả thơ Đường của Tử ký dưới bút hiệu Minh Duệ Thị. Phong Trần, Lệ Thanh đều xuất sắc lỗi lạc.

Những năm theo học trường Pellerin, Huế, Tử đã nhiều lần xướng họa với cụ Phan. Bài thơ Thức Khuya ký bút hiệu Phong Trần, đăng trên báo Tràng An, được cụ Phan khen ngợi hết lời:

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng*
*Thức chi mình ta dạ chẳng an*
*Bóng nguyệt leo song rờ rẫm gối*
*Gió thu lọt cửa cọ mài chăn*
*Khóc giùm nhân thế hoa rơi lệ*
*Buồn giúp công danh để dạo đàn*
*Chỗi dậy nân na vài điệu cũ*
*Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

(Thức khuya)

Cụ Phan đánh giá lời thơ già dặn, sắc sảo, nồng nàn, thấm đậm tình yêu non nước.

## MỐI TÌNH VỚI HOÀNG CÚC

Hàn Mặc Tử là một nhà thơ tài hoa, lãng mạn, yêu thích những mối tình thơ mộng, thiết tha. Anh bắt đầu biết yêu khi tiếng tăm lẫy lừng, thơ anh được đăng tải nhiều trên các mặt báo.

Sau khi đi học Huế về lại Qui Nhơn, Tử xin vào làm sở Đạc Điền năm 1933 do cụ Thượng tá Hoàng Phùng, thân phụ Hoàng Thị Kim Cúc làm Giám Đốc. Thời gian này Tử đã để ý đến Kim Cúc và bắt đầu làm quen với một số bạn bè yêu thích văn thơ như Bùi Tuân, Hoàng Diệp, Hoàng Tùng Ngâm (anh húc bá với Kim Cúc), Chế Lan Viên, Thúc Tề, Yến Lan và Quách Tấn.

Bản tính của Tử trầm mặc xa vắng, rụt rè, e thẹn. Nói đến tình yêu là Tử đỏ mặt. Hằng ngày, ngoài thơ mình, Tử thích ngâm những câu thơ trong Kinh Thi:

*Khoan khoan thư cựu, tại hà chi châu,*
*Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu...*

Anh quan niệm tình yêu là sự trìu mến, khắng khít bên nhau như đôi chim thư cưu, và giai nhân phải là trang thục nữ yểu điệu, thướt tha, tương thân nhị tương kính. Tử yêu mê say, yêu ngất ngây một cô gái láng giềng thùy mị nết na, thoáng chút kiêu sa, ở cùng một con đường Khải Định, Qui Nhơn, chỉ cách xa nhà Tử vài ba căn phố: Cô Hoàng Thị Kim Cúc bút hiệu Hoàng Hoa nữ sĩ.

Đây là mối tình đầu da diết nhất của anh :

*Cái phút ban đầu lưu luyến ấy*
*Nghìn năm hồ dễ mấy ai quên*
(Thế Lữ)

Tử thương nhớ khôn khuây, một sự nhớ thương đơn phương, không được người trong mộng đáp ứng. Có những buổi, Tử ngồi lặng lẽ, thẫn thờ hằng giờ trên chiếc ghế mây trong nhà, sau bức mành tre trước cửa để đợi chờ nhìn ngắm giai nhân đi ngang qua. Trong bài Âm Thầm, Tử thổ lộ tâm sự chưa bao giờ tỏ bày :

*Em có ngờ đâu trong những đêm*
*Trăng ngã giải bóng mặt hồ êm*
*Anh đi thơ thẩn như ngây dại*
*Hứng lấy hương nồng trong áo em*
*Bên khóm thùy dương anh thiết tha*
*Bên ni bờ liễu anh trông qua*
*Say xưa vướng phải mùi hương ướp*
*Yêu cái môi hường chẳng nói ra...*
(Âm thầm)

Hoàng Tùng Ngâm bạn rất thân của Tử đã chuyển đạt đến Hoàng Hoa nỗi lòng rạo rực của anh :

*Thu về nhuộm thắm nét Hoàng Hoa*
*Sương đẫm trăng lồng bóng thướt tha*
*Vẻ mặt khác chi người quốc sắc*
*Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.*
(Vịnh hoa Cúc)

Tả cái dáng dấp đơn sơ, mặn mà của người yêu :

*Thích trồng hoa cúc để xem chơi*
*Cúc ngó đơn sơ lắm mặn mòi*
*Đêm vắng, gần kề say chén nguyệt*
*Vườn thu vắng vẻ đủ mua vui.*

(Trồng Hoa Cúc)

Bản tính rụt rè, sợ sệt, cố giữ cho trong trắng, đúng là "Kính nhi viễn chi", trái với sự liều lĩnh, táo bạo của "Vân Tiên ngồi núp gốc môn"...

*Bấy lâu sát ngõ chẳng ngăn tường*
*Không dám sờ tay sợ lấm hương*
*Xiêm đồ hôm nay tề chỉnh quá*
*Muốn đưa hồn Cúc ở trong sương.*

(Hồn Cúc)

Cái thái độ si tình, quá thật thà, đứng rũ buồn nghe ngóng trước thềm nhà của người yêu :

*Đêm nay ta lại phát điên cuồng*
*Quên cả hổ ngươi cả thẹn thùng*
*Đứng rũ trước thềm nghe ngóng mãi*
*Tiếng đàn the thẻ ở bên song.*

Bẵng đi một thời gian, Tử buồn tình bỏ Qui Nhơn năm 1935 vào Sàigòn làm báo với một số bạn hữu, rồi cuối năm trở về lại Qui Nhơn ăn Tết với mẹ. Lúc này triệu chứng bệnh phong đã được phát hiện trên nét mặt. Trí như phát điên lên và sự náo loạn tâm hồn này như là khởi điểm cho một nguồn cảm hứng mới sau đó. Thật "họa vô đơn chí", Tử mang thêm nỗi buồn ly biệt bởi người yêu ra đi. Cụ Hoàng Phùng thân phụ Hoàng Cúc về hưu trí. Hoàng Cúc phải theo gia đình về sống ở Vỹ Dạ, Huế :

*... Và được tin ai sắp bỏ đi*
*Chẳng thèm trở lại với tình si*
*Ta lau nước mắt, mắt không ráo*
*Ta tẩy tình nương, rửa biệt ly.*

Mối tình Thôn Vỹ cuối cùng tuyệt vọng, chôn kín trong lòng bởi vì một trở ngại to lớn là lương giáo hai đàng dị biệt, chứ không phải là lý do môn đăng hộ đối nào khac như Quách Tấn đã viết trong hồi ký của mình.

Năm 1936, sau khi biên chép, gom góp các thơ lại, với sự cố gắng tài chánh rất chật vật của gia đình. Tử đã xuất bản được GÁI QUÊ là một thi tập gồm những bài thơ do Tử làm khi còn khỏe, diễn tả những mối tình nhẹ nhàng man mác trong phong vị êm đềm của cảnh sác quê hương.

Trong dịp đi xem Hội chợ Huế năm 1936, Tử gặp lại Hoàng Cúc, chưa vui gặp gỡ, lại vội sầu chia phôi. Bản tính cố hữu của Tử vẫn nhút nhát, sợ sệt. Thay vì giao tặng thi tập *Gái Quê* cho người mình nhớ yêu "chưa đã, nói chưa bưa " (1), thì Tử lại giao cho các em Hoàng Cúc. Những năm 1937 trở đi, bệnh tình của anh "khi đầy khi vơi" như tùy theo con trăng tròn, khuyết, phải chạy chữa khắp nơi. Đâu nghe có thầy thuốc giỏi là anh tìm đến, nhưng vẫn tiền mất tật mang. Điều lạ thường nơi anh: bệnh càng nặng, thể xác càng nhức nhối đê mê, rũ liệt đau thương lên đến giai bậc tận cùng, hồn lìa khỏi xác nhập vào cõi u linh, thì thơ Tử càng tuyệt vời, huyền diệu, diễm ảo. Người ta bảo Xuân Diệu là thi sĩ của tình yêu. Nguyễn Bính là nhà thơ hương đồng cỏ nội, Vũ Hoàng Chương là nhà thơ say v...v... thì Hàn Mặc Tử đáng là nhà thơ đau thương, đau thương triền miên suốt một đọan đời. Đau thương mang một nội dung xung cảm (ambivalent) nơi con người HMT: nó làm cho nhà thơ suy nhược thể xác, nhưng làm lớn dậy tâm hồn ông. Đau thương chính là các tác nhân thiên tài của HMT vậy.

Năm 1939, bạn thân của Tử là Hoàng Tùng Ngâm viết thư về Huế cho Hoàng Cúc biết Tử đau nặng lắm rồi và khuyên Cúc nên viết thư thăm an ủi một hồn thơ đang đau khổ với bệnh nan y, đang cô đơn trong một lều tranh, trên một chõng tre, cách ly với thế gian để chữa bệnh. Hoàng Cúc vô cùng xúc động và theo thơ viết ngày 11-5-1988 gởi cho anh ruột Hoàng Tùng huynh trưởng trong gia đình, chị Cúc kể rõ sự thật rằng "Hồi em ở Qui Nhơn với ba, HMT có để ý đến em, nhờ Ngâm hỏi ý kiến em, Ngâm không hỏi. Anh ta kiếm cách gặp em kể lể nỗi niềm, em thấy trước là câu chuyện không đi đến đâu, nên em từ chối. Câu chuyện chỉ có chừng nấy, em yên trí là không liên quan gì đến nhau nữa. Không dè thi sĩ cứ thầm yêu trộm nhớ, làm thơ tặng rồi nhờ bạn bè tặng sách báo cho em, em vẫn cứ im lặng, không trả lời trả vốn, đến khi nghe anh ta bị bệnh nan y, em rất xót thương cho con người tài hoa bạc phận, và để an ủi một tâm

hồn tha thiết yêu đương đang vô cùng đau khổ, em gửi cho anh ta hai hàng chữ hỏi thăm sức khỏe viết trên một cái "các" 6x9, phong cảnh hoàng hôn thành phố Huế, mua tại nhà chụp bóng Tăng Vinh. Trong ảnh có mây nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước. Sau khi nhận được tấm phong cảnh đó, thì anh ta gởi bài thơ "*Ở đây thôn Vỹ Dạ*" tặng em. Thư đi thư về đều qua tay Ngâm chuyển... Sau khi nhận bài thơ tặng, em cũng nín luôn, không thư từ gì cho thi sĩ nữa. Qua năm sau 1940, được tin HMT mất tại Qui Nhơn.

Sau khi HMT qua đời, Ngâm mới kể rành mạch nỗi lòng của Tử đối với em, rồi giao cho em tất cả thơ văn của HMT có nói đến em. Em hết sức cảm kích và vô cùng ngậm ngùi "(trích bài "*Hôm Nay Có Một Nửa Trăng Thôi*: của Nguyễn Tường, *Tiéng Sông Hương*, trang 102-107, Dallas, Texas 1991).

Sự thật quá rõ ràng mà Hoàng Cúc đã im hơi lặng tiếng hơn nửa thế kỷ, khiến một số ngộ nhận đáng tiếc đã xảy ra trong giới thưởng ngoạn nghệ thuật.

Bài thơ *Đây Thôn Vỹ Dạ* có mặt trong tập *Thơ Điên* sau đổi là *Đau Thương*, nhưng chưa bao giờ bị liệt vào loại thơ điên. Nó thuộc loại bài trong sáng của đời Tử như *Mùa Xuân Chín*, *Tình Quê*... với từ ngữ bình dị, âm điệu quen thuộc, nhẹ nhàng, quyến rũ. Đây là một trong những bài thờ tình hay nhất của Tử, được Phạm Duy phổ nhạc, được các ca sĩ diễn ngâm, được đem ra bình giảng trong các trường Trung học, Đại học...

Thôn Vỹ Dạ nằm về hữu ngạn sông Hương êm đềm thơ mộng, chỉ cách cầu Trường Tiền không đầy nửa giờ tản bộ. Thôn Vỹ Dạ nổi tiếng từ xưa bởi vườn tược xanh tươi, mơn mởn những cây ăn trái, biệt thự cổ kính, duyên dáng, thấp thoáng dưới các màu xanh cây. Dân ở đây phong lưu, đài các, quý phái. Con gái Vỹ Dạ trang đài, thướt tha, đoan trang, phúc hậu. Từ Vỹ Dạ nhìn chênh chếch về phía chợ Đông Ba, ta thấy Cồn Hến nằm giữa hai nhánh sông Hương Giang nổi tiếng là cơm hến và bắp cồn là hai đặc sản Huế đã được ca tụng từ lâu. Do đó, ta không ngạc nhiên khi thấy nhiều học giả, nghệ sĩ tên tuổi đều có những bài khảo cứu, sáng tác mà xuất phát điểm ý tưởng, ý thơ đều này sinh từ thôn Vỹ thơ mộng này.

Bài thơ chỉ vỏn vẹn ba đoạn, mười hai câu. Đọc qua, tưởng chừng như ý tưởng rạc rời, không ăn khớp. Nhưng thẩm thức thấu đáo, ta thấy các câu, các đoạn, toàn bài ràng buộc chặt chẽ liền khối vào nhau thật ý vị. Không có câu nào lạc mạch, nằm ngoài "từ trường" cảm hứng của cây bút tài hoa.

Trong đoạn đầu, nhà thơ tự hỏi mình, như tự trách mình sao không về chơi thôn Vỹ để nhìn ngắm lại những cảnh sắc mơ màng xứ Huế mà Tử đã bao lần quyến luyến khi còn học ở trường dòng Pellerin :

*Sao anh không về chơi Thôn Vỹ?*
*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*
*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Buổi sáng sớm, ánh nắng mới chiếu long lanh trên những tàu cau xanh, còn ướt đọng sương đêm. Khách phương xa đến thấy hàng cau trước nhất vì cau thường cao vút lên trời. Ấn tượng cái nắng ở câu thơ trên rọi xuống màu xanh của vườn, nên tạo ra cái mướt xanh như ngọc, cái mướt xanh của vườn tược Vỹ Dạ. Tả vườn như câu thơ thư ba. Tử đã đạt đến mức độ tinh diệu, tài tình. Còn tả lá bằng một câu thơ rất tạo hình :

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

"Mặt chữ điền tiền rưỡi cũng mua", ông bà ta ngày xưa nói vậy để miêu tả gương mặt của những thục nữ đoan trang phúc đức, đôn hậu thấp thoáng sau những lá trúc, cành tre của thôn làng Vỹ Dạ nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Tiếp nối mạch cảm xúc của đoạn đầu, trong đoạn 2 tác giả nói đến tâm trạng chia ly bởi mộng ước không thành, như gió mây đôi ngã, bởi tôn giáo hai đàng khác biệt. Ta thấy ý câu thơ thứ nhất của đoạn 2 "Gió theo lối gió, mây đường mây" là đáp số, là trả lời cho câu thơ thứ nhất của đoạn 1. Đó chính là lý do tại sao Tử không về chơi thôn Vỹ :

*Gió theo lối gió, mây đường mây*
*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*
*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*
*Có chở trăng về kịp tối nay?*

Người buồn thì dòng nước Hương giang cũng buồn lặng lờ trôi về xa xăm, và hoa bắp Cồn Hến cũng đong đưa, lay động xót xa cho mối tình ngang trái. Hai câu thơ 3 và 4 của đoạn 2

"*Thuyền ai... kịp tối nay*" là hai câu thơ của cõi mộng, tuyệt diệu như thế này, đem ra phân tích một cách thực thà, sợ làm mất hồn thơ, mất con thuyền chở trăng trên sông trăng! "*Thuyền ai*" có thể là con thuyền mai mối, thuyền chở trăng nguyệt lão xe duyên. Vì tôn giáo dị biệt, thuyền đậu bến sông trăng không thể chở trăng theo nguyệt lão về xe duyên cho nhà thơ. Theo người em ruột Nguyễn Bá Tín, hai câu thơ 3 và 4 trong đoạn 2 này "có ý nghĩa là con thuyền ai cắm sào đợi đó, có chở trăng về tối nay cho HMT đỡ cô đơn", cho HMT lãng khuây phần nào mối tình gió mây đôi ngả, để rồi cứu rỗi linh hồn bất hạnh này không?

Trái tim khao khát yêu đương, Tử trút lên trang thơ những giấc mơ, mơ bóng khách má hồng đang ở dặm đường xa thẳm :

*Mơ khách đường xa khách đường xa*
*Áo em trắng quá nhìn không ra.*

Màu trắng ở đây là màu trắng của tâm tưởng. Màu trắng do kỷ niệm gợi lại một cách hư hư thực thực, tâm tưởng của Tử không nhìn ra, nhận rõ.

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

"Ở đây" không phải là ở tấm ảnh Hoàng Cúc tặng Tử, không phải là ở Gành Ráng (Qui Nhơn) nơi Tử đang đau khổ với bệnh hiểm nghèo, cũng không phải là nơi Thôn Vỹ của người yêu, mà chính là ở nơi mối tình này, mối tình đang là, đang hiện hữu, là một mối tình mong manh mờ ảo như sương khói làm nhạt nhòa người trong ảnh. Mạch ý câu thơ này chuyển sang câu thơ kế tiếp cũng là câu thơ cuối cùng của bài thơ :

*Ai biết tình ai có đậm đà?*

Em hiện diện ở ngay đấy, giữa cuộc đời mịt mờ nhân ảnh này, anh không biết tình em có sâu đậm như trước? Anh e ngại người con gái Huế vốn "trang nghiêm và trầm lặng, tâm sự nhiều mà ít hé trên môi". Ý thơ như nhắn nhủ, trách móc, chơi vơi, gợi mở một nỗi buồn rất nhẹ nhàng, thanh khiết mà sâu xa rộng mở đến vô cùng.

*Hàn Mặc Tử đã đi xa, xa mãi.*
*Nhưng bảy, tám tập thơ ông để lại cho đời*
*Như hương trầm ấm mãi giữa thế gian.*

Australia tháng 10-98

Trích "Đặc-san Lại-Giang
Xuân Kỷ-Mão 1999

*Chú Thích.*
(1).- Chưa bưa : chưa vừa, chưa đủ

**Ghi chú thêm**: Hoàng Cúc độc thân suốt đời, dạy nữ công gia chánh, nổi tiếng trường Đồng Khánh, bị tai nạn giao thông tại Sàigòn, đưa về Huế được mấy ngày thì mất.

Tang lễ tổ chức ngày 15-12-1989, một đám tang rất lớn ở Huế, có đông cựu nữ sinh Đồng Khánh và thầy giáo tham dự - Đoàn xe tang nối dài từ Đập Đá đến trường Quốc Học. Quanh xe tang đính nhiều câu đối ca ngợi phẩm hạnh của bà và các bài thơ của các nhà sư họa lại bài "*Ở đây thôn Vỹ Dạ*".



*Cô Hoàng Thị Kim Cúc*

**Sách Tham Khảo:**


- *Hàn Mặc Tử, thơ và đời*: Lữ Huy Nguyên, NXB Văn Học Hanoi 1993.
- *Đôi nét về Hàn Mặc Tử,* hồi ký: Quách Tấn, NXB Quê Mẹ, Paris 1988.
- *Thi nhân Việt Nam 1932-1941:* Hoài Thanh, Hoài Chân, NXB Văn Học, Hà Nội 1988.

- *Thành ngữ điển tích Danh nhân Tự điển*.- cuốn 1: Trịnh Văn Thanh, NXB Đại Nam, CA, 1966.
- *Chế Lan Viên Hàn Mặc Tử, Bình luận Văn học*: Vũ Tiến Quỳnh, NXB Văn Nghệ :1995.
- *Hàn Mặc Tử, thơ văn và cuộc đời*: Hồ Đình Chữ, NXB Dân Việt : 1997.
- *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*: Vương Trí Nhàn, NXB Hội Nhà Văn.- Hanoi 1996.
- *Hàn Mặc Tử trong Bảng Lược đồ Văn Học Việt Nam*: quyển hạ . Thanh Lãng.- Saigon. 1964.

# Hélène Péras và Hàn Mặc Tử.

*Thụy Khuê*

Cả cuộc đời ngắn ngủi, tan vỡ từ tuổi 24 vì bệnh cùi, Hàn Mặc Tử đã dành cho thơ, dành cho những tìm kiếm trinh trắng thiết tha giao hòa một tình yêu tuyệt vọng hướng về những người con gái đã xa, và cái cõi ngoài của tình yêu trần thế ấy, ở trong những bài thơ cuối cùng, Hàn Mặc Tử gọi là *Thượng Thanh Khí.*

Cho tới tận cùng của vô vọng, thơ Hàn luôn luôn là một êm ái dịu dàng, một ánh sáng vô minh, một niềm vui huyền diệu làm cho Hàn rung động đến phút cuối. Hàn viết: "Vườn thơ tôi rộng rinh không bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh".

Những lời trên đây của nhà xuất bản mà chúng tôi trích dịch ở bìa sau tập thơ *Le Hameau des Roseaux(1), Đây Thôn Vỹ Dạ,* như lời bạt (2), nói về nhà thơ mệnh yểu, mất năm 29 tuổi, mà Hélène Péras đã dịch, và dịch với những rung động đồng điệu của hai tâm hồn thơ, một Pháp, một Việt, gặp nhau trên cung bậc tha thiết và bí mật của thi ca.

Hàn Mặc Tử chúng ta đã biết, còn dịch giả là ai? Bà là ai mà hiểu Hàn đến thế? Ở đây chúng tôi không tìm đến những chữ hoặc những hình ảnh đôi chỗ còn có thể bàn lại, bởi vì biết dịch là khó, dịch thơ lại càng khó hơn. Và dịch thơ Hàn Mặc Tử không dễ dàng gì. Thường thường những nhà thơ lớn là những nhà thơ không thể dịch được. Nguyễn Du, từ Nguyễn Văn Vinh đến nay đã có biết bao nhiêu bản dịch Truyện Kiều sang tiếng Pháp, nhưng thường là các dịch giả mới chỉ viết thơ Nguyễn Du ra văn xuôi. Hôm nay, đối diện với *Le Hameau des Roseaux, Đây Thôn Vĩ Dạ*, độc giả có một tác phẩm của Hàn Mặc Tử được chuyển sang tiếng Pháp, dưới ngòi bút của nhà thơ Hélène Péras.

Tập thơ này, Hélène Péras đã dịch với sự cộng tác của Vũ Thị Bích, chứng tỏ mọi khó khăn rồi sẽ vượt qua với một tấm lòng, và từ nay, độc giả Pháp có thể tiếp cận với thơ Hàn Mặc Tử qua bản dịch, có lẽ là đầu tiên này.

Như chúng tôi vừa nói, dịch giả là một nhà thơ, nhưng trước đó, bà đã đi theo con đường triết học và y học, rõ hơn, Hélène Péras là bác sĩ phân tâm, luận án trình năm 1956 có tựa đề *La notion d'intuition en psychopathologle – Khái niệm trực giác trong Bệnh lý học tâm thần.* Thiếu thời đã làm thơ, nhưng nguồn thơ thực sự trở lại từ những năm 60. Tác phẩm đầu tiên của bà xuất hiện năm 1978, tựa đề *Resonances – Âm Vang*. Tác phẩm thứ nhì, năm 1983, *La mémoire et la voix – Ký Ức Và Tiếng Nói* (Arfuyen, 1998). Tập thơ mới nhất *Le dévoilement – Vén Màn,* ngó thấy một khoảng trời thơ mà chất mãnh liệt nằm trong cái dịu dàng. Trước những hình ảnh có thể là thơ mộng, Hélène Péras vén màn vào những đau thương không hiểu được của thế giới vô minh, vô định. Bài thơ tựa đề Việt Nam, làm năm 1993 trong tập thơ này, đã giao hưởng những khía cạnh dịu dàng, tha thiết mà trào máu ấy.

Việt Nam, Hélène Péras đã đến từ khi bà bắt đầu tìm hiểu tiếng Việt gần mười năm nay, chuyến đi Việt Nam năm 1993 âm ỷ từ lâu, đã làm bà xao động, và có lẽ từ đó mà có quyết định dịch thơ Hàn Mặc Tử chăng? *Le Hameau des Roseaux, Đây Thôn Vĩ Dạ*, là một công phu, một cố gắng trong năm năm trời, với 60 bài thơ chọn lọc trong các tập *Lệ Thanh thi tập, Gái Quê, Đau Thương, Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí*. Bài *Đây Thôn Vĩ Dạ*, thường được xếp vào phần *Hương Thơm* trong tập *Đau Thương,* được dịch giả xếp vào *Thượng Thanh Khí* (3).

Hélène Péras không chỉ có dịch mà bà đã nghiên cứu về Hàn Mặc Tử, về thơ mới một cách sâu sắc, tận tình. Cuối tập thơ là một tiểu sử Hàn Mặc Tử, vừa chính xác, vừa kỹ càng. Hélène Péras đọc và viết tiếng Việt thành thạo, nhưng khi nói bà còn gặp khó khăn với những cách phát âm, e rằng người nghe khó tiếp nhận, cho nên bà nghĩ có lẽ tốt hơn hết, bà nói tiếng Pháp, rồi chúng tôi chuyển sang tiếng Việt.

*Thụy Khuê: Thưa chị, lý do gì đã khiến chị tìm đến thơ Hàn Mặc Tử và không là một thi sĩ khác của Việt Nam?*

*Hélène Péras:* Tại sao tôi lại đến với thơ Hàn Mặc Tử? Mọi sự xảy ra như sau: Khi tôi bắt đầu tiếp cận tiếng Việt, tôi học với chị Vũ Thị Bích, bạn tôi, chị Bích đưa tôi đọc vài mẩu thơ của Hàn Mặc Tử và tôi cảm thơ ông từ đấy. Lúc ấy, tiếng Việt của tôi vẫn còn thô sơ, cho nên tôi phải học thêm, đào sâu thêm, và dần dần tiến thêm, tôi đọc được thơ Hàn Mặc Tử, sau đó tôi có ý định dịch và in tập thơ này, với sự cộng tác của chị Vũ Thị Bích, bởi vì, nếu không có chị thì chắc tôi đã không hoàn tất được tác phẩm này.

*TK: Chị và chị Vũ Thị Bích đã làm việc như thế nào?*

*HP*: Đây là một công việc dàn trải trên năm năm. Như tôi vừa nói lúc nãy, bước đầu là tự tôi, phải đọc và hiểu thơ Hàn Mặc Tử, nhưng dĩ nhiên, với khả năng tiếng Việt còn non yếu, tôi phải nhờ chị Bích giúp, nhất là khi tôi dịch mà vấp phải những từ Hán Việt, hoặc những từ không có trong từ điển, chị Bích đã giúp tôi tránh dịch phản nghĩa, điều đó rất quan trọng. Và trong việc chọn lựa 60 bài thơ, chúng tôi cùng chọn với nhau. Tại sao lại 60, mà không 70 hay 50? Là bởi tôi có tham vọng in cuốn thơ này vào năm 2000, năm giỗ thứ 60 của Hàn Mặc Tử. Lục tuần là một con số quan trọng trong tuổi thọ, tuổi đời đối với người Việt. Năm đó lại là năm Canh Thìn, và cả một chu kỳ vừa chấm dứt để bắt đầu một kỷ nguyên mới. Do đó, trong thâm tâm tôi muốn tặng tác phẩm này cho Hàn Mặc Tử ở sinh nhật lục tuần ngày ông ra đi, cho nên số 60 là sự lựa chọn có ý nghĩa huyền bí.

*TK: Tại sao chị lại chọn thể thơ tự do trong khi thơ Hàn Mặc Tử có vần điệu?*

*HP:* Đơn giản thôi: Bởi vì việc chuyển ngữ sang thơ Pháp có vần sẽ đưa đến rất nhiều phản nghĩa. Hơn nữa, cũng không thể chuyển từ một ngôn ngữ đơn tiết như tiếng Việt, với những câu thơ bảy chữ, tám chữ, sang một câu thơ tiếng Pháp

đều đặn, mà chữ Pháp như ta đã biết, thường đa tiết, làm như thế sẽ không tránh khỏi việc phá vỡ ý và lời thơ. Tôi nghĩ rằng trong việc dịch, chúng ta phải rất khiêm nhượng, cố gắng nói lên bằng giọng người dịch, cái tiếng của nhà thơ, chứ không được áp đặt một cách giả tạo những vần điệu không ăn nhập gì với ngôn ngữ thơ của tác giả.

Trong câu chuyện ngoài lề, Hélène Péras đã nói nhiều về trường thơ loạn, về Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê, như thế một dịch giả, ngoài việc tìm hiểu nhà thơ mà mình dịch, còn phải đi xa, đi càng xa càng hay, về những bối cảnh xung quanh nhà thơ, về thời đại của tác giả và về những người cùng thời với tác giả. Những nhận thức đó của Hélène Péras dẫn chúng tôi đến câu hỏi:

*TK: Chị nghĩ gì về "Trường thơ loạn", về những người bạn của Hàn Mặc Tử như Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê... mà chị rất biết về họ?*

*HP*: Thời kỳ ấy, như mọi người đã biết, là một thời kỳ lịch sử đầy xao động, khó khăn và những biến cố lịch sử kinh hoàng của thế giới đang ngấm ngầm chuẩn bị. Tôi rất xúc động nhìn thấy, giữa những xáo động ấy, có một nhóm người Việt trẻ tuổi, sau này trở thành nhóm nhà thơ trẻ Bình Định, xoay quanh Hàn Mặc Tử; họ trao đổi với nhau, đưa ra những tranh luận sôi nổi về thi ca, những người viết trẻ này rất quý mến nhau, họ say mê thể loại Thơ mới vừa ra đời ít lâu trước đó, nhưng phải nói là nhờ họ mà phong trào Thơ mới được mở rộng: những cấm kỵ, những niêm luật khắt khe của thơ đường luật đã tan vỡ để nhường chỗ cho một cách diễn đạt mới, một trữ tình cuồng nhiệt và thành thực, và tôi nghĩ rằng những điều đó rất đáng được chú ý. Trong số những người ấy phải kể Chế Lan Viên, Yến Lan, sau nữa là Bích Khê và Quách Tấn, bạn thân của Hàn Mặc Tử. Tuy Quách Tấn là một nhà thơ cổ điển, nhưng ông vẫn giữ mối liên lạc chặt chẽ với nhóm này. Hiện tượng những nhà thơ trẻ này cần được nghiên cứu một cách cẩn trọng, nhất là người ta tìm thấy trong ngôn ngữ thơ của Hàn Mặc Tử, những điểm mà người ta lại thấy trong cách diễn tả của những người khác. Ví dụ có

những điểm tương đồng trong thơ Hàn Mặc Tử và Bích Khê, Hàn Mặc Tử và Yến Lan. Tôi nghĩ rằng đây có một hiện tượng mà người ta gọi là *liên văn bản – l'intertextualité* rất thú vị.

*TK: Trong thơ Hàn Mặc Tử, chị có thấy một liên hệ tương quan nào đó giữa Hàn Mặc Tử và những thi sĩ lớn của Pháp, như Baudelaire chẳng hạn?*

*HP*: Tôi nghĩ rằng phải cân nhắc kỹ khi trả lời câu hỏi này. Dĩ nhiên là có dấu ấn của việc đọc những nhà thơ lớn của Pháp, những nhà thơ lãng mạn, hậu lãng mạn và tượng trưng. Nhưng nếu có những dấu vết ấy thì nó đã được tiêu hóa nhuần nhuyễn, được hội nhập sâu xa, trong tinh thần và cảm xúc thi ca Việt Nam. Chắc chắn là qua những tiếp xúc với các nhà thơ Pháp, có sự giàu thêm, phóng khoáng hơn, tự do hơn, về cách diễn tả những trữ tình và cảm xúc, nhưng ở Hàn Mặc Tử không bao giờ có sự bắt chước hay sao chép dưới bất cứ hình thức nào, mà ảnh hưởng này đã tan ra, biến vào thơ ông, để trở thành một nghệ thuật hoàn toàn Việt Nam.

Lúc nãy chị có nhắc đến Baudelaire, tất nhiên là có dấu vết Baudelaire, ngoài ra, chính Hàn Mặc Tử cũng đã giải thích điều đó trong một bài viết về quan niệm thơ của ông. Trong bài này, Hàn vừa công nhận món nợ với Baudelaire, lại vừa giữ khoảng cách với Baudelaire, mà theo ông tự nhận xét. thì những đam mê của mình nghiêng về tinh thần, còn ở Baudelaire, những đam mê nghiêng về thể xác. Dĩ nhiên là ở Hàn Mặc Tử cũng có những đam mê thể xác, rất mãnh liệt nữa, nhưng chúng luôn luôn hướng thượng, về phía đạo. Chúng ta đừng quên Hàn Mặc Tử là nhà thơ công giáo, và điều này là cốt yếu trong tác phẩm của ông, nhất là trong phần cuối, ông đã nuôi dưỡng nguồn thơ của mình, không những qua thi ca mà còn qua cả thánh kinh, phúc âm, qua các lễ thức thánh giáo nữa.

Câu chuyện đến đây đã dài, Hélène Péras muốn từ giã thính giả bằng hai bản dịch thơ mà chị đã lựa:

### Gái quê

Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự
Tôi đều nhận thấy trên môi em
Làn môi mong mỏng tươi như máu
Đã khiến môi tôi mấp máy thèm

Từ lúc tóc em bỏ trái đào
Tới chừng cặp má đỏ au au
Tôi đều nhận thấy trong con mắt
Một vẻ ngây thơ và ước ao

Lớn lên em đã biết làm duyên
Mỗi lúc gặp tôi che nón nghiêng
Nghe nói ba em chưa chịu nhận
Cau trầu của khách láng giềng bên.

**Hàn Mặc Tử**

### La jeune fille du village

Le printemps jeune, tendre, sage,
Je le reconnais sur tes lèvres,
Tes lèvres fines, éclatantes de vie
Qui font frémir les miennes de désir

Depuis le temps où tu laissais les mèches de tes cheveux
Frôler tes joues vermeilles
J'ai toujours vu dans tes yeux
L'innocence et l'espoir

En grandissant tu as appris le charme
Chaque fois que tu me rencontres tu te caches en inclinant ton chapeau
On dit que ton père ne consent pas encore
À recevoir de l'étranger voisin l'arec et le bétel.

**Hélène Péras dịch**

**Đây thôn Vĩ Dạ**

Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt qua xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa...
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?
**Hàn Mặc Tử**

**Voici le Hameau des Roseaux**

Pourquoi ne pas retourner au Hameau de Roseaux
Voir le soleil levant sur les rangs d'aréquiers
Un jardin tout luisant comme de jade vert
Le visage parfait au travers des bambous.

Le vent suit le chemin du vent, les nuages la route des nuages,
Tristesse de l'eau qui coule, frémissement des mais en fleurs,
À qui est cette barque à l'amarre là-bas aux rives de la lune
Et pourra-t-elle à temps la transporter ce soir?

Rêve le voyageur sur la route lointaine, lointaine...
Ta robe est par trop blanche, je ne la discerne pas
Ici les êtres sont voilés de brume et de fumée
Qui connait la profondeur d'un tel amour?
**Hélène Péras dịch**

**Thụy Khuê**
thực hiện, phát thanh trên đài RFI ngày 27/04/2002

1.Tập thơ song ngữ Pháp Việt do Hélène Péras và Vũ Thị Bích dịch, nhà xuất bản Arfuyen, Paris 2001.

2. Chú thích của Hélène Péras: Người xuất bản Gérard Pfister cũng là nhà thơ, đã viết lời bạt ở bìa sau.

3. Chú thích của Hélène Péras:
Trần Thanh Địch, trong Lời nói đầu tập *Đau Thương* (1993), khẳng định trên cơ sở bản gốc: "*Đây Thôn Vĩ Dạ*: Bài này Hàn Mặc Tử đặt vào tập *Thượng Thanh Khí*".

# PHẦN I

## ". . . .Chuỗi ngọc vàng kinh . . . "

*"Đây rồi. Đây rồi. Chuỗi ngọc vàng kinh*
*"Thơ cầu nguyện là thơ Quân Tử Ý*
Hàn Mạc Tử .- "Ave Maria"
(Xuân Như Ý)

# HÀN MẶC TỬ
# (1912-1940)
# Từ miền nhân sinh tới cõi thiên linh

*Lê Thiên & Lê Tinh Thông*

HÀN MẶC TỬ, người thanh niên 28 tuổi ốm yếu, bệnh hoạn, chết vì bệnh hủi ở trại cùi Qui Hòa, Qui Nhơn, Bình Định, nhưng thơ anh và tên anh dù trải qua bao sóng gió dập vùi vẫn sống mãi với đời, trong lòng người Việt Nam cũng như trên văn đàn và lịch sử dân tộc.

**Đôi dòng tiểu sử.**

Hàn Mặc Tử chính tên là Nguyễn Trọng Trí - Francois Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22-9-1912 trong một gia đình Công Giáo tại làng Lệ Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình, sau đó theo cha mẹ dời cư về các vùng Sa Kỳ, Bồng Sơn, Qui Nhơn thuộc tỉnh Bình Định. Thân phụ là Nguyễn Văn Toản mất sớm (1926) lúc Trí lên 14 tuổi, Trí được mẹ - bà Nguyễn Thị Duy, và anh cả - Nguyễn Bá Nhân, dạy dỗ.

Với sự dìu dắt của anh Nhân (bút hiệu Mộng Châu), Trí bắt đầu làm thơ Đường Luật, xướng họa với anh. Chọn bút hiệu Minh Duệ Thị, rồi Phong Trần.

Năm 1928, Nguyễn Trọng Trí đi học Trường Trung Học Pellerin của các Thầy Dòng La San tại Huế và thôi học trở về Qui Nhơn năm 1930. Hai năm sau, đi làm ở sở Đạc Điền Qui Nhơn, bắt đầu có thơ đăng ở các báo *Tiếng Dân* và *Phụ nữ Tân Văn.*, bút hiệu Lệ Thanh.

Năm 1935 (23 tuổi), vào Sài Gòn bắt đầu cuộc sống lãng du, phụ trách trang văn chương báo *Sài Gòn*, viết cho các báo *Công Luận, Tân Thời* và *Đông Dương Tạp Chí*. Bút hiệu Hàn Mạc Tử hay Hàn Mặc Tử xuất hiện từ dạo đó để sau này trở thành bất tử.

Năm 1937, xác định mình bị phong cùi, Hàn Mặc Tử cố ẩn mặt, cắt đứt quan hệ với bạn bè, tuy vẫn tiếp tục làm thơ gửi cho báo, hoặc tập hợp thành tập, như: *Thơ Điên* sau gọi là *Đau Thương* (1938), *Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí* (1939).

Năm 1940, đang say sưa viết *Cẩm Châu Duyên* (gồm một số bài thơ và hai vở kịch thơ *Duyên Kỳ Ngộ, Quần Tiên Hội*), Hàn Mặc Tử phải vào nhà thương phong Qui Hòa ngày 20-9-1940, chưa đầy ba tháng thì mất ngày 11-11-1940 sau khi lãnh nhận các Bí Tích sau hết.

**Văn nghệ sĩ đương thời và hậu duệ đánh giá thơ văn Hàn Mặc Tử**

Từ năm 1940, thơ Hàn Mặc Tử đã được một số người chú ý tới. Khen có, chê có. Nhưng càng về sau, càng đọc thơ Hàn Mặc Tử, người ta càng thấy thấm nguồn thơ và hồn thơ của anh. Và rồi cả công luận lẫn giới văn học đều nhìn nhận Hàn Mặc Tử là bậc thiên tài độc đáo nhất trên diễn đàn thi ca Việt Nam.

Người ta ca tụng thơ tình của anh, ngợi khen thơ lãng mạn của anh, tán dương những vần thơ điên, thơ loạn của anh. Có người - như Thế Phong (1), vinh danh anh là nhà thơ siêu thoát.

Có người - như Vũ Ngọc Phan (2), tung hô anh là nhà thơ V.N. đầu tiên đưa tôn giáo mình, đức tin của mình vào thơ.

Trọng Miên coi thi sĩ là bậc "thiên tài tử vì đạo đã truyền sang cho ta những rung động đê mê, những thanh thoát vô cùng, những say sưa điên dại" (3).

Hoài Thanh còn quả quyết: "Với Hàn Mặc Tử thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối người ta với Thượng Đế để ban ơn phước cho cả và thiên hạ" (4)

Đặng Tiến dành trọn một bài dài đăng trên *Tạp Chí Văn* ở Sài Gòn chứng minh "*Đức Tin Trong Hồn Thơ Hàn Mặc Tử*"*(5)*

**Nguồn cảm hứng thần nghiệm**

Chúng tôi không nghĩ là Hàn Mặc Tử đóng vai nhà "minh giáo" hay muốn làm việc truyền giáo trong khi làm thơ. Hàn Mặc Tử chắc chắn không hề có mục đích khoác áo thừa sai cho thi ca của mình. Ông làm thơ là vì "*hồn ông trào từ ngọn bút*" và rồi ngòi bút ông cứ thoăn thoắt chạy, tuôn ra những lời thơ mà kẻ phàm trần không bắt kịp. Chính bản sắc và giá trị thơ ông chuyên chở sứ mạng giới thiệu những nét thâm sâu của đạo thay ông. Phải chăng nguồn cảm hứng thần nghiệm (mystic experience) đã dẫn dắt Hàn Mặc Tử đúc kết nên những vần thơ "siêu thoát" tuyệt diệu ?

*Chuyện ông Gióp trong Kinh Thánh*

Xin phép dừng lại đây giây phút để chúng ta cùng hồi tưởng câu chuyện ông Gióp trong Kinh Thánh Cựu Ước. *Sách ông "Gióp"* là một thiên thi ca linh ứng. Thiên thi ca này kể lại câu chuyện một người tên Gióp giàu có, đông con, đông của, đông gia súc, đông người hầu hạ. Nhưng tai họa đã liên tiếp phủ xuống nhà ông. Hết cướp bóc tới thiên tai đã làm cho ông nhanh chóng tan gia bại sản. Cả con cái và gia nhân của ông cũng lần lượt theo nhau mà chết, kẻ thì bị cướp giết hại, người thì bị cuồng phong làm sập nhà, đè chết. Cuối cùng, tới phiên chính ông thân bại danh liệt. "Ông mắc phải chứng ung nhọt ác tính từ bàn chân cho tới đỉnh đầu. Ông ngồi giữa đống tro, lấy mảnh sành mà gãi" (Gióp 2, 7-8).

Ông Gióp tự mô tả tấm thân tàn của ông:

*Mùi hôi thối xông ra*
*Làm cho anh em tôi gớm ghiếc,*
*Thậm chí tôi bị bọn nhãi ranh chế giễu*
*Đến kẻ mến thương tôi cũng trở mặt với tôi*
*(Gióp 19,17- 19)*

**Não nùng tâm trạng người mắc bệnh hũi**

Thân phận cùi hũi của Hàn Mặc Tử có lẽ cũng gây "mùi hôi thối... làm cho anh em gớm ghiếc" chàng không kém. Khác Gióp, Hàn Mặc Tử chưa vợ, chưa con. Tuy vậy, Hàn không phải không có thân nhân, bạn bè và cả ước mơ về một cuộc tân hôn. Nhưng trong cơn khốn cùng, chàng lại cố lẩn tránh, quyết tuyệt giao với mọi người khi nhìn thấy cả "bến mộng tân hôn" của mình cũng bị "*sóng buồn*" vây phủ tràn lan. Chàng đau khổ đến phát điên, "*khóc cười nức nở*" đến nỗi "*héo don*":

*Và sóng buồn dâng ngập cả hồn*
*Lan tràn đến bến mộng tân hôn*
*Khóc cười nức nở nơi đầu miệng*
*Là nghĩa trời ơi, nghĩa héo don*
(Sầu Vạn Cổ)

Tiếng nức nở của Hàn Mặc Tử có lẽ không khác tiếng nức nở của Gióp bao nhiêu. Có khác chăng là ở chỗ tiếng khóc nức nở của Hàn thì hòa quyện vào tiếng cười lạc quan thanh thản của chính anh, trong khi tiếng nức nở của Gióp lại vang thành tiếng "*gào thét*" não nuột vì kinh hoàng sợ hãi, nỗi kinh hoàng phát xuất từ những lo nghĩ về "*trăm điều phiền muộn*":

*Bánh tôi ăn chỉ là tiếng nức nở*
*Tiếng tôi gào thét tựa nước lũ ngập tràn.*
*Những gì làm tôi kinh hoàng sợ hãi*
*Nay đã đến rồi.*
*Những gì khiến tôi rụng rời khiếp sợ*
*Nay ập xuống trên tôi.*
*Tôi chẳng được thư thái yên hữu*
*Tôi hết được nghỉ ngơi*
*Vì Trăm điều phiền muộn*

Hàn Mặc Tử ngược lại. Chàng "không nói không rằng nín *cả hơi*". Cùng lắm là buồn thầm, khóc vụng, chứ không than thân trách phận như Gióp :

*Thân tàn ma dại đi rồi*
*Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan !*

Gióp rên rỉ tuyệt vọng:

*Thịt tôi chai ra, dòi bọ lúc nhúc,*
*Da tôi nức nẻ, máu mủ đầm đìa*
*Ngày đời tôi thấm thoát hơn cả thoi đưa,*
*Và chấm dứt không một tia hy vọng*

(Gióp7, 5-6)

Hàn thì coi cơn đau máu chảy là cơ hội để "*hồn trào ra đầu ngọn bút*":

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút*
*Mỗi lời thơ đều dính não cân ta*
*Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt*
*Như mê man chết điếng cả làn da*

(Rướm máu).

Gióp thất vọng đến hoảng hốt "thà chết" và chết thảm bằng "treo cổ hơn là sống lây lắt":

*Chẳng thà bị treo cổ,*
*Chẳng thà phải chết*
*Hơn là sống lây lắt, da bọc xương*

(Gióp 7, 15)

Trải niềm đau trên những dòng thơ

Hàn Mặc Tử ngược lại vẫn giữ thái độ bình tĩnh thản nhiên, có khi còn thách thức cả đau thương:

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết*
*Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh*
*Dừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết*
*Cả hồn ta trong mớ chữ rung rinh*

(Rướm máu)

Gióp phân trần tự biện minh và trách móc, lắm lúc bị cám dỗ đổ lỗi cho Đấng Chí Tôn về tất cả những đắng cay chua xót ông gánh chịu:

*Con phạm tội có hề chi đến Ngài?*
*Lạy Đấng dò xét phàm nhân!*
*Sao Ngài cứ đặt con làm bia để bắn?*
*Phải chăng con đã nên gánh nặng cho Ngài?*
*Người vùi dập tôi trong cơn giông bão,*
*Lại vô cớ bắt tôi chịu thêm nhiều thương tích.*
*Ngài chẳng để tôi kịp thở,*
*Mà lại dìm tôi trong bao nỗi đắng cay*
(Gióp 9, 17-18)

Hàn Mặc Tử thì không như vậy. Nỗi đau của chàng là một nỗi đau đầy khoái lạc của niềm tin phó thác, đến nỗi trong khi cầu nguyện, chàng ọc ra máu mà cứ cho rằng mình đang ọc sữa, ọc thơ:

*Đương cầu xin ọc thơ ra dường sữa,*
*Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau*
*Trên chín tầng điêu động cả trân châu*
(Đêm xuân cầu nguyện)

Gióp nhìn nhận: "*Sau khi da tôi đây bị tiêu hủy, tôi sẽ được nhìn ngắm Thiên Chúa*"(Gióp 19,26).Và ông cam kết với Chúa

*Bao lâu tôi còn chút hơi thở,*
*Bao lâu sinh khí Thiên Chúa còn ở trong tôi,*
*Môi tôi sẽ không nói điều xảo trá,*
*Và lưỡi tôi không thốt lời dối gian*
(Gióp 27, 3-4)

Trong đau thương vẫn vang lên lời chúc tụng

Còn thi sĩ họ Hàn, trong cơn "*khoái lạc của hồn đau*", đã cảm thấy từ ngòi bút mình đến cả lòng trí lẫn miệng lưỡi mình đều đồng thanh vang lên tâm tình tri ân, ngợi khen và chúc tụng trong khi tay nắm chặt cây nến nguyện cầu mà cứ ngỡ như "*trong tay nắm một nạm hào quang*" và cảm thấy "*no nê*" ơn mưa móc bởi Trời:

*Bút tôi reo như châu ngọc đền vua;*
*Trí tôi hớp bao nhiêu là thi vị...*
*Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí*
*Và trong tay nắm một nạm hào quang&*
*Tôi no rồi ơn võ lộ hòa chan*

(Xuân như ý)

Gióp tỉnh cơn mê muội để nhìn thấy hồng ân và dung nhan Đấng Tối cao qua một cuộc thị kiến:

*Từ phương bắc, xuất hiện một vừng sáng huy hoàng,*
*Thiên Chúa đầy oai phong lẫm liệt.*
*Người là Đấng Toàn Năng, ta chẳng sao vươn tới,*
*Người cao cả, vì Người hùng mạnh và công minh.*
*Người quyền năng, vì Người chính trực, nhưng chẳng áp bức ai.*
*Vì thế mọi phàm nhân đều kính sợ Người*

(Gióp 37, 22-24)

Hàn Mặc Tử trong cơn đau thể xác cũng được dẫn dắt vào cõi thiên linh tương tự, nhưng với những hình nét thiên nhiên đầy thi vị:

*"Ôi! Trời hạo nhiên! Đây không phải do phép tắc mầu nhiệm của Đấng Vô thỉ Vô chung?"*

*Đưa ra nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc, và trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm. . .*

*Đưa ra nào là gió ly biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiềng, mây giang hồ, và nào trời thanh sắc, bông nhũ hương, niềm mộc dược.*

*Vẫn chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi được chí môn sao"*

(Xuân Như Ý)

**Xung phong làm thi sĩ của đạo quân Thánh Giá**

Khi chiêm ngưỡng "**phép tắc mầu nhiệm của Đấng Vô thỉ** *Vô chung*", chàng thi sĩ họ Hàn hiên ngang tự nhận mình là "*thi sĩ của đạo quân Thánh Giá*":

*Đây, thi sĩ của đạo quân Thánh Giá*
*Nửa đêm nay vùng dậy để tung hô*
*Để sớt cho cả xuân, xuân thiên hạ*
*Hương mến yêu là lộc của lời thơ*

(Nguồn thơm — Xuân như ý)

Cuối cùng, Gióp nói lên lời ân hận: Trước kia chỉ nghe về Chúa, nay chính mắt trông thấy Người, ông ăn năn thống hối:

*Trước kia, con chỉ biết về Ngài*
*Nhờ người ta nói lại.*
*Nhưng giờ đây, chính mắt con chứng kiến.*
*Vì thế, điều nói ra con xin rút lại.*
*Trên tro bụi, con sấp mình thống hối ăn năn*

(Gióp 42, 5-6)

Hàn Mặc Tử cũng ăn năn thống hối và cầu xin ơn tha thứ, nhưng không phải chàng thống hối vì đã trót nói lời xúc phạm tới Đấng Chí Tôn, mà là xin ơn tha thứ cho những câu thơ tội lỗi:

*Tôi van lơn thầm gọi Chúa Giêsu*
*Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối*
*Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi*
*Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng*

(Xuân như ý).

**Ca tụng Mẹ... bằng hoa hương sáng láng**

Có lẽ nhờ tấm lòng khiêm cung sám hối cũng như tâm tính hoàn toàn phó thác mà Hàn Mặc Tử đã được ơn linh ứng đặc biệt cả trong nguồn thi cảm lẫn trong thị kiến siêu phàm mà ít ai trên cõi đời này được ban cho.

Thử nghe lại một đoạn thơ của bài thơ *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*, ta có cảm tưởng như thể ơn xuất thần đã thực sự thâm nhập vào hồn nhà thơ khiến anh tuôn ra những dòng thiên thi siêu thoát:

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả,*
*Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng*
*Thơm tho bay cho đến cõi thiên Đàng*
*Huyền diệu biến thành muôn kính trọng thể*
*Và tổng lãnh Thiên Thần quỳ lạy Mẹ*
*Tung hô câu đường hạ ngợp châu sa*
*Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa*
*Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh&*

*Hỡi Sứ thần Thiên Chúa Gabriel*
*Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,*
*Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?*
*Người có nghe náo động cả muôn hoa?*
*Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời*
*Để ca tụng — bằng hoa hương sáng láng,*
*Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiều rạng,*
*Một đêm xuân là rất đỗi anh linh*

(Xuân như ý)

Hoặc:

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền,*
*Không u ám như cõi lòng ma quỷ,*
*Vì có Đấng Hằng Sống hằng ngự trị*
*,Nhạc thiêng liêng dồn trỗi khắp hư linh!*

(Ngoài vũ trụ)

**Vươn lên tới cõi thiên linh.**

Trong đớn đau, Hàn Mặc Tử không khóc lóc van nài, không kêu ca oán trách, trái lại tỉnh táo nguyện cầu bằng tất cả tâm tình tri ân, chúc tụng:

*Cho tôi thắp hai hàng bạch lạp*
*Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập*
*Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không*
*Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng*
*Cho sốt sắng, cho đê mê nguyền ước...*

(Xuân như ý)

Một phế nhân bệnh cùi như Hàn Mặc Tử bị chôn sâu cuộc đời trong cô đơn tăm tối và đớn đau triền miên cả thể xác lẫn tinh thần, luôn đối diện với tử thần, "*run như run thần tử thấy long nhan*", vậy mà trước mắt anh, trên môi miệng anh lúc nào cũng tràn ngập ánh sáng, thần nhạc, nhạc thiêng, muôn hoa và tinh tú... Và huyền diệu biết mấy

*Đang khi mầu nhiệm phủ ban đêm*
*Có thứ gì rơi giữa khoảng im*
*Rơi từ thượng tầng không khí xuống*
*Tiếng vang nhè nhẹ dội vào tim!*

(Huyền ảo)

Khi trích dẫn những dòng thơ trên của Hàn Mặc Tử, nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan đã phải buột miệng thốt lên: *"Tình tứ đến thế là cùng, cảm động đến thế là cùng. Một người mang bệnh rất đau đớn mà có tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ".*

Để kết thúc bài này, xin mượn nhận định của tác giả quyển "*Thi Nhân Việt Nam*" sau đây: "*Hàn Mặc Tử đã dựng riêng một ngôi đền thờ Chúa. Lòng tôi (dù) có dửng dưng, trí tôi làm sao không ngợp vì cái vẻ huy hoàng sang trọng, lung linh huyền ảo của lâu đài kia (*đền thờ Chúa*)? Có những câu thơ đẹp một cách lạ lùng, đọc lên như rưới vào hồn một nguồn sáng láng"*

(trích "*Gương sáng Đạo Giữa Đời*"
trên "*Diễn Đàn Giáo Dân*")

# Chất Đạo và chất Đời trong thơ Hàn Mặc Tử

## *Phan Cự Đệ*

Viết Lời giới thiệu cho cuốn *Hàn Mặc Tử anh tôi* của Nguyễn Trọng Tín (Nhà xuất bản Tin, Paris, 1990) Đỗ Mạnh Tri đặt vấn đề: "Phàm tục hay thoát tục? Khổng hay Lão? Phật giáo như Quách Tấn hay Công giáo như Võ Long Tê ? Con chiên ngoan đạo của cố Đồng, cố Mỹ hay chiến sĩ Cần vương của nội tổ Phạm-Bồi?...Cõi Trời của Mai Đình nữ sĩ hay cõi Đời của Chế Lan Viên? Và ông đã trả lời : "Những yếu tố giàu có, hoặc đối nghịch trên lý thuyết đã cụ thể hài hòa trong nếp sống gia đình, dòng tộc. Tới Hàn Mặc Tử thì tất cả đã biến thành thơ. *Hàn Mặc Tử là của tất cả.* Vì thi nhân đã đón nhận tất cả, biến hóa tất cả để trả lời và dâng lên cho tất cả.".

Khẳng định mạnh mẽ nhất "Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử" là Đặng Tiến. Ông viết: "Kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn MặcTử đều vang dội lời truyền giảng của PhúcÂm":"Toàn tập thi phẩm Hàn Mặc Tử là một tiếng vọng của Thánh tự". Trong đó người đọc gặp lại những chủ đề cương lĩnh của Kinh Thánh; Một vũ trụ ngây thơ đổ vỡ vì nguyên tội, những khổ hạnh của thân xác như một kinh nghiệm của "Mơ ước" và "Huyền diệu" để vươn tới một thế giới Sáng láng, ngoài Hư linh, thế giới của Phục sinh, của Khải huyền. Ba giai đoạn đó là cơ cấu của đời thơ Hàn MặcTử.Vũ trụ *Gái quê* đãsụp đổ trong *Đau thương* mà nhà thơ đã chịu đựng để đợi sống lại một mùa *Xuân như ý."*

Đặng Tiến xếp ba tập thơ cuối của Hàn Mặc Tử *(Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên)* và những bài thơ cuối tập *Đau thương* vào chung chủ đề *Xuân như ý* như một giai đoạn thơ trong cuộc đời Hàn Mặc Tử nói lên niềm mơ ước, chờ đợi *Xuân thiên* ra đời" (1) Đây là niềm mơ ước ở sự sinh tồn sau cõi chết, sẽ được phục hồi trong cảnh trời mới, đất mới, rạng ngời trong danh Cha cả sáng.

Dè dặt hơn Đặng Tiến, Võ Long Tê cho rằng người tín hữu Công giáo ấy mãi về sau mới trở nên nhà thơ công giáo sau khi đã đi trọn một đường đau thương và có một nhận thức do ân sủng thúc đẩy".(*Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử*). Ân sủng đã can thiệp lúc nhà thơ viết lời tựa cho tập thơ Điên (người thơ là khách lạ, đi giữa Nguồn trong trẻo. Quan niệm thơ và tôn giáo hòa hợp sau này được giải bày rõ hơn trong bài tựa cho tập *Xuân như ý*. Thôi thúc bởi tình yêu và niềm tin và Đức Chúa Trời Hàn Mặc Tử đã có lúc viết thơ cho Bùi Tuân : "Tôi dự định viết ra nhiều tập thơ tôn giáo. Trong thi giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh nhật, truyện Phục sinh làm thi đề. Đó là những tài liệu không còn gì thú vị bằng...Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh. Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy" (Bùi Tuân - *Nửa đêm đi tìm Hàn Mặc Tử* - Nguyệt san *Vĩnh Sơn* (Huế) số 1-2-1951). Hoạt động sáng tạo nghệ thuật theo chiều hướng nói trên dễ thống nhất với hoạt động truyền giáo của một tông đồ. Những lúc ấy thơ Hàn Mặc Tử có khả năng rơi vào lối thơ khuyến thiện hoặc minh họa một cách dễ dãi cho nên trong *Tuyển tập Hàn Mặc Tử* (Nhà xuất bản *Văn học*, 1987) Chế Lan Viên đành phải cắt bỏ những câu thơ :

*"Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí*
*Xa xôi đời trăng mọc nước Huyền Vi*
*Đây Miên Trường, đây Vĩnh Cửu, Tề Phi !*

(Sao, vàng, sao) *(2)*

Hoặc:

*"Như song lộc triều nguyên ơn phước cả*
*Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng*
*Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng*
*Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể"*

(Ave Maria)

Có khi cắt bỏ hàng loạt bài như *Nguồn thơm, Say thơ, Đêm xuân cầu nguyện* trong tập thơ *Xuân như ý*.

Võ Long Tê cho rằng vấn đề nan giải ở Hàn Mặc Tử là tìm một sự tổng hợp hài hòa giữa những yêu cầu của đức tin tôn giáo với những đòi hỏi phóng túng của sự sáng tạo nghệ thuật. Có lẽ chính Hàn Mặc Tử cũng không thích lối thơ cảm hóa khuyến thiện cho nên trong nhiều trường hợp không tự giác, Hàn Mặc Tử đã để cho sự sáng tạo của nghệ sĩ vượt quá đức tin của một tín đồ. Cho nên "những âm hưởng huyền bí học của bài thơ *Ra đời* phát sinh từ một lối chú giải nên thơ - chứ không phải là lối chú giải chính thống của Giáo hội - về những dữ kiện Thánh kinh học. Đừng nên trách cứ nhà thơ lầm lạc, nếu quả có lầm lạc" (Võ Long Tê). Mặt khác, nếu sự lầm lạc đó có lợi cho thi ca, có lợi cho sự sáng tạo nghệ thuật thì chúng ta càng hoan nghênh chứ sao. Hàn Mặc Tử nghệ sĩ bao giờ chả phóng túng hơn Nguyễn Trọng Trí tín đồ. Cũng như Khái Hưng tuy đã có lúc vào chùa niệm Phật, tụng kinh cứu khổ hoặc có khi ở nhà, trong mấy đêm liền thức khuya tụng từng pho kinh A Di Đà hay Địa tụng nhưng chưa chắc Khái Hưng đã có dụng ý mượn cuốn *Hồn bướm mơ tiên* để tuyên truyền cho giáo lý nhà Phật. Cho nên mới xảy ra tình trạng mà Tam Ích phê bình : "Nguy nhất là Khái Hưng đem hoang sử, huyền sử vào cửa thiền muốn thăng hoa thái độ và nếp tu hành của Văn Khôi công chúa đời Lý nhân Tôn, người viết truyện đã đem cả Ngọc hoàng Thượng đế và tiên nga giáng thế vào...chùa - thêm vào đó một con rồng vàng và phép màu nhiệm của Thích Ca Mâu Ni...Mô Phật!" (*Ý văn I, Lá Bối* xuất bản, 1967). Có lẽ Hàn Mặc Tử cũng như Khái Hưng dường như không quan tâm lắm đến việc nói cho thật đúng giáo lý Cơ đốc hay giáo lý nhà Phật. Chính vì thế mà có lúc Hàn Mặc Tử phải "van lơn, thầm nguyện Chúa Giê Su":

*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi*
*Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng*
*Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng"*
(Đêm xuân cầu nguyện)

Nhưng Võ Long Tê lại nhận xét: ngay trong bản tuyên tín rực sáng này vẫn có một bóng mờ :

*"Ta chắp hai tay lạy quỳ hoan hảo*
*Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian*
*Để vừa dâng. vừa hiệp bốn mùa xuân*
*Nở một lượt giàu sang hơn Thượng đế"*

Như đã nói, sáng tạo nên một trời, mây, sông nước, bốn mùa xuân, thi sĩ dường như muốn cạnh tranh với Thượng Đế và tự hào về thiên chức thi nhân của mình.

Chi tiết này làm ta nhớ đến câu chuyện Michel Ange thể hiện câu chuyện truyền thuyết sáng thế trong Thánh kinh trên vòm trần tiểu giáo đường Sistine ở La mã. Người nghệ sĩ thiên tài này trong gần suốt bốn năm trời đã treo mình lên một giàn giáo ở độ cao hai mươi mét để vẽ một loạt tranh theo câu chuyện truyền thuyết về những ngày sáng tạo thế giới. Michel Ange nhiều lúc cảm thấy lưng thõng xuống, mắt hoa lên, nhức nhối như sắp mù. Đó là chưa kể lúc chịu ăn đói hàng tuần lễ, thậm chí bị Giáo Hoàng Jules II lăng nhục và đánh bằng gậy như một kẻ nô lệ. Nhưng dường như có một sức mạnh kỳ diệu đã giúp Michel Ange vượt qua mọi thử thách. Mỗi khi bước vào tiểu giáo đường, chiêm ngưỡng cái thế giới hình tượng tràn đầy sức sống và sự hài hòa của những màu sắc thiên nhiên rực rỡ Michel Ange không cảm thấy cô đơn mệt mỏi, mà chỉ cảm thấy lâng lâng một niềm vui kỳ lạ. Nghệ sĩ dường như thấy mình đã trở thành Đức Chúa Trời thiêng liêng đang sáng tạo thế giới.

Theo Võ Long Tê chính sự cám dỗ muôn đời của thiên chức nghệ sĩ này đã khiến cho Hàn Mặc Tử ứng xử như một người ảo thị, huyễn tưởng trong *Thượng thanh khí, Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội*. "Các nhân vật và tác giả vận động trong một vũ trụ xem là bản chuyển tả Thiên đường Kito giáo theo cấu trúc ngoại giáo.(3)

Ý kiến của Đặng Tiến có hơi khác:" Nếu *Xuân như ý* còn nhiều hình ảnh dựa theo tin lý Thiên chúa thì *Cẩm châu duyên* lại gắn với huyền tượng của dân gian, phảng phất không khí thần tiên của Đạo giáo - một thứ Đạo giáo bình dân không ăn thua gì đến cái "đạo khả đạo" của Lão Tử (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử).*

Đời nhà Lý người ta chủ trương Tam giáo đồng nguyên (đạo Phật, dạo Khổng, đạo Lão) cùng chung một nguồn gốc. Hàn Mặc Tử thì lại cho rằng : "Đạo vốn có một - Người đời hiểu sai lạc rồi phân chia ra đạo này đạo nọ". Khi Quách Tấn hỏi tại sao Hàn Mặc Tử lại dùng chữ *Phượng Trì* để đặt tên cho thánh thất của Thánh nữ Đồng trinh Maria, thì Trí trả lời :

" Tôi nghiệm Đức Mẹ chỉ có một, nhưng vì óc phân rẽ kia nên bên Đạo Phật gọi là Quan Âm Bồ Tát, bên đạo Tiên gọi là Tây Vương Mẩu, bên đạo Thiên chúa gọi là Thánh Nữ Đồng Trinh Maria. Tên tuy khác nhưng theo tôi chỉ là một đấng *Phượng Trì* nên tôi dùng chữ *Phượng Trì* để chỉ nơi Thánh Nữ ngự (*Đôi nét về Hàn Mặc Tử*). Sự thực thì Tây Vương Mẩu ở Giao Trì nhưng Hàn Mặc Tử thích chữ *Phượng Trì* vì chữ *Phượng Trì* tiếng ngân đã dài lại ấm, mặc khác "sắc lông chim phượng vàng ánh, thật khêu gợi quá chừng!" *(Đôi nét về Hàn Mặc Tử).*

Chế Lan viên nhắc lại câu nói của Hàn Mặc Tử "Đức Mẹ chỉ có một" và bình luận :" Cái câu này mà Giáo hội biết thì Tử chết, Tử bị kết tội là tà giáo hay đạo Cao Đài". Tử có biết vì sao Tử đưa Tây Vương Mẩu vào không? Có đưa thì Tử mới tả cả cô tiên "ấm như da thịt nàng dâu, mà lại còn tấm truồng nữa! Giáo hội biết thì Tử chết"(4)

Các nhà thơ lãng mạn và tượng trưng của miền Trung dường như đã chịu ảnh hưởng phức tạp của nhiều tôn giáo. Năm 1936 Bích Khê đi tu tại chùa Ông Rau trên núi Tà Cú. Năm 1937 lại ngụ tại một ngôi chùa ở Phú Thọ để nghiên cứu triết lý nhà Phật. *"Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuổi hạt"*

(*Trường Thọ*) nhưng Chế Lan Viên đã có lần cầu nguyện "*Thích ca*! *Giêsu! Khổng khâu! Lão Tử! Tôi đều thành tâm trước uy linh huyền diệu của các ngài" (Vàng sao)* Hàn Mặc Tử thuộc một gia đình công giáo lâu đời, tên thánh rửa tội là Phêrô (Pierre), tên thánh thêm sức là Phanxico (Francois) nhưng Hàn Mặc Tử củng chịu nhiều ảnh hưởng của đạo Phật. Từ 1930, Hàn Mặc Tử đã nhiều lần ngoạn cảnh chùa đã say đắm "phong cảnh rừng thiền" và "lòng thấm thía mùi thiền như thoát tục"(Đề tài *chùa Ông Núi*, mùa hè năm 1930) Quách Tấn cho rằng"trong thơ Hàn MặcTử có nhiều bài ảnh hưởng cả hình thức lẩn tinh thần Phật giáo. Ví dụ bài *Phan Thiết*! *Phan Thiết!*

*"Nhớ khi xưa ta là chim Phượng hoàng*
*Vổ cánh bay giữa từng trời cao ngất*
*Bay từ Đao Ly đến trời Đâu Suất"*

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật như "thành chánh quả" "sông Hằng", ngoài những hình ảnh đẹp đẽ của trời "Đao Ly", trời "Đâu Suất", những cỏi Phật xa xăm đầy nhạc, đầy hương, đầy ánh sáng. "Chúng ta nhận thấy trong bài Phan Thiết, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hoá một cách tài tình" (5)

Phan Xuân Sanh dường như cũng cùng một quan điểm với Quách Tấn khi nhận xét bài Phan Thiết ! *Phan Thiết :"Thế giới cực lạc của Phật A Di Đà là một nơi chim cùng người tấp nập trong chánh quả.* Không gian và thời gian tính trong Phật giáo rất giống với thời gian và không gian tính của thế giới thi văn, nhất là khung cảnh thơ của Hàn Mặc Tử"(6).

Có một sự tranh chấp Hàn Mặc Tử giữa những tín đồ đạo Thiên chúa và đạo Phật. Cùng một bài Tựa *Xuân như ý* cùng một số bài thơ như *Ra đời, Điểm lạ, Xuân đầu tiên* mà mỗi người giải thích một cách. Đặng Tiến viết:"Xuân Thiên đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết. sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời trong danh cha cả sáng"... ..

"Những hình ảnh tráng lệ như gấm, ngọc, trân châu, thất bảo, nhủ hương,mộc dược đều muốn gợi lên một vinh hiển như khi sứ đồ tả thanh Jérusalem mới trong Khải Huyền :"Thành ấy chói sáng như một viên hửu thạch, như bích ngọc rạng ngời. Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thuỷ tinh trong vắt. mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu (Ap. XXI, 11, 18 và 21) Dựa theo Khải Huyền tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mặc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên chúa, vì cảnh Bồng Lai của Á Đông, cảnh thần tiên của đạo gia không có cái huy hoàng rực rở đó (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử*).

Cùng những hình ảnh tráng lệ nói trên, nhưng Quách Tấn lại giải thích theo tinh thần Phật giáo: "Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà...Những ánh sáng vô cùng, những "tiếng nhạc thiêng liêng dồn trổi khắp hư linh", những "điệu nhạc rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác", cây "bằng gấm và lòng bằng ngọc" ở trong thơ Tử là vang bóng của vô lượng quang trên Thế giới Cực Lạc mà Tử đã nhìn qua Kinh A Di Đà (*Ảnh hưởng của đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử*). Trong bài báo vừa dẫn trên, Phan Xuân Sanh cũng đã kết luận tương tư ỳ:"Chim Thanh tước, thế giới mười phương, ấy là hình ảnh tượng trưng cho cỏi đời thênh thang và giải thoát của thời gian vô tận và không gian mênh mông đã được trình bày một cách kiều diễm và phong phú trong Kinh A Di Đà. Hàn Mặc Tử từ niềm tin thơ đi rộng ra đã bắt gặp niềm tin đạo qua những dòng thơ lung linh, huyền nhiệm của Hàn Mặc Tử, chúng ta có nhiều dịp thấy ẩn hiện một dòng linh hồn nối từ lòng người đến trăng sao, từ Hàn Mặc Tử đến ba ngàn thế giới".

Nhưng có lẽ chúng ta củng không cần tranh luận đến cùng, xem *Xuân như ý, Xuân Thiêng*, Thế giới mới của Hàn Mặc Tử là thế giới Phục sinh, thế giới Khải Huyền của đạo Thiên chúa hay Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà hay thế giớI thần tiên của đạo giáo. Vì Hàn Mặc Tử không phải la` nhà thơ tôn giáo hiểu theo nghĩa chuyên dùng thơ để truyền bá tôn giáo của

mình. Quách Tấn viết :"Tuy là một tín đồ Thiên chúa giáo rất nhiệt thành. Tử vẫn thường xem kinh điển nhà Phật. Tử thường nói cùng bạn rằng:"Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ thôi. Tôi dung hoà cả hai thể văn chương tôn giáo : Thiên chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung. Vì vậy thơ Đạo của Tử chịu ảnh hưởng cả hai nền tôn giáo. Nhưng tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần tô đậm hơn đạo Thiên chúa. Bây giờ tôi xin thưa rằng Tử là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn về ướp cùng hương thơ đó thôi. Bởi vậy không thể gọi Hàn Mặc Tử là một nhà thơ tôn giáo. Tử là một nhà thơ thuần túy" (*Đôi nét về Hàn Mặc Tử*). Đối với một thi sĩ mà ngay trong những bài ca ngợi đức tin, ca ngợi những hình ảnh thiêng liêng -Thánh nữ đồng trinh, Chúa Hài Đồng,v.v...Cuộc đời gặp nhiều bất hạnh như Hàn Mặc Tử thì thơ là lẽ sống cao nhất.

*"Tôi là kẻ đi đường đêm gió lạnh*
*Không mong gì hơn kêu gọi tấm lòng thơ"*

(Say Thơ)

Về cơ bản chúng ta có thể đồng tình với Phan Xuân Sanh khi ông cho rằng Hàn Mặc Tử "trong khi ôm một lý tưởng thơ đi tìm cảm hứng đã gặp đạo và tìm được trong đạo nhiều đề tài, nhiều thanh sắc, tư tưởng để làm giàu cho thơ mình. Theo thiển ý Hàn Mặc Tử là một thi sĩ có nhiều lý tưởng thơ và lý tưởng thơ này đã bao trùm cả niềm tin của ông về tôn giáo. Ngay trong những bài ca ngợi đức tin, ca ngợi những hình ảnh thiêng liêng -Thánh nữ đồng trinh, Chúa Hài Đồng,.v.v...-ở các bài *Ave Maria, Đêm xuân cầu nguyện, Ra đời*,...tôn giáo và các hình ảnh tùy thuộc đã được thi vị hóa và mất dần tính cách trang nghiêm, tuyệt đối của tín điều, kinh điển (...). Cái thói ngang tàng bừa bãi xưa nay vẫn là thói chung của các nhà thơ. Hàn Mặc Tử quỳ trước Thánh Maria chúng ta có cảm tưởng như ông như đã quỳ trước nàng thơ và hình ảnh nàng thơ và hình ảnh Ave Maria đôi khi chỉ là một, rồi thi sĩ nghiễm nhiên biến thành vai trò "Giáo chủ" giữa một

lúc cầu nguyện trong đêm xuân (...).Nghĩ đến một cái gì "Giàu sang hơn Thượng đế" hẳn thi sĩ Hàn Mặc Tử đã muốn bước qua biên giới tín ngưỡng của mình (*Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*).

Thế giới mới của Hàn Mặc Tử, đúng như Phạm Đán Bình đã nhận xét, đó là "thế giới lý tưởng hóa, đền bù cho thực tế phũ phàng. Một thế giới không còn những mâu thuẫn và thỏa mãn những ước vọng" (*Tan loãng trong Hàn Mặc Tử*). Nếu như trước kia,trong thơ Hàn Mặc Tử,là tình yêu tuyệt vọng, là trăng sao đổ vỡ tan tành, hoặc tan ra "thành vũng đọng vàng khô" hoặc "rã lần như hương khói giấc chiêm bao" thì nay "mặt nhật tròn vo đường sángláng","tao phùng duyên đến bâygiờ lại thấy "cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm"...Đó là một mùa xuân như ý "bốn mùa xuân cả bốn", ở đây có "suối đoàn viên", có "cây Phối hợp" và "rất nhiều hoa bướm". Phạm Đán Bình đi đến một kết luận thú vị : thế giới mới của Hàn Mặc Tử là thế giới "*cô đọng lại những gì đã tan loãng*".Thế giới mới của Hàn Mặc Tử rất có thể "lung linh như kim cương, như ngọc thạch", như vàng ròng, như thủy tinh trong vắt mà sách Khải Huyền đã loan báo;cũng có thể là thế giới cực lạc của Phật A Di Đà., thế giới của mười phương, của hào quang vô lượng mà cũng có thể là thế giới thần tiên của Đạo giáo. Một khi đã rơi vào số phận bất hạnh, phải sống cô đơn, xa cách với mọi người và cái chết đang từng ngày, từng giờ đe dọa, thì việc Hàn Mặc Tử thu hết tất cả những gì là trong sáng, cao cả, là lung linh, huyền diệu vào một thế giới ước mơ, vào vương quốc lý tưởng của mình là một điều dễ hiểu. Thế giới đó cũng giống như cái vương quốc "tự do"của các nhà lãng mạn trường phái lena ở Đức. Novalis "Hoàng đế của những nhà lãng mạn chủ nghĩa" đã kêu gọi hãy thoát ly vào thế giới lý tưởng của nghệ thuật ; "Ai bất hạnh ở trần thế này, ai không đạt tới những gì mà mình tìm kiếm thì hãy thoát vào thế giới của những pho sách và nghệ thuật, vào thế giới của thiên nhiên - đấy là sự thống nhất giữa cổ đại và hiện đại - hãy sống trong giáo đường đang bị giày vò này, tiêu biểu cho một thế giới tốt đẹp hơn, sẽ tìm thấy được trong đó người yêu và người bạn, tổ quốc và Chúa trời"(7)

Bàn về chất đạo, chất Đời trong thơ Hàn Mặc Tử Yến Lan viết: "Có một nguồn thơ đặc biệt nữa dự phần đáng kể trong thi ca của Hàn Mặc Tử là thơ về Đạo. Anh là một con chiên ngoan đạo. Tuy nhiên, chất đạo (thanh khiết, thiêng liêng) trong thơ anh đã bị chất đời (đau yếu, bệnh tật) lấn át&Tôi mong bạn đọc thấy rõ chất đời trong thơ Anh vừa riêng biệt tưởng không thể hình dung nổi lại vừa rất chung, rất thực, có thể sờ mó lên được. Mà thôi, Đạo với Đời trong thơ Anh vẫn là những mặt nhỏ trên một viên kim cương, mặt này ánh xanh, mặt kia ánh vàng, đều làm viên kim cương có sức ngời chói, lóng lánh" *(Tôi nhớ Hàn Mặc Tử).*

Cùng một quan điểm như vậy Chế Lan Viên viết : "Bài *Ave Maria* viết cho Đức Mẹ trên trời, có thể hay như thế không, nếu không có bà Mẹ ở dưới đất ? Và chị Lễ, chị đã mất, nhưng đây là câu Tử viết trong *Chơi giữa mùa trăng*, một bài văn xuôi như thủy tinh, như suối, như đêm trăng và tâm hồn của Tử: "Chi Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa. Tôi bông thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và uy nghi như pho tượng Đức Bà Maria là bực tinh truyền chí thành".Chất đốt đẩy tên lửa của Tử lên *Thượng Thanh Khí*, lên *Phượng Trì*, lên sát những mũ triều thiên, té ra là tình cảm, là ân nghĩa từ mặt đất"(*Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, tr. *22)*. Lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam và cả thế giới cũng có những trường hợp tương tự. Mười tám pho tượng La hán đặt trong hành lang của chùa Tây Phương là những tác phẩm đẹp vào bậc nhất của nghệ thuật điêu khắc cuối thế kỷ XVIII. Các nghệ sĩ chẳng qua mượn đề tài chuyện Phật để miêu tả một xã hội quằn quại bế tắc và những nỗi "đau đời" của cha ông ta trong cảnh hoàng hôn của các thế kỷ trước (Huy Cận- *Các vị La Hán chùa Tây Phương*). Những tác phẩm của Michel Ange (*Thánh Mẫu bên cầu thang* và đặc biệt là *Gia đình thánh*) tuy phảng phất chút ít màu sắc thiên giới nhưng vẫn tràn đầy không khí trần gian. Điều đó không có gì lạ. Trong quá trình sáng tạo Michel Ange đã đến những khu nghèo khổ nhất của

Florence, nơi những bà mẹ vừa làm việc vừa giữ con trên đầu gối hoặc đi lang thang trên các con đường vùng Toscan vẽ những em bé má hồng, những cô gái tràn trề sức sống, những người nông dân đang làm việc ngoài đồng...Chính hàng trăm bức ký họa nông dân vùng quê hương đã giúp cho nghệ sĩ thiên tài khắc họa chân dung các vị thánh trong tác phẩm của mình. Từ trước đến nay, con người vẫn xây dựng chân dung các vị thánh trên Thiên đình bằng những nguyên mẫu dưới trần thế.

Làm sao có thể chứng minh được "toàn tập thi phẩm Hàn Mặc Tử là một tiếng vọng của Thánh tự"? Nhận định cực đoan này sẽ không thuyết phục khi ta dẫn ra những bài thơ có màu sắc dân gian trong sáng như ca dao, những bài thơ ưu thời mẫn thế (như Đêm khuya tự tình với sông Hương), hầu hết các bài thơ trong *Gái quê, Đau thương, Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội*, kể cả một số bài trong *Xuân như ý, Thượng thanh khí,...*).

Dường như ta quên mất một Hàn Mặc Tử đã có lúc "dấn thân" vào các vấn đề thời cuộc.Nhất là Hàn Mặc Tử - nhà báo.

Trên *Thực nghiệp dân báo* số 3195 ngày 26-7-1931 Phan Bội Châu nêu lý do "mở một cửa hàng dạy thơ gọi là "Mộng du thi xã".Tất nhiên, đối với một chí sĩ đã từng phát động phong trào Đông Du thì "Mộng Du" đâu phải là mộng mị, mộng mơ mà là mộng lớn, mộng Độc lập,Tự do. Cụ nêu một bài thất ngôn làm mẫu, trong đó tràn đầy tâm sự và chí khí của người yêu nước.

*Vàng khè, trắng toát khác đôi bên*
*Thây kệ ai chê, mặc kẻ khen*
*Sông núi lỡ làng màu lịch sử*
*Gió trăng chờn chợ mối nhân duyên*

*Chẳng long lay đến lòng son sắt*
*Há hổ ngươi vi miếng bạc đen*
*Ba chén xong rồi ai ấy bạn?*
*Một pho kinh Phật một cây đèn"*

Rồi tiếp theo, trên tờ *Thực nghiệp dân báo*, số 3214, ngày 2-9-1932 Phan Bội Châu lại tìm dịp bộc bạch rõ hơn tâm sự yêu nước của mình trong "năm bài thơ tự trào" coi như một tiếng chim gọi đàn:

*"Chân giời góc bể hai mươi năm*
*Nay còn rao thơ có gì tốt?"*
*..."Nhưng vì khối huyết ức trong lòng*
*Dầu có bán rẻ hơn ngồi không!"*
*..."Những điều trong thấy đứt hết ruột*
*Núi đứng dậy khóc, sông nằm rên"*

Trong số khách hưởng ứng bốn phương, "Ông già Bến Ngự" đặc biệt lưu ý đến ba bài thơ *Chùa hoang, Gái ở* chùa và *Thức khuya* của P.T (Qui Nhơn) đăng trên *Thực nghiệp dân báo* số 3248 ngày 11-10-1931. Đọc bài *Thức khuya* của Hàn Mặc Tử:

"*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng*
*Thức chỉ mình ta dạ chẳng an"...*

Chắc hẳn Phan Bội Châu vô cùng sung sướng khi thấy Mộng du thi xã đã góp phần đánh thức dậy lòng yêu nước đã tiềm tàng trong tâm hồn của thế hệ trẻ.

Phan Bội Châu đã họa lại ba bài thơ của Phong Trần và kèm theo một lời cổ vũ chân tình và nồng nhiệt :

"Thưa tác giả P.T tiên sinh

Tác giả cho tôi được đọc ba bài thơ tôi lấy làm hân hạnh cho Mộng du thi xã lắm. Xem trong thơ, u oán cao tình, thâm tâm nhã điệu. Sự cảm thông và ngưỡng mộ nhà chí sĩ, theo chúng tôi không phải là ngẫu nhiên, đủ cả mấy phương diện. Tôi chỉ phàn nàn rằng : "Người xướng quá cao tất nhiên người họa phải ít" nên tôi xin tục điêu ba bài khỏi để tác giả buồn cô điệu độc đàn mà thôi. Còn như nói rằng : tôi là người nối thơ được với tác giả thì tôi không dám.

Ôi! Hồn giao nghìn dặm biết làm sao được bắt tay nhau, cười lớn một tiếng mới là thỏa hồn thơ đó!"

(*Thực nghiệp dân báo* số 3256 ngày 24-10-1931).(8)

Mối tình gắn bó giữa Hàn Mặc Tử với Phan Bội Châu bắt đầu từ đó. Sự cảm thông và ngưỡng mộ nhà chí sĩ, theo chúng tôi không phải là ngẫu nhiên. Nhiều nhà thơ lãng mạn đã tìm đến Phan Bội Châu, một biểu tượng cao đẹp của lòng yêu nước. Lưu Trọng Lư sau những ngày chán nãn ở Quốc học Huế, đã bỏ trường đến ở nhà Phan Bội Châu và "Ông già Bến Ngự" đã tặng cho "con nai vàng ngơ ngác" cái biệt hiệu Hy Ky - *Con voi già* của Huy Thông là một trường ca viết về người chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu, lời thơ đầy âm hưởng bi tráng. Còn Hàn Mặc Tử từ Qui Nhơn ra Huế thăm Phan Bội Châu đúng sáng mùng một năm Ất Hợi (1935).

Trong chuyến đi đó, ngoài hai bài Thất ngôn bát cú đã đăng trên *Công luận* số 9-3-1935 (*Xuân chơi thần kinh, Sáng mùng một tết đi xe lửa ra Huế*), Hàn Mặc Tử đã dành riêng một bài" Kính tặng cụ Phan Sào Nam làm theo thể song thất lục bát: *Đêm khuya tự tình với sông Hương, (Công luận*, số 2-3-1935).

Hàn Mặc Tử thủ thỉ tâm tình với sông Hương, cũng là với "Ông già bến Ngự":

*Bây giờ chi có đôi ta*
*Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi*
*Thuở nước non đền bồi non nước*
*Sông Hương đành xuôi ngược đông tây*
*Soi lòng chỉ có đám mây,*
*Đám mây phú quý những ngày lao đao.*
*Sao mặt sông xanh xao ra dáng*
*Sao tình sông lai láng khôn ngăn!*
*Vì ai lắm nỗi chứa chan*
*Hay còn đợi khách quá giang một lần...*

Thơ Hàn Mặc Tử đã có lúc bộc lộ nỗi đau trước thời cuộc, trước tình trạng đói khổ của dân chúng trong cảnh nô lệ:

*"Sao tôi thấy cuộc đời máu me lênh láng*
*Như bãi sa trường trong lúc hỗn loạn*

*Sao tôi thấy dân chúng bị lầm than*
*Dưới bóng mặt trời đầy rẫy hào quang*
*Ngán thay! Cuộc đời sống khổ*
*Nào non sông mưa mưa gió gió*
*Nào trời đất lơ láo láo lơ*
*Phủ màn mây ảm đạm mịt mờ..."*

(*"Sống khổ và phấn đấu"*
Công luận, số 6-4-1935)

Tấm lòng ưu ái với vận mệnh của nhân dân, của đất nước trong bài thơ xuân tặng Phan Sào Nam đã biến thành những câu hỏi, những băn khoăn da diết :

*"Này thử hỏi thuyền nan thả lá*
*Thuyền ai đây nấng ná bấy lâu!*
*Mặc ai khanh tướng công hầu*
*Không thèm chung đỉnh lưng bầu gió trăng*
*Sao trời đất đãi đằng ra thế?*
*Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm?*
*Trong thành yến ẩm vui thêm*
*Tiếng ca lanh lãnh lọt rèm, rèm thưa*
*(...) Sao trai gái đi về trong mộng*
*Mà sông Hương chẳng động niềm riêng*
*Trong thành để lạnh hương nguyền*
*Tiếng gà gáy nguyệt láng giềng còn say..."*

Cuối bài thơ Hàn Mặc Tử ghi rõ : Trên bờ sông Hương, mùng hai Tết năm Ất Hợi. Về chuyến đi Huế năm đó, Nguyễn Bá Tín ghi lại: "Sau khi anh Trí ở Huế thăm cụ Sào Nam ở Bến Ngự trở về bị mật thám Pháp xóa tên trong danh sách du học Pháp do *Hội Như Tây* bảo trợ tôi mới biết là anh Mộng Châu đã sai anh Trí đi xin địa chỉ một đồng chí của Đông Kinh Nghĩa Thục ở Thái Lan".(9)

"Bài thơ trên là một bằng chứng hùng hồn về thái độ "nhập cuộc" của Hàn Mặc Tử. Và tất nhiên, không chỉ có thế, Hàn Mặc Tử còn ca ngợi "*Karl Marx thi sĩ*" (*Công luận* số 4-5-1935), ca ngợi những "văn sĩ cách mạng" như Maxime Gorki,

Romain Rolland, Henry Barbusse và trong nước thì khen Hải Triều, Hải Thanh, Trần Huy Liệu : "Các văn sĩ ấy đã hoàn toàn thoát khỏi bụi bặm của luồng gió quốc gia, trái lại, cho quần chúng cần lao những bài toán chính trị cần giải quyết, biết đem cái tinh thần quốc tế để truyền bá lại những bước đường mới mẻ của thời cuộc cần phải đi. Nên chi trên các báo, những vấn đề rắc rối, những học thuyết cao sâu lần lần bày giải ra bằng ngòi bút rành rẽ, châu đáo, cốt đưa cho tinh thần quần chúng cần lao một phận sự tối cần làm dân trong nước *(Một cuộc cách mạng trong văn giới Việt Nam - Tiến bộ* , số 3-6-1939).

Hàn Mặc Tử còn cộng tác với Tôn Thất Vỹ (tức Nguyễn Minh Vỹ) một đảng viên cộng sản vừa ra tù, một cây bút trong nhóm *Thái Dương văn đoàn* ở Qui Nhơn, để xuất bản tập *Nắng xuân* (sách chơi xuân năm Đinh Sửu,1937), trong đó thi sĩ đăng phóng sự *Quan nghị...Gật* (bút hiệu Trật Sên) đánh thẳng vào đám "nghị gật",trò hề của "Trung kỳ nhân dân đại biểu viện"! Đời các ông nghị ở đây ly kỳ hơn Hitler từ địa vị một thợ sơn nhảy lên chính quyền nước Đức và Hoover từ địa vị bán báo tới lúc ngồi ghế tổng thống".Các ngài vốn làm nghề "quét chợ ở tỉnh" hoặc "thằng bồi xuất thân" nhưng nhờ khôn khéo, biết cách làm đầy tớ các nhà tư bản, biết chiều chuộng "quan thầy" nên chẳng bao lâu...đã nghiễm nhiên là một viên thầu khoán giàu nhất tỉnh, có vô số tòa ngang dãy dọc và cứ như thế "cái chức nghị viện thành phố còn lọt vào tay ai nữa chứ"! Ngồi họp ở Viện Dân biểu các ngài hoặc "ngủ gật trên bàn" hoặc "yêu cầu tăng thuế thân, thuế sanh ý" và triệu tập một cuộc hội nghị bất thường để quan sát, không, để khảo cứu những câu ca dao lẳng lơ ở miền thôn dã...!".

Bài thơ xuân biểu hiện tập trung lòng yêu nước của Hàn Mặc Tử "*Đêm khuya tình tự với sông Hương*". Rất tiếc lại không được đưa vào hai *Tuyển tập thơ Hàn Mặc Tử,* một in ở Hà Nội năm 1987 (do Chế Lan Viên tuyển chọn và giới thiệu),

một in ở Nghĩa Bình (do Hà Giao, Quách Giao, Trần Thị Huyền Trang biên soạn, Chế Lan Viên, Quách Tấn giới thiệu). Có lẽ những người làm tuyển tập chưa sưu tầm được bài này trên báo năm 1935. Nhưng cả hai Tuyển tập lại đưa vào bài *Lòng quê* với một chú thích hết sức hấp dẫn "Một nhà cách mạng thất bại bị tống giam, đêm ấy giữa mùa đông giá lạnh, bỗng có tên ngục tốt đưa vào cho nhà cách mạng phong thơ của người tình ở nhà quê, xem xong nhà cách mạng lấy bút làm bài này". Đã có một nhà phê bình và ngay cả ông Nguyễn Bá Tín đã trích bài này để chứng minh "tinh thần dân tộc" và thái độ "nhập cuộc"(9) của Hàn Mặc Tử. Nhưng bài thơ đó lại là của "Uông Tinh Vệ"(10) (do Hàn Mặc Tử dịch) đăng liền hai số *Sài Gòn*, ngày 18-11-1935 và ngày 25-11-1935, người viết ký tên Lệ Thanh. Tuy nhiên qua bài thơ này, ta có thể thấy rõ ý thức, trách nhiệm của nhà báo yêu nước Hàn Mặc Tử đứng trước thời cuộc. Bình luận hai bài thơ *Ngồi trong khám thấy người ta phá bánh xe lấy gỗ* và *Vịnh tuyết*. Hàn Mặc Tử viết: "Cái bánh xe gỗ nó cháy rụi cho đến phút cuối cùng cũng chẳng qua là để giúp ích cho nước nhà, những cục tuyết trắng muốt nằm ở trên mặt đất vương phải cát bụi mà không than van, đó chẳng phải là cái biểu hiện cho một thứ tình ái quốc nồng nàn mà Uông Tinh Vệ đã mượn để giải bày tâm sự ư ?" Bài báo kết thúc bằng những câu đầy khí phách và tâm huyết Uông Tinh Vệ ưng ngang tàng bốn cõi kia.

Cái tâm hồn của Uông Tinh Vệ cũng giống như bà Saroniji Naidu đã từ bỏ cái ống sáo của nhà thi sĩ mà cầm lấy cái chiêng để kêu gọi dân chúng vào trường chiến.đấu

Cái địa vị của nhà thi sĩ đâu phải ở trong thơ phòng mà chính là ở giữa dân chúng... Đem gan góc để đền nợ nước chưa đủ, tiên sinh còn muốn đem máu mình mà rải khắp Vạn Lý Trường Thành".

Lòng yêu nước cũng như thái độ "dấn thân" của Hàn Mặc Tử có truyền thống từ nguồn gốc Cần Vương của nội tổ Phạm Bồi. Khi vua Hàm Nghi dời đô, hạ chiếu Cần Vương lập chiến

khu chống Pháp "nội tổ Phạm Bồi bấy giờ là vỏ quan tại Thanh Hoá, hưởng ứng Cần Vương, đem binh vào Huế cứu giá, đồng thời đa số dòng họ Phạm cũng tham gia các phong trào khởi nghĩa"(12) Vì có lệnh truy nã nên thân sinh của Hàn Mặc Tử phải đổi họ tên là Nguyễn văn Toản để vào học ở Tiểu chủng viện. Lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước nên việc Hàn Mặc Tử tìm đến Phan Bội Châu và có chịu ảnh hưởng ít nhiều phong trào Mặt trận Dân chủ sôi động của Huế và Sài gòn cũng là điều tất nhiên. Thi ca lãng mạng của Thế Lữ (*Nhớ rừng*), Huy Thông (*Con voi già*), Huy Cận (*Tràng giang*), Hàn Mặc Tử (*Đêm khuya tự tình với sông Hương, Mùa xuân chín, Đây thôn Vĩ Dạ*...) ấp ủ một lòng yêu nước thầm kín. Lòng yêu nước đó đươc thể hiện trong tình yêu thiên nhiên, yêu non sông đất nước, yêu ngôn ngữ tiếng Việt. Tiếng nói trong "thơ mới" là tiếng mẹ đẻ yêu thương, phong cảnh "thơ mới" chính là đất nước Việt Nam thống nhất và mỹ lệ.

Hàn Mặc Tử mơ ước có một "*Xuân Thiêng*", "*Xuân như ý* " ra đời:

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước*
*Phút thiêng liêng nhuần gội áng thiều quang*
(Nguồn thơm)

"*Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn*
*Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi*"
(Quần tiên hội)

Đặng Tiến giải thích đó là thế giới mới. Thế giới của Phục sinh, Khải Huyền. Nhưng không phải mùa xuân nào trong thơ Hàn Mặc Tử cũng là mùa xuân tôn giáo, mùa xuân lý tưởng.

Chúng ta bắt gặp trong *Mùa xuân chín* một mùa xuân thuần lương, một mùa xuân ngoại đạo đủ cả đường nét, ánh sáng, âm thanh, màu sắc một mùa xuân tưng bừng với các lễ hội dân gian Việt Nam. Mùa xuân đến trong cảnh bình minh, sương mờ đang tan dần, ánh nắng ban mai phủ một màu vàng

dịu lên những mái nhà tranh, một màu vàng sáng lên những giàn thiên lý, những sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời. Và vang lên khắp nơi những tiếng hát vui tươi của các cô thôn nữ khi làng quê trẩy hội vào xuân:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan.*
*Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.*
*Sột soạt gió trêu tà áo biếc.*
*Trên giàn thiên lý bóng xuân sang.*
*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.*
*Bao cô thôn nữ hát trên đồi..."*

Mùa xuân cũng là mùa của hạnh phúc, mùa cheo cưới tiếng pháo tưng bừng rộn rả:

*Pháo nhân duyên nổ đã hơi nhiều.*
*Trầu lịch sự têm mời hai họ*
*Đường trai thẹn nên không dám ngỏ.*
*Nói chi nường là gái dâng lên.*
*Buồng không ra xiêm áo sượng sần*
*Ông mai mối cười như ngỏ nở*
*Người ta cưới cả xuân cả vợ*
*Nên ân tình nổi máu trên môi.*

(Cưới xuân, cưới vợ)

Câu thơ của Hàn Mặc Tử có lúc yêu đời một cách lạ thường. Ai dám nói đây là thi sĩ của buồn chán, của hư vô và cái chết ? Nhưng cuộc đời bất hạnh đã ập ngang vào giữa tuổi xuân, khiến cho niềm vui chẳng bao giờ trọn vẹn. Câu thơ trong mùa xuân chín đang tưng bừng rạng rỡ bỗng lắng xuống trong một niềm ngậm ngùi, thương xót :

*"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy*
*Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi... »*

Những thôn nữ vui tươi trong hội hè kia rồi sẽ có lúc từ giã tuổi xuân, từ giã những ngày đẹp đẽ và hạnh phúc nhất của cuộc đời mình để bước chân về nhà chồng, lo toan gánh vác

công việc ma chay, đình đám, giỗ chạp, cưới xin cho cả bên nội và bên ngoại. Cuộc đời của họ chỉ còn là một tấm vải thô dệt bởi những ngày tối tăm, vất vả. Tương lai của họ không phải tìm đâu xa, tương lai đã hiện hình từ trong quá khứ :

*"Chị ấy năm nay còn gánh thóc*
*Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?"*

Hình ảnh người đàn bà gánh thóc dọc bờ sông giữa nắng trưa hè hun hút đã tiếp nối hình ảnh những người "quanh năm buôn bán ở men sông", những thân cò lặn lội bờ sông"... của văn học truyền thống. Thương người vợ nhưng cũng là thương mình.Vô tình thi sĩ đã cảm nhận một điểm báo định mệnh cho tương lai của mình; người đọc chợt bàng hoàng thương cảm khi nhận ra rằng rồi đây chính thi sĩ sẽ phải từ bỏ "*Đám xuân xanh*", từ bỏ cuộc chơi đang tưng bừng, rộn rả để sống cách ly với mọi người trong nỗi cô đơn, bệnh tật:

*"Ai đem tôi bỏ dưới trời sầu?*
*Sao bông phượng nở trong màu huyết*
*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu"*

(Những giọt lệ)

Như trên đã nói, *Mùa xuân chín* là một mùa xuân ngoại đạo, một mùa xuân rất đời, gắn với những lễ hội dân gian, chẳng có gì có thể gọi là "tinh thần tôn giáo-vũ trụ"(13) cả!

Một số bài thơ viết về thiên nhiên đất nước của Hàn Mặc Tử còn gắn liền với những miền quê hương, với những kỷ niệm vui buồn trong cuộc đời tình ái của thi sĩ (*Đà Lạt trăng mờ, Phan Thiết Phan Thiết*! ,*Đây thôn Vỹ Dạ).* Hàn Mặc Tử lên thăm Đà Lạt lần đầu năm 1933 lúc ấy thi sĩ chưa làm "Thơ mới". Bài *Đà Lạt trăng mờ* là hình ảnh đêm trăng Tử ngồi cùng Quách Tấn bên bờ hồ Than thở, dưới hàng thông lấp loáng, lặng chìm trong sương khuya :

*"Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu*
*Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ*
*Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt*
*Như đón từ xa một ý thơ*

*(...) Hàng thông lấp loáng đứng trong im*
*Cành lá trông như đã lặng chìm*
*Hư thực làm sao phân biệt được!*
*Song ngân hà nổi giữa màn đêm".*

Theo quan điểm lãng mạn của Hàn Mặc Tử thì khi "Huyền ảo khởi sự", đó là "Giây phúc thiêng liêng" tạo nguồn cảm hứng cho thơ. Cảnh "hư thực" huyền ảo của Đà Lạt đêm trăng mơ màng đầy tính chất thi vị...Không thể nói là bài thơ đã ít nhiều "Thấm nhuần tâm tình tín mộ tôn giáo" và trời trong câu "*Và để xem Trời giải nghĩa yêu...*" Không phải là một thượng đế chung chung của những nhà thơ lãng mạn mà là Thiên chúa Ba Ngôi của Đức tin như có người đã giải thích!

Phan Thiết với Lầu Ông Hoàng, Mũi Né cũng để lại nhiều kỷ niệm vui buồn trong thơ Hàn Mặc Tử. Gần hai năm trời (1935-1936), chiều thứ bảy nào Hàn Mặc Tử cũng từ Sài Gòn ra Phan Thiết tìm gặp Mộng Cầm và cậu ruột của nàng là thi sĩ Bích Khê dạy ở trường Hồng Đức. Cặp tình nhân thường đến chơi Lầu Ông Hoàng (Tức lầu của Bá tước De Montpensier), một phong cảnh rất đẹp, mối tình ngọt ngào đó sau nay trở thành một vết thương đau đớn trong cuộc đời thi sĩ :

*Ta lang thang tìm đến chốn Lầu Trăng*
*Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang*
*Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết*
*Ôi trời ơi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!*
*Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi...*

(PhanThiết! Phan Thiết!)

Huế đẹp và thơ mộng với sông Hương, cầu Tràng Tiền, những "cô áo tím nước da trắng nõn nà", những thôn xóm ven bờ sông như thôn Vĩ Dạ, nổi tiếng bởi những cây trái xanh tươi bốn mùa, những ngôi nhà duyên dáng, vườn tược, sông nước mây trời :

*"Sao anh không về chơi Thôn Vĩ ?*
*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*
*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền&"*

Câu thơ không phải như một lời trách cứ mà như lời của người thương mời chào người thương về thăm cảnh đẹp của quê hương. Bình minh lên ở Vĩ Dạ với nắng sáng long lanh trên những hàng cau còn đẫm sương đêm. Ở tầng dưới của những hàng cau thẳng tắp vươn lên đón nắng ban mai là một không gian mượt mà xanh tươi với những cành lá mơn mởn xanh mướt như ngọc. Và thấp thoáng sau những lá trúc mảnh mai lay động là khuôn "Mặt chữ điền" hiền lành, trung hậu... Thiên nhiên và con người hài hoà trong một vẻ đẹp dịu dàng kín đáo của xứ Huế. Năm 1926 Hàn Mặc Tử đã có lần tìm tới nhà Hoàng Cúc ở Vĩ Dạ nhưng do bản tính "kín đáo và bẽn lẽn như con gái" nên chàng chỉ đứng lâu ngoài ngõ nhìn vào rồi lặng lẽ ra về. Bài thơ "*Đây thôn Vĩ Dạ*" đến tay Hoàng Cúc khoảng tháng 11-1939, lúc ấy thôn Vĩ Dạ chỉ còn là hoài niệm là nhớ thương da diết của Hàn Mặc Tử.

Mối tình của Hàn Mặc tử và Hoàng Thị Kim Cúc là mối tình đầu lãng mạng mới chớm nở. "Mối tình ấy bàng bạc trong tập *Gái quê* và phảng phất trong nhiều bài thơ kế tiếp. Tập *Gái quê* trong bản thảo Tử đề tặng Cúc, nhưng nghĩ không tiện nên khi in, Tử xoá mấy hàng đề tặng"(14). Nhận định trên của thi sĩ Quách Tấn về cơ bản là đúng, nhưng không nên dựa vào đó để cho rằng bài *Tình quê* là nhằm thi vị hoá mối tình đầu với Hoàng Cúc. Bài đó đã được đăng trên *Công Luận* số 30-3-1935 với cái tên *Tương tư* (Gởi khách sông Lam), sau đó lại đăng *Sài Gòn văn chương,* số 25-11-1935 với cái tên *Mong đợi* (Gởi khách sông Lam)(15) Trên tờ *Công luận* số 6-4-1935 lại đăng *Yêu để sống* (Tặng em Hải Đường sông Lam).

Một bài thơ khác như bài *Bẽn lẽn* được đang trên báo *Sài Gòn* ngày 7-12-1935 với cái tên *Vô tình* và ký Mộng Cầm.

Như thế trong tập *Gái quê* không phải chỉ có hình ảnh Hoàng Cúc mà còn có bóng dáng Mộng Cầm và một vài người khác nữa (trong các bài *Nhớ chăng* và *Nhớ nhung*).

Bài *Tình quê* là một nỗi nhớ nhung đối với một người tình lý tưởng lẫn với tình nhớ quê hương.

Thơ viết về thiên nhiên đất nước của Hàn Mặc Tử mang một sắc thái riêng. Xuân Diệu thường mượn thiên nhiên để nói tới cái "tôi" của cá thể trước cái mênh mông, lạnh lẽo của không gian:

*"Em sợ lắm giá băng tràn mọi nẽo*
*Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da..."*

(Lời kỹ nữ)

Hàn Mặc Tử thể hiện thiên nhiên như một sự hòa điệu của tâm hồn. Thơ trữ tình của Hàn Mặc Tử là thơ hướng nội. Cảnh và người hòa lẫn vào nhau, đường ranh giới rất mong manh và nhiều khi người thơ lấn át cảnh thơ. Ngày 23-1-1940, Hàn Mặc Tử viết cho Thương Thương : "Thương Thương, cái tên thi vị quá chừng, Thương Thương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn thơ bất tuyệt. Em chúc cho anh "khi nào cũng phải rào rạt bởi muôn ngàn cảnh vật xung quanh để viết ra những bài thơ huyền diệu". Thế là em lầm rồi, thơ bao giờ cũng tại tâm chớ không tại cảnh. Cảnh là điều giả dối, phù vân, mà tâm mới chân thành, trường cửu. Ở lòng anh có Thương Thương nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy". *(Hàn Mặc Tử-Thân thế và thi văn).*

Trong thơ Hàn Mặc Tử, thiên nhiên như hòa lẫn vào những trạng thái cảm xúc khác nhau của tâm hồn thi sĩ. Cảm xúc đó bàng bạc trong mỗi câu thơ và người đọc cảm thấy như bị lạc vào một thế giới mơ hồ, huyền ảo của cảm xúc, hương thơm, màu sắc và ánh sáng. Khi chìm vào dòng cảm xúc ấy, người ta như quên đi những phiền muộn hàng ngày của cõi đời, quên cả chính bản thân mình, chỉ còn lại một cảm giác lâng lâng, bay bổng ở một khoảng trời trong sáng, con người như muốn hòa nhập vào cảnh sắc làng quê.

*"Trước sân anh thơ thẩn*
*Đăm đăm trông nhạn về*
*Mây chiều còn phiêu bạt*
*Lang thang trên đồi quê*
*Gió chiều quên ngừng lại*
*Dòng nước luôn trôi đi*
*Ngàn lau không tiếng nói*
*Lòng anh dường đê mê".*

Cảnh sắc thiên nhiên như buông xuôi theo dòng cảm xúc của thi sĩ. Không gian tĩnh lặng nhưng dưới bề sâu là những chuyển động thầm kín, những âm thanh mơ hồ thầm kín của tạo vật mà chỉ riêng thi sĩ mới cảm nhận được.

*"Cách nhau ngàn vạn dặm*
*Nhớ chi đến trăng thề*
*Dầu ai không mong đợi*
*Dầu ai không lắng nghe*
*Tiếng buồn trong sương đục*
*Tiếng hờn trong lũy tre*
*Dưới trời thu man mác*
*Bàng bạc khắp sơn khê..."*

Thơ Hàn Mặc Tử làm ta rung cảm trước khi tìm hiểu. *Tình quê* thu hút chúng ta bằng những hình ảnh gợi cảm và ngôn ngữ giàu nhạc điệu. *Tình quê* trôi theo một âm điệu buồn man mác, một nỗi buồn vương khắp không gian. Lời thơ mang đầy nhạc điệu và những cảm xúc "đê mê" lòng người đã gợi ý cho Phạm Duy phổ bài thơ thành nhạc (in trên bìa tuần báo *Sinh Lực*, số 1, ra ngày 30-1-1958)

*Tình quê* khi in vào tập *Gái quê* không đề tặng Hoàng Cúc hoặc "Khách sông Lam"(tức Mộng Cầm). Ở đây nếu có, chỉ là một người tình lý tưởng. Tình yêu đối với Hàn Mặc Tử chỉ là một nguồn cảm hứng của thi ca "Tôi say tình cũng như tôi say trăng, say người thục nữ, say kinh cầu nguyện, say trời tương tư" (*Tình - Chơi giữa mùa trăng*).

Trong bài *Quan niệm thơ* (gửi Trọng Miên), Hàn Mặc Tử nói rõ hơn: "Trong khi làm thơ, Trí đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội". Người tình lý tưởng theo quan niệm "cổ điển" của Hàn Mặc Tử phải là người đẹp bước ra từ trong trang sách ("Thư trung hữu mỹ nữ"). Vì thế mà suốt đời thi sĩ chẳng bao giờ gặp được người yêu mơ ước :

*Đời không có ngọc trong trang sách*
*E hết khôi nguyên ở Phượng Trì*

Nếu như thi sĩ là chim Phượng hoàng, tất nhiên là một loại "Phượng hoàng si dại" thì người lý tưởng phải là một "trang thục nữ tương thân nhi tương kính"(16)

*Ta trở nên như ngọc đàng kim mã*
*Rất hào hoa, rất phong vận : Người Thơ*
*Ta là trai khí huyết ước ao mơ*
*Người thục nữ, sanh giữa thời vô thượng.*
*(Phan Thiết! Phan Thiết)*

Người yêu lý tưởng đó, ở thời kỳ đầu lãng mạn (*Gái quê*) phải chăng là một thiếu nữ khuê các, tài hoa, người Huế. Biết đàn, biết thơ mà anh rất ngưỡng. Đó là Hoàng Hoa nữ sĩ (17). Trong thơ tình của Hàn Mặc Tử hình ảnh của người yêu không hiện lên đường nét như trong thơ Xuân Diệu :

*"Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh*
*Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi!*
*Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời*
*Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đăm đắm..."*
(Tương tư chiều)

Người yêu hiện lên như một ánh trăng huyền diệu hoặc một mùi hương hư ảo. Hương thơm là vẻ đẹp đặc trưng của người tình lý tưởng:

*"Ái tình bắt đầu căng*
*Hoa thơm thì nín lặng*

*Hương thơm bắt đầu lan*
*Em tôi thì hổn hển*
*Áo xiêm lấm tấm vàng"*

(Sáng trăng)

*"Còn đâu trăng lệ những thời xanh*
*Mùi vị thơm tho một ái tình"*

*(Thời gian)*

Ở Qui Nhơn nhà Hàn Mặc Tử ở gần nhà Hoàng Cúc nhưng hai người vẫn cách xa nhau như hai thế giới. Hoàng Cúc kể: "Tử thì kín đáo và bẽn lẽn như con gái còn tôi thì bí mật và xa lạ như cung trăng"(18). Hàn Mặc Tử say đắm trong mối tình đầu nhưng chỉ dám đứng từ xa chiêm ngưỡng nàng như chiêm ngưỡng một nhan sắc. Đó là tình yêu "âm thầm", lặng lẽ dường như đơn phương :

*"Em có ngờ đâu trong những đêm*
*Trăng ngà ngả bóng mặt hồ êm*
*Anh đi thơ thẩn như ngây dại*
*Hứng lấy hương nồng trong áo em"*

Mối tình vô vọng có thể là một trong những nguyên nhân khiến Hàn Mặc Tử bỏ sở Đạc điền ở Qui Nhơn để đi vào Sài Gòn làm báo. Sau gần một năm Hàn Mặc Tử trở lại Qui Nhơn, mối tình với Hoàng Cúc lại nồng hơn, có phần bạo dạn hơn:

*"Bấy lâu sát ngõ, chẳng ngăn tường*
*Không dám sờ tay sợ lấm hương*
*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá*
*Dám ôm hồn cúc ở trong sương"*

(Hồn cúc)

Câu thơ tưởng như có vẽ suồng sã nhưng vẫn chỉ là "ôm hồn cúc", "ngấm ngầm trao đổi những ân tình" với "hồn hoa" (Huyền ảo). Thế rồi Hoàng Cúc theo cha về Vĩ Dạ. Hàn Mặc

Tử coi như nàng đi lấy chồng, thi sĩ đau khổ vì mối tình tuyệt vọng "Con sông này đã đi qua. Suốt đời ta thề không trở lại. Vì cô lái đò đã lên bờ...Không có ái tình tuyệt đối" .Nhưng vẫn hy vọng có ngày gặp lại Hoàng Cúc ở Huế : "Nhất nhật bất kiến như tam thu" - Nếu phải quỳ lạy dâng tất cả những ngày sung sướng đã qua và sẽ tới cho người để đổi lấy một phút gặp gỡ" (*Mùa thu đã tới...).* Chàng và nàng tình cờ đã gặp nhau ở Hội chợ Huế nhưng Hàn Mặc Tử vẫn không dám tặng *Gái quê* cho Hoàng Cúc. Hoàng Cúc sau này kể lại và ân hận về thái độ rụt rè đó của chàng : "Càng tội nghiệp hơn là hôm sau anh xuống Vĩ Dạ đứng trước cổng hồi lâu rồi lặng lẽ bỏ đi" (19)

Mùa hè năm 1939 Hoàng Tùng Ngâm viết thư về Huế cho Hoàng Cúc biết Tử mắc bệnh nan y, khuyên Cúc viết thư thăm Tử để an ủi một tâm hồn trong trắng, bất hạnh."Thay vì viết thư thăm, tôi gửi bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái carte visite. Trong ảnh có mây, có nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm sức khỏe Tử rồi nhờ Ngâm trao lại. Sau đó một thời gian, tôi nhận được bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* và một bài khác nữa do Ngâm gửi về (20).

Xuất xứ bài thơ là như vậy. Nhưng không nên hiểu là bài thơ minh họa tấm bưu ảnh. Dù ông Nguyễn Bá Tín có nói rõ: "Chị rất cảm động khi biết anh vẫn không quên vườn rau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bến đò Cồn nhìn sang Vĩ dạ mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi...Ông Nguyễn Bá Tín còn đưa thêm một chi tiết mà cả Hoàng Kim Cúc cả Quách Tấn không thấy nói đến : "Cho đến khi anh đau nặng hồi 1939, chị Cúc còn gởi cho anh tấm ảnh phiến 6x9. Chị mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát (21).

Bài thơ rõ ràng là được cấu từ trên một số chi tiết của cuộc đời thực. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử là một sự hài hòa giữa mộng và thực, giữa đường nét cụ thể và sương khói huyền ảo. Kết cấu bài thơ không phải là cái logíc của hiện thực khách quan. "Khổ 1: Thôn Vĩ Dạ... Khổ 2: Dòng sông Hương êm đềm thơ mộng. Khổ 3 : Người đất Huế, những cô gái Huế" (*Soạn Văn*, Lớp 12, Tập I, trường Đại học Sư phạm I, Hà Nội 1989, trang 41). Mà chủ yếu cái logic bên trong tâm hồn thi sĩ, cái logic của một mối tình tuyệt vọng, mà vì tuyệt vọng nên :

*"Gió theo lối gió, mây đường mây*
*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay..."*

Khổ thứ hai diễn tả nỗi lòng của Hàn Mặc Tử chứ không nhằm "diễn tả cái nhịp điệu nhẹ nhàng, chậm rãi của Huế" (*Soạn Văn* trang 42). Tất nhiên, Sông Trăng có thể là sông Hương, nhưng hai câu :

*Thuyền ai đậu bến Sông Trăng đó*
*Có chở trăng về kịp tối nay?"*

Thì đã là cảnh mộng hư ảo rồi. Chở trăng nào về vậy ? Khó mà biết được bởi vì :

*"Không gian đầy đặc toàn trăng cả*
*Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng*
*Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiếu diểu*
*Nàng xa tôi quá nói nghe chăng?*

(Huyền ảo)

Hai câu nói trên chỉ có thể là một mơ ước về hạnh phúc. Ước mơ này còn được tiếp theo ở khổ ba :

*"Mơ khách đường xa, khách đường xa*
*Áo ai trắng quá nhìn không ra...*
*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*
*Ai biết tình ai có đậm đà?"*

Áo em thì trắng mà xứ Huế lại nhiều sương khói mông lung nên "mờ nhân ảnh". Nhưng ở đây không phải là chuyện ảnh mà là chuyện "tình ai có đậm đà" bền chặt hay không hay cũng chỉ mờ ảo sương khói như trời đất xứ Huế ?

Lần đầu tiên Hàn Mặc Tử được trực tiếp thổ lộ mối tình với Hoàng Cúc. Những tình cảm đẹp và trong sáng nhưng buồn và thoáng qua một chút hoài nghi. Có lẽ Hàn Mặc Tử cũng thấy không yên tâm, không đành lòng, nên sau đó chàng lại gởi tặng Hoàng Cúc bài *Sao, vàng, sao* (tức là bài *Đừng cho lòng bay xa*). Ở đây hai linh hồn gặp nhau trong thế giới Vĩnh Cửu mà bốn phía cầu vồng đẹp sắc năm mây :

*"Đây Miên Trường, đây Vĩnh Cửu, Tề Phi (22)*
*Cao cao vượt tới hai hàng bóng vía*
*Trời nhật nguyệt cầu vồng bắc tứ phía*
*Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây*
*Hương ân tình cho kết lại thành dây*
*Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu..."*

Trong cuộc đời tình ái của Hàn Mặc Tử thì mối tình đối với Mộng Cầm là da diết nhất và do đó sau này đã để lại nỗi đau đớn khôn nguôi trong tâm hồn thi sĩ. Năm mười bảy tuổi, học lớp Nhất trường Nam Phan Thiết, Mộng Cầm đã có thơ Đường luật đăng trên báo *Công luận*. Hai người đã có thư từ trao đổi cho nhau chuyện văn thơ suốt năm sáu tháng, khi Hàn Mặc Tử đang làm ở sở Đạc Điền Qui Nhơn. Sau đó Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn làm báo. Ngày 12-10-1935 trên *Sài Gòn văn chương* có mục nhắn tin : "Anh Bích Khê - tôi muốn biết địa chỉ của chị Nghệ, vậy phiền anh chút" (Hàn Mặc Tử - Journal Sài Gòn).

Hàn Mặc Tử đã đi xe lửa vào Phan Thiết tìm gặp Mộng Cầm và thế là bắt đầu mối tình đẹp đẽ gần hai năm trời, lúc thì ở cù lao Mũi Né, nơi Mộng Cầm đang học nghề thuốc (say nắng), lúc thì ở lầu Ông Hoàng những đêm trăng huyền ảo (*Phan Thiết! Phan Thiết!*). Những kỷ niệm ngọt ngào giữa chàng thi sĩ và "Nàng tiên" đã được Hàn Mặc Tử ghi lại trong các bài *Say nắng, Sáng trăng, Bắt chước, Dấu tích*. Và chính Mộng Cầm cũng đã nhắc người tình :

*"Rồi có khi nào trong phút giây*
*Trăng lên khỏi núi, gió đùa mây*

*Thì anh nên nhớ người năm nọ*
*Đã được cùng anh sống những ngày."(23)*

Nhưng rồi chính Mộng Cầm đã quên lời thề dưới trăng. Mộng Cầm sang ngang khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh chưa đầy một năm! Việc nàng đi lấy chồng không có đáng trách, điều đáng trách là nàng đã từ chối "một sự thật của lòng mình"(24) và tuyệt giao hẳn với Hàn Mặc Tử khi chàng lâm vào cảnh bất hạnh. Cái tin Mộng Cầm đột ngột vu quy đã làm cho Hàn Mặc Tử đau đớn, tê dại. Kẻ dứt áo ra đi không biết có đau khổ nhưng chàng thi sĩ "khờ dại" thì như đã chết nửa con người. Ai đã từng yêu và đã tuyệt vọng mới thấy hết nỗi đau mất mát không gì bù đắp nổi của chàng :

*"Họ đã xa rồi khôn níu lại*
*Lòng thương chưa đã, mến chưa bưa*
*Người đi một nửa hồn tôi mất*
*Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ"*

(Những giọt lệ)

Những ngày đầu rơi vào cảnh cô đơn của kẻ bị tình phụ thi sĩ nhớ như điên như dại, lúc nào cũng cảm thấy hình bóng của nàng như ở đâu đây:

*"Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió*
*Tưởng chừng như trong đó có hương*
*Của người mình nhớ mình thương*
*Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì"*

(Muôn năm sầu thảm).

Nhớ từ những hình bóng mơ hồ, hư ảo cho đến "đôi mắt mùa thu trong leo lẽo, ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo", "nhớ hàm răng, nhớ hàm răng, mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều". Thi sĩ viết hẳn một Khúc ly tao để thổ lộ tình yêu chung thủy : "Nếu em không yêu anh thì anh van, em ơi! Cầu với Hoàng Thiên cho anh mùa đông hóa thành đốm lửa hơ lấy tay em cho ấm áp hay là anh trở nên suối ngọc tuyền để được vờn cái nước da trắng muốt của mình em, không thì biến ra dải

đất để cọ mãi cái vết chân em ; hay là hóa ra gió dịu dàng để mơn trớn má đào em và để em hít vô tận đáy lòng...".

Không còn nữa cái không khí mơ màng lãng mạn trong *Gái Quê*. Thi sĩ đưa ta trở về với những yêu thương buồn giận của trần thế, bộc lộ hết nỗi niềm sâu kín của một kẻ bị tình phụ. Bây giờ thì nàng đã vu quy, những kỷ niệm đẹp đã lùi xa vào quá khứ, thi sĩ ngày càng cảm nhận xót xa nỗi cô đơn, hiu quanh của mình trong thế gian này. Hàn Mặc Tử như rơi vào tâm trạng cô đơn của Lamartine trong bài thơ nổi tiếng *Le lac* (Hồ): Chỉ thiếu mình em là cả thế gian hiu quạnh" (*Un seul être vous manque tout est dépeuplé.)* Nỗi đau đớn tuyệt vọng có lúc như phẩn uất điên cuồng : "*làm sao giết được người trong mộng*" "*để trả thù duyên kiếp phũ phàng*". Có lúc chợt vỡ oà ra thành tiếng khóc não nùng thê thiết :

*"Ôi! Trời ơi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!*
*Mà tang thương còn lại mảnh sao rơi.*
*Ta đến nơi nường ấy vắng lâu rồi.*
*Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ.*
*Trăng vàng ngọc, trăng ân tình chưa phỉ,*
*Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.*
(Phan Thiết! Phan Thiết!)

Đau khổ vì một tình yêu tuyệt vọng, vì bị bệnh tật hành hạ thi sĩ như nhận diện được cái chết đang đến dần từng ngày. Trong cảnh sống lẻ loi, cô đơn xa cách với mọi người thi sĩ gọi tên người yêu và vẽ ra trước mắt những hình ảnh của ngày vĩnh biệt :

*"Một khối tình nức nở giữa âm u*
*Một hồn đau rã lần theo hương khói*
*Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi*
*Một lời thơ hoi hóp giữa không trung*
*Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng*
*Hoá thành vũng máu đào trong ác lặn.*

*Đấy là tất cả người anh tiêu tán*
*Cùng trăng sao bàng bạc xứ say mơ*
*Cùng tình em tha thiết như văn thơ*
*Ráng rịt mãi cho đến ngày tận thế.*

(Trường tương tư)

Chế Lan Viên cho rằng Hàn Mặc Tử có những câu thơ tình hay vào bậc nhất trong thi ca Việt Nam hiện đại. Những câu thơ như tiếng kêu thương tự đáy lòng, lời thơ như có dính máu, dính hồn và nước mắt của thi sĩ.

Những câu thơ tình như thế sao có thể gọi là tiếng vọng của Thánh tự ? Và tiếng kêu thương càng thống thiết càng chứng tỏ tâm hồn cô đơn đó "trìu mến biết bao người", gắn bó tha thiết với cuộc sống là dường nào. "Thơ Tử là thơ của một người yêu nước, yêu con người, yêu sự sống"(25) .

Trong những ngày đau khổ thi sĩ không chỉ sống bằng tình yêu mà còn sống vì tình bạn. Tất nhiên không phải chỉ có mối tình với Hoàng Cúc, Mộng Cầm. Có những mối tình như ngọn gió mát thổi qua cuộc đời Hàn Mặc Tử (Mai Đình, Ngọc Sương). Còn câu chuyện say đắm Thương Thương chỉ là giấc mộng tình. Tuy nhiên nó đã để lại cho chúng ta những vở kịch thơ ngọt ngào, trong sáng (*Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội*).Về những mối tình của Hàn Mặc Tử, các tác giả Trần Thanh Mại, Quách Tấn, Châu Hải Kỳ, Nguyễn Bá Tín, Trần Thị Huyền Trang đã nói nhiều, chúng tôi xin phép không nhắc lại nữa. Về tình bạn thì chúng ta phải tìm hiểu thêm vì ít có một người nào giữ được tình bạn trong sáng lâu dài chung thủy như Hàn Mặc Tử. Sự có mặt đông đủ bạn thân của Hàn Mặc Tử thời ấy trong tập sách này (Chế Lan Viên, Quách Tấn, Bích Khê, Trần Thanh Địch, Yến lan, Nguyễn Viết Lãm, Nguyễn Minh Vỹ, Hoàng Diệp, Hoàng Trọng Miên, Trần Tái Phùng, Trần Thanh Mại, Nguyễn Văn Xê...) đã chứng minh tình bạn cao quí đó.Trong số bạn bè lui tới số nhà 20 đường Khải Định,

Qui Nhơn hoặc thường xuyên trao đổi thư từ với Hàn MặcTử còn có Bùi Tuân, Hoàng tùng Ngâm, Hoàng trọng Quy, Bửu Đáo, Trần kiên Mỹ, Quỳnh Dao, Thúc Tề, Nguyễn Đình Thúy, Lê Đình Ngân...

Hơn nửa thế kỷ đã đi qua, bạn bè của Hàn Mặc Tử kẻ còn người mất, nhưng dường như không ai quên được cái không khí thương yêu đùm bọc của tình bạn văn chương thời đó và những kỷ niệm đẹp về vùng biển, vùng trời tuyệt đẹp của cái thành phố nhỏ bé mang tên Qui Nhơn. "Những đêm trăng sáng, màu trăng hoang dại, huyễn hoặc thường xuyên quyến rủ chúng tôi đi ngủ biển. Chế Lan Viên và tôi, hội họp tại nhà Hàn Mặc Tử rồi đem ra (drap), mền đi ngủ biển chỉ cách nhà chừng độ 200 thước. Những đêm ấy là những đêm mưa tầm tã, lụt ngập trời. Nhưng mưa ở đây là mưa sao, lụt ở đây là lụt trăng. Chúng tôi bị trăng vây phủ tứ bề ngăn hết đường và bị muôn sao đứng sững dòm ngó chúng tôi (,,,)

*"Gió đùa ánh sáng vô trong bãi*
*Trăng ngập đầy sân chảy láng lai"*

Sau một thời gian nằm chung (trên một năm), ngủ chung ôm nhau trên bãi cát vàng, dưới bóng trăng sao, cảnh thông và trăng đã gợi rất nhiều cảm hứng cho Hàn Mặc Tử thì tôi được tin chàng mắc bệnh phung..." (Hoàng Diệp). Nhưng khi Hàn Mặc Tử phải cách ly gia đình đi chữa bệnh ở xóm Động, Gò Bồi, xóm Tấn, gành Ráng thì Quách Tấn, Chế lan Viên, Yến Lan vẫn thỉnh thoảng đến thăm. Tình bạn của Hàn Mặc Tử với Quách Tấn, Chế Lan Viên, Trần Thanh Địch, Bích Khê,.. xứng đáng được ghi chép vào tập giai thoại Văn học của thời kỳ hiện đại. Hàn Mặc Tử có những câu thơ về tình bạn vào loại hay nhất gửi Quách Tấn :

*"Trường Xuyên ơi! Trường Xuyên ơi!*
*Viết chẳng nên câu nói nghẹn lời*
*Mây nước bao la tình lẳng lặng*
*Gió sương mờ mịt nhớ chơi vơi*

*Tương tư mộng thấy năm canh mộng*
*Luyến ái trời vương bốn phía trời".*

(Nhớ Trường Xuyên)

Và gửi Trần Thanh Địch :

*"Hôm nay có một nửa trăng thôi*
*Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi*
*Ta nhớ mình xa thương đứt ruột*
*Gió làm nên tội buổi chia phôi!".*

(Một nửa trăng).

Hàn Mặc Tử gắn bó một cách trìu mến, tha thiết với thiên nhiên, đất nước, với người yêu, bạn bè và gia đình sao có thể gọi là một nhà thơ của Hư vô và cái chết ?

Chế Lan Viên đã bác bỏ hoàn toàn cái quan niệm đã gắn Hàn Mặc Tử với nhà triết học Đan Mạch KierKegaard ông tổ của chủ nghĩa hiện sinh sau này ở phương Tây. Là một người bạn thơ đã cùng với Hàn để xướng lên "Trường thơ Loạn" Chế Lan Viên đã bênh vực và khẳng định mạnh mẽ "thiên tài"của Hàn Mặc Tử trong suốt nửa thế kỷ vừa qua. Lúc Hàn Mặc Tử vừa mới mất ở bệnh viện Quy Hòa, Chế Lan Viên viết : "Mai sau những cái tầm thường mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại ở cái thời kỳ này chút gì đáng kể, đó là Hàn Mặc Tử (26).

Sau này đọc Hoàng Trọng Miên chúng ta mới biết được Chế Lan Viên viết câu đó trong một tình trạng bị xúc động mạnh : "Tôi không quên được một buổi trưa Chế Lan Viên ghé lại căn gác tôi ở Sài Gòn nghe tôi báo tin vừa được điện tín sáng nay từ Quy Nhơn cho hay Hàn Mặc Tử đã mất rồi, anh ngồi xuống bàn tôi khóc như một đứa trẻ. Đến khi tôi nói là tờ *Người mới* ra một số đặc biệt về Hàn Mặc Tử,Chế Lan Viên gạt nước mắt ngồi viết bài luôn... Chiều hôm ấy, Chế và tôi ra bờ sông Sài Gòn uống rượu. Chế bữa đó tửu lượng yếu nhưng lại uống rất hăng trong khi hai đứa cùng nhắc đến câu chuyện về Hàn Mặc Tử và ngâm thơ Tử. Tới hai giờ sáng thì Chế đã say oặt người, tôi phải dìu ra xe kéo đưa về (27).

Bốn mươi bảy năm sau, trong không khí khoáng đạt của thời kỳ đổi mới tư duy, Chế Lan Viên lại một lần nữa khẳng định thiên tài Hàn Mặc Tử như một đỉnh cao chói lòa trong Văn Học thế kỷ XX : "Cho dù Hàn Mặc Tử có cuộc đời bệnh tật, cuộc đời tình duyên, cuộc đời cách mạng ly kỳ, dữ dội gấp trăm lần, nhưng ba hòn núi ấy cụm lại không đẻ ra được một cái cây, một bóng mát thơ nào, ba hòn núi không đẻ ra được con chuột nhắt thơ nào thì việc gì ta phải dông dài. May thay, Tử là một đỉnh cao, chói lòa trong văn học thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ "(28).

*

* *

Chế Lan Viên có một lối nói thông minh, độc đáo, vừa hấp dẫn vừa gây ấn tượng mạnh,nhưng cho đến những bài viết cuối cùng của anh về Hàn Mặc Tử ta vẫn nhận ra dấu vết của khoa trương, phóng đại – vốn là đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn – trong bài *Tựa* của tập thơ *Điêu Tàn* năm xưa : "Trước không có ai, sau không có ai, Hàn Mặc Tử như một ngôi sao chổi xoẹt qua bầu trời Việt Nam với cái đuôi lòa chói rực rỡ của mình" (29). Tuy nhiên, về cơ bản, anh hoàn toàn có lý và có tình khi bênh vực Hàn Mặc Tử. Anh viết : "Ở miền Nam trước đây, người ta đặt Hàn Mặc Tử hoặc xuống thấp với Freud, với tình dục bản năng, hoặc lên cao *Thượng Thanh Khí* với Chúa Trời hoặc tít tắp ra xa trong thời gian, trong con đường về cái chết với Heidegger và nhiều nhà triết học khác" (30)

Ở thời Hàn Mặc Tử dường như chưa mấy ai biết nhà triết học Đan Mạch Soren Kierkegaard. Kierkegaard được nhắc đến nhiều ở Sài Gòn những năm sáu mươi, khi văn học hiện sinh chủ nghĩa phát triển ở miền Nam, trong các đô thị. Mặt khác cần phải thấy rằng những tiền đề của chủ nghĩa hiện sinh cũng đã có trong tác phẩm của Thánh Augustin hay cả trong Kinh Thánh Kitô giáo. Kinh Cựu Ước nói về sự đam mê đuổi theo gió của con người, nói về sự hư phù của tất cả : "Hư phù của hư phù và tất cả là hư phù".

Về việc hạ thấp thơ Hàn Mặc Tử xuống với Freud, với tình dục bản năng cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Hoài Thanh chỉ nhận xét riêng tập *Gái quê* lại có "một thứ tình nồng nàn, lơi lả, rạo rực, đầy hình ảnh khiêu gợi. Ông Phạm văn Ký đề tựa tập thơ ấy là phải lắm : *Gái quê* và *Une voix sur la voie* đều bắt nguồn trong tình dục". (*Thi nhân Việt Nam*). Đặng Tiến cải lại : "Một người chỉ xin hoa đền ngự và lòng ni cô thì dục tình đi tới đâu ? Đây chỉ là một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng... nó không thể tự mãn trong một thế giới không tự mãn" (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử*). và Đặng tiến có một nhận xét thú vị : Cái không khí lơi lả, rạo rực trong bài *Bẽn Lẽn* chủ yếu là cách chọn những chữ gợi tình khi chúng đi đôi với nhau như *trăng* và *gió, trăng* và *hoa, liễu* và *hoa* trong các thành ngữ như "gió giăng", "ghẹo nguyệt trêu hoa', "liễu ngõ hoa tường". Gợi tình thì táo bạo nhưng vẫn tinh tế, ý nhị theo kiểu phương Đông.

Chúng tôi cũng có một nhận xét giống Võ Long Tê khi ông cho bài *Bẽn Lẽn* có một cái gì đó giống như "một lối giải tỏa ẩn ức bằng ngôn từ".

Cái không khí lơi lả, rạo rực trong *Gái quê* không có gì là khó hiểu. Khi ở đường Espagne Sài Gòn, có lúc đám bạn bè nhà báo, nhà văn đã định lôi kéo Hàn Mặc Tử vào lối sống buông thả, trụy lạc, "nhưng tâm hồn anh trinh trắng quá, ngay cả cái Sài Gòn ăn chơi tội lỗi này cũng không cám dổ anh sa ngã được. (31)

Mặt khác, những người bạn thơ Hàn mặc Tử cũng viết nhiều về những đề tài trụy lạc như Bích Khê trong *Tinh Huyết* (*Xác thịt, Người say rượu, Ăn mày*). Hoàng Diệp trong các bài *Người say, Phút trụy lạc*, Thúc Tề trong *Phù Dung nương :*

*"Đốt nữa đi, em hỡi, đốt nữa đi*
*Cho tim anh tan ra thành khói cả*
*Cho đêm nay suốt đời anh sẽ ngã*
*Gần bên đèn chết lặng trong mê ly.* (32)

Hàn Mặc Tư đã có một cuộc đấu tranh để không bị cám dỗ, để tạo một khoảng cách với luồng thơ đồi trụy của thời đại. Trong thư gởi Trọng Miên thi sĩ viết : "Trong khi làm thơ, Tử đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội. Chứ đối với Baudelaire, va đã nói "la passion est chose naturelle" nghĩa là va đã hiểu lầm chữ passion rồi vậy. Tình cảm hay cảm hứng (enthousiasme) với dục tình (passion) khác nhau nhiều lắm. Tình cảm là sự thanh bạch hồn nhiên, không có một chút gì bợn nhơ, tội lỗi, còn dục tình là cả một sự ham muốn phi thường, ngoài điều răn của Đức Chúa Trời (*Quan niệm thơ*). Chúng ta có thể đồng ý với Nguyễn Bá Tín khi ông cho rằng thơ Hàn Mặc Tử là "sự chế ngự tài tình những dồn ép để rồi phát tiết ra những bài thơ cao đẹp"

Thơ Hàn Mặc Tử là sự siêu thăng hóa những ước mơ không được thỏa mãn. "Con đường siêu thăng ấy là hành trình thơ anh từ *Gái quê* qua *Đau thương*, đến *Xuân như ý, Thượng thanh khí* và *Cẩm châu duyên*" (33).

Đặng Tiến cũng có một nhận xét tương tự : "Theo Hoài Thanh – người may mắn hơn chúng ta, được đọc toàn bộ thi phẩm - thì *Cẩm châu duyên,* thi phẩm cuối cùng là "trong trẻo hơn cả". Âu cũng là chuyện lạ. *Gái quê,* từ ban sơ, đã là một dòng suối rừng vẩn đục rồi chảy qua một cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần lụy, ấy mà dần dà gạn lọc hết phù trầm, để đổ ra đại dương bằng một dải *Cẩm châu* trong vắt. Thật là một đặc điểm trong thẩm mỹ thi ca". *(Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử).* Có người cho rằng Hàn Mặc Tử là một thi sĩ khong có đến hai lần, trong rừng thơ Việt Nam, trong rừng thơ quốc tế". (34)

Nhận xét này có thể đúng nếu xét ở góc độ Hàn Mặc Tử là một phong cách thơ đa dạng là hết sức độc đáo.Hàn Mặc Tử đã đi một con đường dài từ thơ Đường cổ điển chuyển nhanh

sang lãng mạn, tượng trưng và đã chớm nở đến bờ siêu thực. Hàn Mặc Tử đã cố gắng tổng hợp vào bản thân mình những truyền thống văn học xưa và nay, dân gian và hiện đại, phương Đông và phương Tây, Thiên Chúa giáo, Phật giáo và cả Khổng giáo, Lão giáo. Người ta cũng nói nhiều đến một thứ ngôn ngữ có tính cánh trưởng giả (noble) giàu âm nhạc, giàu hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử, trong đó phải tính đến những ảnh hưởng của các điệu Nam Bằng, Nam Ai, kể cả nhạc điệu cung văn, đồng bóng. Người ta cũng tranh luận xung quanh nhiều "tổng hợp đề (synthèse) kỳ lạ và thú vị" về ngôn ngữ như các chữ "Phượng Trì", 'song lộc triều nguyên" trong bài thơ *Ave Maria.* Có thể có nhiều cách đánh giá khác nhau nhưng chắc chúng ta dễ dàng thống nhất khi khẳng định Hàn Mặc Tử là con chim đầu đàn của nhóm thơ Quy Nhơn, là một trong những ngọn cờ tiêu biểu của trào lưu văn học lãng mạn và tượng trưng trong thời kỳ 1930- 1945. Không thể tách Hàn Mặc Tử ra khỏi những đóng góp và những hạn chế của trào lưu đó. Và không nên quên rằng bên cạnh Hàn Mặc Tử còn có các nhà thơ lớn của trào lưu đó như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên..v.v...

Thơ Hàn Mặc Tử có những bài vào loại tuyệt tác, nhưng cũng có những bài bình thường. Có những số bài Hàn Mặc Tử không muốn công bố rộng rãi. Chúng ta nên quan niệm Hàn Mặc Tử dặn Quách Tấn trước khi vào nhà thương Qui Hòa : "Tôi có lời nguyện rằng vào Qui Hòa, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt hết tập *Thơ Điên.* Nhưng nghĩ lại thơ đã làm lỡ ra rồi, dù có đốt đi cũng không xóa được tội lỗi, nên tôi không còn giữ ý định đó nữa. Tuy vậy cũng không nên để cho người đời thấy những bí ẩn của lòng mình. Tôi sợ gia đìmh tôi không theo được ý muốn của tôi, nên tôi nhờ anh thâu hết bản thảo của tôi đem vào Nha Trang cất giùm... Tôi vào Qui Hòa, nhờ ơn Chúa, tôi mạnh được thì chẳng nói chi, bằng tôi có chết đi, thì tôi giao cho anh toàn quyền sử dụng. Bài nào nên

cho hành thế, bài nào không, anh đã biết rõ". Ta không biết được Hàn Mặc Tử định xóa bỏ những bài nào nhưng sự dè dặt, thận trọng của thi sĩ là cần thiết. Điều đáng nói khong phải chỉ là những bài thơ bí hiểm, những bài thơ nào gần với hiện tượng mê sảng và bệnh lý, gần với chiêm bao và cái chết. Điều đáng nói là chúng ta "cám ơn thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong miệng vẫn tươi cười sốt sắng" gửi đến cho chúng ta những bài "thơ sáng láng phương phi như một Mùa xuân như ý"

Chúng ta tin rằng hôm nay cũng như mai sau :

*"Thơ anh sẽ như trầm hương ngào ngạt*
*Tỏa lên cao lồng lộng giữa trời xanh"*

(Duyên kỳ ngộ)

**HÀN MẶC TỬ : Tác phẩm**
**Phê bình và Tưởng niệm (2002)**

**Chú Thích.-**

(1) .- Võ Long Tê gọi là Xuân Thiên (printemps sacré) theo nguyên bản chứ không phải là Xuân Thiên (ciel printanier)
(2) .- Võ Long Tê đã trực tiếp tham khảo bài thơ Hàn Mặc Thử tặng Hoàng Thị Kim Cúc - nhan đề là *"Sao, Vàng, Sao"*, chứ không phải "*Đừng cho lòng bay xa.*"
(3) .- Nguyên bản tiếng Pháp : "un univers qui est la version paienne du paradis chrétien"
(4) .- Tuyển tập *Hàn Mặc Tử* .- NXB Văn học, 1978 . tr,26.
(5) .-Quách Tấn.- *Ảnh hưởng đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử,* tập san *Niềm Thương*, (Nha Trang), bộ mới, số 13-14, trang 23-32, năm 1969.
(6) .- Phan Xuân Sanh .- *Ảnh hưởng đạo Phật trong thi ca Việt Nam* .-Tạp chí *Đại học* (Huế) số 9, tháng 5 1959.
(7) .- *Nguyên lý mỹ học Mác-Lênin* .- NXB Sự thật, Hà Nội : 1961, phần I, tr.220

(8) .- Đây là nguyên văn thơ của Phan Bội Châu đầy đủ hơn và chính xác hơn so với tường thuật của Quách Tấn trong "*Hàn Mặc Tử với thơ Đường luật*" .- (*Người Mới*, ngày 30-11-1940) hoặc so với trích trênbáo *Tin Tức* số 24-11-1940 mà chúng tôi đã giới thiệu trên *Nhân dân chủ nhật* số 24-3-1941.

(9).- Nguyễn Bá Tín ,- *Hàn Mặc Tử, anh tôi*, .- NXB Tin, Paris :1990 .- tr. 25.

(10) .- *Hàn Mặc Tử, anh tôi*, tr. 35-36.

(11) .- Xem chú thích tr.97

(12) .- *Hàn Mặc Tử, anh tôi*, tr.14

(13) .- Đỗ Lai Thúy .- *Hàn Mặc Tử, một hiện tượng độc đáo trong tư duy thơ Việt Nam* .- Hợp Lưu, số 5.

(14) .- Quách Tấn .- *Đôi điều sai lầm về Hàn Mặc Tử* .- Trả lời bài "*Cuộc đời và thi nghiệp Hàn Mặc Tử*" của Đường Bá Bổn .- *Văn hóa Á châu* số 20-21 nằm 1960.

(15) .- Theo Võ Long Tê, "*Khách sông Lam*" là Mộng Cầm, vì bố Mộng Cầm làm việc ở Vinh (Nghệ An)

(16) .- Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mặc Tử, anh tôi*,. tr.75, tr.25

(17) .- Nguyễn Bá Tín, *Hàn Măc Tử, anh tôi*, tr.75, tr.25

(18) .- Thư của Hoàng Cúc gởi cho Quách Tấn ngày 15-4-1971.

(19) .- *Hàn Mạc Tử, anh tôi* .- tr.50.

(20) .- Thư của Hoàng Cúc gởi Quách Tấn ngày 15-10-1971. Trích "*Đôi nét về Hàn Mặc Tử*".

(21) .- Võ Long Tê cũng tin là có một tấm ảnh như thế khi dịch câu : "*Áo em trắng quá nhìn không ra*" thành : "*Ta robe trop blanche ne se révèle avec netteté sur cette photo*" (L'expé -rience póetique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mặc Tử ,.- p. 611)

(22) .- Võ Long Tê dịch :"Voici l'Infini, voici l'Eternel. Volons ensemble ! (sách đã dẫn, tr. 645).

(23) .- Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử, thân thế và thi văn* , in lần thứ ba, Tân Việt, 1957, tr. 119.

(24) .- Châu Hải Kỳ. *Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa.* Văn số 179 (1-6-71)

(25) .- Tuyển tập, *Hàn Mặc Tử* .- Lời giới thiệu của Chế Lan Viên .- NXB Văn Học, 1987, tr. 17.
(26) .-*Những kỷ niệm về Hàn Mặc Tử.-Người mới* số 23-11-1940
(27) .- Hoàng Trọng Miên , *Con người Chế Lan Viên.*- Văn học *Saigon,* số 1-8-1974.
(28) .- *Thơ Hàn Mặc Tử,* Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình : 1988, tr.10
(29) .- *Thơ Hàn Mặc Tử,* sách đã dẫn, tr. 10
(30).- Ở đây Chế Lan Viên muốn phê phán bài "*Nỗi khắc khoải siêu hình trong thơ Hàn Mặc Tử*" của Nguyễn Xuân Hoàng.
(31) .- Hoàng Trọng Miên ., *Những ngày sống chung với Hàn Mặc Tử ở Sài Gòn* , Văn số 73, 74 (7-1-1967).
(32) .- Đông Dương, số 20-10-1938).
(33) .- *Hàn Mặc Tử, anh tôi* . tr. 76, 77
(34) .- Đinh Hùng. - Tựa "*Mê Hồn Ca*" , Hà Nội , 1954

*

* *

# THƯỢNG THANH KHÍ

**Hồ Đình Chữ**

Trong bốn năm mắc bệnh phung ghê gớm, nhất là sau những đau khổ triền miên, tuyệt vọng bi đát trong việc cứu chữa, những suy niệm về thể xác, linh hồn, về cứu rỗi giải thoát đã đúc kết thành một mơ ước duy nhất, chân thành nhất là được giải thoát. Mơ ước nầy đã đưa tư tưởng, tình cảm và hồn thơ của thi sĩ đến một thế giới mới rất xa khác với thế giới bế tắc của Mật Đắng, chân trời tăm tối của Máu Cuồng và Hồn Điên. Giác ngộ được lẽ sinh tồn huỷ diệt, còn mất, sống chết, sắc giới vô sắc giới, tạm bợ vĩnh cửu... nhà thơ đã đến cảnh giới *Xuân Như Ý*, *Thượng Thanh Khí*. *Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí* là hai thi phẩm kế tiếp thi phẩm *Đau Thương*. Trần Thanh Mại có ý kiến một nửa phần *Xuân Như Ý* và hầu hết *Thượng Thanh Khí* đều làm bằng một lối thơ bí hiểm khó mà suy nghiệm cho ra nghĩa.˜ Tuy nhiên, theo Hàn Mặc Tử giải nghĩa văn thơ thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như lối thơ tôi làm đó, thì giảng giải đến bao nhiêu trang giấy mà rốt cuộc chưa chắc người ta đã hiểu được tí gì! *Nói như anh, thấy một cành hoa mà tưởng tượng ra một mùi hương, thấy một làn tinh trắng mà hình dung được cái gì thanh bạch ở thế giới khác, thế là đầy đủ rồi. Vì tất cả thi vị là ở đấy... Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiênõ.* Trần Thanh Mại lại cho rằng quan niệm trên đây của Hàn Mặc Tử là sai lầm, nhất là khi Hàn Mặc Tử xác định những người có tài, nghĩa là đi ra ngoài cái sáo cũ và lề lối xưa, thường hay đi trước sự tiến bộ. *Tác phẩm của họ chỉ làm cho những thế hệ kế tiếp xem mà thôi... (Trần Thanh Mại.* Sđd. trg139).

Thật ra, lời phát biểu của Hàn Mặc Tử không phải hoàn toàn vô căn cứ. Những nhà thơ thuộc trường phái lãng mạn, ấn tượng, tượng trưng, siêu thực..., vì tha thiết với việc canh tân, muốn thoát ra ngoài sự câu thúc của hình thức cổ điển, muốn sáng tạo những ngôn từ, hình tượng và lối diễn đạt mới mẻ, tươi tắn hơn những ngôn tù, hình tượng và lối diễn đạt ước lệ, sáo mòn, xưa cũ, tất nhiên sẽ gặp phải những trở ngại khó khăn về việc lãnh hội trong buổi đầu, khi độc giả chưa kịp làm quen với những sáng tạo mới mẻ, dù rằng những sáng tạo ấy vẫn ở trong phạm vi cầu trường lãnh hội của người thưởng thức. Hơn nữa, theo quy luật tiến hoá chung, những ngôn từ, hình tượng và lối diễn đạt của các thi gia văn sĩ lãng mạn, ấn tượng, tượng trưng, siêu thực dù cho tân kỳ đến bực nào, đến lượt chúng, chúng cũng có thể trở nên dễ hiểu hay sáo cũ vì được sử dụng thường hơn trong thơ văn. Tất nhiên, cũng theo quy luật đào thải chung, những hình thức, ngôn từ, hình tượng, cách thế diễn tả... không ở trong giới hạn cầu trường lãnh hội chung của đa số độc giả, sau giai đoạn dò dẫm, thử thách, sẽ không tái hiện trong các tác phẩm văn chương về sau, và trở thành câu chuyện thuộc lịch sử văn học.

Hoài Thanh nhận định rằng' trong *Thượng Thanh Khí* có một vài bài đặc sắc ghi lại những *"cảnh đã thấy trong chiêm bao, ở đâu giữa khoảng các vì tinh tú trên kia. Đại khái không khác cảnh Xuân Như Ý mấy, chỉ thiếu tính cách tôn giáo, huyền bí nhưng không thiêng liêng. (Thi Nhân Việt Nam, trg.212.* Thiều Quang.- Không ghi năm).

Thật vậy, ta hãy nghe Hàn Mặc Tử giải thích *Thượng Thanh Khí*:

*Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí,*
*Xa xôi đời trăng mọc nước huyền vi.*
*Đây Miên Trường, đây Vĩnh Cửu tề phi*
*Cao cao vượt hai hàng bóng vía.*

**Đừng Để Cho Lòng Bay Xa**

Thế giới Miên Trường, Vĩnh Cửu cùng bay về vương quốc *Thượng Thanh Khí* huyền vi cao rộng vượt giới hạn của thực và hư, cũng là nơi Thiên Chúa ngự trị với tất cả quyền lực mầu nhiệm thiêng liêng và Hàn Mặc Tử tha thiết cầu xin Đấng Chí Tôn ban ơn cho linh hồn thơ cùng với tơ trăng được lên cao chót vót, được ánh thêm những tia sáng nhiệm mầu:

*Lạy Chúa tôi! Vầng trăng cao giá lắm,*
*Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên*
*Ánh thêm lên cho không gian rất đẫm,*
*Linh hồn thơ mát rợn với hương nguyền.*

**Vầng Trăng**

Cảnh giới của *Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí* là cảnh giới Hàn Mặc Tử hướng đến và mơ về. Đây không chỉ là ý tưởng của thi gia khi đi vào cõi siêu thực, mà chính là một kinh nghiệm của bản thân tác giả khi ngất lịm xuất thần, cũng giống như kinh nghiệm của bệnh hoạn nhức nhối, rã rời thân xác, mê loạn tinh thần...

Như nhà thơ Tản Đà đã từng giải thích, lý luận về mộng, Hàn Mặc Tử đã mô tả cảnh giới chiêm bao và trạng thái tinh thần của bản thân thi sĩ trong những cơn chiêm bao. Thiên về lý luận, Tản Đà cho rằng mộng là do người là một giống có ý thức. *Có ý thúc cho nên có mộng. Trăm năm trong cõi người ta thân thế chưa trải hết mà ý thức đã đi trước.Ý thức đi trước mà không đến, thời là tưởng, ý thức đi trước mà đến thời thành mộng... Tản Đà lại phân biệt cbiêm bao là giấc mộng con, cuộc đời là giấc mộng lớn. Các việc năm trước đến nay đã thành không, các việc tháng trước đến tháng này đã thành không, cả như việc mới ngày hôm trước sang hôm nay đã thành không...Cảnh ngộ mộng cùng cảnh ngộ ở đời có khác nhau mấy nhẽ: cảnh ngộ đời dài, cảnh ngộ trong mộng ngắn, cảnh ngộ đời nhiều về phần ngày, cảnh ngộ*

*mộng thường về phần đêm, cảnh ngộ đời nhiều người cùng biết, cảnh ngộ mộng chỉ một mình mình biết cho nên không có chứng, cảnh ngộ đời mở mắt mà thấy, cảnh ngộ mộng nhắm mắt mà thấy. Cảnh ngộ mộng mở mắt thì mất, cảnh ngộ đời chắc cũng nhắm mất mà thành không. Vậy thời mộng là cái mộng con, đời là cái mộng lớn .Mộng con mình đã tỉnh cho nên biết là mộng, mộng lớn mình chưa tỉnh cho nên chưa biết là mộng... (Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.* Giấc Mộng Con .- trg. 12-13. Hương Sơn..-Hà Nội 1941).

Hàn Mặc Tử không minh triết, lý luận về mộng và đời, không phân biệt giấc mộng con, giấc mộng lớn và nêu ra những khác biệt của hai loại mộng. Nhà thơ Hàn Mặc Tử mô tả trạng thái tâm thần và tường thuật cảnh chiêm bao mà nhà thơ đã từng trải qua. Khi xuất thần, nhà thơ như đã chứng được rằng chính mình đã từ sự thực đi tới bào ảnh, từ bào ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao... *Mông lung đã trùm lên sự vật và cõi thực bị ánh sáng của chiêm bao vây riết... Bây giờ tôi đố thử có nhận được tánh cách của giây phút này không, và tôi ở trong cảnh thực hay là đương bị hãm giữa trùng vây của chiêm bao? Tôi gặp nhiều người lạ - cũng như tôi chưa từng thưởng thức những mùi hương quý trọng. Ở chỗ này - không biết là chỗ nào. Có điều tôi nhận thấy từ hoa cỏ tới trăng đều im lặng trầm ngâm, ít khi lay động... Song le trăng vẫn sáng, hoa vẫn thơm, cỏ vẫn tươi và trí tôi vẫn tinh anh...Có khi thần phách của tôi đến rã rời đê mê vì đột nhiên có đôi môi của người đàn bà nào cọ sát vào môi tôi... Tôi cảm thấy sự khoái lạc vô biên cũng như tôi cảm thấy sự sợ hãi vô cùng một khi tôi phải con thú dữ ở đâu vồ lấy. Và cũng như tôi cảm thấy sự buồn, thương, tiếc lúc người tôi âu yếm mà bỗng có sức mạnh gì vượt đến cướp mất hoặc bị một tiếng vang gì đến phá đám. Sự hồi phục thần trí một cách bất ngờ ấy, tức là lối cắt đứt mạch máu, cắt đứt đường gân môi giới giữa hai cảnh : mộng và thực...*

Với ngôn từ vừa bóng bẩy hàm súc, vừa chính đáng xác thực, với chi tiết điển hình nhưng đầy đủ, Hàn Mặc Tử đã mô tả đúng trạng thái tinh thần của con người và những cảnh tượng, nhân vật, sự cố trong chiêm bao từ buổi đầu hành trình đến màn kết thúc một giấc chiêm bao, mà bất cứ ai cũng có thể đã trải qua, dù là không ghi lại nhưng có khi cũng đã kể cho người khác nghe...

Hàn Mặc Tử cũng mô tả trạng thái tinh thần và những cảm giác của nhà thơ trong thế giới nửa hư nửa thực khi vừa tỉnh giấc chiêm bao: Tôi vừa tỉnh giấc chiêm bao, mà tôi vẫn không tin, vẫn còn ngờ vực. *Hình như khứu giác của tôi nhận thấy một thứ mùi gì rất mới, rất nồng và rất gần. Tôi ở cách thành mộng bao xa? Không, khít bên tôi đây, nhưng làm sao tôi không đi tới được nữa. Và tôi cũng không rờ được bằng đôi tay như tôi đang ghì chặt cái gối bông đây. Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi, những điều tôi vừa thoáng thấy toàn là huyền hoặc cả? Có lẽ nào! Tôi đã thấy thực như đã thấy sự sống của tôi. Nhưng phút giây trong sáng đây không phải là phút giây mê sảng nữa. Có ai nhận thấy hai hàng nước mắt rưng rưng của tôi không?*

*Chiêm bao rã rời trong khi ánh sáng sự thực rọi tới. Bây giờ ngoại cảnh và nội tâm điều hoà, rung lên như những nhịp tiêu thiều thanh bai... Tôi cảm thấy hồn tôi mất đi một nửa, và tôi đương sống trong sự mơ hồ...*

Ra khỏi chiêm bao, hình như ai cũng có cảm thức giống nhau rằng mộng và thực chỉ có một khoảng cách thời gian rất ngắn ngủi mà sao như cổ độ mất tăm, một khoảng cách không gian gần kề mà sao như viễn xứ muôn trùng, đưa đến ý thức triết lý siêu hình về lẽ sắc không, hư thực...

Tâm trí của Hàn Mặc Tử đang hoang mang có hay không, hư hay thực là những huyền ảnh chập chờn trước mắt.

*Nếu Đường Minh Hoàng phục sinh, chắc cũng rỉ tai tôi mà nói cái chuyện lên chơi cung trăng với chuyện xuống âm ty gặp Dương Quý Phi là có thực. Tôi cũng tin là có chứ sao! Và tôi sẽ thuyết minh một cách rất nhà Phật là sắc cũng như không, chết cũng như sống, gần cũng như xa và hư cũng như thực..."* (*Hàn Mặc Tử.* Chiêm Bao Với Sự Thực. Chơi Giữa Mùa Trăng trg. 75-84. Xuân Thu, không ghi năm).

Nguyễn Bá Tín cho rằng đại để những điều Hàn Mặc Tử giải thích về những việc lạ lùng trong thơ mà thi sĩ đã gặp trong hai cõi mộng và thực trong bao nhiêu trang giấy mực chưa chắc người đời đã hiểu. (Nguyên Bá Tín: Hàn Mặc Tử *Trong Riêng Tư*, trg. 97. Hội Nhà Văn 1994).

Thật ra, bài văn *Chiêm Bao Và Sự Thực* của Hàn Mặc Tử cần được cảm nhận hơn là lý giải. Nhà thơ đã mô tả trạng thái tinh thần của mình trong lúc chiêm bao, sau lúc chiêm bao. Tác giả tường thuật những điều đã gặp trong chiêm bao và quan trọng hơn hết là việc sáng tác thơ văn tái hiện những giấc chiêm bao: Khi ngòi bút của tôi đã thấm nhuần những ý nghĩ cao cường truyền sang bởi điệu tinh truyền của trí tuệ, tôi phơi lên mảnh giấy thanh sạch này những tình cảm nóng ran, tràn trề và thơm lựng... *(Sđd.trg 77).* Tản Đà cũng đã từng có tác phẩm Giấc *Mộng Con,* và các nhà triết học Tây phương như Sigmund Freud, Adler, Jung và Charles Mauron cũng đã từng nghiên cứu về tâm thần và chủ trương các trường phái phê bình văn chương theo phương pháp phân tâm học...Những bài thơ của Hàn Mặc Tử mô tả thế giới *Thượng Thanh Khí* và tâm trạng của nhà thơ khi xuất thần cao bay đến cảnh giới *Thượng Thanh Khí*, một vùng trời hình như ở ngoài thượng tầng khí quyển, cao hơn, trong xanh hơn, tinh sạch hơn, nhẹ nhàng hơn. Cảnh giới ấy thật rất xa khác với thế giới hiện thực, người tỉnh thức của thế giới hiện thực khó nhận ra, vì đó là cảnh mộng như Tản Đà đã giải thích' chỉ một mình mình biết, cho nên

không có chứng. Chuyện trong mộng có khi đầu Ngô mình Sở. Người chiêm bao rất có thể vừa gặp một giai nhân tuyệt sắc, chưa nói được hết câu tâm tình thì đã gặp hung thần, ác thú đến bắt giữ hay vồ ăn; rất có thể gặp một tai nạn nguy hiểm đến tính mạng nhưng rồi có tiên, Phật hiện ra giải cứu... Khi xuất thần đến cảnh giới *Thượng Thanh Khí*, Hàn Mặc Tử cảm thấy' như có ma lực vô song xô đến bờ huyền diệu..*Hễ là hơi khói càng nhẹ, hơi trăng càng trong thì hơi thở tôi cũng thơm tho không khác một mùi hương!.* Nhà thơ đã giải thích rằng đang khi trăng, sao, mây khói dâng cao hoà hợp thành khí bao nhiêu, tôi không thở bằng phổi nữa, tôi thở bằng hơi thở tinh sạch của hồn tôi... *Hơi thở ấy góp cùng muôn hơi đằm thắm sẽ châu lưu khắp bầu thế giới và chung quanh tôidầu gần gủi hay bao la đều nhuộm một màu sắc phiếu diễu.. Tôi hứng lấy và nhận lấy ở trong hồn muôn ý tứ và muôn thanh sắc của trời mộng xa xưa (Chiêm Bao Với Sự Thực* Sđd.trg.78-79).

Cảnh giới mộng khác với cảnh giới thực. Cảnh giới ở *Thượng Thanh Khí* khác với cảnh ngộ ở thế gian. Cảnh giới *Thượng Thanh Khí* dù đã cao ngất từng xanh, nơi có trăng sao lấp lánh, vẫn chưa phải là nơi tận cùng của vũ trụ, nên càng bay lên càng cao vút, cao vút và càng cao thì càng tỏa sáng, tỏa thơm :

*Hãy nâng lên và nâng lên chút nữa*
*Sáng thơm tho như ánh ngọc vừng đông.*
*Nhưng cao quá và căng lên dữ quá*
*Dồn qua mau cho lút nước hư không.*

**Vầng Trăng**

Cảnh sắc *Thượng Thanh Khí* là xanh tươi trong sáng, êm ái dịu dàng có thể chuyển được tiếng thơ, dẫn đưa tiếng nhạc không va chạm tạp thanh, hổn sắc:

*Đã trong rồi và thanh tao đến tột*
*Bao nhiêu tơ chuyển được tiếng thơ bay.*

*Êm êm hơn đừng cho xanh lờn lợt*
*E so le ý nguyện giữa đêm nay.*

**Vầng Trăng**

Với đức tin Thiên Chúa sáng tạo đất trời, nhật nguyệt, tinh tú, vạn vật... Hàn Mặc Tử cầu xin Đấng Chí Tôn ban ơn cho trăng có được thêm ánh nhiệm mầu chiếu sáng không gian cho tràn trề êm mát, ướt đẫm hương nguyền, chan chứa hồn thơ :

*Lạy Chúa tôi! Vầng trăng cao giá lắm,*
*Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên.*
*Ánh thêm lên cho không gian rất đẫm,*
*Linh hồn thơ mát rợn với hương nguyền.*

**Vầng Trăng**

Từ Đông sang Tây, tự cổ chí kim, mặt trăng thật đã có nhiều ý nghĩa đối với nhân thế. Trong lãnh vực nông, ngư nghiệp, ghe thuyền đi sông, đi biển, mặt trăng báo hiệu thuỷ triều, thời tiết, thời vụ. Trong lãnh vực nghi lễ, phong tục, ở Đông phương, đặc biệt ở Việt Nam , ngày sóc, ngày vọng có ý nghĩa quan trọng trong việc dâng lễ, cầu nguyện, tạ ơn... Đối với tình cảm, tình yêu đôi lứa, trăng là nguyệt lão, trăng có ý nghĩa thề nguyền, đoàn tụ hay chia ly... Đối với bệnh phung hủi, hình như bệnh tình có tăng giảm theo nhịp độ của con trăng. Đối với thi gia văn sĩ, trăng gợi ra bao nhiêu thi tứ dạt dào, tình cảm phong phú..Vầng trăng thật là cao giá lắm vậy.

Vầng trăng ở *Thượng Thanh Khí* không phải là trăng ấn tượng "*Trăng nằm sóng soải trên cành liễu... Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe* hay"*Bóng Hằng trong chén ngã nghiêng, Lả lơi tắm mát làm duyên gợi tình..* Vầng trăng ở Thượng Thanh Khí cũng không phải là trăng của âm thanh vang dội tiếng vàng, màu sắc nhuộm vàng cả tạo vật và nhân gian :

*Tiếng vàng rơi xuống giếng*
*Trăng vàng rơi bờ ao*
*Gió vàng đang xao xuyến*
*Áo vàng hỡi chi chưa chồng đã mặc đi đêm.*

**Ngủ Với Trăng**

Trăng ở *Thượng Thanh Khí* là trăng bản chất ’Sáng thơm tho như ánh ngọc hừng đông, trăng cao’ lút mức hư khôngĩ, trăng tròn đầy’ và căng lên dữ quá, không chịu ảnh hưởng của nhịp vận chuyển; trái lại, là một nhân tố trong việc tạo ra nhịp vận chuyển dịch lý trong vũ trụ, càn khôn. Trăng ở đây đã trong lại thanh tao làm cho’ bao nhiêu tơ chuyển được tiếng thơ bay (Vầng Trăng). Trăng ở *Thượng Thanh Khí* là trăng :

*Sáng xanh đậu bức tranh đề*
*Bông thơm hội ý bên lề chờ mong*
*Tiếng ca nhẹ thỡn chưa vồng*
*Bởi chưng huyền ảo còn lồng hương lên*

Và trăng xa xôi ở cõi’ khí hậu còn nguyên˜ mà Hàn Mặc Tử dù say mê đắm đuối vẫn ở ngoài tầm mong ước yêu thương :

*Chỗ đây khí hậu còn nguyên,*
*Không ai chạm tới mà đền sao đang.*
*Tôi ưng quá! Tôi ưng nàng,*
*Nàng xa xa lắm, ơi nàng trăng ơi!*

**Ưng Trăng**

Trăng ở đây đã kết hợp cái thực (the real) từ cái cao, cái sáng, cái tròn đầy không chịu ảnh hưởng của vận chuyển đến cái khí hậu còn nguyên, với cái phi lý (the irrational) của cái thơm, chuyển thơ bay, cái huyền ảo để thành một siêu thực tại (the surreality) trong cảnh giới Thượng Thanh Khí, thế giới siêu thực... như các nhà văn thi sĩ, nghệ sĩ trường phái siêu thực chủ trương.

Trong bài thơ *Đừng Cho Lòng Bay Xa*, Hàn Mặc Tử đã chiêm bao mơ thấy mình đến cảnh giới *Thượng Thanh Khí* huyền vi, miên trường vĩnh cửu, hội ngộ với Hoàng Hoa tức là Kim Cúc của mối tình đầu dang dở vì tôn giáo bất đồng :

*Trời nhật nguyệt cầu vồng bắc tứ phía*
*Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây.*
*Hương ân tình cho kết lại thành dây*
*Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu*
*Đàn cung bậc! Gió dồn thêm âm điệu*
*Sững lòng chưa? Say chấp cả thanh bai...*

Hàn Mặc Tử và Kim Cúc, trong thế giới thực là những người tình dang dở, yêu không thành, mộng kết đôi phu phụ tan vỡ, sống cô đơn ly biệt, biệt ly như Ngưu Lang và Chức Nữ. Hàn Mặc Tử chiêm bao mơ thấy đêm thất tịch, chim ô thước bắc cầu cho chàng và nàng hội ngộ trong ánh sáng vàng sao hân hoan rơi đầy trên sông nước Ngân Hà, và đã hội ngộ thì không muốn xa nhau để phải hứng lấy mưa ngâu buồn sầu ly biệt và mừng tủi đoàn viên... để rồi ly biệt. Nội dung của chuyện tình Ngưu Lang Chức Nữ và đêm thất tịch mồng 7 tháng 7, chim ô thước, sông Ngân Hà, mưa ngâu... đã thoáng hiện ra một cách có ý nghĩa trong mấy câu thơ sau đây, và ai bảo được là thi nhân văn sĩ trường phái siêu thực không sử dụng điển tích :

*Thu đây rồi! Bước lên cầu Ô Thước*
*Sao! Vàng sao rơi đầy trên sông nước*
*Đừng ngã tay mà hứng máu trời sa!*
*Thôi kéo về đừng cho lòng bay xa...*

Không gian hội ngộ là không gian *Thượng Thanh Khí* chan chứa ý nghĩa đoàn tụ sum vầy trong muôn hoa kiều mị, trong ánh sáng cao cường, có bông trăng lá gió chơi vơi, huyền ảo. Đó là không gian tầng thượng tầng có lâu đài ngọc,

có tiêu đàn rung rinh theo yến nguyệt, có trầm hương ngào ngạt hoà với sương khói nhạt nhạt, xanh mơ, biên biếc:

*Thu vươn này, thu vươn ra như ý,*
*Mau rất mau trong muôn hoa kiều mị,*
*Mùa rất trai và ánh sáng rất cao.*
*Đừng nói buồn mà không khí nao nao*
*Để chơi vơi này bông trăng lá gió*
*Để phiêu phiêu này tờ thơ vàng vọ*
*Để dầm dề hạt lệ ta đôi ta*
*Tầng thượng tầng lâu đài ngọc đơm ra,*
*Khói nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc,*
*Tiếng huyền địch gò theo tia yến nguyệt*
*Đẩy đưa dài hơi ngào ngạt trầm mơ.*

Câu thơ «*Để dầm dề hạt lệ ta đôi ta*» có ý nghĩa là hạt lệ tủi mừng sum họp đã đành mà còn hàm chứa nội dung của nỗi niềm khát vọng liên chủ thể ta trong' đôi ta, đôi ta trong ta của người tình đối với người tình, của Hàn Mặc Tử đối với Kim Cúc, người tình đầu tiên đầy mơ ước yêu thương và dự ước kết đôi phu phụ nhưng đã gặp phải hoàn cảnh ngang trái. Ước vọng này chỉ có thể thực hiện được ở cảnh giới *Thượng Thanh Khí* cao rộng thênh thang, không có ràng buộc xã hội, không có màu sắc, biên giới phân biệt chủ kiến, phân biệt tôn giáo phức tạp.

Nhưng khi mộng tàn, chiêm bao kết thúc, Hàn Mặc Tử trở về với thực tại trống rỗng, cô liêu để thấy lòng nhớ thương chất ngất. Đây là lúc tâm trạng của nhà thơ đang nửa tin, nửa ngờ, không biết cảnh mộng cách sự thực bao xa mà màu sắc, hương hoa xem chừng như còn quyến luyến, âm thanh nghe như còn văng vẳng. Có lẽ nào chuyện trong mộng là huyền ảo hư vô cả ? Giải Ngân Hà, cầu Ô Thước đều biến mất, và ước ao, và nhung nhớ đang đắm chìm trong mường tượng buồn thiu.

Có ai nhận thấy hai hàng nước mắt rưng rưng nơi hàng mi khô héo của Hàn Mặc Tử ?

*Thinh không tan như bào ảnh hư vô*
*Giải Ngân Hà biến theo cầu Ô Thước*
*Và ước ao và nhớ nhung lần lượt*
*Đắm im lìm trong mường tượng buồn thiu!*

Thơ tình trong cảnh chiêm bao, trong cảnh giới *Thượng Thanh Khí* và hướng về đối tượng người tình Kim Cúc thật thanh cao, sáng sủa, không bi thương thê thảm, không cay nghiệt hận sầu như đối với Mộng Cầm trong các thi phẩm Mật Đắng, Xuân Như Ý... Tình ở Thượng Thanh Khí còn hiển hiện trong bài thơ Tình Hoa và hoa ở đây tưởng nên hiểu là hoa Kim Cúc đoan trang thuỳ mị, duyên dáng hiền thục, khó tiếp cận nhưng không phũ phàng. Mối tình dang dở, duyên đôi lứa lỡ làng nên tình của hoa phúc hậu, nết na nghe như xa xôi và ý tình lưu luyến nghe như hàm dưỡng ý thương vay khi nhà thơ mắc phải chứng nan y, cố nhân gửi tặng tấm ảnh phong cảnh Vỹ Dạ với mấy hàng chữ hỏi thăm sức khoẻ:

*Bông nào hàm dưỡng ý thương vay*
*Một trời sao vang vang lên đau khổ*
*Xuân cầm chừng ít khi tơ tương ngộ*
*Cứ biệt ly, rồi lại biệt ly thôi...*

Đối với thi sĩ Hàn Mặc Tử, mấy lời thăm hỏi sức khoẻ viết sau bức ảnh gửi tặng nhà thơ của nàng Kim Cúc là có ý thương hại, thương vay và nhà thơ thật vô cùng đau khổ. Nỗi đau khổ này toả ra cả bầu trời làm vang động đến trăng sao và hằn lên một dấu ấn không phai mờ trong ký ức nhà thơ. Vì tính đoan trang theo khuôn phép lễ nghi của cô gái Huế, khuê nữ chốn thần kinh có nửa dòng máu hoàng gia nên tơ tình ít khi tương ngộ và cõi lòng cứ như thể xa cách biệt ly, biệt ly... vì tâm sự nhiều mà ít hé trên môi.

Nhà thơ Hàn Mặc Tử đã tìm hiểu tình hoa qua nhiều hoàn cảnh, trường hợp, từ cảm xúc rung động dịu nhẹ thanh bai đến đau khổ thao thức, từ tình cảm trong cõi lòng đến minh triết, lý luận trong lý trí... Nhà thơ đắn do kích thước của tình hoa theo chiều dài không gian, chiều rộng, chiều sâu thời gian và nhận biết được hoàn cảnh trái ngang, tôn giáo phân kỳ, tình không đơm hoa kết trái hôn nhân, tạo nên niềm phu phụ, mặc dầu chàng vẫn say đắm nhan sắc duyên dáng, trang nghiêm của nàng, yêu mê tính tình dịu hiền thuỳ mị của nàng, và nàng vẫn kính trọng đức tính khiêm cung, tài nghệ văn chương của chàng:

*Mình gom hết thanh bai và thâu thức*
*Mình giải quyết tiêu tao sang nô nức*
*Tứ rung rung cho quá trí dật dờ*
*Rồi bay vù từ diệu vợi đến xanh mơ*
*Từ bến ngọc dời sang châu dũ lý*
*Từ minh triết lần lần theo ý chí.*

...

*Đo hoài niệm có dài hơn kinh tuyến?*
*Hay thua xa, thua xa màu vĩnh viễn*
*Không rộng bằng hiu quạnh của thời gian?*
*Á, không rồi, không đủ nhịp tình tang*
*Không có thể tạo nên niềm phu phụ.*

*«Á, không rồi, không đủ nhịp tình tang, Không có thể tạo nên niềm phu phụ».* Cuối cùng nhà thơ Hàn Mặc Tử đã tìm ra lại đáp số của cuộc tình, câu trả lời cay đắng chua xót của ước vọng hôn nhân mà trước đây trong bài thơ *Ở Đây Thôn Vỹ Dạ* ở phần Hương Thơm của thi phẩm *Đau Thương* tác giả đã than thở «Gió theo lối gió, mây đường mây». Đáp số này đã đưa tâm hồn của nhà thơ ra khỏi những nỗi dằn vặt về đối tượng, về tình yêu để hướng đến những khổ đau có tính cách xã hội vì phong tục, lễ nghi tôn giáo. Cũng chính vì đáp số nhuốm màu sắc xã hội, mùi vị tôn giáo tín ngưỡng nên

mối tình của Hàn Mặc Tử đối với Kim Cúc đã trở thành một hoài niệm đẹp đẻ và lý tưởng rất khó phai mờ trong cõi lòng của nhà thơ. Tuy dang dở ngang trái, giấc mơ phu phụ không thành, mộng hợp hoan tan vỡ vì tín ngưỡng không ăn khớp nhịp nhàng , không hoà điệu êm ái, và nhà thơ Hàn Mặc Tử cũng không cầu xin ân huệ hoàng gia trong thế giới thực tại đầy chủ kiến, lắm phân biệt ngăn cách, nhưng tình của Hàn Mặc Tử đối với Kim Cúc thật là bao la phong phú, thương nhớ tương tư qua thời gian cứ chất chứa cao dày âm hưởng, cứ bồi đắp tràn ngập hương hoa.

Hàn Mặc Tử xuất thế gian đến cõi *Thượng Thanh Khí* là nơi không còn ràng buộc lễ nghi tôn giáo, phong tục xã hội, nơi mà đạo trời bao dung vô lượng vô biên cho lưu động hết mọi âm giai, khúc điệu không phân biệt cung bậc, nơi kêu gọi tất cả mọi tình trìu mến yêu thương hoà đồng, thì lòng người tình sẽ gặp lòng người tình, người yêu sẽ hội ngộ với người yêu trong đoàn hợp bình yên liên chủ thể. Hàn Mặc Tử sẽ đoàn hợp với Kim Cúc thành liên chủ thể Hàn Mặc Tử-Kim Cúc, và nhà thơ đã cất tiếng tha thiết kêu gọi người tình Kim Cúc : ˀNàng hỡi nàng, sao nàng chưa thấy đến» :

*Dồi dào đến toả ra trời phong phú*
*Không cầu xin ân huệ của hoàng gia.*
*Màu mỡ đậm khi rào rạt tài ba*
*Nên đêm đến tiếng tiêu vàng độ lượng*
*Tương tư nàng khi cao dày âm hưởng*
*Không nao nao vì sợ ngợp đường duyên*
*Lòng níu lòng cho đoàn hợp bình yên*
*Song song bay về nội tình khí giới*
*Đạo trời sáng, sóng niềm xô đẩy tới*
*Cho nên đây lưu động hết cầm ca*
*Đây kêu gọi biết bao tình trìu mến*
*Nàng hỡi nàng, sao nàng chưa thấy đến?*

Cảnh mộng là cảnh thực được nối dài ra. Mộng là thực được thăng hoa lên đến mức độ siêu hình. Thơ của Hàn Mặc Tử trong chiêm bao nơi cảnh giới *Thượng Thanh Khí* thoạt nhìn, thoáng đọc thì thấy ngôn từ xa lạ, mới mẻ quá, tình tiết như rời rạc lạc lõng, lý lẽ như bất thông khó hiểu... nhưng đây là ngôn từ, tình tiết, lý lẽ trong cõi mộng, của thế giới siêu thực. Thế giới siêu thực tuy không hoàn toàn ly khai với thế giới thực tại vì thế giới siêu thực là sản phẩm của nhà thơ, nhà nghệ sĩ vốn là người sống trong thế giới thực tại, nhưng vẫn phải có những tính chất, kích thước, chiều hướng siêu thực của nó. Dầu sao, thế giới siêu thực của Hàn Mặc Tử còn có dư âm, dư vị, hoài niệm thực tế và khả cảm, khả thức, khả thông hơn thế giới siêu thực trong thơ của Nguyễn Xuân Sanh, như :

*Quỳnh hoa chiều đọng nhạc trầm mi*
*Hồn xanh ngát chở dấu xiêm y.*

*hay :*

*Lên mùa xuân khách vút xe hương*
*Vai nghiêng, suối lạnh trái hồn đường*
*Gieo trắng dặm thơm dài ngát nẻo*
*Bó mùa chân ướp ngấn hoa sương.*

và:

*Cổ mây người nhạc dịu vườn tươi*
*Da xuân mười tám tuổi buồn người*
*Mi thơm chanh buổi trĩu buồn da*
*Rượu tóc loan thoáng đượm buồn ngà*
*Sầu chùm tơ giấy giở mưa hoa*
*v.v...*

Trong bài thơ *Tình Hoa* của Hàn Mặc Tử, từ hoàng gia có thể hiểu là Đức Giáo Hoàng Giáo Hội La Mã. Như vậy câu thơ «*Không cầu xin ân huệ của hoàng gia*» có nghĩa là ở cõi trần gian, tín đồ Nguyễn Trọng Trí đã không xin phép

giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã để thành hôn với người ngoại đạo Hoàng Thị Kim Cúc. Từ *«khí giới»* trong câu thơ *«Song song bay về nội tình khí giới»* có thể hàm chứa ý nghĩa cảnh giới của nguồn tinh khí, tức là cảnh giới *Thượng Thanh Khí,* ở đó những người tình, những người yêu nhau song song bay trong đoàn hợp bình yên theo nhịp điệu của cầm ca kêu gọi... *tình trìu mến.* Bài thơ *Tình Hoa* chính là hoài niệm và ước vọng của nhà thơ Hàn Mặc Tử đối với mối tình Kim Cúc. Hoài niệm và ước vọng này không chỉ vang lên trong cái nhan đề *Tình Hoa* làm cho ta liên tưởng đến mối tình của nhà thơ với người con gái mang tên một loài hoa trang trọng đã từng làm chủ đề cho thi hứng của tác giả trong các bài thơ *Vịnh Hoa Cúc, Trồng Hoa Cúc,* Hồn Cúc mà chính là vì diễn biến và ý nghĩa của mối tình trong lòng thi nhân đối với Kim Cúc bàng bạc trong từng ngôn từ, vần điệu và nhất là đẫm ướt trong nội dung và chi tiết của bài thơ...

Người ta thường bảo rằng những ẩn ức dồn nén của tâm tư làm cho ước vọng của con người càng thêm thâm sâu mãnh liệt và hiển hiện, và biến hoá trong chiêm bao. Những nhà nghiên cứu và phêbình văn chương,nghệ thuật theo phương pháp tâm lý hoặc tính tình khoa (charactériologie) hoặc phân tâm học(psychanalyse)thường đặt vấn đề tâm lý tác giả,nghiên cứu từ trạng thái thể chất đến trạng thái tâm linh để tìm hiểu những bí ẩn, khúc mắc trong tác phẩm. Ở trường hợp Hàn Mặc Tử, với những chi tiết về thể chất, hồ sơ bệnh hoạn, tiến trình của những câu chuyện tình, trạng thái tâm lý đau thương thê thiết về tình yêu và về sinh mạng, những giấc chiêm bao hàm dưỡng khát vọng tình yêu đoàn hợp bình yên, khát vọng miên trường, vĩnh cửu không chỉ vì thân phận chung của con người mà còn vì số phận mong manh, ngắn ngủi do bệnh phung hủi của riêng mình, tưởng thơ văn của tác giả đã phản ánh được trung thực trạng thái thể chất và tâm linh của tác giả; hay ngược lại, trạng thái thể chất và tâm linh của tác giả đã để lại dấu ấn đậm đà, rõ nét trên tác phẩm văn chương của tác giả.

Khát vọng tình yêu đã hiển hiện trong chiêm bao nơi vùng trời *Thượng Thanh Khí* với các bài thơ *Đừng Cho Lòng Bay Xa, Tình Hoa*. Khát vọng miên trường vĩnh cửu cũng đã hiển hiện trong chiêm bao nơi vùng trời tầng thượng tầng trong các bài thơ *Vầng Trăng, Ưng Trăng*. Khát vọng ấy còn được tìm thấy rõ ràng cả trong bài thơ *Trường Thọ*, mà ước vọng yêu thương, đoàn viên gắn bó vẫn còn vang vọng trong vần cuối « *Hoan hô cao trường thọ đến vô biên, Hoan hô cao vàng ngọc sẽ đoàn viên* » như để đổ đầy cho khát vọng vĩnh cửu miên trường một ý nghĩa trọn vẹn dịch lý âm dương Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê, vì «*'un seul être vous manque, tout est dépeuplé.* » Trường thọ miên trường vĩnh củu với trăng sao mà vắng bóng tình thương yêu đoàn viên gắn bó không phải là thiếu thốn hay sao ?

Từ biệt trần giới hạn hẹp về không gian, ngắn ngủi về thời gian, mong manh về thân phận, khắc nghiệt về số phận, ở cảnh giới *Thượng Thanh Khí,* Hàn Mặc Tử sẽ sống trường thọ vĩnh cửu, có trăng sao rạng ngời màu sắc năm mây, có thần nhạc mê ly huyền diệu, có mùi hương mộc dược thơm tho tinh khiết. Trong cảnh giới ấy, hồn thơ của thi sĩ sẽ trỗ hào quang, tuôn mùi hương, toả linh khí, và cảm xúc rung động, và tình tứ yêu thương sẽ theo đầu ngọn bút thần đề lên trang giấy màu sắc cầu vồng những sảng sốt, đê mê mênh mang muôn thuở:

*Ta sống mãi với trăng sao gấm vóc,*
*Trong nắng thơm, trong tiếng nhạc thần bay*
*Bút đề lên nền sáng báu năm mây*
*Thơ chen lấn vô trong nguồn cảm giác*
*Ta uống hết dư hương và mộc dược*
*Ớn làm sao, đầy một miệng hào quang*
*Đưa tay vơ cung cầm nguyệt mênh mang*
*Chan chứa ý ly tao giây sảng sốt.*

Khát vọng vĩnh cửu miên trường của nhà thơ Hàn Mặc Tử không phải chỉ có trong chiêm bao, cũng không phải ở vào thời điểm mà hoàn cảnh cá nhân từ thân thế, tuổi mộng, tình yêu... đến tính mạng đã đến hồi bi đát mới nảy sinh ra. Ước vọng này đã có một thời kỳ bừng lên trong hiện thực với chủ trương trường thơ loạn với Yến Lan và nhất là với Chế Lan Viên, trong ý hướng tạo cho thi ca Việt Nam một sắc thái mới mẻ, sáng tạo, và tạo cho mình và bằng hữu cùng chung khuynh hướng nghệ thuật một thế đứng đặc biệt trên thi đàn của thời đại. Theo lời của Yến Lan, Hàn Mặc Tử đã từng cho rằng bài Tựa của thi phẩm *Điêu Tàn* của Chế Lan Viên là tuyên ngôn của trường thơ loạn...*Thơ loạn đã có mầm mống lâu rồi và đang có nền móng với sự ra đời của Điêu Tàn.* (Trần Thị Huyền Trang. *Những người thân yêu những bàn tay nối kết.* Lữ Huy Nguyên sưu tầm, tuyển chọn. *Hàn Mặc Tử Thơ Và Đời*, trg. 237-242. Văn Học 1994).

Về sau, trường thơ loạn còn có thêm Bích Khê.

Trong quá trình bàn luận, sáng tác, và bảo vệ nguyên tắc cùng nghệ thuật của trường thơ, Chế Lan Viên và Yến Lan đã tôn Hàn Mặc Tử là đàn anh về tuổi tác và kinh nghiệm văn chương để cùng học hỏi và thúc đẩy nhau càng ngày càng tiến trên đường sáng tạo. Chính vì vậy, trong bài thơ *Trường Thọ*, Hàn Mặc Tử đã nhắc đến Chế Lan Viên với những lời thơ thành thật vừa như nói lên được hồn thơ bẩm sinh, thiên phú của bản thân, vừa xác nhận ảnh hưởng của những lời khuyến khích, động viên chân thiết như những lời cầu nguyện của bạn :

*Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hột*
*Cầu Khúc tinh hằng chiếu mạng người thơ*
*Nên đường trăng sáng láng tự bao giờ*
*Lạy chín phẩm thiên thần xin chứng giám.*

Trần Thị Huyền Trang trong bài *Vị Chúa Của Trường Thơ Loạn* đã nhận định : 'Qua các tác phẩm của các nhà thơ thuộc Trường Thơ Loạn, người đọc dễ dàng nhận ra sự ảnh hưởng lẫn nhau trong ngôn ngữ và hình tượng thơ. *Giữa Chế Lan Viên và Bích Khê, giữa Bích Khê và Hàn Mặc Tử, giữa Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên, giữa Chế Lan Viên và Yến Lan... Họ bắt gặp nhau trong ý tưởng và ngôn từ, nhưng giọng điệu thì khác. Đó là kết quả của một quá trình dài... tương hỗ sáng tạo. Về mức độ, có lẽ Hàn Mặc Tử là người gây ảnh hưởng nhiều nhất... tiếp đến là Chế Lan Viên. Thơ Hàn Mặc Tử có Trăng, Hồn, Máu thì thơ Chế Lan Viên, Bích Khê và Yến Lan cũng có Trăng, Hồn, Máu. Thơ Chế có bóng ma thì thơ Hàn và thơ Bích Khê bóng ma thỉnh thoảng cũng hiện về. Sọ người, tinh tuỷ, xương cốt đầy rẫy trong thơ Chế Lan Viên và thơ Bích Khê .Còn điều này nữa, cái chất chung, tan chảy điều hoà toàn bộ sáng tác của họ là cái chất sầu..." (Sdd .trg. 241-242).*

Như thế chẳng phải Hàn Mặc Tử đã trở thành bất tử cùng với thi ca của nền văn học cận đại hay sao?

Sau khi Hàn Mặc Tử mất, Hoàng Trọng Miên cổ động các bạn viết bài, cho đăng bài thơ *Khóc Hàn Mặc Tử* do Bích Khê sáng tác sau giấc chiêm bao gặp Hàn Mặc Tử trước khi Hàn Mặc Tử mất mấy hôm, trong tạp chí *Người Mới*, số đặc biệt ra ngày 23.11.1940. Chính Chế Lan Viên cũng có bài văn ca ngợi Hàn Mặc Tử rất được độc giả chú ý; trong bài có câu mà Quách Tấn đã cho rằng táo bạo nhưng cũng thật là chân thành : '*Mai sau, những cái tầm thường mực thước kia sẽ biến tan đi và còn lại ở cái thời kỳ này chút gì đáng kể, đó là Hàn Mặc Tử*'. (Quách Tấn. *Đôi Nét Về Hàn Mặc Tử* .- trg 117-118. Quê Mẹ 1988). Câu nói của Chế Lan Viên đã đưa Hàn Mặc Tử đến thế giới miên trường vĩnh cửu về mặt sự nghiệp văn chương vậy.

Gần 50 năm sau, vào năm 1987, dưới nhan đề *Hàn Mặc Tử Anh Là Ai ?* .- Chế Lan Viên đã lại xác nhận Hàn Mặc Tử là một đỉnh cao, loà chói trong văn học của thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ... *Hàn Mặc Tử có tài rất sớm. Tản Đà định khen thơ anh trên báo nhưng rồi tiên sinh qua đời. Làm một bài thơ như bài* Cửa Sổ Đêm Khuya *đọc lui đọc ngược sáu cách, Tử rất giỏi... nhờ có một cái cốt thế nào đó, một cấu trúc tâm hồn thế nào đó ở bên trong...Hàn Mặc Tử, lúc ấy còn lấy tên Phong Trần, tên Lệ Thanh đi về, qua lại giữa trời và đất, cảnh và người, thực và hư... rất thoải mái... Nhưng phải có cơn bão máu, trận hồng thuỷ tai ương, những động đất tâm hồn, những phun lửa tình yêu kinh khủng về sau, thì cái khả năng kia mới lên cái thế bình phương, rồi lập phương như ta thấy...". (Lữ Huy Nguyên.* Sđd. trg 205-207).

Không đánh giá văn thơ, không sắp xếp thứ tự ngôi bậc, với ước vọng vĩnh cửu miên trường trong tâm trí, Hàn Mặc Tử mơ về Trường Thọ, cầu nguyện bằng trân châu, thanh sắc dâng lên cảnh giới thượng thanh khí để cho hồn, cho thơ bất diệt với Hà Sa, sống mãi với muôn xuân đầm ấm :

*Ta sống mãi với muôn xuân đầm ấm*
*Trong mây kinh và trong gió nguyện cầu.*
*Nào trân châu, nào thanh sắc cho mau*
*Dâng hết cả! Thanh âm dường tụ khí.*
*Hồn ta đây bất diệt với Hà Sa*
*Trí ta sẽ cuồng lên trong khoái trá*
*Cho đớp mắt, cho mê tình bản ngã,*
*Hoan hô cao trường thọ đến vô biên*
*Hoan hô cao vàng ngọc sẽ đoàn viên.*

Trong thi phẩm *Thượng Thanh Khí* còn có các bài thơ tình tìm về cái đẹp hiện thể ở giai nhân như Nói Tiên Tri, Âm Nhạc, mơ ước tình yêu, tình duyên ở một cõi xa xôi nào ở

tiên giới hoặc ở một khoảng thời gian nào trong quá khứ cổ độ như Mơ Duyên, Cưới Xuân Cưới Vợ, Tài Hoa, hay tả nỗi buồn vì cô liêu, vắng bóng giai nhân tri kỷ như *Buồn Ở Đây*...

*Non nước tâm tình rộng bốn phương*
*Để em làm nhạc, tôi làm hương.*
*Đêm nay dạ yến Lâm Xuân Các*
*Điêu Thuyền đàn khúc Tề Tuyên Vương*

*Xong rồi đôi ta qua Đào Nguyên*
*Anh làm rượu ngọt, anh làm men.*
*Tiên cô không đợi duyên mời mọc*
*Say thôi gò má đỏ rần lên...*

**Mơ Duyên**

*...Pháo nhân duyên nổ đã hơi nhiều*
*Trầu lịch sự têm mừng hai họ...*
*Người ta cưới cả xuân cả vợ*
*Nên ân tình nổi máu trên môi*
*Còn em sao chưa biết hổ ngươi*
*Để mai mốt anh đi lễ hỏi...*

**Cưới Xuân, Cưới Vợ**

*Rượu say người cổ độ,*
*Chữ say người Liêu Trai,*
*Xuân bay khắp thần trí*
*Âm vọng dễ gì phai.*

...

*Tài hoa rất thanh bạch,*
*Xin mời kết nhân duyên!*
*Cười cho ca sửng sốt*
*Tình tự mới bình yên,*

**Tài Hoa**

*Chiều xưa khúc nhạc nóng rang lên*
*Không có ai đi để ước nguyền.*
*Nguồn thơ ứa mãi hai hàng lệ*
*Tờ giấy hoa tiên cũng ướt mèm.*

**Buồn Ở Đây**

Trong phần cuối của chương Xuân Như Ý, *Thượng Thanh Khí* trong tác phẩm Hàn Mặc Tử, Trần Thanh Mại đã kết luận: "Hàn Mặc Tử hoàn toàn thành công ở chỗ khác, đã hỏng ở chỗ này. *Cũng may mà phần thơ bí hiểm trong thi phẩm chàng không phải là phần quan trọng nhất và cũng may mà một nguồn thơ mới khác vào khoảng đầu năm 1940, một nguồn thơ chân chính, và may mắn xiết bao, đến vừa kịp để lôi người lạc lối về đường phải". (Sđd.* trg.143).

Lời phê bình của Trần Thanh Mại quả thật khắt khe ở hai điểm hỏng và may (may ba lần). Trước hết, thơ Hàn Mặc Tử không hỏng ở chỗ nào cả, nhất là cứ không giải thích được đầy đủ theo ý muốn thì cho là hỏng, thứ đến là trong thế giới văn chương nghệ thuật không có gì rủi và may hết.

Về điểm thứ nhất, thi ca siêu thực xuất hiện theo đà tiến triển tự nhiên của văn chương và cả nghệ thuật nữa. Tuy vậy, khuynh hướng ấy không phải hoàn toàn ly khai với các khuynh hướng văn chương nghệ thuật trong quá khứ. Nếu ấn tượng và tượng trưng xuất hiện như một thứ lãng mạn cao độ, thì siêu thực chính là lãng mạn đến kỳ cùng (romantisme jusqu'au bout) như một nhà phê bình Tây phương đã phát biểu. Trong văn học Việt Nam, các chuyện như *Cuộc Tình Duyên Kỳ Diệu Ở Hoa Quốc, Con Chuột Thành Tinh, Truyện Hai Ông Phật Cãi Nhau...* trong *Di Thảo* của Lê Thánh Tông (Thanh Lãng. *Văn Học Việt Nam II.* Trg 247-271. Phong Trào Văn Hoá 1971), những *Chuyện Nghiệp Oan Của Đào Thị, Chuyện Yêu Quái Ở Xương Giang, Chuyện Người Nghĩa Phụ Ở*

*Khoái Châu* v.v... trong *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ (Bản Dịch. Trúc Khê Ngô Văn Triện. Tân Việt 1952), và *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du (Hoàng Xuân Hãn Chú Thích, Hiệu Đính. An Tiêm, Paris 1995) phải chăng cũng có tính chất hư hư, thực thực của siêu thực ?

*Hơn nữa, thơ là bộ môn văn chương chú trọng cảm xúc, rung động, tình tự, nên nếu chỉ sử dụng ý thức, lý tính để giải thích, tìm hiểu, ta sẽ khó đạt đến kết quả mong muốn.* Đối với thơ, ta cần phải vận dụng cả trực giác, kỷ niệm, kinh nghiệm, tiềm thức mà cảm nhận mới có thể lãnh hội được. Đối với một bài thơ như thơ của Hàn Mặc Tử, nếu cứ đọc từng chữ, từng câu, từng bộ phận, từng ý, ta sẽ bối rối không ít, nhưng nếu ta cứ đọc cả bài, đọc một hơi rồi thể nhập vào cảm, tình, ý cho nó cuốn ta đi trong dòng cảm xúc, tình tự, ý tưởng của nó, trong cái hồn của nó gồm nào là bầu khí, nhịp điệu, nào là màu sắc, hương hoa, âm thanh, khí lực... thì ta sẽ đi từ rung động đếm cảm thức và lãnh hội được ý nghĩa toàn cục. Từ đó, ta trở lại tìm hiểu ngôn từ, cấu trúc câu, bộ phận ý nghĩa từng đoạn... và ta sẽ thấy rất lý thú và cảm động khi ta kết hợp cảm thơ, tình thơ, ý thơ, với những chi tiết về quê quán, thân thế, tâm lý, tình yêu, hoàn cảnh... diễn biến trong cuộc đời của tác giả.

Văn chương và âm nhạc là các bộ môn nghệ thuật sủ dụng vật liệu thuộc thời gian là âm thanh - âm thanh có nghĩa cho văn chương và âm thanh không có nghĩa cho âm nhạc - cho nên chúng có những mối tương quan gần gủi trong việc lãnh hội, nghĩa là sử dụng cảm tính. Chế Lan Viên đã dẫn câu nói của Beethoven rằng "Âm nhạc là một sự thiên khải cao hơn mọi khôn ngoan, mọi triết học" để góp ý kiến về việc lãnh hội thơ Hàn Mặc Tử như sau "Để cho các nhạc dại dột của đoạn thơ... *ru ta, nghe những máu kia, sao trời kia, tờ thơ kia, giọt lệ nọ, bỗng dưng ta thấy loé ra như được khôn*

*ra, được thiên khải và nhận ra rằng: Hàn Mặc Tử đây rồi. Máu và sao, chơi vơi và vàng vọ, phiêu phiêu trăng gió và hạt lệ dầm dề..."* (*Lữ Huy Nguyên*. Sđd. trg. 219).

Điểm thứ hai trong lời phê bình *Xuân Như Ý, Thượng Thanh Khí* của Trần Thanh Mại là "may, may xiết baõ khi Hàn Mặc Tử tìm được một nguồn thơ mới khác vừa kịp lúc... Không phải trong văn chương nghệ thuật mà cả trong cuộc đời thực tế, không phải đối với những kẻ bi quan mà cả đến những người lạc quan yêu đời, không phải nguỵ biện mà rất tỉnh táo luận suy... có những cái rủi mà là may, và có những cái may lại hoá ra rủi. Câu chuyện *Tái Ông Thất Mã* của Hoài Nam Tử không đủ làm một ví dụ tiêu biểu hay sao ?

Những người Hàn Mặc Tử yêu hay yêu Hàn Mặc Tử, dù ngắn ngày, dù dài hạn, dù là con người thực tế có thể thốt hay chỉ yêu mê chưa kịp có đáp ứng thì đã gặp trái ngang, dù chỉ là cái tên với một hình dáng tưởng tượng chứ chưa bao giờ thấy mặt... đều có tính chất khác nhau, mỗi người mỗi cách, mỗi vẻ trong tâm tình và trong cả thơ văn của Hàn Mặc Tử. Nếu tình của Kim Cúc là mơ màng, bóng thoảng nhưng cái "buổi ban đầu lưu luyến ấy" toả rộng khắp không gian thực tế, thấu suốt thời gian số phận, tình Mộng Cầm là tình yêu tha thiết có thể nguyền gắn bó, có kỷ niệm thơ mộng vàng son nhưng cũng chua xót phũ phàng gây ra cho nhà thơ bao nhiêu đau thương khắc khoải, tình của Mai Đình Nữ Sĩ là ân nghĩa, là mối cảm tình của nghệ sĩ, thì mối tình của nhà thơ với cái tên, cái bóng hình tưởng tượng của người con gái Thương Thương chỉ là mơ ước, mơ ước thôi nhưng cũng gây ra cho tác giả bao nhiêu nỗi niềm sung sướng miên man, những nguồn hạnh phúc rất an ủi.. Tất cả những mối tình ấy đều có ảnh hưởng và ý nghĩa, hoặc gây cho nhà thơ hoài niệm xót xa, thương nhớ đậm đà, ước mơ khôn xiết, hoặc khắc ghi vào tâm trí nhà thơ một vết thương đầy máu lệ bi thảm,

hoặc kích thích hồn thơ của Hàn Mặc Tử mơ ước cuộc tình duyên ở cõi tiên... Tất cả những mối tình ấy đã làm thoát ra những vần thơ đẹp đẻ, sáng láng như vết thương của những con trai dưới đáy bể làm kết tụ những hạt minh châu lấp lánh rạng ngời, hay sương móc, dương khí trời đất buổi sớm tinh mơ làm cho nụ hoa nở rộ huy hoàng...

Về hai điểm "hỏng" và "may" mà Trần Thanh Mại phê bình hai thi phẩm *Xuân Như Ý* và *Thương Thanh Khí* của thi sĩ Hàn Mặc Tử tưởng cần phải đắn đo suy xét lại.

Nói tóm lại, nội dung của thi phẩm *Thượng Thanh khí* có thể đúc kết lại trong các chủ đề ca ngợi, sùng thượng trăng, thơ với những bài thơ Vầng Trăng, Ưng Trăng, yêu thương giai nhân với bài thơ Nói Tiên Tri, thương nhớ mơ tưởng người tình như bài thơ *Tình Hoa, Đừng Cho Lòng Bay Xa*, mơ ước vọng tưởng tình duyên như bài *Mơ Duyên, Buồn Ở Đây, Tài Hoa, Âm Nhạc, Cười Xuân, Cưới Vợ*, và khát vọng miên trường vĩnh cửu như bài *Trương Thọ*... Tất cả các chủ đề ấy phải chăng đều có chung một ý tưởng là tình yêu cái đẹp, cái mỹ, một trong bộ ba chân, thiện, mỹ mà nhân sinh hướng đến hay mơ về, và vì những thất bại thất vọng đau thương trong cuộc sống con người thường hướng đến những mơ ước thành công viên mãn, hạnh phúc tròn đầy...Vốn là người có cảm xúc, tình tự dồi dào phong phú, có hồn thơ lai láng từ tuổi thiếu niên, Minh Duệ Thi, Phong Trần, Lệ Thanh, đến khi thành niên, Hàn Mặc Tử đã ôm ấp trong lòng tình yêu cái đẹp dù đó là một cảnh, một hiện tượng thiên nhiên, sản phẩm tuyệt mỹ của hoá công, những tinh hoa tinh tuý của trời đất, một thái độ, hành động cao quý của con người... làm nguồn cảm hứng cho những sáng tác thơ văn. Dù cho hoàn cảnh xã hội biến chuyển, dù cho số phận cá nhân thăng trầm, và về sau, dù cho bệnh tật dày vò, tình yêu thất bại thất vọng, tan vỡ, mạng sống không còn tồn tại được bao lâu...

nhà thơ Hàn Mặc Tử, trước sau vẫn tôn thờ cái đẹp hiện thể trong thiên nhiên vạn vật đầy màu sắc, âm thanh hương hoa quý trọng, và trong con người từ cảm xúc rung động thanh bai hay nồng nhiệt, tình yêu lãng đãng hay say đắm, đến tư tưởng đơn giản hay cao đẹp thâm trầm... Hơn thế nữa, Hàn Mặc Tử còn tôn thờ đức tin cao đẹp, sùng bái Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Maria một cách thành kính sâu sắc. Cuối cùng và không kém phần quan trọng, vì tình yêu thất vọng, mạng sống mong manh ngắn ngủi vì chứng bệnh nan y, Hàn Mặc Tử mơ tình, mơ duyên, mơ đoàn hợp bình yên, mơ đời sống miên trường vĩnh cửu...Trong tiến trình sáng tác văn chương của tác giả, một mặt theo xu thế thời đại, nhu cầu canh tân và mặt khác vì trạng thái thể chất do bệnh hoạn tác động, trạng thái tinh thần do vừa bệnh hoạn vừa tình yêu ảnh hưởng, thơ văn của Hàn Mặc Tử có thay đổi thăng hoa mới mẻ tân kỳ về mặt ngôn từ, hình tượng, cách thế diễn tả , trường phái... nhưng ý tưởng, chủ đề hầu như vẫn còn y nguyên. Những ý tưởng, chủ đề ấy thật ra cũng là một số trong những ý tưởng, chủ đề muôn thuở của văn thi nhân, nghệ sĩ vậy.

Trích : **Hàn Mặc Tử .**
**Thơ Văn Và Cuộc Đời**
Dân Việt xuất bản: 1997

# ĐỨC TIN
# TRONG HỒN THƠ HÀN MẶC TỬ.

**ĐẶNG TIẾN**

Hàn Mặc Tử mất ngày 11 tháng 11 năm 1940. Từ 1942 Vũ Ngọc Phan đã nhận xét: "Từ ngày Hàn Mặc Tử từ trần đến nay, mới trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã nói rất nhiều, viết rất nhiều về Hàn Mặc Tử ..." (1) Và đến nay, bao nhiêu giấy mực đã dành cho nhà thơ bạc mệnh. Có lẻ ở miền Nam Hàn Mặc Tử là thi sĩ được nhắc nhở nhiều nhất. Tôi chỉ e rằng, dù vậy sự hiểu biết của chúng ta về thi tài đó vẫn không tiến bộ được bao nhiêu. Có lẻ lại lùi nữa là khác. Năm 1941. Hoài Thanh muốn nói đến Hàn Mặc Tử đã phải mượn thơ do Trần Thanh Địch giữ. (2)

Cùng năm đó khi viết cuốn Hàn Mặc Tử. Có lẽ Trần Thanh Mại cũng dùng nguồn tài liệu đó, tức là của em mình. Ngày nay, ngoài tập thơ Hàn Mặc Tử mỏng manh của Nhà xuất bản Tân Việt, chúng ta không còn thi liệu nào khác. Chính Quách Tấn bạn thân, ân nhân, người đã được nhà thơ ký thác trọn vẹn tác phẩm, cũng tỏ vẻ không có nhiều tài liệu hơn chúng ta. Trong bài nói về nhà thơ quá cố đăng trên Văn,(3) Quách tiên sinh, khi trích thơ Hàn Mặc Tử, đã làm một việc mà ai cũng làm được, như Vũ Ngọc Phan đã làm, nghĩa là trích từ tập thơ thiếu sót kia, hay trích lại của Trần Thanh Mại và Hoài Thanh - trừ vài bài tứ tuyệt không mấy quan trọng. Lý do rất giản dị: Chiến tranh đã làm thất lạc hết tài liệu, mặc dù Quách Tấn đã gìn giữ cẩn thận, sao nhiều bản gửi Bộ Giáo dục Nam triều thời đó và tất cả bạn bè của Tử.(4) Như vậy trong mọi hành trình vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, chúng ta sẻ dậm chân tại chổ, đua nhau kể cuộc đời ái tình và sự nhiệp của nhà thơ - dĩ nhiên là éo le gây cấn nhưng không giúp hiểu thêm nhà thơ bao nhiêu - trừ một vài bài quan trọng như của Quách Tấn trên số Văn thượng dẩn, ngoài việc đưa ra một số sự kiện chung quanh việc sáng tạo của Hàn Mặc Tử còn bố chính nhiều điều do Trần

Thanh Mại kể trong cuốn biên khảo về Hàn Mặc Tử [5] xưa nay vốn là tài liệu tham khảo căn bản cho mọi người về cuộc tranh tụng giữa hai họ Quách và Trần năm 1942, thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nhưng xin tán đồng Quách Tấn về hai điểm : thứ nhất là Trần Thanh Mại ẩu, thứ hai là ông không hiểu thơ, và cứ ưa phê bình thơ, và Vũ Ngọc Phan cũng đồng ý như vậy [6]. Tuy nhiên nếu không có cái ẩu, cái trích dẫn bừa bãi của họ Trần thì các nhà nghiên cứu, kể cả Quách Tấn - lấy đâu ra thơ của Hàn Mặc Tử để tham khảo, sau khi người giữ bản quyền để thất lạc hết di thảo ? Tưởng khi nhắc đến chuyện ba mươi năm về trước Quách tiên sinh không nên chua cay thì mới công bình [7] Chúng tôi trình bày những khó khăn về tài liệu đó là cố ý rào đón những thiếu sót trong bài này, khi đề cập đến một đề tài hệ trọng và bao quát: đức tin Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mặc Tử. Chúng tôi không khám phá ra điều gì mới mẻ mà chỉ khai triển những nhận xét của các ông Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh...cách đây mấy mươi năm. Chúng tôi chỉ đào sâu thêm tác phẩm để có một cái nhìn nhất quán trong toàn thể thi phẩm. Thay vì trích dẫn những câu có hình thức Thiên Chúa giáo như: "Maria, linh hồn tôi..."thì tôi cố chứng minh là kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mặc Tử đều vang dội lời truyền giảng của Phúc Âm. Bài báo chia làm năm phần:

- Nhận định tổng quát.
- Gái quê : thế giới đợi chờ.
- Đau thương : con người chịu đựng.
- Đau thương : con người sáng tạo và mơ ước.
- Xuân như ý : thế giới Khải Huyền.

* *

*

"Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... Thôi mời cô cứ vào... Ánh sáng lạ trong thơ tôi [8]... (tr.8)

Đối với Hàn Mặc Tử thơ và đời sống là một bất khả thân, nhất là khi lâm trọng bệnh. "Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú" (tr.8). Tác phẩm của Hàn mang tên *Đau thương* vì nó là Đau thương, nó là "kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân

phận" [9]. Vũ Ngọc Phan nhận xét :"Có lẽ ông là người Việt Nam ca ngợi Thánh nữ Đồng trinh Maria và Chúa Jesus bằng thơ trước nhất. Ông ca tụng dạo Giatô một giọng rất chân thành, lần này cũng là lần đầu, thi ca Việt Nam thấy được một nguồn hứng mới [10]. Hoài Thanh nói rộng đến vấn để tương quan giữa tôn giáo và dân tộc, "Thơ Hàn Mặc Tử ra đời, điều ấy chứng rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng có những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiệt là những tình cảm được thấm tận đáy hồn đoàn thể.[11] Nhận xét này của một kẻ "thiếu lòng tin, du khách bở ngỡ [12] là Hoài Thanh mang một ý nghĩa đặc biệt, trong người Giatô Giáo Việt Nam niềm tin Thiên Chúa đã trở thành niềm tin thuần tuý Việt Nam. Và thơ Hàn Mặc Tử đã chứng thực điều đó, một đức tin Việt Nam ở Thiên Chúa, diễn đạt bằng một ngôn ngữ Việt Nam : ngôn ngữ của thi ca. Đó là điều tôi muốn trình bày qua một dàn bài bình dị : tôi chỉ khai triển thêm một câu của Hàn Mặc Tử trong lời Tựa: Người đang say sưa đi trong Mơ ước, trong Huyền diệu, trong sáng láng và vượt hẳn ra ngoài Hư linh... (tr.7) Trong đó người đọc gặp lại những chủ đề cương lĩnh của Kinh Thánh, một vũ trụ ngây thơ đổ vỡ vì nguyên tội những khổ hạnh của thân xác như một kinh nghiệm của Mơ ước và Huyền diệu, dể vươn tới một thế giới khác sáng láng, ngoài hư linh, thế giới của Phục sinh, của Khải huyền, ba giai đoạn đó là cơ cấu của đời thơ Hàn Mặc Tử . Vũ trụ *Gái quê* đã sụp đỗ trong Đau thương mà nhà thơ đã chịu đựng để đợi sống lại một mùa Xuân như ý.

* *
*

Ai nói vườn trăng là một vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng, chung quanh người là mơn mởn với yêu đương...

Những dòng mở tác phẩm không khỏi làm ta nhớ đến thiên Sáng Thế kỷ mở đầu Cựu ước. Nhưng vườn đây không nằm ở hướng đông như vườn Eđen (Gen II, 8), mà chỉ là một vườn mơ, bến mộng, niềm nhớ nhung đằng đẳng về một hạnh phúc nguyên

thủy. Hạnh phúc của nguồn trong trẻo mà loài người đã phải từ giã ra đi và bị cấm cản đường về (Gen III 24). Nguồn ở đây là dòng sông trước khi chia ra làm bốn nhánh, tưới vườn Eđen bằng tình yêu cao cả vô biên và độ lượng, chưa bị giới hạn vì nguyên tội, khi con người chưa khó nhọc, chưa đổ mồ hôi, chưa biết chông gai và mùi cát bụi (Gen III 17-18 và 19). Bài tựa của Hàn Mặc Tử đã mơ ước khôi phục lại mùa xuân trinh nguyên của ngày sáng thế, đầy thinh sắc, tinh hoa và châu báu, như nhủ hương và bích ngọc bên bờ nhánh sông thứ nhất (Gen II 12). Thơ Hàn cũng như lòng lê thứ, nói như Pascal, là niềm hoài vọng bất lực về một hạnh phúc sơ khai, một tráng lệ đã phôi pha.

*"Còn đâu tráng lệ những thời xanh*
*Mùi vị thơm tho một ái tình*
*Đố kiếm cho ra trong lớp bụi,*
*Ít nhiều hơi hám của kiên trinh."*
(tr. 32)

Sau khi phạm trái cấm, loài người không những mang nguyên tội ra khỏi địa đàng rồi dựng lại một bình an khác. Với tội kiêu căng, loài người phải chịu bao nhiêu là hưng phế : từ Hồng Thủy cho tới cơn thịnh nộ của Thiên Chúa hủy hoại tháp Babel, thành Sodome và Gomorrhe, bao nhiêu lớp bụi phế hưng đã lấp mất cánh đồng xanh lẫn hơi hám của kiên trinh.

*Hồn xưa tự ấy không về nữa*
*Ở cõi hư vô dấu đã chìm*
(tr. 38)

Dân Do Thái lưu linh còn hy vọng có ngày tìm về miền Đất Hứa, còn con người đã vĩnh viễn đánh mất tất cả tráng lệ của thời xanh. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử vẫn còn là một mơ ước, một đón đợi, như Cựu ước là sự chờ đón đấng cứu thế. Trong *Gái quê* và những bài đầu Đau thương, thơ là niềm mong đợi.

*"Trước sân anh thơ thẩn*
*Đăm đăm trông nhạn về*

Ngày xuân mong đợi đó còn thuần lương, còn là một mùa xuân ngoại đạo - một thứ printemps paien - hồn nhiên và vô tư lự như tất cả những hội hè của mùa xuân Việt Nam :

*"Trong làn nắng ửng khói mơ tan*
*Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng*
*Sột soạt gió trêu tà áo biếc*
*Trên giàn thiên lý – Bóng xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời*
*Bao cô thôn nữ hát trên đồi*
*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy*
*Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

Cái hồn hậu đó như Hoài Thanh đã nói "Chỉ là mùa xuân đầu năm" (13), tôi nói thêm là một u minh đợi chờ để mở lớn một mùa xuân sáng thế "hồi trời đất mới dựng lên", hay mùa xuân tái tạo "Ra đời một lần nữa với chúa Jesus" (14)

Khác biệt đó không có gì mâu thuẫn và Hoài Thanh cũng không cần ngại người đồng đạo với nhà thơ sẽ "khó dễ vì một hai dấu tích còn sót lại" (15)

.

Quách Tấn còn cực đoan hơn: "Tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật còn đậm nét hơn đạo Thiên chúa"(16). Sự phân lượng e rằng khó chính xác nhưng vết tích Phật giáo và ngay cả Lão giáo, Khổng giáo trong thơ Hàn Mặc Tử đậm đà từ trong rung cảm đến ngôn ngữ. Điều đó cũng không có gì nghịch lý cả: hạt mầm Thiên chúa, khi nẩy nở trên đất Việt Nam thì tự nhiên thích ứng với khí hậu, phong thổ. Gần đây, tôi có đọc tác phẩm của linh mục Jacques Dournes nói về việc truyền giáo tại bộ lạc Jarai, Cao nguyên Trung phần. Sách có nhiều điểm tế nhị và sâu sắc, nhằm bảo vệ truyền thống một chủng tộc : "Cơ quan hành chánh phát cho dân Jarai hạt giống bông vải gốc Phi châu, năng suất cao hơn giống địa phương : dân Jarai đã gieo đã hái, nhưng chỉ một lần thôi rồi không tiếp tục. Lý do là họ phải nhuộm chỉ trước khi dệt, và thuốc nhuộm là bằng lá cây của họ không ăn vào chỉ bông nhập cảng. Họ lại trở lại với giống bông cũ. Từ đó không quên bài học bông vải".(17) Và tôi lại càng không dám quên khi viết bài này. Theo Quách Tấn gia đình Hàn Mặc Tử (dường như) theo Thiên chúa từ dời nội tổ Tử, tên Phạm Bồi, vì liên cang quốc sự nên đổi theo họ mẹ, rồi được một linh mục Pháp đỡ đầu rồi lập nghiệp tại Thừa Thiên, thân sinh Hàn Mặc

Tử là Nguyễn văn Toản học Đại học chủng viện, Huế, đến chức Thầy Tư rồi bỏ ra đời.[18] Ông sinh hạ được sáu người con và đặt tên là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín và Hiếu. Tôi dài dòng như vậy để trình bày không khí và giáo dục gia đình nhà thơ, một mảnh đất mới đang hấp thụ đức tin, đang dần dần thấm nhuần ơn trìu mến.

*"Tôi là trăng cổ độ*
*Lượng trời rộng bao la"*
(tr. 34)

Phải, lòng chàng là bến đợi. Trong những kích thuộc mông mênh, có thể là một trời thu man mác, có thể là một hàng cau nắng mới lên : thường thường là một đêm trăng say đắm đuối. Vâng, như đón từ xa. Như đợi từ xa :

*"Cho ta nhận lấy không đền đáp*
*Ơn trọng thiêng liêng xuống bởi trời"*
(tr. 141)

Nhưng chàng đã đền đáp. Bằng tất cả, Đau thương : tiếng Thơ và cuộc sống Chàng đã đem cuộc đời dể trả ơn phước cả đang ngân vang trong mầu nhiệm phủ ban đêm, một tiếng gọi của thượng tầng không khí. Từ lúc nhận điềm vô tiên tri thì vũ trụ *Gái quê* và những bài Đau thương đầu tiên nhuốm cái ý thức nguyên tội, người lương sẽ gọi là mặc cảm tội lỗi. Những bài đó gợi cảm giác có tội trước khi phạm lỗi. Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh đồng ý rằng tập *Gái quê* thiên về dục tính ; có lẽ ta cần minh định thêm về khuynh hướng ấy. Một người chỉ xin hoa đến ngự vào lòng ni cô thì dục tình... đi tới đâu ? Tôi xin giải thích thêm về điểm này :

*"Mới lớn lên trăng đã thẹn thò*
*Thơm như tình ái của ni cô"*
(tr. 29)

Tại sao trăng lại phải thẹn thò ? Thẹn thò là cảm giác của Adam và vợ khi đóng khố che thân lánh mặt Đức chúa trời (Gen III 7-8) sau khi ăn trái cấm. Adam thẹn thò vì đã phạm tội. Còn trăng việc gì phải thẹn thò nhứt là khi mới lớn lên ? Sự thẹn thò của thân thể đó là ta thừa kế của Adam, cho nên tôi mới nói không khí rạo rực trong *Gái quê* là di sản của nguyên tội. Những câu thơ Vũ Ngọc Phan cho là "gợi tình, thiên

về xác thịt"[19] là một dục vọng, nhưng đồng thời cũng là một cấm đoán, một ghê lạnh :

*"Da thịt trời ơi trắng gợn mình"*

Hàn Mặc Tử nhắc đến tình ái của ni cô, hay da thịt nàng dâu để gợi lên cái vô tội của mình trong một thế giới đã hư hỏng vì nguyên tội, mà mình phải gánh chịu. Ngay trong giáo lý, dục tình, tự nó không phải là tội lỗi: "Đó là một căn bệnh chứ không phải là tội lỗi. Tuy nhiên căn bệnh đó là một hình phạt của một tội lỗi,[20] tác giả muốn nói là nguyên tội và dục tình, bản năng sinh lý như ta thường thấy là tiếng gào phản kháng của một hình hài bị thương tổn.[21]

Nhà thơ dự phỏng những rạo rực của bản năng ra ngoài vũ trụ; cái nhìn của chàng vuốt ve, mơn trớn với yêu đương, tất cả tạo vật. Từ ánh trăng, đến cành liễu, mặt hồ, cơn gió, cho đến bài thơ của người yêu, tất cả đều có nhiệt độ nồng nàn của da thịt, tất cả đều tương giao trong nguồn ái ân bởi trăm dây quyến luyến :

*"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu*
*Đợi gió đông về để lả lơi*
*Hoa lá ngây tình không muốn động*
*Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi"*

(tr.22)

Dục tình trong đoạn thơ nằm trước hết trong cách chọn những chữ gợi tình, khi đi đôi với nhau như trăng và gió, trong thành ngữ phong nguyệt hay gió giăng. Hoặc trăng và hoa, hoặc liễu và hoa, trong những hình ảnh nguyệt hoa hay nguyệt trêu hoa, hay liễu ngõ hoa tường. Đoạn thơ lại khêu gợi bằng những hình ảnh táo bạo đến suồng sã như nằm sóng soãi lả lơi, ngây tình; cuối cùng cơn mê đắm còn biểu lộ trong những ý tưởng lộ liễu đến sỗ sàng. Tất cả những chữ, những hình ảnh, những ẩn dụ, những ý tưởng đó giao thoa thành một không khí lả lơi, vừa cợt nhả, vừa tinh tế, tuy có suồng sã nhưng không phải là không khéo léo. Thơ gợi tình của Hàn Mặc Tử có lẽ táo bạo vào bậc nhất trong thi ca mới; cái tài tình của ông là táo bạo đến đâu vẫn còn ý nhị. Một lối suồng sã mà không sống sượng như ở Xuân Diệu chẳng hạn :

*"Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực..."*

Một cử chỉ, câu nói sống sượng khi tự nó, nó nói hết những điều muốn nói, và đôi khi còn nói những điều không muốn nói. Ở Hàn Mặc Tử thì ít ra còn những bài lưu truyền đến nay, dù hở hang đến đâu cũng còn cái úp úp mở mở của một ngôn ngữ ý nhị và tình tứ. Chúng ta không còn những bài thơ Hát giã gạo trong tập *Gái quê* đã làm cho Vũ Ngọc Phan "lợm giọng" nhưng dù muốn dù không, ta phải công nhận nhà thơ có một quan niệm luyến ái thánh thiện, lành mạnh đến bệnh hoạn :

*Cho nên tôi tưởng tối tân hôn*
*Chưa tới, còn xa để được buồn*
*Để sống trong niềm thương nhớ đã*
*Để còn mường tượng đến giai nhân*

(tr. 28)

Đọc Hàn Mặc Tử ta có cảm giác một sự giằng co giữa con người phóng túng và con người khắc khổ ? Cái giọng tình của ông, dù có cợt nhả đến đâu, cũng chỉ tả một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng, một môi giới nhân sinh và tạo vật, nói gọn hơn. Nó không thể tự mãn trong một thế giới không tự mãn.

Vì vẫn còn là một thế giới đợi chờ, trong im lặng linh thiêng, bằng tất cả trực giác của trăm sao đắm đuối:

*"Không một tiếng gì nghe động chạm*
*Dù là tiếng vỡ của sao băng"*

(tr. 27)

Một đêm thao thức đợi chờ Điềm lạ, trong lòng vũ trụ của say chìm nơi bất giác, nhưng đã được các tiên tri chuẩn bị để đón mừng Ngôi Hai.

Hàn Mặc Tử mô tả thế giới đợi chờ đó rước hết bằng di sản hồn nhiên của một nền văn hoá ngoại đạo nhưng niềm nở và hướng thượng; thứ đến bằng đức tin nuôi dưỡng trong Phúc âm; hai phụ lưu sung mãn đó đã đổ vào hồn thơ của Hàn Mặc Tử, như một dòng sông vừa nhận được một cơn nước nguồn thác lủ bổng phải vượt qua một địa thế hiểm nghèo : bệnh phong nan y đã biến nguồn thơ hồn hậu thành một cuồng lưu khốc liệt, nếu không phải là một vùng nước xoáy.

* *
*

*Đau thương.* Tên một tập thơ, và tên một định mệnh. Hay tiếng gầm của một cuồng lưu lâm vào tuyệt địa. Chúng ta nói qua sự đau thương trong cuộc đời. Rồi trong thơ.

Hàn Mặc Tử nhuốm bệnh từ năm 1936. Hăm bốn tuổi, tuổi anh hoa đang phát tiết. "Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, Tử hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều, khi ít. Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ đến phát hiện ra ngoài một cách bồng bột, thì lại ăn sâu vào tâm hồn một cách ngấm ngầm nung nấu nạn nhân, nung nấu đến tột độ."(22) Hàn Mặc Tử nhiều lần mô tả những đớn đau của thân xác :

"Thịt da tôi sượng sần và tê điếng
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên"
(Tr. 53)

Bên cạnh những hành hạ của bệnh trạng. Hàn Mặc Tử còn phải đương đầu với hai hậu quả khác của hoàn cảnh : nghèo túng và tuyệt vọng vì tình. "Hiện nay Trí về tạm ở nhà. Cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc". Bữa nay Trí xuống nhà bà thầy thuốc rồi. Có một mái nắng rọi nhiều quá. Cả buổi chiều nếu ở trong nhà thì phải đội mủ,(23) chúng ta còn có nhiều tài liệu khác nói về nỗi cùng khốn của nhà thơ, qua những bức thơ gởi Trần Thanh Địch. Về cuộc tình duyên đau khổ với Mộng Cầm, chúng ta cũng có nhiều tài liệu. Đại khái hai bên yêu nhau khắng khít, thề bồi dữ dội lắm, hẹn hò nhau từ Phan Thiết đến Quy Nhơn; khi Hàn Mặc Tử chịu tang cho anh, thì Mộng Cầm tự xin phép được "thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh, nghe anh" vì "người cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu"(24). Khi biết chàng lâm trọng bệnh, thì nàng "thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn". Để rồi sáu tháng sau nàng đi lấy chồng. Trần Thanh Mại cho rằng nàng không đáng trách. Duy có cái nàng lấy chồng hơi gấp đấy thôi"(26). Quách Tấn cũng cho biết là thái độ của Mộng Cầm đã gây cho nhà thơ "một nỗi buồn thương vô hạn", một "phản ứng mảnh liệt", "những tiếng kêu rên thống thiết"(27)

*Trời hởi nhờ ai cho khỏi đói?*
*Gió trăng có sẵn làm sao ăn?*

*Làm sao giết được người trong mộng*
*Để trả thù duyên kiếp phủ phàng*
*(Trần Thanh Mại tr. 95)*

Tiếng kêu trầm thống đó chất chứa cả kiếp cùng khốn vật chất lẫn tinh thần, cho đến ngày bị con bệnh tàn phá đến thảm thê, theo như một người bạn thân, cũng bị hủi, kể lại "hai mắt nằm lọt vào hai lỗ mũi sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc lấy xương, chân tay thì co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại, trong ấy nhô nhúc những chí là chí" (thơ của ông N.V.Xê, để lại Quy Hoà ngày 25-3-1941.[28] Tôi tưởng không có gì thê thảm hơn tình trạng băng hoại đó. Ấy thế mà Hàn Mặc Tử đã can đảm chịu đựng cái cảnh làm ta phải rùng mình, vui vẻ chịu đựng nữa là khác : tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an ủi, ngày nào cũng có cười cả. Nếu không cười với ai thì cười một mình, xem ra thú vị không biết mấy.[29] Niềm an vui đó, Trần Thanh Mại, người biết cuộc đời thật của nhà thơ cho là "yêu quái" là "kinh dị". Còn Vũ Ngọc Phan chỉ biết Hàn Mặc Tử qua một số thi phẩm cũng không khỏi ngạc nhiên : "một người mang bệnh rất đau đớn lại có một tinh thần thư thái, bình tỉnh như thế thật cũng lạ"[30]. An vui của Hàn Mặc Tử không phải cay đắng gượng gạo, có khi nổ tung ra trong những câu thơ hớn hở:

*Hôm nay vui quá anh Phùng ơi*
*Buồn xa không đến, lệ không rơi*
*Buồn không thắt ruột, tình không lại*
*Cười nói làm sao cho hả hơi?*
*(Trần Thanh Mại tr. 127)*

Họ Trần phê bình là "Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gỡ, thật đã đáng rùng mình". Sở dĩ ông không hiểu can đảm của bệnh nhân, theo tôi, là vì ông không hiểu sức mạnh của dức tin trong con người Hàn Mặc Tử. Khi đề cập đến vấn đề này, Hoài Thanh, cũng là người ngoại đạo, nhưng tinh tường hơn Trần Thanh Mại, thừa nhận ngay : "Thiếu lòng tin tôi chỉ là du khách bở ngỡ,[31] còn họ Trần thì cứ đoán ầm ĩ cả lên. Nhưng nhờ có ông mà chúng ta có một dữ kiện về đời sống tín ngưỡng của nhà thơ : "Trong khi

sưu tầm tài liệu về nhà thi sĩ, tôi có tìm thấy một trong nhà trọ của chàng, một mẩu báo dán trên khung cửa sổ tre, đã nhàu nát vàng vọt, và nhìn lối in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo "*Vì Chúa*". Đoạn bài đăng trong mẩu báo ấy nói về nguồn an ủi trong bệnh tật cho rằng sự ốm đau do Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta, nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nhịn mà lại còn nên vui vẻ bằng lòng nữa"[(32)]. Căn cứ trên đoạn này tôi cho rằng tác giả không mấy thông thạo giáo lý Giatô giáo. Nếu bài báo ấy có thật, vì họ Trần, mãi cho đến ngày nay ở Hà Nội vẫn có cái cố tật rất bậy là ưa bịa đặt tài liệu,[(33)] thì chúng ta rất tiếc rằng họ Trần không trích dẫn chính xác, cho biết rõ xuất xứ, tìm xem báo "*Vì Chúa*" số mấy, ngày mấy... Hoặc ít nhất cũng cho ta nguyên văn. Vì theo kiến thức thô thiển của tôi thì, thì không có kinh thánh nào dạy rằng "sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban" và chúng ta phải "vui vẻ bằng lòng". Nhưng vấn đề ở đây không phải là cãi nhau về giáo lý, vừa ngoài phạm vi bài báo và thẩm quyền của tôi. Vấn đề là như Trần Thanh Mại đã nói, đức tin "đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng". Quách Tấn xác nhận điều này : "Tử tìm một niềm an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo, khi đã sống cùng Đạo thì tâm hồn Tử hết bị day dứt giày vò.[(34)] Chính nhà thơ đã kể lại một ngày bệnh tật của mình : "Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối khi ăn xong, lại vừa đi bách bộ, vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỏi một cái gì[(35)]... Đối với Hàn Mặc Tử Thơ là Đạo và Đạo là Thơ, Thơ đã đạt tới Đạo và Đạo để đi tới Thơ, hoặc như Hoài Thanh đã nhận xét chí lý : "Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối liền người ta với thượng đế"[(36)]

Thơ đưa về Đạo là nẻo đường đưa tới Con đường. Thơ là giải thoát tạm thời của Đau thương. Trong khi chờ đợi Đạo là cứu rỗi miên viễn. Ngày nào cũng mong mỏi một cái gì. Nếu *Gái quê* như tôi đã trình bày ở đoạn trên, là thế giới đợi chờ Điềm lạ, đợi chờ của Chúa Ra đời thì Đau thương là một tâm hồn mong mỏi Ngày Chúa trở lại (Mt 24-12). Hàn Mặc Tử chấp nhận bệnh tật không phải là vì "do Đức Chúa trời ban xuống"

như Trần Thanh Mại đã nói, nhưng trước hết nó là hậu quả tất nhiên của nguyên tội và thứ đến nó là phương tiện thân xác mà Chúa đã dùng để cứu thế. Linh mục Charles Journet, giáo sư Đại Chủng viện Fribourg đã trình bày vấn đề một cách mạch lạc và nhất quán trong tác phẩm về thống khối "Chúng ta xem khổ ải của thân xác như một mảnh lực hợp cứu thế vì chúng ta tham dự vào đau đớn và huyết mạch của Chúa Kitô. Vậy không có vấn đề đau đớn mà chỉ có huyền nhiệm đau đớn của Chúa Kitô và trong sự tham dự của chúng ta. Như vậy không nói đến chấp nhận Đau thương mà chỉ nói đến gia nhập vào công đức cứu rỗi : chúng ta không chấp nhận (adapter) vì nó nối liền ta với bản thân Thiên Chúa hiện làm người".(37)

Đoạn trên rọi sáng lời truyền dạy của sứ đồ Saint Paul trong thư gởi cho người La Mã : "Những đau khổ hiện tại không có ý nghĩa gì so với những vinh hiển phải được thể hiện trong mỗi chúng ta. Mỗi hình hài chờ đợi là một khát vọng sự thể hiện con cái Đức Chúa trời và mơ ước được giải thoát ra khỏi hư nát, và đạt tới tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng hình hài, đến nay vẫn rên xiết trong công trình thai nghén" (Rom VIII, 18-22). Đau thương hôm nay là thai nghén cho ngày mai, thai nghén một mùa Xuân như ý. Người đi trong Mơ ước...Người Kitô giáo quan niệm đau thương như một huyền nhiệm, nhưng hữu hạn, trước Thượng Đế là một huyền nhiệm vô hạn. Tôi thành thật nghĩ rằng Hàn Mặc Tử đã an vui được trong Đau thương, một hoàn cảnh thể xác, vật chất và tinh thần làm chúng ta phải rùng mình, là nhờ huyền nhiệm đó, nhờ sức mạnh của xác tín, có lẽ xác tín đó, cộng với bệnh trạng đã tạo một linh thị cho nhà thơ. Trần Thanh Mại và Quách Tấn đồng ý : "Là mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh, chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy có bà Thánh nữ Đồng trinh Maria đến cứu"(38). Theo Quách Tấn thì bài thơ trứ danh *Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh* được viết khi Tử sống lại trong cảnh đó.(39)

Dù cho rằng mộng mị chỉ là một biến thể của bệnh trạng, thì dưới ánh sáng của khoa phân tâm, ta có thể đi đến cội rễ của mộng mị, dù xa lạ đến đâu. Cội rễ ở đây, là xác tín trong tâm hồn Hàn Mặc Tử, người đã cam chịu hư nát để chuẩn bị một

vinh hiển. Thật ra niềm tin vào một tồn sinh mai hậu, của linh hồn, ở một thế giới khác, không phải đặc biệt của Thiên Chúa giáo. Trong hầu hết các tín ngưỡng tự nhiên của dân gian, nước nào cũng vậy, đều có mầm hy vọng của một đời sống khác. Chỉ nói đến vòng đai tôn giáo chung quanh Thiên Chúa, chúng ta đã có thể kể tư tưởng Assyrien, Babylonien, và nhất là Ai Cập, đều có niềm tin đó, như muốn Ra không gian và vượt hẳn thượng tầng. Đức tin của Hàn Mặc Tử không phải ở chỗ mong hồn tới tấp đến ở ngoài kia vũ trụ, mà ở chỗ tìm gặp một người ở cõi quá thinh gian ; Hàn Mặc Tử tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực không phải vì chiêm bao đẹp hơn sự thực vì ở đây hơi khoái lạc mà chỉ vì :

*"Vì có đấng hằng Sống, hằng Ngự trị*
*Nhạc thiêng liêng dồn trỗi khắp hư linh.*
*(tr. 19)*

Bài *Ngoài vũ trụ*, mà tôi đã trích các câu trên, tiếp theo hai bài *Hồn lìa khỏi xác* và *Siêu thoát* soi sáng ý nghĩa của những bài Đau thương và báo hiệu cho *Quần tiên hội, Cẩm châu duyên* và *Xuân như ý*. Vậy ta có thể đề cập đến một kiến trúc trong thi phẩm Hàn Mặc Tử không ? Đặt dấu hỏi vì tôi ngỡ rằng sắp xếp thứ lớp trong tập thơ không phải do thi sĩ, mà những người phụ trách tái bản thơ ông, tức là Quách Tấn hay Hoàng Trọng Miên gì đó. Do đó, tôi không dám dựa trên trật tự cụ thể của tập thơ để nói đến kiến trúc, như Marcel Ruff đả nói về "*Architecture Secréte*" khi trình bày nhất quán thi phẩm *Les Fleurs du Mal* của Baudelaire. Tôi vẫn theo lối sắp xếp trong ấn bản Tân Việt vì nó phản ảnh thứ tự biên niên trong quá trình sáng tác, tôi nghĩ ít ai bác bỏ thuyết cho rằng *Gái quê* sáng tác trước *Đau thương*; và *Cẩm châu duyên, Duyên kỳ ngộ* sáng tác sau cùng, thời kỳ nhà thơ biết Thương Thương. Nhưng dú sao tôi vẫn dè dặt để mong các nhà biên khảo sau này có nhiều sử liệu đích xác hơn tôi, sẽ đào sâu cơ cấu mạch lạc của vũ trụ Hàn Mặc Tử, trên bình diện này hay bình diện khác, hoặc trong nguồn sáng tạo toàn diện thì càng đẹp.

Khi đề cập đến kinh nghiệm đau thương của Hàn Mặc Tử, tôi tiếc chưa được đọc bài của Võ Long Tê, một chuyên gia về văn chương Thiên Chúa giáo về vấn đề này : nghe nói bài sắp

sửa đăng báo, tôi đợi hoài chưa thấy. Tôi cần nói thêm : không riêng gì Phúc Âm, những tín ngưỡng khác của người Á Đông cũng tìm một giải đáp cho đau thương : Phật giáo thì cho đó là định luật của vô trì, cái can trường của nhà thơ là do đức tin vững chắc ở Đấng Cứu Thế, và đức tin đó đã được hỏi đường trong cái Dùng của triết lý Đông phương, lẫn cái kiên trì trong lòng dân tộc. Nói đến xác tín của Hàn Mặc Tử không phải là tôi không biết (hay tệ hơn nửa, tôi không nhớ) đến những giá trị hằng hữu kia. Khi suy nghĩ về những khổ luỵ của nhân sinh, tôi đọc lại Kinh Coran của Hồi giáo thì tôi cảm giác là họ không chấp nhận khổ đau như người Kitô giáo hay người Á Đông, vì họ cho là do sự hành hạ của Thượng Đế. Vậy trong Hàn Mặc Tử có sự giao hoà giữa một đức tin sung mãn và một tâm hồn niềm nở, tạo ra một nguồn thơ hết sức sâu xa. Trong tinh thần Phúc Âm, Hàn Mặc Tử đã sống trọn vẹn Đau thương của hiện thế, trước hết, vì đó là phương tiện Chúa đã dùng để Cứu Thế, thứ đến để chuẩn bị cho vinh hiển mai sau, như lời giảng trên núi, sửa soạn cho Ngày sống lại của Đấng Hằng Sống, Hằng ngự trị. Nhưng trên bình diện sáng tạo, đã được ông Trần Thanh Mại quan niệm Đau thương đó đã thể hiện ra sao ? Tôi tiếc không được đọc bài báo của Lê Tuyên về những chủ đề trong thơ Hàn Mặc Tử, đăng trên tạp chí Đại học Sư phạm cách đây bảy, tám năm gì đó. Nay tôi lại đề cập lại vài hình tượng quen thuộc trong thơ Hàn Mặc Tử như Trăng, Máu và Hồn.

"Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng! Trăng! Trăng!"

Đó là điệp khúc độc điệu của một ngư phủ, theo lời kể của Quách Tấn.Đó cũng là khúc nhạc lòng của nhà thơ. Trăng là một thứ ánh sáng vừa của nội tâm, vừa của ngoại giới.Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tương quan giữa những hình ảnh thi ca và đức tin.

Ảnh hưởng của đêm trăng đối với bệnh phong đã được ông Trần Thanh Mại khai triển đầy đủ. Còn nét quyến rủ muôn đời của ánh trăng đối với thi nhân thì viết bao nhiêu pho sách cũng còn điều chưa nói. Nhưng không thể nói đến thơ Hàn Mặc Tử mà không đề cập tới trăng, vì theo Trần Thanh Mại thì hai phần ba tập *Đau thương* nói về trăng, nửa phần còn lại nói về hồn.[40] Trăng, trước hết là ánh sáng tràn ngập cả vũ trụ Hàn Mặc Tử :

*"Gió lùa ánh sáng vô trong bãi!*
*Trăng ngậm đầy sông chảy láng lai"*
*(tr. 54)*

Trăng là thứ ánh sáng êm dịu, mầu nhiệm phủ ban đêm đối với ánh sáng chói chang bỏng rát của mặt trời nhiệt đới, trăng tạo thi vị cho bóng tối tại những vùng nông nghiệp có sinh hoạt về đêm, và như Xuân Diệu kể, thì có "trăng của tình duyên, trăng của xa xôi, trăng của hảo huyền" và "trăng của những đền đài mỏng thoáng". Văn học của chúng ta, từ xưa đến nay, vẫn le lói những ánh trăng bất tận. Tôi không dài dòng về địa hạt rộn ràng không bờ bến này, chỉ muốn đề cập đến khía cạnh tượng trưng của ánh trăng trong giáo lý.

Trăng trước hết là Ánh Sáng, một chủ đề rọi suốt mặc Khải Kinh Thành, từ ngày thứ nhất của Sáng Thế, khi Đức Chúa Trới phản định ánh sáng và bóng tối, (Gen I 3-4), cho đến chương cuối cùng của Khải Huyền, khi con người trong trời đất mới, hưởng một ánh sáng miên viễn (Ap XXII .5). Như vậy thế giới di chuyển từ một vùng ánh sáng tương đối, ánh sáng vật chất dối với bóng tối ban đêm, đến một ánh sáng tuyệt đối, ánh sáng vĩnh cửu ngay trong châu thân Thiên Chúa, vì "Ngài là Sự Sống, mà Sự Sống là Ánh Sáng" (Jean I.4). Và quá trình từ tương đối nọ đến tuyệt đối kia là sự phấn đấu không ngừng giữa ánh sáng và bóng tối, tựa hồ như cuộc phấn đấu giữa nguồn sống và cỏi chết. Ở Hàn Mặc Tử, ánh sáng là thứ Ánh Sáng tương tranh cùng Bóng Tối, trong một tư thế bi thảm, khác với mặt trời là chiến thắng - dù là tạm bợ - của Ánh Sáng.

*"Ánh trăng mỏng quá không che nổi*
*Những vẻ xanh xao của mặt hồ*
*Những nét buồn buồn tơ liễu rủ*
*Những lời năn nỉ của hư vô".*
*(tr. 30)*

Mâu thuẩn tâm cảm của nhà thơ là vừa yêu bóng đêm - vũ trụ Hàn Mặc Tử là một vũ trụ về đêm - vừa yêu ánh sáng, và vươn tới một nguồn chói lọi :

*"Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên*
*Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng"*
*(tr. 69)*

Sự thật mâu thuẫn đó nằm trong những hình ảnh đa nghĩa của Kinh Thánh, vì bóng tối cũng là một sáng tạo của Đức Chúa Trời (Gen I, 1-2). Từ điển giáo lý Kinh Thánh khai triển điểm tế nhị đó như sau : "Bóng tối tượng trưng cho một kinh nghiệm kép: hoặc nó xác nhận không có ánh sáng, hoặc bao hàm sự hiện hữu của ánh sáng. Con người muốn có ánh sáng tràn đầy nhưng tìm đền bóng tối; Chúa là ánh sáng là lửa bỏng và cũng là bóng mát. Kinh Thánh lý theo sự đa nghĩa đó" (41

Chúng tôi muốn đề nghị một ý nghĩa mới cho ánh trăng. Ở Hàn Mặc Tử trăng là một sự tương tranh đồng thời tương ứng giữa ánh sáng và bóng tối, vừa tương khắc vừa tương sinh. Trăng là Bóng Tối hết là Bóng Tối và Ánh Sáng chưa đủ là Ánh Sáng. Trong biện chứng Sáng-Tối đó, tâm hồn Hàn Mặc Tử vẫn được xác định bằng Ánh Sáng, tức là "con của Ánh Sáng", khác với con của Bóng Tối hay "con của Hiện Thể" (Luc XVI. 8). Vậy nhà thơ là Ánh Trăng, vì chàng là con của Ánh Sáng :

*"Không gian đầy đặc toàn trăng cả*
*Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng"*
*(tr. 81)*

Vì, bên dưới bình diện siêu hình, về một đạo đức, vẫn phải có sự phân biệt giữa bóng tối và ánh sáng, (II car, VI, 14) giữa ánh sáng chân chính và giả trá.

*"Và tình ta sáng láng như trăng thanh"*
*(tr. 56)*

Thỉnh thoảng Hàn Mặc Tử không ngại mượn một vài hình ảnh của Kinh Thánh để tả trăng như :

*"Người trăng ăn vận toàn trăng cả*
*Gò má riêng thôi lại đỏ hường"*
*(Trần Thanh Mại tr. 35)*

Chúng ta liên tưởng ngay đến một câu của Thi Thiên (104,2) "Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như cái áo".

Trăng trong Hàn Mặc Tử không những là một thứ ánh sáng ảo huyền và hiu hắt. Nó có hình có trạng, như một vật cụ thể khả xúc. Có khi là một món hàng - "Ai mua trăng tôi bán trăng cho"- có khi là châu báu, là hơi nước chảy, hay là một người đàn bà, mà tôi mường tượng phải đẹp lắm trong nhan sắc làm bằng Ánh Sáng và Im Lặng.

*"Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi*
*Trăng mới là trăng của Rạng Ngời*
*(Trần Thanh Mại tr. 64)*

Và nói chung, trăng là hồn, là máu của bóng đêm : Tôi có nói đến ba chủ đề, kỳ thật chỉ là ba tiết diện của một thế giới

*"Gió rít từng cao trăng ngã ngữa*
*Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô*
*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy*
*Sáng dậy điên cuồng mữa máu ra"*
*(Trần Thanh Mại tr. 67)*

Hình ảnh máu hoặc nhỏ từng giọt, hoặc oẹ từng búng, hoặc đọng thành vũng, hoặc chảy thành sông, có lẻ là dấu hiệu của bệnh lý. Ý nghĩa của máu là cuộc sống vì máu mang sinh lực đến cho mỗi tế bào, mà đồng thời cũng là cỏi chết, khi đã khô, đã đọng thành vũng máu đào trong ác lặn [42] Về hình ảnh máu vẫn thường gặp trong thơ Baudelaire, Jean Pierre Richard viết : "Sự xuất huyết thiêng liêng ở chổ nó hội tụ cuộc sống hiển nhiên và cái chết tàn nhẩn.[43] Máu là cuộc sống đang chết hay là cái chết đang tiềm ẩn trong cuộc sống. Máu là hồn của thể xác mà cũng là xác thịt của linh hồn, nói khác đi máu là thơ.

*"Ta muốn hồn trào ra ngoài ngọn bút*
*Mỗi lời thư đều dính não cân ta*
*Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt*
*Cho mê mang chết điếng cả làn da*
*Cứ để cho ta ngất ngư trong vũng huyết*
*Trãi niềm đau trên mảnh giấy mong manh*
*Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết*
*Cả lòng ai như mớ chữ rung rinh"*
*(Trần Thanh Mại tr. 58)*

Máu, cùng như thế, vừa là một hành hạ, vừa là một giải thoát. Chúng ta vẫn thường gặp những hình ảnh máu trong Kinh Thánh: máu là nguyên lý sự sống, nhưng khác với linh hồn ở chổ máu là thành phần hư nát của cơ thể, còn linh hồn vẫn tồn tại đợi ngày phục sinh [43]. Từ máu Cứu Thế trên Thánh giá đến máu chiên con, hình ảnh của đau đớn, của hư nát lại là hình

ảnh của Hy vọng: máu của chúng sinh tuy không vào được nước Đức Chúa Trời (I. Cor.XV,50) vẫn là một môi giới, một phương tiện, một ánh sáng, một thẩm mỹ:

*"Và ai gánh máu đi trên tuyết*
*Mảnh áo da cừu ngấm nở nang*
(tr. 34)

Trong bài *Biển hồn ta* (tr.52) bắt đầu bằng câu "Máu tim ta tuôn ra làm biển cả..." Người đọc có cảm giác như máu và hồn là một, hay máu là hồn của xác thịt còn thể phách là hồn của toàn cơ thể vì chính nhà thơ cũng phân biệt hồn người và hồn trong :

*"Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng*
*Là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong*
*Cứ để mặc hồn ngoài bay lưởng vưởng*
*Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông*
*...Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan rã*
*Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa..."*

Đã là hồn rồi mà còn có tử thi nửa sao ? Lại còn ngắm được tử thi mình nửa sao ? Ở đây, ngoài sự phân biệt "hồn" và xác cố hữu trong tiềm thức người Việt Nam, ta còn phải ghi nhận thêm ảnh hưởng phong thổ vùng từ Quy Nhơn đến Phan Thiết nơi Hàn Mặc Tử sống, vùng đất của người Chàm. Nhà thơ thế nào cũng nghe chuyên ma Hời đêm đêm rời khỏi xác đi chơi hay đi ăn đêm, và nhớ đến những chuyện đó trong cơn mê sảng, bệnh hoạn. Nhưng trong Thánh Kinh, nhất là Cựu ước, chúng ta còn bắt gặp dấu tích sự phân biệt đó, bắt nguồn từ tư tưởng Do Thái giáo. Thân thể, tiếng Hébreu (Do Thái) gọi là *Basar*, dịch ra La tinh là *caro*, thành tiếng Pháp là *Chair*. Xác thịt, nếu không có sinh khí, chỉ là một "tử thi". Hơi thở của Jabweh đã hà sinh khí vào xác thịt, nhưng chỉ tạo nên một quân bình mong manh: "Thần khí của ta sẽ không lưu lại mãi trong loài người, vì loài người chỉ là thân xác" (Gen VI,3); vậy trong tư tưởng Do Thái giáo, chẳng những hồn và xác khác biệt nhau, mà hồn là thân khí mà Đức Chúa ký thác vào thân xác con người đó thôi, chứ không hẳn là của con người. Do đó trước khi chết. Chúa Jésus đã nói "Thưa Cha, trong tay Cha con trả lại linh hồn" (Luc XXIII,46) và Huy Cận đã nhắc lại trong câu : "Lạy Thượng

Đế tôi cúi đầu trả lại linh hồn tôi". Linh hồn đó là cái thợn khí của Jabweh nay trở về với Jabweh chứ không phải là cái hồn lìa khỏi xác của Hàn Mặc Tử. Hồn này là một chuyện khác, một biểu hiện của sự sống : hồn này có thể chết, có thể hư nát như thịt xương (P8, 78, 50) lang thang xuống âm ty sống đời khổ ải, cho đến ngày Thượng Đế cho linh hồn hồi sinh những đống xương tản mác[44] Trong những lời truyền dạy của Thánh Tự. Hàn Mặc Tử đã nhờ những chi tiết phù hợp với tâm hốn hay bệnh trạng mình nhất, nghĩa là sự phân biệt giữa hồn và xác, trong khi giáo lý Thiên Chúa về vấn đề này, phức tạp hơn nhiều.

Vì nhà thơ, trong cơn hành hạ của bệnh lý dĩ nhiên là tìm cách giải thoát, dù chỉ bằng mê sảng :

*Thịt da tôi sượng sần và tê điếng.*
*Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên*
*Tôi dìm hẳn xuống một vầng trăng êm*
*Cho trăng ngập dần lên tới ngực*"

(tr. 53)

Ở đây ta bắt gặp ba hình tượng : Trăng, Hồn và Máu, dồn dập lại trong tương quan rất chặt chẽ; nhà thơ khạc hồn ra khỏi miệng, hay điên cuồng mửa máu ra, hay ngậm cả miệng ta trăng là trăng, cả ba hình ảnh đều oà vỡ từ thân xác, và từ thân xác Đau thương, Hàn Mặc Tử đã dùng thơ để sống trọn vẹn tín lý của mình. Chàng đã thấy hồn mình trong máu vọt, và hồn mình chính là máu đang tuôn trào lênh láng: chàng đã ghi lại những cảm giác rùng rợn đó bằng những hình ảnh ta đã gặp trong Cựu ước: hồn ở trong máu (Luc XVII, 10), hồn là máu (Luc XVII, 14), một thứ máu lườn luôn vươn tới ánh sáng, như hình ảnh Đức Chúa Trời chói chang trong tấm áo dệt bằng Ánh Sáng trong Thi Thiên (104,2) và đẫm máu chiên con trong Khải Huyền (XIX, 13). Máu chiên con trở thành Ánh Sáng và chiên con trở thành ngọn đèn bất diệt của Jérusalem mới. Do đó, tôi nói Hồn, Máu và Trăng chỉ là ba màu sắc chiết quang của một Ánh Sáng Duy nhất.Người đi trong Mơ ước.Trong Mơ ước, Hàn Mặc Tử đã gọi Ánh Sáng Khải Huyền đó là Xuân Như ý.

-o0o-

*"Cho mau lên! dẫn ánh nguyệt vào đây...*

*Đưa* ra nào là *nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc* và hoa trinh *bạch, đàn* ly tao, tranh tuyệt phẩm...Vẫn là *chưa bưa, chưa đã, chưa* nguôi *được* chí muôn sao!...

Phải *mời* cho *được* XUÂN THIÊN ra đời...

"(tr. 65)

Như vậy Xuân Thiên ở đây phải là một mùa xuân khác. Không còn là mùa xuân phảng phất ngày xưa trong làn nắng ửng khói mơ tan. Tuy là trời hạo nhiên trong thế giới đợi chờ của *Gái quê* cũng là một công trình châu báu, do phép tắc mầu nhiệm của đấng Vô thỉ Vô chung, nhưng là một thế giới sẽ hư nát, sẽ vở lỡ, sẽ chấm dứt. Vì công trình châu báu của Thượng Đế, sau khi con người tự dấn thân vào tội ác, cũng đồng thời là sự phẫn nộ của Thượng Đế : mặt đất, nguyên là Quê hương của loài người đã trở thành một Lưu dày, không còn là vườn Địa đàng long lanh nhủ hương và bích ngọc, cũng không phải là đất Hứa óng ánh sữa thơm và mật ngọt : trên mặt đất lúa tốt còn mọc lẫn với cỏ hoang, trái lành ửng chín trong gai bụi và lương thực loài người còn trộn lẫn cát bụi, với mồ hôi; và con người không những thịt da sượng sần và tê điếng mà còn nức nẻ như muốn tan rả ra cùng vũ trụ, làm cho mờ lẫn máu và hồn, ta là ta hay không phải là ta. Thế giới hiện tại tuy vẫn còn thanh sắc, nhủ hương, vẫn mang sẵn mục nát trong nguồn sống. Và mầm sống đó có sung mãn đến đâu, thì nhà thơ vẫn lòng thương chưa đã, mến chưa bưa, nên phải mời cho được Xuân Thiên.

Chúng ta vẫn chưa quên được Người đang say sưa đi trong Mơ ước đã gặp ở trang đầu. Vậy Xuân Thiên đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cỏi chết, sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời trong danh Cha cả sáng. Những thi phẩm cuối cùng của Hàn Mặc Tử như Xuân như ý gom góp xong đầu năm 1939, *Thượng thanh khí* đầu năm 1940, và *Cẩm châu duyên* viết giữa năm 1940, gồm hai vở kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội* viết dỡ dang, đều nói lên niềm mơ ước đó. Trong bài này tôi tạm xếp ba tác phẩm trên cùng những

bài cuối tập Đau thương vào chủ đề *Xuân như ý*, cho gọn, và như một giai đoạn trong thi trình Hàn Mặc Tử.

Mùa xuân thượng thanh đó ra sau? Về chủ đề mơ ước trong Thánh Kinh một chuyên gia về giáo lý Thiên Chúa nhận xét: "Cuộc sống được vĩnh viễn được xác nhận rỏ rệt bao nhiêu, thì những đường nét của nó lại mờ nhạt bấy nhiêu. Không những mờ nhạt mà đôi khi còn thiếu sót. Sự tồn sinh không được mô tả dù dưới những hình ảnh Khải Huyền [(45).]

Lẩn trong mơ hồ đó, nhà thơ tha hồ mà tưởng tượng quang cảnh trời đất mới. Nếu *Xuân như ý* còn nhiều hình ảnh dựa theo tin lý Thiên Chúa, thì Cẩm châu duyên lại gắn với huyền tượng của dân gian, phảng phất không khí thần tiên của Đạo giáo, một thứ đạo giáo bình dân, không ăn thua gì đến cái "đạo khả đạo" của Lão tử. Vì vậy Hoài Thanh cho rằng Hàn Mặc Tử "chốc chốc lạc vào thế giới đồng bóng". Thật ra trong cái hoa hoè của dự tưởng, nội dung nòng cốt của *Xuân như ý* vẫn là một tín điều Thiên Chúa giáo.

Trước hết đó là một mùa xuân. Nghĩa là một thế giới mới, một khung cảnh tái tạo, như cảnh thành Jérusalem mới được thánh Jean rao truyền ở chương cuối Phúc Âm. Trời mới đất mới được dựng lên trong cảnh trộn trạo, tán loạn của ngày tận thế.

*t Cả vũ trụ tàn theo ngày phán xét*
*Là khủng khiếp cả Trời Đất tiêu diệt"*
*(tr. 421 ))*

Mùa xuân đó ở xa. Ở thật xa nếu nhìn từ thế giới hồn nhiên của *Gái quê* :

*"Cửu trùng là chốn xa xôi ấy*
*Chim én làm sao bay đến nơi"*
(tr. 37)

Nhưng kinh nghiệm Đau thương, kinh nghiệm của xác tín trong khổ não, đã chắp lên thân xác nức nẻ của nhà thơ đôi cánh phượng hoàng. Bằng những bất hạnh. Hàn Mặc Tử đã đến gần với Chúa, và gắn với mùa xuân Mơ ước hơn là cánh én bơ vơ :

*"Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì!*
*Thơ tôi bay suốt đời chưa thấu*
*Hồn tôi bay đến bây giờ mới đậu*
*Trên trời thiên ngời chói vạn hào quang"*
*(tr.78)*

Trong bài *Thánh nữ đồng trinh Maria* này, với nguồn rung cảm mảnh liệt của đức tin, nhà thơ đã sống cả thế giới hiện tại lẫn mùa xuân dự tưởng, đã nói đến cơn lâm luỵ vừa trãi qua dưới thế như là một quá khứ. Và trong đức tin đó nhà thơ đã vẽ cho ta địa hình của Đất Mới, trong bài tựa tập *Xuân như ý:*

*"Vì chưng muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh xuân là nguồn tơ tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi xuân là NGỌC NHƯ Ý, tên xuân là DẠ LAN HƯƠNG.*

*Và xuân là phong vị thái hoà của năm muôn năm, trời muôn trời, châu lưu trên thượng tầng không khí, bằng bạc cả dải Hà Sa, chen lấn vô tận hồn tạo vật...*

*Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Cha cả sáng..."*

(tr.66)

Chúng ta thử khai triển vài nét chính của *Xuân như ý*, chúng ta đã thấy đó là mùa xuân hồi sinh, sau khi "trời thứ nhất, đất thứ nhất tan biến" (Ap XXI,2). Như đặc biệt mùa xuân này nẩy lộc từ mùa đông, nhưng sẽ không bao giờ chuyển sang thành mùa hạ. Mai này thiên địa mới tinh khôi...Và sẽ còn tinh khôi mãi mãi, vì đã đi vào cõi tứ thời xuân non nước. Trong *Cẩm châu duyên* nhà thơ gọi là Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước và mô tả như một tươi sáng triền miên :

*Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn*
*Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi*
*Làn nước mát và chưa bao giờ gợn*
*Vết phong trần đưa lại ở xa khơi*

(Trần Thanh Mại, tr,147)

Đoạn cuối Khải Huyền truyền giảng rõ ràng : Đất mới đây là chân thân Thiên Chúa ; mùa Xuân của Hàn Mặc Tử trường sinh bất tử, năm của muôn năm vì ở Khải Huyền. Chúa kết

luận : "Ta làm mới mọi vật. Ta là Alpha và Oméga là nguyên lý và cực chung. (Ap,XXX, 5- 6)

*Xuân như ý* tiếp đến là một vũ trụ thơm tho và tinh khiết, vì là càn khôn mới dựng lên. Ở đây nhà thơ rợn ngợp trong trinh nguyên của Đất mới, mà tượng trưng là chiên con vô tật và vô tội, làm ngọn đèn trinh bạch rọi sáng cả hoàng thành. Thi sĩ vội nguyện cầu gội rửa :

*Tôi van lơn thầm gọi Chúa Giê su*
*Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối*
*Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi*
*Của bàn tay thi sĩ kẻ nên trăng*
*(tr.47)*

Và để ngợi ca vinh hiển của nguồn thơm, nhà thơ đã cao ngâm một giọng long lanh, thanh thoát :

*Ta cho ra một dòng thơ rất mát*
*Mới tinh khôi và thanh sạch bằng hương*
*(tr.10)*

Theo Hoài Thanh - người may mắn hơn chúng ta được đọc toàn bộ thi phẩm - thì *Cẩm châu duyên* thi phẩm cuối cùng, là "trong trẻo hơn cả"[(46)], âu cũng là chuyện lạ. *Gái quê*, từ ban sơ, đã là một dòng suối rừng vẩn đục, rồi chảy qua cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần luỵ, ấy mà dần dà lại gạn lọc hết phù trầm để đổ ra đại dương bằng một dải *Cẩm châu* trong vắt. Thật là một đặc điểm thẩm mỹ thi ca.

Đất mới còn là một xứ rực rỡ, cao sang, vì xuân mang tên một loài Ngọc.[(46)]

*"Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly*
*Ôi! Cao sang khôn vì, trọng ai bi*
*Trên nước cả có vô vàn châu báu*
*(tr.67)*

Những hình ảnh tráng lệ như gấm, ngọc, trân châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dược, đều muốn gợi lên một vinh hiển, khi sứ đồ tả thành Jérusalem mới trong Khải Huyền : "Thành ấy chói sáng như một viên bửu thạch, như bích ngọc rạng ngời...Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thuỷ tinh trong vắt. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai

hột châu" (Ap XXI, 11,18 và 21). Dựa theo Khải Huyền, tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mặc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên Chúa, vì cảnh bồng lai của Á Đông,, cảnh thần tiên của Đạo gia không có cái huy hoàng, rực rỡ đó..

Cuối cùng *Xuân như ý* là một thái hoà tuyệt đối, trong không gian và thời gian. Thái hoà của năm muôn năm, trời muôn trời. Ở đó, trời thì bình an như nguyệt bạch, còn người thì hoan hảo, no nê như trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm. Còn nói chung :

*"Thiên hạ thái bình và trời tuôn ơn phước*
*Như triều thiên vờn lượn khắp không gian"*
*(tr.71)*

Ở đây, sầu đau đã chìm trong quên lãng. Đất mới không còn cảnh "chết chóc, than khóc, kêu ca hay đau đớn nữa" (Ap XXI,4) vì những lâm luỵ dưới thế đã qua. Ở đây, tất cả đều là ánh sáng. Và ánh sáng là linh thị cuối cùng bao trùm trọn vẹn thi trình Xuân như ý, đồng thời rọi lại toàn bộ tác phẩm Hàn Mặc Tử như một Thánh thể kết tinh triền miên vươn tới Ánh Sáng, vươn tới Ánh hào quang chan chói ngát lưu ly. Hay trở về Ánh Sáng. Ở đây, chúng ta đi sâu vào ngõ ngách cuối cùng trong đức tin Hàn Mặc Tử.

*"Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên*
*Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng"*

Tôi sẽ dừng lại ở đây, dừng lại ở hình ảnh Nguồn Ánh Sáng, vừa là một vươn tới, vừa là một trở về. *Xuân như ý* đẹp trước hết vì là Xuân, thứ đến vì nó là Như Ý, nó đưa con người về với Chúa, về với Nguồn. Vậy Nguồn Ánh Sáng ở đây là Alpha và Oméga, vừa là cội rễ, vừa là cứu cánh con người. Và cơ cấu thơ Hàn Mặc Tử do đã gói ghém cả mặc khải Thánh Tự lẫn lịch trình Cứu Rỗi. Tôi có cảm giác đã làm xong một bài luận mạch lạc. Bây giờ là hết.

Tham vọng của tôi trong bài này, là đề nghị một lối nhất quán vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, trong giới hạn những bài thơ còn lưu truyền, nghĩa là trên một sự nghiệp bị thời gian cắt xén. Khai quật cơ cấu nội tại của sự nghiệp đó, chúng tôi lại còn mong ước rọi sáng những bài, những câu thơ mà các

nhà phê bình xưa nay, từ Trần Thanh Mại đến Vũ Ngọc Phan, cả thi sĩ Quách Tấn Đều cho là khúc mắc. Theo chúng tôi, hiểu tất cả các bài thơ, các câu thơ trong một tập thơ, chưa hẳn là đã hiểu toàn bộ tập thơ, ít nhất cũng đối với người viết phê bình. Chúng ta còn phải hiểu liên hệ nội tại trong mỗi tập thơ để nắm vững cơ cấu sáng tạo của thi sĩ ít ra cũng trong chủ quan người đọc.

Liên hệ nội tại đó , tôi đặt trên đức tin của Hàn Mặc Tử. Tôi cũng có thể đề nghị trên một nền tảng khác; tôi chọn chủ đề này với một dụng ý : giải thích những nhận xét cố hữu của các nhà phê bình tiền bối, vẫn cho thơ Hàn Mặc Tử là nhà thơ Thiên Chúa giáo, mà không nói rõ, nói đầy đủ tại sao. Các vị đó thường trích dẫn các bài thơ, hay câu thơ có âm vang tôn giáo, có hình thức tín ngưỡng như "Maria linh hồn tôi"... rồi kết luận : theo tôi thì chưa đủ, vì một người không có đức tin cũng có thể kể rất nhiều tên Thánh, làm thơ ca tụng đấng Tối Linh, như ngày xưa Nguyễn hửu Tiến hay Tản Đà nhắc đến Thượng Đế trong *Quả dưa đỏ* hay *Giấc mộng con*. Theo tôi chúng ta chỉ có thể nói đến tín lý trong một tác phẩm khi toàn bộ tác phẩm đó tiềm ẩn đức tin trong cơ cấu. Nói khác đi, một con người thiên Chúa giáo chưa hẳn là kẻ đọc kinh vanh vách, mà là người đem trọn cuộc đời mình đáp lại lời gọi của ơn Trên, và một thi sĩ Thiên Chúa giáo không hẳn là kẻ tự xưng là thi sĩ của đạo quân Thánh giá (tr.74) như Hàn Mặc Tử đã tự nhận, mà là kẻ đem cả sự nghiệp thi ca của mình âm vọng lại tiếng gọi của Thượng Đế. Và dĩ nhiên không phải là kẻ "dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình" như Quách Tấn nhận định ở trang 118 số *Văn* thượng dẫn. Do đó mà tôi cố gắng chứng minh toàn tập thi phẩm của Hàn Mặc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tự.

Dĩ nhiên, trong tác phẩm Hàn Mặc Tử còn nhiều vết tích của một nhân bản Việt Nam. Tín ngưỡng Thiên Chúa giáo đã nẩy mầm trên một nhân bản phiếm thần và đa giáo, thì hồn thơ Hàn Mặc Tử không khỏi làm một lăng kính hội tụ rồi phát huy nhiều nguồn sáng khác nhau, và hỗ tương lẫn nhau như Giáo Hoàng Paul VI đã tuyên bố trên đài phát thanh Véritas

chủ nhật 29-11 vừa qua, nhân chuyến công du sang Á Đông : "Chúng ta đang ở một vùng đất mà những tư trào cổ kính của Đông phương và những trào lưu mới mẻ hơn của Tây phương đã kết hợp lại và làm giàu cho nhau [47]

Và bạn đọc sẽ hoan hỉ nếu Quách tiên sinh thủ lời hứa "nói về Đạo từ bi trong thơ Tử" vì sẽ hiểu thêm một khía cạnh của thi phẩm qua kiến thức uyên bác của tiên sinh về phương diện Phật lý cũng như tác phẩm Hàn Mặc Tử. Cuối cùng bài viết này tôi cũng có hai hậu ý riêng tư. Trước là để giải một lời hứa với toà soạn *Văn* từ hai năm nay; một đề tài bao quát và hệ trọng như vầy đòi hỏi một suy nghĩ dài hạn, khiến anh Trần Phong Giao cứ trách tôi là " thứ cá trê chui ống".

Thứ đến là hồi đầu năm nay, tôi có viết một vài điểm sách về vở kịch Ngộ nhận của Vũ Khắc Khoan. Bài đó đã gây nhiều hiểu lầm, nhất là trong những người thân của tôi, cho là tôi bất kính đối với đức tin Thiên Chúa ; và tôi rất khổ tâm ; nếu có hiểu lầm đó, dĩ nhiên lỗi về phần tôi, viết không khéo, nói không trọn, lời không thanh, ý không minh. Vậy bài viết này viết vào mùa giáng sinh, cho số *Văn Giáng sinh* nếu kịp lên khuôn và Bưu điện phát đúng kỳ, sẽ là một hồ chính cho bài trước, và cũng là lời tạ lỗi thành khẩn của tôi.

Lòng thành khẩn đó, của riêng tôi, nhân mùa Hy vọng còn là cánh hoa huệ từ một lưu vực xa xôi gởi về cho quê hương yêu dấu.

Val de Loire, 12-1970
(Đã đăng tạp chí *Văn*, Sài Gòn,
số 178, ngày 1-6-1971)

**Ghi chú:**

1).- Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại* III, 1942, ấn bản 1951. NXB Vĩnh Thịnh, Hà Nội, tr.32.

2).- Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam,* Thiều Quang tái bản, Sài Gòn 1967, tr. 204.

3).- Văn, số đặc biệt về Hàn Mặc Tử, 73-74, ngày 7-11-1976, tr. 139.

4).- Văn, số đặc biệt về Hàn Mặc Tử số 73-74, ngày 7-11-1975, tr. 138.

5).- Trần Thanh Mại, *Hàn Mặc Tử* .- Tái bản, Sài Gòn 1957.

6).- Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 63-83.

7).- Quách Tấn, Văn, sđd., tr. 141-145.

8).-Thơ Hàn Mặc Tử đều trích từ ấn bản Tân Việt, Sài Gòn, 1959, Ấn bản này không đánh số trang, tôi dựa theo mục lục mà ghi số trang, để bạn đọc dễ kiểm chứng

9).- Huỳnh Phan Anh, Văn, số 73-74 đã dẫn

10).- Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 322.

11).- và 12).- Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 312.

13,14 và 15).- Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 211

16).- Văn, số đặc biệt về Hàn Mặc Tử, đã dẫn, tr.120

17).- Jacques Deurnes, *Dieu Aime les Paiens*, Aubier, 1936, tr.149.

18).- Văn, sđd, tr.47.

19).- Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 326.

20) .- J.E. Kerns, SJ.- *Les Chrétiens, Le Mariage et la Sexualité* Edit. Du Cerf. 1966. Paris, tr. 93.

21) - J. E. KERNS, SJ, sđd, tr.94.

22) -. Quách Tấn, Văn, sđd, tr. 81.

23) -. Trần Thanh Mại, sđd, tr. 73

24) -. Trần Thanh Mại, sđd, tr. 121

26) -. Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd tr. 212

27).- Trần Thanh Mại, sđd, tr. 120

28) -.Nguyễn Công Hoan, tạp chí *Văn nghệ* Hà Nội, số 67, tháng 12-1962 và 68 tháng 1-1963 về Tú Xương. Tôi đã đề cập tới trong *Văn,* số 163 ngày 1-10-1970.

29) .- Quách Tấn, Văn, sđd, tr. 116.

30) .- Vũ Ngoc Phan , sđd. tr.33

31).- Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 211

33) .- Trần Thanh Mại, sđd, tr. 130.

34) .- Quách Tấn, Văn, sđd, tr. 75.

35).- Trần Thanh Mại, sđd, tr. 62.

36). *Vocabulaire de Theodogie Biblique*. Edit., du Cerf, Paris 1962, tr. 714.

37) -.Charles Journet.- Le Mal, *Essai de Théology*.- Tủ sách Giáo lý.- Desclée de Breuwer, Bruges, Belgique : 1961, tr. 271

38) .- Trần Thanh Mại, sđd, tr. 120

39).- Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd. tr. 211

40-41).- Jean Pierre Richars.- *Poésie et Profondeur* .- Seuil : Paris, 1955

42).- P. Dhorme, .- *Revue Biblique*, số 4 tháng 10 năm 1920, tr. 473-474..Loạt bài *L'emploi métophorique dans la Bible,* chuyên về hình ảnh của thân xác, rất cần cho việc tìm hiểu thơ HMT.

41).- *Vocabulaire de Theodogie Biblique*, sđd, tr. 31.

42).- Jacques Quillet, tủ sách giáo lý, *Thèmes Biblique*, Aubier, 1950, tr. 175.

43) .- Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 214.

44) .- *Le Monde*, ngày 1 tháng 12-1970, tr.8, cột 1.

-o0o-

# HÀN MẶC TỬ VÀ TÔN GIÁO.

*Phan Cự Đệ.*

Chúng tôi đã viết về vấn đề này trong bài *Hàn Mặc Tử sống mãi với thời gian*, mở đầu cuốn *Thơ văn Hàn Mặc Tử - phê bình và tưởng niệm* (1993). Sau đây là những ý kiến dường như đã thống nhất trong các nhà phê bình và nghiên cứu văn học.

Trong báo *Nguồn thơm*, Hàn Mặc Tử đã tự xưng mình là "*Thi sĩ của đạo quân Thánh Giá*" nhưng trong thực tế Tử là một nhà thơ thuần tuý, không phải là nhà thơ của bất cứ tôn giáo nào. "*Tử là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn ướp cùng hương thơ đó thôi*" (Quách Tấn). Chính Hàn Mặc Tử đả có lần tâm sự với Quách Tấn:." *Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật- đó chỉ muốn làm giàu cho nền văn chương chung*" (*Ảnh hưởng của đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử).*

Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật của Việt Nam và thế giới (những pho tượng La Hán chùa Tây Phương, bài thơ *Ave Maria* của Hàn Mặc Tử, những tác phẩm của Michel Ange...) tuy viết về đề tài Phật giáo và Thiên Chúa giáo nhưng vẫn mang tính nhân dân, mang nội dung hiện thực. Bởi vì từ trước tới nay, con người vẫn xây dựng chân dung các vị thánh trên thiên đình bằng những nguyên mẫu dưới trần thế. "*Chất đốt đẩy tên lửa của Tử lên thượng thanh khí, lên Phượng Trì, lên sát những mũ triều thiên, té ra là tình cảm, là ân nghĩa từ mặt đất*" (Chế Lan Viên).

Hàn Mặc Tử nghệ sĩ bao giờ cũng phóng túng hơn, hào hoa hơn Nguyễn Trọng Trí tín đồ. Các hình ảnh và sự tích của Phật giáo, Thiên Chúa giáo (như trong các bài *Ave Maria, Đêm xuân cầu nguyện, Nguồn thơm, Ra đời...*) một khi vào thơ Tử đều được thi vị hoá, lãng mạng hoá, mất dần tính cách mạng trang nghiêm, tuyệt đối của tín điều kinh điển.

Chúng ta đồng tình với Phan Xuân Sanh khi ông viết :"Cái thói ngang tàng, bừa bãi xưa nay vẫn là thói chung của các nhà thơ. Hàn Mặc Tử quỳ trước thánh Maria, chúng ta có cảm tưởng như ông đã quỳ trước nàng thơ và hình ảnh nàng thơ với hình ảnh *Ave Maria* đôi khi chỉ là một, rồi thi sĩ nghiễm nhiên biến thành vai trò "Giáo Chủ"giữa một lúc cầu nguyện trong đêm xuân" (*Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*). Cũng như các nhà văn lãng mạn Thiên Chúa giáo, Hàn Mặc Tử xem thi sĩ là một loại người đặc biệt trên cõi đời này, là kẻ môi giới giữa Chúa và loài người. Hàn luôn luôn ý thức ñöôïc vị trí cao trọng của thi sĩ trong mọi hoàn cảnh:

*Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng*
*Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất*
*Ta* trôû *nên như ngọc đàng Kim Mã*
*Rất hào hoa, rất phong vận: Người Thơ*
(Phan Thiết! Phan Thiết!)

Hàn Mặc Tử đi trốn ở một túp lều tranh dột nát, "*Một lều trăng gió ngó lôi thôi*" nhưng Hàn Mặc Tử vẫn gọi là "*Lều tranh Ông Hoàng*", có lúc Hàn tự mỉa mai mình là tên hành khất:

*Lãng tử ơi! mi là tên hành khất*
*May không chết lạnh trước lầu mỹ nhân*
*Ta đi tìm mộng tầm xuân*
*Gặp vua nhà Nguyễn bay trên mây*
(Lang Thang)

"Vua nhà Nguyễn" nào vậy? Có người cho rằng trong bài *Lang thang*, Hàn Mặc Tử đã tiên tri sẽ gặp Bảo Đại, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn, vì thế bây giờ mộ Hàn Mặc Tử ở Gành Ráng nằm sát "Lầu Ông Hoàng" của Bảo Đại. Chế Lan Viên giải thích hợp lý hơn: "Sau này có lúc Tử xem mình là "*vua nhà Nguyễn (Nguyễn Trọng Trí là tên anh)* bay trên mây", cái mầm móng phạm thượng biết đâu không bắt đầu từ lúc làm thơ thuận-nghịch độc ấy" (*Hàn Mặc Tử anh là ai?).*

Nghệ sĩ luôn luôn phóng túng, ngang tàng, vượt ra ngoài những quy phạm của tôn giáo, vì thế mà phạm thượng, Quách

Tấn, Võ Long Tê, Chế Lan Viên, Phan Xuân Sanh đều nói thế. Phan Cự Đệ cũng nói thế khi viết về Hàn Mặc Tử, Michel Ange. Đôi khi bị cảm hứng lôi cuốn, bị thăng hoa xuất thần, Tử đã viết ra những lời có thể nói là phạm thượng đối với những Đấng thiêng liêng mà Tử phụng thờ :

*Ta chắp tay lạy quỳ hoan hảo*
*Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian*
*Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân*
*Nở một lượt giàu sang hơn thượng đế*

(Đêm xuân cầu nguyện)

Có lúc Hàn Mặc Tử viết:

*Ta khạc hồn ra ngoài cửa miệng*
*Cho bay lên hí hửng với ngàn khơi*

(Say trăng)

Chế Lan Viên bình : "Hồn đó là sản phẩm của Anh tạo ra. Tạo ra lại còn dắt nó đi chơi nữa: "Dắt hồn đi ròng rã một đêm nay"- Anh có bạn. Hàn Mặc Tử không còn thụ động là sản phẩm trong bàn tay Thượng đế, tự anh. Anh đã chủ động đóng vai trò Thượng đế, hơi phạm thượng đấy, nhưng vui chứ, đỡ cô đơn chứ" (*Hàn Mặc Tử anh là ai?*)

*Thư thứ bảy Giáo hội Laodicea (Kinh Thánh)* có chép chuyện Chúa khạc ra người:"Ta biết các công việc của con, con không lạnh cũng không nóng, ước gì con lạnh hẳn hay nóng hẳn thì hơn. Bởi con chỉ âm ấm, không lạnh cũng không nóng nên Ta sẽ mửa con ra khỏi miệng Ta" (3:15-16) [1].

Chúa "khạc" ra người được thì chàng thi sĩ phạm thượng cũng "khạc" ra người được chứ sao :

*Cả miệng ta trăng là trăng*
*Cả lòng ta vô số gái hồng nhan*

---

[1] Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, toà Tổng Giám mục Hà Nội 1985, trang 2297

*Ta nhả ra đây một nàng*
*Cho mây lặng lờ cho nước ngất ngây*
(Một miệng trăng)

Gần đây có người muốn dùng thơ Hàn Mặc Tử để chứng minh Đức Tin Thiên Chúa giáo. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến bài Th*ấy được những huyền bí bên kia cõi chết qua hiện tượng Hàn Mặc Tử* của linh mục Dũng Lạc Cao Tường. Bài viết đã mở ra một hướng nghiên cứu mới về thơ Hàn Mặc Tử. Tác giả muốn giải thích những bí ẩn đằng sao "*những ý tưởng và hình ảnh lạ lùng vượt qua ngôn ngữ loài người*" và vì sao trong thơ Hàn Mặc Tử có chuyển biến "*từ những vật vã cô đơn cùng độ đến những cảm nghiệm hút hồn đầy hoan lạc*". Linh mục Dũng Lạc Cao Tường căn cứ vào cuốn *Life after Life* (Đời sau 1975) của bác sĩ Raymone Moodi và nhất là cuốn *Fransformed by The Light* (Được ánh sáng biến đổi,1992) của bác sĩ Melvin Morse. Trong đó tác giả muốn "*chứng minh một cách khoa học những điều mà những người nghiên cứu khác chỉ phỏng đoán, xem những người chết sống lại được thay đổi như thế nào...*" (trang 29). Quá trình chết đi sống lại diễn ra qua bốn hiện tượng :

1. Hồn lìa khỏi xác bay lơ lững trên không nhìn xuống xác mình thấy những người thân yêu đang khóc.
2. Hồn bay trong một ống dài tối đen với một tốc ñoä nhanh kinh khủng. Betty Eadye kể lại kinh nghiệm của chính mình trong cuốn *Embraced By The Light* (1992) (Được ánh sáng ấp ủ): Đây đúng là thung lũng bóng tối sự chết như Kinh thánh đã từng nói tới.
3. Hồn bổng thấy một nguồn sáng xuất hiện đầy yêu thương và an bình. Có người cảm nghiệm thấy Chúa, có người thấy Thánh nữ Đồng trinh Maria. Lúc đó hồn được soi sáng nhìn lại và thấy tất cả cuộc đời của mình hiện lên trong một nháy mắt... Rồi hồn sung sướng sửa soạn bước vào vùng ánh sáng thì lại nghe rõ lệnh: *'Chưa phải lúc, hãy trở về'*. Thế là sống lại.
4. Tất cả mọi trường hợp đều được biến đổi sau khi đã gặp ánh sáng này. Họ trở nên thông minh hơn, có sức cảm thụ lạ về những vùng tâm linh trước kia không hề biết trước chuyện xảy ra trong tương lai...

Lelvin Morse chứng nghiệm tất cả những điều thấy trên đây là có thật, chứ không phải do phản ứng của thuốc, do ảo giác vì thiếu dưỡng khí, do thần kinh óc bị huỷ hoại.

Linh mục Dũng Lạc Cao Tường đã dựa vào lời ông Nguyễn Bá Tín kể lại trong cuốn *Hàn Mặc Tử anh tôi* (Tin-Paris 1990): Trí suýt chết đuối ở biển Quy Nhơn, phải nằm ngửa (làm planche) cho sóng đẩy vào bờ. Trí sợ hãi, thần sắc ngơ ngác, miệng lẩm bẩm nghe như : ' Đức mẹ... Đức mẹ.' Từ đó Trí ít hoạt động, nói năng nhỏ nhẹ, nhiều lúc như xuất thần.

Trần Thanh Mại trong cuốn *Hàn Mặc Tử- thân thế và thi văn* cũng nói là Hàn Mặc Tử đã chết đi sống lại ba bốn lần trong thời gian lâm bệnh.Vậy thì một số ý tưởng và hình ảnh lạ lùng trong một số bài thơ, có thể là Hàn Mặc Tử đã ghi lại sau khi từ cõi chết trở về cõi sống.

Cũng có cảnh hồn lìa khỏi xác, từ trên cao nhìn xuống dương gian:

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt*
*Để chập chờn trong ánh sáng mông lung*
(Sáng láng)

*Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan rã*
*Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa*
*Hồn mất xác hồn sẽ cười nghiêng ngả*
*Và kêu rên thảm thiết suốt bao la*
(Hồn lìa khỏi xác)

Cũng có cảnh hồn bay vùn vụt trong không gian, không biết trôi dạt về phương nào:

*Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng*
*Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao*
*Sóng gió nổi rùng rùng nơi địa chấn*
*Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao*

*Cả hơi hám muôn xưa về ám ảnh*
*Hồn chơ vơ không biết lạc về đâu*

*Và vướng phải vô vàn tinh khí lạnh*
*Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu*
(Hồn lìa khỏi xác)

Và hồn được tắm gội trong nguồn ánh sáng :
*- Ta ước ao đầu đội mão triều thiên*
*Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng...*
*- Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền*
*Không u ám như cõi lòng ma quỷ*
*Vì có đấng hằng sống, hằng ngự trị*
*Nhạc thiêng liêng dồn trỗi khắp hư linh*
(Ngoài vũ trụ)

Ánh sáng trong trường hợp Hàn Mặc Tử được thị kiến ở bờ biển Quy Nhơn chính là Đức Bà Maria mà sau này Hàn tỏ lòng biết ơn trong bài Ave Maria :

*Lạy bà là đấng trinh tuyền Thánh vẹn*
*Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi*
*Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy*
*Cơn lâm luỵ vừa trãi qua dưới thế*

Hàn Mặc Tử cũng được biến đổi lạ lùng sau lần suýt chết đuối ở bờ biển Quy Nhơn. Ông Nguyễn Bá Tín kể lại: "mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn còn sợ hãi vì thấy anh không còn giống anh nữa, anh khác lạ hẳn đi với đôi mắt lạc thần. Cảnh tượng đó ám ảnh tôi mãi. Tôi tin anh được ơn cứu trợ lạ lùng của Đức Mẹ và biến cố trên đã ảnh hưởng sâu đậm đến đường hướng sáng tác của anh. Khả năng cảm thụ tế nhị trong văn chương âm nhạc bắt đầu từ lúc đó, từ lúc anh sống thu mình lại cả về tâm hồn lẫn thể xác, ngược với những ham muốn dồi dào từ bẩm sinh. Đang bồng bột nông nổi đầy sức sống, đi từ ham mê này đến ham mê khác, bỗng đột nhiên dừng lại, rồi chìm vào một trạng thái đăm chiêu đến xuất thần. Hiện tượng đó đã đến với anh một cách thình lình, như chớp loà sáng chói, khiến anh ngất đi, ngơ ngác mù mịt, để rồi biến cải anh hoàn toàn"[2]

---

[2] *Hàn Mặc Tử anh tôi*, NXB Tin Paris 1990, trang 113,114.

Người viết bài này cũng cảm thấy một số bài thơ của Hàn Mặc Tử trong phần *Máu cuồng và hồn điên (Đau thương)* và trong *Xuân như ý* tương tự với một số hiện tượng mà Melvin Morse đã miêu tả trong cuốn *Transformed by The Light*. Bài viết của linh mục Dũng Lạc Cao Tường đã mở ra một hướng tiếp cận mới đối với một số hiện tượng tâm linh. Nhưng kết luận của chúng tôi lại khác với những kết luận của vị linh mục Thiên Chúa giáo. Sau khi khảo sát hiện tượng Hàn Mặc Tử theo sách của bác sĩ Melvin Morse, linh mục Dũng Lạc Cao Tường kết luận : "Nguồn ánh sáng mà Hàn Mặc Tử thấy là một ngôi vị Thiên Chúa tình yêu... Chính là Chúa Giêsu. Tất cả những cái thấy trên đúng là như vẻ ra cảnh thiên đàng trong hình ảnh Kinh Thánh qua các thị kiến của các tiên tri và khải huyền, thật lạ lùng vượt qua sức hiểu biết của con người, nhưng có thực... Hàn Mặc Tử đã làm chứng Đức Tin bằng thơ văn về những gì huyền bí đã thấy bằng thực chứng qua những lần chết đi sống lại".

Theo thiển ý của chúng tôi có lẽ chúng ta phải nói ngược lại. Không phải những giấc mơ, những phút xuất thần trong thơ Hàn Mặc Tử đã chứng minh có Thiên Chúa, có thế giới Khải Huyền, có thung lũng "ngục tồ tông" bóng tối sự chết. Mà chính nhờ niềm tin vào Kinh Thánh và hàng ngày cầu nguyện, nên lúc mê sảng, xuất thần, lúc chết đi sống lại Hàn Mặc Tử mới có "cứ liệu" mà tưởng tượng ra được như thế. Đúng là trong thơ văn, Hàn Mặc Tử đã đặt niềm tin vào một thế giới Khải Huyền (*Tựa Xuân như ý, Ra đời, Điềm lạ, Đầu tiên...*), Xuân như ý, Xuân thiêng là "Công trình châu báu của Người", là "Phép tắc mầu nhiệm của Đấng Vô thủy Vô chung. Đó là "Bốn mùa xuân cả bốn" có "Nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc, hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm". Ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi xuân là Ngọc như ý, tên xuân là Dạ lan hương..."

Hàn Mặc Tử vui mừng chờ đón " Điểm lạ đêm nay" "Ra dời" một mùa *Xuân đầu tiên* :

*Mai này thiên địa mới tinh khôi*
*Gió căng hơi và nhạc trên trời*
*Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết*
*Hoa lá hồ nghi sự lạ đời*
*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm*
*Còn mặt trời kia tợ khối vàng*

Cái mùa *Xuân như ý, Xuân thiêng, Xuân đầu tiên* bắt nguồn từ cảnh Trời mới, Đất mới, Jêrusalem mới sau ngày phán xét. Ta hãy nghe Thánh Gioan kể : "Rồi tôi thấy trời và đất mới, vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến đi, biển cũng không còn nữa... Rồi thiên thần đem tâm trí tôi lên một ngọn núi cao, chỉ cho tôi xem thành Jerusalem[3] tự nơi Thiên Chúa trên trời mà xuống, huy hoàng trong vinh quang Thiên Chúa và rực rỡ như một viên đá quý, khác nào một viên đá ngọc trong sáng...Tường xây bằng đá ngọc và thành bằng vàng ròng trong sáng như thủy tinh; nền tường thành được xây bằng mọi thứ đá quý...Mười hai cổng là mười hai phiến trân châu, mỗi cửa là một phiến nguyên. Các đường phoá trong thành thì bằng vàng ròng trong suốt như thủy tinh...Thành không cần mặt trời, mặt trăng soi sáng, vì vinh quang Thiên Chúa chiếu toả khắp nơi và Chiên Con là ngọn đèn rực rỡ của thành" [4]

Thế giới Khải Huyền trong thơ Hàn Mặc Tử theo Quách Tấn là vang bóng của vô lượng quang trên Thế giới cực lạc mà Tử đã đọc qua kinh A Di Đà. Phật Thích Ca giới thiệu Tây Phương Cực Lạc (hay Tịnh độ), thế giới của Phật A Di Đà như sau: "Cảnh giới ở nước thanh tịnh ấy vô cùng đẹp đẽ, sáng lạn, vui tươi. Phong cảnh cả toàn cõi là một vườn hoa vĩ đại... Đường xá, cầu cống, đền đài, điện các ở cõi Tịnh độ đều làm

---

(3) Tức giáo hội, bạn trăm năm của Chúa.
(4) Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, Kinh thánh, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985 (Khải huyền- 21:1-4-10-11-18-22).

bằng ngọc vàng, châu báu vô cùng quý giá. Chim chóc ở đây là những thứ chim báu như bạch hạc, khổng tước, anh võ, xá lợi, ca lăng tầng già...những thứ chim này, ngày đêm sáu thời, hót ra những thứ tiếng pháp vi-diệu, hoà lẫn trong những điệu nhạc thiêng, làm cho ai nghe dến, cũng liền phát tâm hoan hỉ niệm Phật...Ở đây không bao giờ có bóng tối, vì nhờ hào quang của Phật phát ra, sáng chói luôn luôn" [5] Chúng tôi cho rằng có thể Hàn Mặc Tử đã chịu ảnh hưởng Kinh Thánh lẫn Kinh Phật, đó là chưa kể những ảnh hưởng của các tín ngưỡng dân gian khác, vùng ảnh hưởng văn hoá Chàm. Quách Tấn cho rằng Hàn Mặc Tử đi vào các tôn giáo "như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc...Rồi những gì đã thấm sâu vào tâm khảm thỉnh thoảng tràn ra ngọn bút những lúc Thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển diện, khi thì ẩn tàng...và tràn ra một cách tự nhiên *khiến lắm lúc nhà thơ tưởng rằng đó là do mình sáng tạo ra chứ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng" (Ảnh hưởng đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử).*

Có những hiện tượng trong thơ Hàn Mặc Tử vừa có nguyên nhân từ bệnh lý, từ hoàn cảnh cô đơn, vừa có nguyên nhân từ những ảnh hưởng tôn giáo. Hàn Mặc Tử đã có lúc muốn đốt tập *Thơ Điên*. Vì sao vậy? Có lẽ Hàn Mặc Tử hối hận về "những câu thơ tội lỗi" phạm thượng, cũng có thể Hàn Mặc Tử không muốn đời sau biết "Những bí ẩn của lòng mình" lúc rơi vào những hiện tượng bệnh lý, mê sảng như trong các bài: *Một miệng trăng, Cuối thu, Cô liêu:*

*Và ai gánh máu đi trên huyết*
*Mảnh áo da cừu ngắm nở nang*
(Cuối thu)

*Ai đi lẳng lặng trên làn nước*
*Với lại ai ngồi khít cạnh tôi*
*Mà sao ngậm kín thơ đầy miệng*
*Không nói không rằng nín cả hơi*
(Cô liêu)

---

[5] Phật học phổ thông. Ban Hoàng pháp Phật giáo Việt Nam biên đạo xuất bản, in lần thứ hai 1964 –trang 108-109.

Quách Tấn đã ghi lại những lời Hàn Mặc Tử kể: "Một đêm khuya vắng một mình, Tử ngồi ngắm trăng trên bể. Bổng anh thấy có ai đó ngồi khít rịt bên anh. Rồi từ người đó lại hiện ra người nữa. Rồi biến đi. Rồi thấy mặt bể đông lại như tuyết. Trên bể có một người vạm vỡ mặc áo lông gánh hai thùng thiết chạy băng băng. Từ hai thùng tung toé ra những máu là máu. Tử hoảng sợ chạy về nhà". Đây là một hiện tượng ít nhiều có gắn với bệnh lý nên đâm ra mê sảng, huyễn tưởng, cũng giống như ;

*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy*
*Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra*

Với tấm lòng yêu thương bạn, Chế Lan Viên luôn luôn bênh vực Hàn Mặc Tử: "Bệnh tâm thần, ta vội kết luận. Và đưa nó cho các nhà y học, phân tâm học. Hãy dừng lại đã ... Nó là gì ? Vì Tử đau yếu chăng ? Không, theo tôi chính là Anh rất khoẻ, cái hồn thơ anh rất khoẻ. Chả là cô đơn, chả là hư vô, chả là cái chết dập dờn ở trong phòng bệnh và ở giữa đêm trăng này, nó muốn thủ tiêu Anh mà không được. Anh là một. Nó cũng zero hoá anh, hư vô hoá anh cho không còn dấu vết. nhưng anh đâu có chịu. Anh hoá *hai*, hoá *ba*, mình ngồi cạnh mình, hơn thế mình lại vạm vở ra, nở nang lên, gánh chạy, gánh cái gánh máu đời mình, chạy trên cái bể thảm kịch của đời mình. Cũng là một cách đối chọi!".

Giải thích như thế e có phần suy diễn.Tất nhiên, ta chấp nhận ý Chế Lan Viên : Hàn Mặc Tử khạc ra trăng, khạc ra gái hồng nhan, khạc ra hồn cho văng lên muôn trượng, thì hồn đó, gái đó, trăng đó cũng là Hàn Mặc Tử mà thôi. Đây là một hiện tượng phân thân thường thấy trong thơ văn: Nói chuyện với em, với trăng, với bóng, với một người vô hình...Trong *Anh em Kavamazov*, Ivan còn tranh luận với con quỷ mặc áo màu đen xem ai là thủ phạm giết cha mình, con quỷ màu đen đó là phần vô thức của Ivan.

Sống chui nhủi trong những thôn xóm bơ vơ, hoặc lang thang một mình trên bờ biển hiu quạnh những đêm khuya, Hàn Mặc Tử làm như bị ám ảnh bởi cái không gian xa lạ, cái không gian vây bủa, "Nhiều ảo giác được nhà thơ ghi lại chính là nói lên cái hoảng loạn của thần hồn, thần tính con người, gây nên bởi cái xã hội vô nghĩa, quái gỡ, ngột ngạt lúc bấy giờ...Không phải vô cớ mà bài thơ lấy tên là *Cô liêu*. Bài thơ là tiếng kêu, tiếng rú trong nỗi cô đơn rùng rợn, con người như lạc vào thế giới xa lạ, tách biệt hẳn với đồng loại" (Lê Đình Kỵ). Nhiều người khác cũng có cách giải thích giống như Lê Đình Kỵ khi cho rằng : "Thơ anh có nhiều câu hốt hoảng lạ lùng, như bị một *ám ảnh* nào đó phá phách xô đẩy anh khủng khiếp" (Nguyễn Bá Tín). "Ám ảnh do phải nếm trải những cảnh ngộ éo le và bi thảm, *ám ảnh* do sự chiêm nghiệm đối với đời sống nhân sinh nhiều đau thương, lắm tai ương và đầy bất hạnh này". (Cao Xuân Thử).

Tất nhiên, trong những cơn mê sảng, hoảng loạn đó cũng có những hình ảnh bắt nguồn từ tôn giáo. Ở trên đã nói, trong Kinh Thánh có chép chuyện Chúa "mửa" ra người thì vị "giáo chủ" phạm thượng Hàn Mặc Tử cũng có lúc "khạc" ra trăng, "khạc" ra hồn, "nhả ra đây một nàng"! Trong thơ Tử có hiện tượng người đi trên biển, gánh hai thùng thiết chạy băng băng trên biển thì *Phúc Âm theo Thánh Mác-thêu* cũng chép chuyện *Chúa đi trên mặt biển* : "Bấy giờ thuyền đã ra giữa biển, bị sóng đánh mạnh. vì ngược gió. Đến canh tư đêm ấy, Chúa Giêsu đi bộ trên mặt biển đến cùng các môn đệ. Thấy người đi bộ trên mặt biển, họ sợ hãi nói rằng : "Ma đấy". Rồi họ hốt hoảng la lên. Chúa Giêsu liền bảo các môn đệ rằng: "Hãy an tâm, thầy đây, đừng sợ". Ông Phêrô lên tiếng : "Thưa thầy, nếu thật là thầy, xin cho tôi đi trên mặt nước mà đến với thầy". Chúa bảo "Lại đây". Ông Phêrô liền từ thuyền bước xuống đi trên nước để đến cùng Chúa Giêsu (Kinh Thánh trang 1823-14:22-30). Hiện tượng "điên cuồng mửa *máu* ra" gắn với bệnh lý của Hàn. Nhưng hình ảnh *máu* trên biển cũng có thể bắt nguồn từ một số chuyện trong Kinh Thánh.

Trong sách Khải Huyền có chép chuyện Bảy thiên thần mang bảy tai họa- "Hãy đổ chén thịnh nộ của Chúa xuống trái đất":

Thiên thần thứ hai đổ chén của mình xuống biển, tức thì *biển hoá thành máu* tử thi và tất cả sinh vật dưới biển đều chết.

Thiên thần thứ ba đổ chén của mình xuống sông suối thì *sông suối biến* thành *máu* (Khải Huyền –16:3-4) [6]

Như thế, những câu thơ mà ta gọi là huyền bí, kinh dị của Hàn Mặc Tử cũng có thể cắt nghĩa phần nào bằng hoàn cảnh sống cô đơn trong các xóm vắng, trên bãi biển bằng những hiện tượng bệnh lý, bằng những câu chuyện và hình ảnh mà Hàn Mặc Tử đã đọc được trong Kinh Thánh, Kinh Phật. Đó là chúng ta chưa kể đến những tín ngưỡng dân gian của một vùng ảnh hưởng văn hoá Chàm (trong thơ Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử ta thấy có hiện tượng hồn lìa khỏi xác, trong đêm kéo nhau đi lang thang.

**HÀN MẶC TỬ**
Tác-phẩm,Phê-bình và Tưởng-niệm
Nhà Xuất-bản Văn-học.- Hà-Nội : 2002

---

[6] *Kinh Thánh.* Sách đã dẫn, trang 2311. Chúng tôi gạch dưới

# PHẦN II

"... Không đoàn tụ ...dở dang chi ?

*"Và uyên ương bởi đâu không đoàn tụ ?*
*"Và tình duyên sao lại dở dang chi ?*
Hàn Mạc Tử .- Trường Tương Tư
(Mật Đắng)

# NHỮNG BÓNG GIAI NHÂN TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

## Đỗ Như Điện

Tình yêu luôn là nguồn cảm hứng vô tận trong thi ca, tình yêu chớm nở sẽ như cây non được tưới nước, bón phân sẽ mau đâm chồi nẩy lộc dưới ánh nắng xuân. Tình yêu đã là nguồn cảm hứng vui tươi dạt dào làm cho thi nhân viết lên những dòng thơ chan chứa hy vọng, phác họa một cảnh trời mỹ lệ, một tương lai quyến rũ, hân hoan. Khi tình yêu tan vỡ, thi nhân thốt lên tiếng bi thương ai oán.

Những cuộc tình tan vỡ đã là nhân tố đưa thi nhân lên đài danh vọng của Đông tây kim cổ; điều ấy hầu như trở thành một định luật mà Hàn Mặc Tử cũng không ngoại lệ.

Các nhà khảo cứu văn học viết về Hàn Mặc Tử thường nhắc đến sáu mối tình trong đời thi nhân là Hoàng Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình, Ngọc Sương, Thanh Huy và Thương Thương. Mối tình đầu là nàng tiểu thơ Hoàng Thị Kim Cúc mà Hàn yêu ở tuổi 20 vào năm 1932 và mối tình cuối là nàng Thương Thương mà Hàn yêu vào thời gian sắp vĩnh viễn ra đi ở tuổi 28. Nhưng theo ông Thiện Nam Nguyễn Bá Tín em ruột nhà thơ kể lại thì Hàn còn có đến ba bóng giai nhân nữa trong đời chàng là Thu Hà, Thu Yến và Mỹ Thiện.

Trong bài này, người viết dựa vào những tài liệu đã xuất bản trước đây của nhiều tác giả, và đặc biệt tập bản thảo *Hàn Mặc Tử trong riêng tư do* ông Nguyễn Bá Tín gửi tặng năm 1993, lúc ấy ông Tín cho biết tập sách đang chờ xuất bản, đến nay trong thư mục viết về Hàn Mặc Tử không tìm thấy tên tập sách ấy. Tôi tin vào những điều ông Tín viết, nên ghi lại những

chi tiết về ba thiếu nữ đã đề cập đến trong tập sách này để các nhà văn học có thêm dữ kiện tra cứu về sau.

Bây giờ ta hãy đi theo bước con tim của Hàn xem chàng thi sĩ đến, dừng lại hay ra đi ở những bến yêu đương nào trong cuộc hành trình ngắn ngủi của đời người thi sĩ tài hoa nhưng bạc mệnh này?

Chàng trai 18, 19 tuổi bắt đầu biết yêu, biết mơ mộng, biết rung động khi gặp giai nhân là chuyện tự nhiên.Tuy Hàn Mặc Tử nhút nhát, e dè, có thể nói là vụng về trong cung cách tỏ tình nhưng chàng lại có khả năng diễn đạt nỗi lòng qua thơ văn rất phong phú. Với cảm xúc bén nhạy, dầu không si mê đến cuồng nhiệt khi tỏ tình thì cũng xao xuyến rung động khi đối diện trước giai nhân. Trước khi Hàn thật sự bước vào những cuộc tình sâu đậm thì chàng cũng trải qua những kinh nghiệm rung động ở tuổi biết yêu.

**1.. THU HÀ trên chuyến đò ngang.**

Lúc gia đình ở Qui Nhơn, Hàn có nhiều dịp ra Huế để bổ túc giấy tờ xuất ngoại. Hàn thường trọ tại nhà cụ Nghè Tuần ở Bến Ngự mà anh quen khi theo học tại trường Pellerin. Mỗi lần trở lại Huế chàng thường ghé thăm người chị họ ở Kim Long. Những lần qua lại phố, Hàn không đi bộ qua ngả cầu Trường Tiền mà thường dùng đò ngang. Đi đò trên sông Hương là một điều thú vị, nhất là người có hồn thơ như Hàn.

Một lần kia anh qua thăm người bạn học cũ ở Đập Đá nhưng không gặp. Hàn đáp chuyến đò sớm về Gia Hội. Buổi sáng đò đông khách, Hàn tìm thấy một chỗ ngồi phía mũi thuyền rất thoải mái. Khách đến trễ tiếp tục lên thuyền. Một bàn chân nhỏ nhắn cố len vào tìm một chỗ đứng đã chạm vào chân Hàn. Nhìn lên, bắt gặp ánh mắt của một thiếu nữ xinh đẹp mặc áo tím than. Hàn bối rối nhưng lịch sự đứng lên có ý nhường chỗ, bỗng có tiếng la lớn: "Thầy nớ đứng làm chi, ngồi

xuống đi, bổ chừ!" Hàn ngượng nghịu lại ngồi xuống, tránh cái nhìn xoi mói của những người chung quanh. Hàn nhìn xuống mặt nước phản chiếu khuôn mặt duyên dáng của người thiếu nữ cũng đang nhìn mình như trêu đùa thiện cảm. Thế là họ quen nhau trên chuyến đò ấy. Hàn gửi gắm cảm xúc trong bài *Chuyến Đò Ngang* :

*Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây?*
*Người thì như tỉnh, kẻ như say,*
*Trong veo làn nước soi đôi mặt,*
*Xa tít quê nhà một trở tay.*

*Tâm sự mới trao, bờ đã đến*
*Nỗi niềm chưa cạn khách về ngay.*
*Ba sinh duyên nợ âu là thế*
*Một chuyến đò đưa nghĩa một ngày.*

Bóng dáng người con gái áo tím đó ít nhiều vương vấn trong trí của Hàn, nhưng chưa sâu đậm lắm. Độ nửa năm sau, Hàn gặp Hồ Lư ở tòa soạn báo *Vì Chúa*, Hồ Lư vỗ vai Hàn: "- Nè, có người hỏi thăm cậu đó!" Tưởng bạn trêu chọc nên Hàn không để ý.

Một lần khác Hàn lên Kim Long thăm người chị, chị không có nhà, anh lên chuyến đò Bạch Hổ trở về Bồ Ghè bỗng nhiên một thiếu nữ thật xinh đẹp mà không nhớ đã gặp ở đâu, cúi đầu chào anh, Hàn bối rối chào lại, lí nhí nói không nên lời. Hình ảnh người con gái tuyệt đẹp ấy đã gợi lại bóng dáng nàng áo tím trên chuyến đò ngang mấy tháng trước. Về Bến Ngự Hàn vẫn còn băn khoăn, nhớ mãi không ra, khiến Hàn bồn chồn quên cả ăn uống, cụ Tuần tưởng anh lo lắng giấy tờ nên ngẩn người ra như thế. Hàn quyết tâm tìm gặp lại bóng dáng người con gái ấy. Thế là suốt mấy hôm liền, Hàn cứ lảng vảng ở bến đò Lò Vôi, có khi qua đò Bạch Hổ rồi lại trở về mà vẫn không gặp lại được người hôm trước.

Nửa năm sau, Hàn nhận được một bức thư do tòa soạn báo *Vì Chúa* gửi. Mở ra thấy một tấm ảnh bán thân, với chiếc nón bài thơ nghiêng nghiêng, với bốn câu thơ viết sau tấm ảnh:

*Ai về Gia Hội nghe gà gáy*
*Hãy sớm sang sông kẻo lỡ đò.*

Người trong ảnh duyên dáng làm sao! Khiến Hàn mềm nhũn cả người, hồn chàng chìm vào những cảm xúc bàng hoàng trên chuyến đò năm trước. Hàn đã làm bài thơ, lấy ý họa lại bài *Gởi Nhạn* của Mộng Châu, là anh lớn của Hàn, người đã hướng dẫn chàng làm thơ để anh em xướng họa với nhau:

*Vội vàng chi lắm Nhạn lưng mây*
*Chầm chậm cho mình gởi mối dây,*
*Về đến thần kinh khoan nghỉ đã*
*Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay.*
*Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi,*
*Chỉ một lòng son muốn giải bày.*
*Này Nhạn ta còn quên chút nữa,*
*Trái tim non nớt tặng ai đây?*

Quả thật lời nhắn khéo sau tấm ảnh "Hãy sớm sang sông kẻo lỡ đò" đã được Hồ Lư nhắc, nhưng Hàn ngờ nghệch quá nên không dám mạnh dạn hỏi thẳng bạn. Sau này mới biết nàng áo tím năm xưa là Thu Hà, họ hàng với vợ Hồ Lư. Nàng là cựu nữ tu dòng Kim Đôi, vì sức khỏe phải hoàn tục, có thể trở lại nhà dòng. Thu Hà trông tin Hàn mà không thấy hồi âm và con gà Gia Hội cũng thật quái ác, gáy chi sớm vậy! Vào thời điểm ấy, các cô gái thường lấy chồng rất sớm, hai mươi tuổi trở đi là đã gọi là hâm đi hâm lại rồi!

**2. THU YẾN mối tình câm nín.**

Hàn có người họ hàng ở Phường Đúc, có người con gái út sinh ở Trà Kiệu nên gọi là Trà, tên thật là Thu Yến. Về vai vế

Hàn phải gọi Yến bằng chị. Chị Trà. Trong họ hàng lại có người bà con là chị Phu thích dẫn mối se duyên, muốn để ý cô Trà cho Trí, tuy có họ xa nhưng không vướng mắc huyết thống, nên có thể kết hôn. Hàn vốn dĩ nhút nhát, lại khó xưng hô sao cho phải, nên sự giao thiệp mất tự nhiên, mỗi khi có dịp gặp Thu Yến, nàng vẫn tỏ ra dịu dàng, bình thản; vì nhỏ tuổi hơn Trí, nên gọi Trí bằng anh. Hàn đã để mất cơ hội giãi bày tâm sự, cho dù cả hai đều có tình cảm với nhau ; những người chung quanh cũng biết thế. Cô cũng thích văn chương, có viết bài trên báo thiếu nhi và *Đạo Binh Đức Mẹ* ký tên T.Y. Nàng không nhận được tín hiệu nào từ Hàn, thế là mối tình câm lặng lẽ ra đi.

Khi người chị họ vào báo tin cho gia đình Trí biết cô Trà sắp đi lấy chồng và tỏ ra tiếc nuối cho Trí thì chàng ngẩn người, đứng trơ ra như phỗng đá, rồi lặng lẽ đi vào phòng. Tâm tư của Hàn ghi lại trong bài *Buồn Thu*:

*Ấp úng không ra được nửa lời*
*Tình Thu bi thiết lắm thu ơi!*
*Vội vàng cánh nhạn bay đi trớt,*
*Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi*

*Nằm gắng đã không thành mộng được,*
*Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi,*
*Ngàn trùng bóng liễu trong xanh ngắt,*
*Cảnh sắp về đông mắt lệ vơi.*

Ở tuổi 20, tâm hồn Hàn chưa thật sự có những mối tình sâu đậm và những đổ vỡ bẽ bàng, nhưng Thu Hà, Thu Yến như những áng mây muôn màu muôn sắc đã tô điểm cho trời thơ của Hàn nở rộ những năm về sau.

### 3. HOÀNG CÚC tình có như không!

Sau khi Sở mật thám Pháp theo dõi và biết Hàn Mặc Tử có liên lạc mật thiết với nhà cách mạng Phan Bội Châu, họ đã loại tên chàng khỏi danh sách sinh viên được du học. Về Qui

Nhơn đọc sách, viết văn làm thơ. Năm 1932, Hàn vào làm việc cho sở Đạc Điền, dưới quyền ông Giám Đốc Thương Tá Hoàng Phùng, cha cô Kim Cúc. Cô Cúc có người em thúc bá là Hoàng Tùng Ngâm, cùng sống với gia đình cô, Hàn Mặc Tử quen Hoàng Tùng Ngâm nên thường đến chơi, đồng thời quen biết những người anh em của cô Cúc như Hoàng Diệp, Hoàng Toại, Hoàng Xuân Nghinh, Hoàng Xuân Tùy...

Cô Cúc là một thiếu nữ khuê các trong một gia đình nề nếp thế gia ở Vỹ Dạ, cô yêu văn thơ, có viết báo làm thơ với bút hiệu Hoàng Hoa nữ sĩ, có nét đoan trang nghiêm nghị, nhưng không thiếu nét kiêu sa tha thướt, khiến Hàn đem lòng say đắm nhưng gần như e dè sợ sệt. Hàn đã mở hé cửa hồn trong bài *Vịnh Hoa Cúc*:

*Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa,*
*Sương đẫm trăng lồng bóng thướt tha,*
*Vẻ mặt khác chi người quốc sắc,*
*Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.*

Hoặc như trong bài *Trồng Hoa Cúc*:

*Thích trồng hoa Cúc để xem chơi,*
*Cúc ngó đơn sơ lắm mặn mòi*
*Đêm vắng gần kề say chén nguyệt,*
*Vườn thu vắng vẻ đủ mua vui.*

Trong gia đình cũng như bạn hữu biết Hàn yêu Hoàng Cúc, nhất là Hoàng Tùng Ngâm đóng vai gạch nối giữa hai người, nhưng rồi mối tình xem ra ai nấy giữ cho mình cái kỷ niệm kín đáo. Lý do mà những người gần gũi suy đoán rằng Hàn rụt rè, còn Hoàng Cúc thì ngại sự khác biệt tôn giáo vì Hoàng Cúc trong gia đình Phật giáo, còn Hàn công giáo, cho dù Hàn đã bày tỏ tình cảm bạo dạn hơn như bài *Hồn Cúc*:

*Bấy lâu sát ngõ chẳng ngăn tường,*
*Không dám sờ tay sợ lấm hương,*
*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá*
*Muốn ôm hồn cúc ở trong sương.*

Năm 1934, Hàn bỏ Qui Nhơn cùng bạn hữu vào Sài Gòn làm báo, mối tình tuy câm nín nhưng đã sống trong lòng Hàn khá lâu và là nguồn cảm hứng để Hàn sáng tác những vần thơ trác tuyệt trong hai tập *Lệ Thanh thi tập* và *Gái quê*. Hình bóng Hoàng Cúc có phần phai nhạt trong hồn khi Hàn gặp Mộng Cầm ở Phan Thiết. Đến cuối năm 1936 khi có triệu chứng bệnh, Hàn trở về Qui Nhơn, được tin Hoàng Hoa sắp theo gia đình trở về Huế vì cụ thân sinh sắp về hưu. Hoàng Hoa cũng trở về Huế. Mối tình năm xưa sống dậy trong chàng. Năm 1937 Hàn ra Huế tìm đến nhà Hoàng Cúc nhưng không dám vào, mà chỉ đứng nhìn trước ngõ rồi lặng lẽ bước đi.

Khi cơn bệnh đến hồi nghiêm trọng, Hoàng Tùng Ngâm cho Hoàng Cúc biết, nàng gửi cho Hàn phiên ảnh với mấy lời thăm hỏi, tuy chỉ đơn sơ nhưng đã khiến Hàn xúc động mạnh, đó là động lực khiến Hàn sáng tác bài thơ bất hủ *Đây Thôn Vỹ Dạ:*

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ,*
*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên,*
*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,*
*Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay...*
*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*
*Có chở trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa*
*Áo em trắng quá nhìn không ra...*
*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,*
*Ai biết tình ai có đậm đà?*

Sau này qua những thư tín trao đổi giữa Hoàng Hoa và nhà thơ Quách Tấn thì Kim Cúc cho biết nàng không yêu Hàn và cũng chẳng yêu người nào khác. Nhưng có lẽ đó chỉ là những cảm tình thoáng qua...

Tuy mối tình dang dở nhưng đó có lẽ đó là mối tình đầu đậm nét trong hồn thi nhân, nên vẫn theo đuổi Hàn đến cuối đời. Riêng Hoàng Cúc không lập gia đình, bà ăn chay trường và trở thành cư sĩ Phật Giáo, pháp danh Chánh Tâm, dạy môn nữ công gia chánh tại trường Đồng Khánh Huế và nhiệt thành chăm lo cho Gia đình Phật Tử, bà mất năm 1989.

**4.- MỘNG CẦM**

Mối tình được nhiều người biết đến là Mộng Cầm.

Cơ duyên đưa Hàn gặp và yêu Mộng Cầm là do mối dây thơ văn. Ngay khi còn làm ở sở Đạc Điền Hàn đã liên lạc thư từ với Mộng Cầm khi cô đang chuẩn bị thi Tiểu Học ở Phan Thiết lúc cô 17 tuổi. Vì yêu thơ văn, nhờ địa chỉ do một người chị bạn cho và giới thiệu nàng với Hàn. Khi Hàn vào cộng tác với các báo ở Sài Gòn như : *Trong Khuê Phòng, Công Luận, Sài Gòn mới, Phụ Nữ Tân Văn*, hai người vẫn tiếp tục trao đổi thư từ.

Mộng Cầm gọi nhà thơ Bích Khê bằng cậu ruột, tên thật là Lê Quang Lương. Một ngày Thứ bảy đẹp trời, Hàn Mặc Tử ra Mũi Né gặp Mộng Cầm, nơi nàng đang học y tá tại đó. Được phép cậu là ông Lê Quang Thuần, anh lớn của Bích khê, làm trạm trưởng y tế Mũi Né cho phép. Trên chuyến đò từ Mũi Né về Phan Thiết, hai người thả hồn trên sóng nước trong một đêm trăng thật thơ mộng. Từ đó cứ thứ bảy Mộng Cầm đón Hàn tại ga xe lửa rồi lại tiễn chàng vào chiều chủ nhật trở lại Sài Gòn. Cuộc tình đẹp như mộng khi hai người sánh bước trên bãi cát trắng vào những đêm trăng lúc thì Mũi Né khi tại Lầu Ông Hoàng và những nơi cảnh đẹp nuôi tình. Đến năm 1936, Hàn có triệu chứng mắc bệnh hiểm nghèo, Hàn lui về Qui Nhơn chữa trị và đoạn giao với bạn hữu, kể cả Mộng Cầm.

Được một thời gian ngắn Mộng Cầm cũng rẽ bước sang ngang. Tuy biết đó là mối tình tuyệt vọng, nhưng Hàn cũng

không thể nào nén được nỗi buồn khi cuộc tình tan vỡ, điểm tựa tinh thần sụp đổ, những dòng thơ bi thiết trải dài, như bài *Những Giọt Lệ* trong tập *Đau Thương*:

*Trời hỡi bao giờ tôi chết đi?*
*Bao giờ tôi mới được yêu vì*
*Bao giờ mặt nhật tan thành máu*
*Và khối lòng tôi cứng tợ si?*

*Họ đã xa rồi khôn níu lại*
*Lòng thương chưa đã, mến chưa bưa*
*Người đi một nửa hồn tôi mất,*
*Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ,*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?*
*Ai đem tôi bỏ dưới trời sầu?*
*Bao giờ nhật nguyệt tan thành máu*
*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.*

Mộng Cầm giải ước rồi cất bước sang ngang, giữa lúc cơn bệnh hoành hành thể xác. Hàn hụt hẫng trên bước đường tình, lảo đảo trong cơn lốc xoáy hất chàng ra khỏi bến mơ mà hai năm qua đã đơm đầy mộng ước, hồn chàng như bóng ma đi lang thang và vất vưởng, đói khát:

*Trời hỡi! Làm sao cho khỏi đói*
*Gió trăng có sẵn làm sao ăn,*
*Làm sao giết được người trong mộng*
*Để trả thù duyên kiếp phụ phàng?*

Hoặc chua xót như bài *Muôn Năm Sầu Thảm*:

*Nghệ hỡi Nghệ muôn năm sầu thảm*
*Nhớ thương còn một nắm xương thôi!*
*Thân tàn ma dại đi rồi*
*Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan*

*Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió*
*Tưởng chừng như trong đó có hương*
*Của người mình nhớ mình thương*
*Nào hay gió lại chẳng vương vấn gì!*
*Nhớ lắm lúc như si như dại*
*Nhớ làm sao bải hoải tay chân!*
*Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng*
*Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều,*
*Dẫu đau đớn vì điều phụ rẫy,*
*Nhưng mà ta không lấy làm đều.*
*Trăm năm vẫn một lòng yêu,*
*Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi!*

Tóm lại, dầu Mộng Cầm đã ra đi, nhưng hình bóng nàng vẫn mãi in đậm trong hồn Hàn như những dòng thơ vẫn trãi dài trên trang giấy.

**5. MAI ĐÌNH nữ sĩ**

Một người đến với Hàn bằng cả tâm hồn rộng mở và tình yêu chân thật. Mai Đình, tên thật là Lê Thị Ngọc Mai, tức Mai Đình nữ sĩ. Thân phụ nàng quê quán Thanh Hóa, vào làm việc ở Tòa Sứ Phan Thiết. Nàng thân quen với bên ngoại của Mộng Cầm, nhất là Ngọc Sương dì ruột của Mộng Cầm. Mai Đình dạy môn Nữ công gia chánh ở Sài Gòn. Nàng quen biết rộng rãi giới văn nghệ sĩ thời ấy. Mai Đình không có nhan sắc mặn mà nhưng có tâm hồn phóng khoáng. Mai Đình đã nghe biết Hàn Mặc Tử, nhất là trong thời gian Hàn thăm Mộng Cầm ở Phan Thiết mỗi cuối tuần từ 1934-1936. Trong chuyến đi từ Thanh Hóa vào Phan Thiết, Mai Đình đã ghé thăm Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn nhưng chàng không tiếp mà chỉ tặng nàng tập Gái Quê. Đọc tập thơ này Mai Đình đi từ chỗ yêu văn thơ đến yêu thi sĩ một cách chân thành. Tình yêu thôi thúc nàng quyết gặp cho được Hàn. Mai Đình đã thổ lộ với Quách Tấn mối tình chân thật và tha thiết mà nàng dành cho Hàn và ao ước được gặp chàng :

*Còn anh em đã gặp nhau đâu?*
*Chỉ cảm thấy thơ có những câu*
*Âu yếm say sưa đầy cả mộng*
*Xui lòng tơ tưởng lúc đêm thâu*
. . . . . . . . . . . . . .
*Mộng hồn em gửi theo chiều gió*
*Để em gần anh ngỏ ít lời.*

Quách Tấn đã gửi bài thơ của Mai Đình cho Hàn và tả Mai Đình là một "tuyệt thế giai nhân" nhưng Quách Tấn không biết rằng Hàn không tiếp Mai Đình, nhưng qua song cửa Hàn đã nhìn thấy dung nhan khi nàng ghé thăm nhà Hàn ở Qui Nhơn, dẩu sao Hàn cũng đáp lễ Mai Đình qua bài thơ *Lưu Luyến*:

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly,*
*Hồn anh theo rõi bóng em đi,*
*Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,*
*Lưu luyến bên em chẳng nói gì.*
*Thơ em cũng giống lòng em vậy*
*Là nghĩa thơm tho như ánh trăng*
*Mềm mại như lời tơ liễu rũ*
*Âm thầm trong áng gió băn khoăn.*
*Anh đã ngâm và đã thuộc làu,*
*Cả người rung động với thương đau,*
*Bởi vì mê mẩn và khoan khoái*
*Anh cắn lời thơ để máu trào*
*Lời thơ ngậm cứng không rền rĩ*
*Mà máu tim anh vọt láng lai*
*Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt*
*Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi,*
*Em đã nghe qua em đã hay,*
*Tình anh sao phải chứng mê say*
*Anh điên anh nói như người dại*
*Van lạy không gian xóa những ngày*
*Những ngày đau khổ nhuốm buồn hiu*

*Những sóng mây lam cuốn dập dìu*
*Những mảnh nhạc vàng rơi lả tả*
*Những niềm rung rẩy của đêm yêu*
*Anh đứng cách xa hàng thế giới*
*Lặng nhìn trong mộng miệng em cười*
*Em cười anh cũng cười theo nữa*
*Để nhắn hồn em đã tới nơi.*

Dẫu biết Hàn không yêu mình Mai Đình vẫn kiên trì theo đuổi và ghé thăm gia đình Hàn, cả nhà thấy tình cảm nàng dành cho Hàn vừa chân thật vừa mãnh liệt nên đã khuyên Hàn hãy tiếp Mai Đình, chàng đồng ý. Mai Đình tỏ rõ cho Hàn biết nàng yêu chàng, mặc dù biết Hàn mang chứng bệnh hiểm nghèo. Mỗi lần gặp, Hàn vẫn nhắc đến Mộng Cầm như một thông điệp cho biết chàng thương và trân trọng mối tình nàng dành cho mình chứ không yêu nàng, tâm sự ấy bộc lộ trong bài *Thắm Thiết*:

*Cười cho lắm cho dầm dề nước mắt*
*Chết ruột gan mà ngoài mặt như không,*
*Anh nhìn Mai chua xót cả tấm lòng*
*Không biết nói làm sao cho da diết!*
*Trắng như tinh và rất nên thanh bạch*
*Cốt cách đều rất mực đồng trinh,*
*Mai của anh, chiều phong vận xinh xinh*
*Say một nửa và thơm thơm một nửa,*
*Bay chới với điệu quỳnh hoa lượn múa*
*Mê cầm trăng trong một tối xa hoa.*
*Nâng âm thanh trong những ngón tay ngà,*
*Giây phút ấy rượu say, trời lảo đảo*
*Thêm nóng mặt ân tình thôi gượng gạo*
*Sững lòng đi trong một tối tân hôn,*
*Đây Mai Đình, tiên nữ ở Vu Sơn,*
*Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt.*
*Nàng! Ôm nàng! Hai tay ta ghì chặt*

*Cả bài thơ êm mát lạ lùng thay*
*Ta là người uống muôn hận sầu cay,*
*Nàng là mật của muôn tuần trăng mật.*
*Ôi khoái trá thấm dần vô thể chất*
*Hồn trong xương, ảnh hưởng đến mê tơi!*
*Quí như vàng, trọng như ngọc trên đời*
*Mai! Mai! Mai! Là nguyệt Nga tái thế.*
*Tình rất nặng và nghĩa đầy lượng bể,*
*Tôi ôm nàng muốn cắn chết nàng đi!*
*Bao não nùng sầu hận trong mê li.*
*Anh thấy rõ rằng anh đang trơ trọi.*
*Em xa quá, biết làm sao nhắn vói?*
*Anh đưa lòng cho tới huyệt lòng em!*
*Mai! Ôi Mai, là em vẫn còn nguyên,*
*Hay đã chết như tình anh đã chết?*

Biết mình thua kém Mộng Cầm và không thể bù đắp trong tim chàng, Mai Đình đã chua xót: :

*Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lắm,*
*Đã ra người hành khất bấy nay*
*Mà người đời toàn mang vị đắng cay.*

Mai Đình muốn đem tình yêu của mình an ủi Hàn trong lúc đau khổ nhưng nhận ra cố gắng ấy không còn cần thiết khi đọc được bài thơ Hàn viết về Ngọc Sương, nàng tin rằng chàng đã tìm được điểm tựa tinh thần khác, nên nàng tự động âm thầm rút lui. Nhưng dầu vậy, không thể phủ nhận mối tình một chiều nhưng mãnh liệt và trung trinh của nàng. Khi Hàn qua đời, Mai Đình người phụ nữ duy nhất đã lặng lẽ đến bên mộ chàng để âm thầm nhỏ lệ tiếc thương; Chẳng những thế mãi sau này nàng vẫn luôn dành cho Hàn một chỗ đứng xứng đáng trong cuộc sống và sinh hoạt văn nghệ của nàng.

**6.- NGỌC SƯƠNG người trong ảnh.**

Khi Mộng Cầm giải ước rồi cất bước sang ngang, để lại cho Hàn vết thương rướm máu và một khoảng trống trong lòng

chàng, giữa lúc biết mình mắc chứng bệnh hiểm nghèo nổi đau của Hàn càng dâng cao. Bích Khê biết rằng Mai Đình không thể thay được Mộng Cầm trong tim Hàn nên đã tìm cách yên ủi bạn. Một lần kia ra thăm Hàn, chàng tặng Hàn tấm ảnh chụp chung với chị là Ngọc Sương, trong hình Ngọc Sương đẹp lộng lẫy. Bích Khê cho biết nàng cũng thích văn thơ và đã tham gia nhiều hoạt động văn hóa.

Từ đó, mỗi lần nhớ đến bạn Hàn lại nhìn tấm ảnh. Nhìn ảnh sinh tình, Hàn "cảm" người trong ảnh, được bộc lộ kín đáo trong bài *Người Ngọc*:

*Ta đề chữ Ngọc trên tàu chuối*
*Sương ở cung Thiềm gió chẳng thôi*
*Tình ta khuấy mãi không thành khối*
*Nư giận đôi phen cắn phải môi*

. . . . . . . . . . . . . . . . .

*A ha! Ta vốn người trong mộng*
*Hư thực như là một ý thơ,*
*Ta đi góp nhặt từng tia sáng*
*Và kết duyên tình để ước mơ.*

Khi Mai Đình tiết lộ cho Ngọc Sương biết Hàn có làm thơ yêu nàng, nhất là trong thiệp mừng đám cưới Ngọc Sương, Hàn Mặc Tử đã viết bài "*Lại một người yêu đi lấy chồng*". Mặc dù hai người chưa hề gặp mặt và đó chỉ là mối tình đơn phương của Hàn, nhưng Ngọc Sương với tấm lòng nhân ái rộng mở cũng dành cho Hàn một chỗ đứng trong tâm hồn của bà.

**7.- THANH HUY và bức thư xanh**

Thơ của Hàn có bài *BứcThư Xanh*, trong ấy có nhắc đến tên Thanh Huy. Những người đọc thơ Hàn muốn biết nguồn cảm hứng nào khiến Hàn viết bài thơ ấy và Thanh Huy đến với Hàn trong hoàn cảnh nào?

Theo ông Phạm Xuân Tuyền thì Thanh Huy tên thật Võ Thị Thu Huy, là chị thứ hai của Võ Đình Cường, sau này ông Cường là Phó Viện Nghiên Cứu Phật giáo Việt Nam và là chị ruột phu nhân nhà văn Trần Thanh Địch, cũng là bạn thi văn của Hàn. Lúc cô khoảng 16, 17, thân sinh đổi vào Phan Thiết làm việc Thanh Huy cũng theo vào. Nàng yêu thơ văn và có học làm thơ với Bích Khê nên chắc chắn đã nghe biết Hàn Mặc Tử. Còn theo ông Nguyễn Bá Tín thì Hàn đã gặp Thanh Huy một vài lần khi nàng làm thâu ngân viên ở nhà in Đắc Lập. Khi Hàn đến tòa soạn báo *Tràng An*, Hàn cũng được người bạn chí thân ở Huế nói nhiều về nàng, có lẽ từ đó mới có mỹ danh là Thanh Huy.

Hình ảnh người con gái nhỏ nhắn xinh xinh có đôi bàn tay nõn nà đôi mắt có sức hút hồn thi nhân đã làm cho Hàn choáng váng. Vì cùng là bạn hữu văn thơ, Bích Khê muốn nâng đỡ Hàn nên nhờ Thanh Huy viết thư yên ủi bạn trong lúc chàng đang buồn. Không rõ cô đã viết những gì ngoài một câu ngắn ngủi: "*Nghe anh đau nặng từ lâu, nhưng xa xôi quá không thể chia xẻ nỗi đau thương với anh, Thanh Huy biết anh đau đớn tâm hồn nhiều hơn thể xác*" Khi nhận được thư của Thanh Huy Hàn trở nên phấn chấn như được tiếp nguồn sinh lực mới, hồn thơ của chàng trỗi dậy. Bức thư đã có ý nghĩa lớn lao như Hàn than thở:

*Bức thư kia sao mãi chẳng cho dài*
*Cho khắng khít, nồng nàn thêm chút nữa.*

Đó cũng là động lực Hàn viết gửi cho Thanh Huy bài *Bức Thư Xanh*. Chính bài này đã làm cho Thanh Huy hoảng sợ và không còn liên lạc với Hàn nữa. Nhiều sách viết về Hàn Mặc Tử chỉ trích dẫn một vài câu nên không diễn tả hết tâm trạng của Hàn trong giờ phút nửa hư, nửa thực đó.Vì hồn chàng đã được nâng lên khỏi cái xác thân đau đớn , nặng nề lúc bấy giờ.

Đây là bài thơ mang ý nghĩa siêu thực, dọn đường cho bài *Ave Maria* sau đó, nên tôi xin ghi lại toàn bài *Bức Thư Xanh* để quí độc giả có tài liệu :

*A! Huyền diệu! Huyền diệu! A! Huyền diệu*
*Anh ánh lên cho nguồn sáng trong xanh,*
*Đây là trăng? Thanh thủy độc như tình,*
*Đây là nước? Bờ hồ không dậy sóng*
*Là đàn phách của muôn dây đồng vọng.*
*Vườn chiêm bao mê luyến cả thần kinh...*
*Nào cuồng lên cho đến máu trong mình*
*Xao xuyến mãi chảy tràn ra những ý...*
*Đây trang ngọc đầy hương hoa kỳ dị*
*Ứ bao lời tình tứ của đôi ta...*
*Không! Không đâu, máu với lệ chan hòa,*
*Thành ra nghĩa biệt ly từ kiếp trước*
*Đây dòng chữ nửa hư và nửa thực*
*Lời nao nao như hàng lệ rưng rưng,*
*Tình đã húp sao ý vẫn còn sưng?*
*Sao giấy lại tháo mồ hôi ra thế?*
*Nàng hỡi nàng! Như lòng ta khóc kể,*
*Kêu rên nghe buồn chết cả đêm nay,*
*Ta muốn nàng ngất lim ở trong tay,*
*Để ta xé bức thư ra vạn mảnh.*
*Tung theo gió là trăng bay hồn lạnh,*
*Là nhạc say ngã ngớn giữa nguồn thương,*
*Là tình ta còn gì nữa vấn vương,*
*Tan thành bọt hư vô như khí hậu.*
*Thanh Huy hỡi, nàng chưa là châu báu,*
*Cớ làm sao phước lộc chảy ra thơ,*
*Duyên làm sao cho Trí đến dại khờ,*
*Mắt mờ lệ ở sau hàng chữ gấm.*
*Ta đã nuốt và hình như đã cắn,*
*Cả lời thơ cho vãi máu nàng ra.*

*Điên rồi sao? Mê rồi? Hoảng rồi à?*
*Ờ được lắm, lên trăng chơi một chuyến.*
*Nhưng khoan đã, đang say kinh cầu nguyện,*
*Cũng đang lần tràng chuỗi hạt từ bi,*
*A! Thanh Huy! Thanh Huy! Thanh Huy!*
*Ta cắp nàng bay cao hơn tiếng nhạc,*
*Cho nàng hớp đầy môi hương khoái lạc,*
*Cho hồn nàng dính chặt với hồn ta*
*Tình đôi ta muôn kiếp gỡ không ra.*

Bài *Bức Thư Xanh* cho thấy Hàn không thổ lộ cõi lòng với Thanh Huy như cách tỏ tình bình thường, mà đã thoát khỏi cõi thực của cuộc đời, có lẽ Hàn đã nhìn thấy viễn ảnh của ngày mai, nên những ước mơ trở thành siêu thoát, mà đôi hồn quyện vào nhau nhấc bổng lên không gian huyền diệu để đi vào cõi hư không.

**8.- MỸ THIỆN cô gái đồng trinh**

Khi Hàn về Qui Nhơn chữa bệnh, đêm đêm nghe tiếng đàn tranh từ đâu vọng lại, hình như người đàn có tâm sự u hoài, bộc lộ vào những đêm khuya tiếng nỉ non than vãn. Hàn là một thi nhân có cảm thụ âm thanh, màu sắc phi thường, nên tâm hồn chàng dễ hòa điệu với tiếng đàn đây âm lực ấy. Hỏi ra tiếng đàn do một thiếu nữ người Huế, nàng Mỹ Thiện, con gái nhà giáo họ Cung là một cây đàn tỳ bà lỗi lạc. Lại còn nổi tiếng đàn đủ năm cây: tranh, tỳ, nhị, nguyệt, bầu. Ông giáo họ Cung là một người rất nghệ sĩ, phóng khoáng trẻ trung mà Nguyễn Bá Tính- em Hàn quen biết. Thỉnh thoảng có sang họa đàn với ông giáo, đôi lần Mỹ Thiện cùng tham dự vào.

Nàng có người kế mẫu trẻ đẹp, không hơn nàng bao nhiêu tuổi vốn đã tỏ vẽ khó chịu với tài nghệ của nàng. Có những đêm nghe tiếng đàn Hàn không ngủ đươc, đánh thực em dậy để có người tâm sự. Hàn chỉ nghe tiếng đàn mà không biết mặt. Hàn đã tả nàng :

*...Và đôi mắt ai rười rượi buồn,*
*Ngón tay trên phím nhẹ sầu buông,*
*Trễ tràng mái tóc gây thương nhớ,*
*Chỉ bấy nhiêu thôi đủ vấn vương..*

Phải chăng tiếng đàn của Mỹ Thiện đã là cảm hứng để Hàn viết những câu thơ trong bài *Đàn Ngọc*:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .
*Bằng trăm tiếng vẽ lên trăm màu sắc,*
*Với đôi tay nàng trút hết đê mê,*
*Dạ lan hương bừng mở cánh e dè*
*Trong khúc nhạc rên đều hơi gió tới.*

*Đàn ngọc đã rũ lên chiều nả nớt*
*Tôi kêu rên, van khóc lạy nàng thôi.!*
. . . . . . . . . . . . . . . .
*Nàng! Lạy nàng! Hãy nghe tôi cầu khẩn*
*Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư*
*Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư,*
*Đang lướt mướt ở trong màu hoa lệ.*

*Trên cung bực hãm mau niềm ngọc kế*
*Với lòng run ngưng hết cả thanh âm,*
*Cho lửng lơ chới với điệu phong cầm,*
*Cho tôi bớt bồi hồi trong một phút.*

Tiếng đàn của Mỹ Thiện chất chứa và trở thành nhu cầu và chất liệu của vần thơ. Mỹ Thiện trở nên ẩn hiện trong hồn người thi sĩ giàu tưởng tượng. Có những đêm Hàn thao thức bồn chồn hay giấc ngủ chập chờn trong tâm trạng thiếu vắng chờ đợi tiếng đàn huyền ảo vọng đến.

Bỗng một hôm Hàn nghe anh rể là Bửu Dông từ nhà thương về báo tin buồn cho cả hàng xóm biết Mỹ Thiện đã quyên sinh bằng mười viên thuốc Veronal để từ giã cõi đời đầy khắc nghiệt. Nhà thương đã tận tình cứu, nhưng không phục hồi

được sinh mạng cho nàng nhưng đã phục hồi tiếng thơm trinh bạch của cô.

Mọi người cảm thương Mỹ Thiện vì chỉ mấy tiếng đồng hồ trước đó hàng xóm xôn xao bàn tán nàng tự tử vì hoang thai. Tin buồn ấy đã làm Hàn lịm người đi vì cảm thương cho người con gái tài hoa bạc mệnh, Hàn gửi gắm tâm sự vào bài thơ *Cô Gái Đồng Trinh*:

*Ôi chao ghê quá! Ôi ghê quá!*
*Cảm thấy hồn tôi ớn lạnh rồi.*

*Đêm qua trăng vướng trong cành trúc,*
*Cô láng giềng bên chết thật rồi.*
*Trinh tiết vẫn còn nguyên vẹn mãi*
*Chưa hề âu yếm ở trên môi.*

*Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc,*
*Cả một mùa xuân đã hiện hình*
*Thinh sắc cơ hồ lưu luyến mãi*
*Chết rồi - Xiêm áo trắng như tinh.*

*Có tôi đây, hồn phách tôi đây!*
*Tôi nhập vào trong xác thịt này,*
*Cốt để dò xem tình ý lạ,*
*Trong lòng bí mật ả thơ ngây.*

*Biết rồi, biết rồi! thôi biết cả,*
*Té ra Nàng sắp sửa yêu ta!*
*Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy,*
*Như chực xuân về thố lộ ra.*

Ông Nguyễn Bá Tín cho biết hiện tượng Mỹ Thiện đã ảnh hưởng Hàn khá sâu đậm và lâu dài. Chàng thương cảm và tiếc nuối một tài hoa bạc mệnh, cũng như chính thân phận mình đang oằn oại trong cơn đau cả thể xác lẫn tâm hồn, tâm trạng đó đã được diễn tả trong nhiều bài thơ bi thiết của Hàn.

**9.- THƯƠNG THƯƠNG nàng tiên trong cõi mộng.**

Nhiều tài liệu viết về Hàn Mặc Tử trước kia tin rằng Thương Thương chỉ là một huyền thoại do Trần Thanh Địch dàn dựng để nâng đỡ tinh thần Hàn trong lúc đau khổ. Đạo diễn ấy đã thành công vì Hàn đã xem Thương Thương như một nàng tiên đến cứu vớt chàng lên khỏi cơn sóng đang nhận chìm chàng trong biển khổ. Nguồn cảm hứng từ Thương Thương thật mãnh liệt, dạt dào khiến Hàn say sưa sáng tác *Cẩm Châu Duyên* và hai vở kịch thơ *Duyên Kỳ Ngộ* và *Quần Tiên Hội*. Dù chưa biết dung nhan Thương Thương nhưng khi viết xong *Duyên Kỳ Ngộ* tác giả đề : "Tặng Thương Thương người lụa bến sông Hương" như trong vài đoạn *Duyên kỳ Ngộ* :

**Chàng** :*Phải quê nàng ở Đào Nguyên*
*Bởi chưng sắc đẹp lại thêm đa tình*
*Xuống đây tìm nợ ba sinh*
*Không hay trời khiến ta mình gặp nhau?*

**Nàng :** *Em là Trần Thương Thương*
*Ngụ ở bến Tầm dương*
*Đi tìm chàng thi sĩ*
*Trong pho sách Kim Cương*
*Đi tới Tương Tư xứ*
*Tìm không ra người thương.*

**Chàng** :*Em là Trần Thương Thương*
*Anh là Hàn Mặc Tử*
*Không phải cách âm dương*
*Còn có khi tri ngộ*
*Em là hoa mười phương,*
*Anh là mây tứ xứ,*
*Gặp nhau ở cạnh đường,*
*Nói sao cho bằng khóc?*

**Chàng** :. . . . . . . . . . .
*Thương Thương em, trời cho ta kỳ ngộ*
*Nói cho ta thần diệu mà vàng bay*
.. . . . . . . . . . . . . . . . . ..

*Hỡi Thương Thương,người ngọc của lòng anh,*
*Ta nhìn em với bao lời ta thán*
*Khiến hoa, chim nghe được cũng không đành.*

Đang khi say sưa viết *Quần Tiên Hội*, trong ấy chàng biến Thương Thương thành Quỳnh Tiên, còn chàng là Huyền Tiên, sau mỗi đoạn đều gửi cho Thương Thương, Trần Thanh Địch và Trần Tái Phùng đọc để chia sẻ và góp ý. Thình lình tháng 8 năm 1940 Hàn nhận được thư Trần Tái Phùng yêu cầu Hàn ngưng viết *Quần Tiên Hội.*

Thời gian ấy Hàn nghe lời ông anh rể là Bửu Dõng đang làm y tá tại Qui Nhơn, Hàn vào bệnh viện và bác sĩ chính thức xác nhận Hàn đã bị bệnh phong cùi và buộc phải sống cách ly. Cuối tháng 9 năm ấy Hàn được đưa vào trại phung Qui Hòa, không đầy hai tháng sau Hàn đã qua đời trong cô đơn tại đây.

Theo ông Phạm Xuân Tuyển thì sau một thời gian dài im lặng vì nhà văn Trần Thanh Địch đã tham gia kháng chiến và tập kết ra Bắc (1955-1975). Từ 1986 về sau nhiều lần nhà văn Trần Thanh Địch đã chính thức xác nhận Trần Thị Thương Thương là có thật và chính là cháu của ông, cô là em ruột Trần Tái Phùng. Lúc ấy (1940) Thương Thương là một nữ sinh của trường Đồng Khánh. Thân phụ Thương Thương là ông Trần Thanh Đạt làm Tuần vũ Bình Thuận (1940-1942), sau lên Thương thư Bộ giáo dục là anh của nhà văn lão thành Trần Thanh Mại và Trần Thanh Địch. Thời gian ấy Thương Thương vẫn học ở Huế vì ở Phan Thiết chưa có trường cấp 2, nhưng cô vào Phan Thiết ăn tết và đi ngoạn cảnh.

Vì phong cách gia đình nho giáo quan lại nên Trần Thanh Địch và Trần Tái Phòng không dám để Thương Thương vướng vào một cuộc tình vô vọng nên đã yêu cầu Hàn ngưng viết *Quần Tiên Hội.* Thương Thương đến với Hàn vào những ngày tháng cuối đời, dù chưa một lần hạnh ngộ nhưng với tâm

hồn thơ phú giàu tưởng tượng, nàng đã trở thành người tình sống động trong lòng thi nhân. Từ đó những dòng thơ dạt dào tuôn chảy và hình ảnh Thương Thương ẩn hiện trong vườn thơ của Hàn còn mãi, làm phong phú cho thi đàn Việt Nam về sau.

Nếu xét về mặt tình yêu nam nữ thì chỉ Mộng Cầm mới thật là người tình đúng nghĩa. Thu Hà, Thu Yến tuy có làm cho Hàn rung động ở tuổi biết yêu nhưng còn e lệ, thăm dò. Ngọc Sương, Mỹ Thiện, Thương Thương thì chưa một lần gặp mặt, Thanh Huy cũng chỉ là bóng mờ ảo ảnh. Hoàng Cúc tuy thấy dung nhan nhưng cũng chưa một lần trò truyện, Mai Đình kể như tình yêu đơn phương, tuy Hàn có cảm thông, quí mến nhưng chưa đủ nghĩa tình yêu. Tuy mỗi người một vẽ nhưng tất cả đã là nguồn thi hứng để Hàn Mặc Tử viết lên những dòng thơ kiệt tác trong thi đàn Việt Nam.

Khi viết những dòng này, tôi biết ơn sâu xa cụ Nguyễn Bá Tín, em nhà thơ Hàn Mặc Tử mà tôi đã có dịp quen biết và hoạt động chung trong nhiều hoạt động tôn giáo, văn hóa, chính trị tại Nha Trang từ 1966 - 1975. Vào những năm cuối đời cụ ao ước làm sáng tỏ một số nghi án chung quanh cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Hàn Mặc Tử mà suốt 60 năm qua chưa hề được nhắc đến. Điều mong ước của cụ đã được thực hiện, dầu chưa trọn vẹn trước khi cụ từ trần năm 2004.

Hy vọng các văn thi hữu và các nhà nghiên cứu bổ sung để đặt sự nghiệp văn thơ Hàn Mặc Tử vào vị trí thích hợp trong kho tàng văn học nước nhà.

San Diego, Mùa Đông 2005

Trích Nguyệt San «**Diễn Đàn Giáo Dân**»

số 50 và 51 (Tết Bính Tuất tháng 1 và 2, 2006)

.và số 52 (tháng 3, 2006)

**Tài liệu tham khảo:**

- Nguyễn Bá Tín - *Hàn Mặc Tử anh tôi*. NXB Văn nghệ, Sài Gòn -1991.

- Nguyễn Bá Tín - *Hàn Mặc Tử trong riêng tư* (Bản đánh máy .- 1993).

- Huy Phong & Yến Anh — *Thơ Hàn Mặc Tử*. MeKong- ty nạn.- Văn Hóa . 1/1990.

- Kiểu Văn.- *Thi Ca Việt Nam chọn lọc .- Thơ Hàn Mặc Tử* . NXB Đồng Nai 1996.

- Chu Văn Sơn — *Hàn Mặc Tử-Một hành trình sáng tạo* — NXB Trẻ - Hội Nghiên cứu & Giảng dạy Văn học TP. HCM (không để năm ấn hành).

- Lữ Huy Nguyên — *Hàn Mặc Tử-Thơ và Đời*. NXB Văn học, Hà Nội 1997.

- Lữ Huy Nguyên — *Thơ Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học-. Hà-Nội :1993.

- Mã Giang Lân -.*Thơ Hàn Mặc Tử - Những lời bình* - NXB Văn hóa-Thông tin,- Hà Nội : 2000.

- Một số tư liệu do tác giả thu góp và chọn lọc.

-o0o-

# NỮ THI-SĨ MAI-ĐÌNH
# VỚI
# HÀN-MẶC-TỬ

*(11-11-1958 Kỷ-niệm làn thứ 18*
*Thi hào HÀN MẶC TỬ)*

*LTG.- Trước đây 17 năm, sau năm Hàn Mặc Tử qua đời, ông Trần Thanh Mại viết cuốn sach phân tách, nghiên cứu cuộc đời Hàn...Như chúng ta đã biết Hàn Mặc Tử, một nhà thơ tiền chiến có một lối thơ diễn đạt tâm trạng thực tân kỳ về phương diện triết học. Tình yêu của Lưu Trọng Lư thầm kín như cô gái thôn quê, tình yêu Xuân Diệu phảng phất chan chứa hình tượng sống lứa thanh xuân đô hội, tình yêu Huy Cận sầu thảm như cô gái chưa lấm bụi trần gian đã vội mang vòng hoa tang tới mộ. Thì tình yêu của Hàn Mặc Tử đằm thắm như người con gái đẹp biết mình có bệnh nên rên la thảm thiết, để rồi hình tượng đóng khuôn cho nghĩa sống bất tử ở đời.*

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 18 của thi hào qua đời chúng tôi trích đăng một chương " Nữ thi sĩ Mai Đình" là một trong hai nàng thơ qua đời thi nghiệp của Hàn; trước khi cho ấn hành cuốn "Hàn Mặc Tử ,nhà thơ tiên thoát". Đây là những tài liệu mới về Mai Đình chưa được công bố.*

**ĐƯỜNG-BÁ-BỔN**

## I-. THỜI GIAN SỐNG VỚI HÀN MẶC TỬ

Tên thật của bà là Lê Mai. Lê Mai cũng như nàng thơ của Hàn Mặc Tử, dầu không hẳn là chính yếu; nhưng Lê Mai cũng đã đem lại cho Hàn một mùa xuân nho nhỏ.

Mùa xuân năm 1938, một người con gái đem đến tặng chàng thi sĩ một món tiền, Hàn không nhận, nàng không nghe. Và nàng coi Hàn như là chồng chính thức. Và bước vào đời Hàn như một người vợ, nàng cất va li và xuống bếp làm cơm.

Lê Mai ở Thanh Hóa, có một trình độ học vấn khá cao. Nàng biết làm thơ, biết tạo một cuộc sống căn bản cho mình. Cho nên khi cha mẹ ép gả cho một người mà nàng không yêu bao giờ, tất nhiên sẽ đưa đến hậu quả. Ngày sửa soạn hôn lễ là ngày nàng xách va li lên đường. Nàng đi Kom Tum, Đà-Lạt, Nha-Trang, Phan Thiết, Sài Gòn và lên tận Cao-Mên.

Khi nàng đi qua Qui Nhơn nàng biết Hàn Mặc Tử, vì có người mách nhà thi sĩ; nàng được thi sĩ tặng tập "*GÁI QUÊ*". Rồi nàng vào Nha Trang, trên chuyến tàu nàng cảm hứng làm bài *BIẾT ANH.* Có những câu:

*"Còn anh em đã gặp nhau đâu?*
*Chỉ cảm thấy thơ có những câu*
*Âu yếm say sưa đầy cả mộng*
*Xui lòng tơ tưởng lúc đêm thâu...".*

Ở Nha Trang nàng đến thăm Quách Tấn và ngỏ ý cho biết qua cuộc hành trình lẫn sự gặp gỡ Hàn Mặc Tử. Quách Tấn viết thư kể lại cho Hàn Mặc Tử nghe, Hàn Mặc Tử gửi thư vào Nha Trang thăm Mai Đình. Lúc này nàng đã đi Phan-Thiết, sau đó Hàn làm bài *LƯU LUYẾN* (xem phần sau).

Từ đấy Hàn luôn luôn gửi thư cho Mai Đình: khi nàng ở Thanh Hóa về Qui Nhơn, nàng biết rõ là chàng mắc bệnh hủi. Mấy lần nàng đến thăm đều không được giáp mặt Hàn. Hẳn tâm trạng Hàn không muốn lăng mắc khi một Mộng Cầm đã chuốc sầu lụy cho chàng. Mỗi khi nói chuyện, Hàn ngồi trong buồng nói vọng ra. Sau Mai Đình nói hẳn cho Hàn biết rằng nếu Hàn không mắc bệnh hủi thì chưa chắc Mai Đình đã đến thăm Hàn. Và Mai Đình lại còn khẩn khoản được gặp Hàn; nhứt định không bao giờ giảm tình yêu đối với Hàn. Nhưng Hàn hứa để đi chữa bệnh ít lâu ở Gò Bồi rồi Mai gặp cũng chưa muộn.

Lần cuối cùng Hàn đồng ý để cho Mai gặp nhưng với điều kiện vô cùng buồn cười. Nhưng xét ra Hàn vẫn đa mang một tâm trạng con chim bị cánh cung nên luôn luôn sợ cành cây cong. Nếu hy vọng Mai Đình gặp mình, thì nàng sẽ trông thấy nét mặt đau thương của mình thì Hàn tin tưởng rằng. mình sẽ là kẻ chết đuối thì bỏ lỡ mất cọc ở giòng sông . Cho nên Hàn bảo Mai Đình phải bịt mắt lại và cấm không được tìm cách trông thấy mặt chàng. Lần đầu tiên Hàn ngâm thơ cho Mai nghe, nàng quá cảm động khóc nức nở. Rồi Mai dám cả quyết rằng buổi nói chuyện hôm nay với Hàn, Mai có thể đáng đổi hẳn cả cuộc đời. Rồi bà sương phụ và em trai ông cho biết rằng Mai Đình rất thành thật nên Hàn không che đậy bộ mặt đau khổ của mình nữa.

Sau một ít lâu trở lại con đường phiêu bạt; ý định của Mai Đình là kiếm tiền để chữa bệnh cho Hàn Mặc Tử. Rồi nàng trở lại ở hẳn nhà Hàn đồng thời đưa tiền cho chàng chữa bệnh. Hàn cảm động, trước định không thâu nhận, nhưng sau nghĩ rằng hoàn cảnh của chàng thi sĩ quá nghèo túng nên đành nhận.

Khi Mai Đình cho biết rằng nàng không phải là người thiếu nữ, cuộc đời đã vượt sóng gió thì Hàn đáp :

*"Viết bằng chữ là thơ không kín đáo,*
*Giơ tay thề mà ai chứng lòng cho.*
*Tôi thương em không cần phải so đo,*
*Vì trinh tiết há bằng hương vạn đội"*

Một thời gian sau, Mai Đình xin theo Hàn vào nhà thương Qui Hòa, nhưng Hàn không muốn; nên hẹn dăm ba bữa nữa sẽ trả lời. Buổi chia tay cả Mai Đình và Hàn đều khóc. Hàn khóc vì có một nàng thơ trung thành với mình quá đến nổi không thể tưởng được. Còn Mai vì trót yêu thương Hàn nhưng chưa được mãn vọng hoàn toàn. Có khi Mai ghen với Mộng Cầm vì nàng đã chiếm được trái tim yêu của nhà thi hào Hàn, Mai Đình trách móc :

*" Mộng Cầm hỡi ! Nàng là tiên rớt xuống,*
*Hay là vì tinh tú giáng trần gian ?*
*Diễm phúc thay nàng sung sướng biết bao vàn !*
*Đầy đủ quá, nàng thương chăng kẻ thiếu ?*
*Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lắm,*
*Đã ra người hành khất bấy lâu nay*
*Mà người đời toàn là vị chua cay..."*

Không phải nhìn vào thực trạng nào hơn thực trạng quá yêu thương Hàn nên Mai Đình mới mượn lời thơ để giải bày lòng mình, hẳn có những đêm, những giờ phút vắng lặng Hàn ngâm :

*"Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết*
*Ơi! Trời ơi! Là trời ơi! Phan Thiết!*
*Mà tang thương còn lại mảnh sao rơi.*
*Ta đến nơi nàng ấy vắng lâu rồi.*
*Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ.*
*Trăng vàng ngọc, trăng ân tình chưa phỉ,*
*Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.*
*Ta vãi tung thơ lên tận sông hằng*
*Thư phép tắc bỗng kêu rên thống thiết*
*Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!*

*Mi là nơi ta chôn hận ngàn thu*
*Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư&"*
(XUÂN NHƯ Ý)

Hoặc thổ lộ nỗi thất tình chua cay :
*"Dẫu đau đớn vì lời phụ rẫy*
*Nhưng mà ta không lấy làm đều"*

Phải chăng năm ấy là buổi chia ly cuối cùng giữa Hàn và Mai Đình. Để rồi Mai ghen với Lệ Kiều (Có thể là Mộng Cầm) .Vì hầu hết trong thi phẩm ĐAU THƯƠNG, XUÂN NHƯ Ý chỉ thấy Hàn nhắc đến Lệ Kiều một lần mà thôi (TRƯỜNG TƯƠNG TƯ). Bài "Ghen với Lệ Kiều" viết vào tháng chín năm 1938, Mai Đình thổ lộ sự ghen tị ấy rồi tự thú lòng mình rất thành khẩn. Có những câu :
*"Được yêu rồi em giữ chặt trong cung*
*Khóa chặt lại và ngoài đề "cung cấm"".*

Rất tình tứ và hiểu được nhiều nghĩa. Khiến chúng ta nhớ đến thơ Hồ xuân Hương luôn luôn có nghĩa đen và nghĩa bóng. Cái ghen của Mai Đình đến nỗi nàng cầu mong rằng mối tình của Hàn và Mai không còn nữa: để Mai khỏi đau khổ vì không được yêu trọn vẹn; vì Hàn đã có tình yêu với Lệ Kiều. Bài thơ ấy :

GHEN VỚI LỆ KIỀU

*"Anh thất vọng, vì anh vô hi vọng*
*Với người yêu duy nhất của anh kia*
*Lấy mộng lòng cố giải tấm tình si*
*Anh cố giải nó càng thêm buộc chắc!*

*Em là kẻ đi tha phương cầu thực*
*Tìm tình yêu với một thứ vô cùng*
*Được yêu rồi em giữ chặt trong cung*
*Khóa cửa lại và ngoài đề cung cấm.*

*Em ghen lắm, anh ơi em ghen lắm*
*Anh liệu chừng đừng tưởng đến em chi !*
*Để đời em mưa gió lấp vùi đi*
*Thà như vậy mà không đau đớn mấy.*

*Anh không chịu em cũng xin van lạy*
*Tha cho em đừng để mắc vào yêu*
*Để cho anh được tưởng đến Lệ Kiều*
*Người anh đã phô bày trên mặt giấy.*

*Nói hết ghen là thiệt em láo đấy*
*Anh đừng tin và cứ tưởng em còn*
*Vì hiện giờ em lại thấy ghen hơn*
*Tim còn đập, còn yêu, còn ghen mãi.*

9.38.- MAI ĐÌNH.

Họa cũng có khi tình yêu giữa Hàn và Mai Đình thắm thiết cả hai người cùng quên rằng Mai có một Hàn và Hàn có một Mai nên họ xướng họa. Bài thơ của Mai xướng và Hàn họa: chúng tôi không biết tiêu đề bài gì: chỉ còn nhặt được tài liệu thân bài. Bài xướng và bài họa vô vàn giá trị, nhất là bài xướng của Mai có thể là tuyệt bút đối với những bài thơ của nữ sĩ đã làm. Bài xướng ấy hẳn là một bài thơ triết học của đạo yêu. Và đạo ấy không ai thoát qua được khi tuổi thanh xuân rộn nở trong đời :

*"Ai cấm người thơ yêu quá độ*
*Ai ghi gió lốc giữa không gian*
*Và ai nỡ phụ lòng tri kỷ*
*Để hận riêng người phải khóc than*
*Em yêu một kẻ không yêu lại*
*Thử hỏi xem lòng có khổ không?"*

Mai-Đình

*"Anh đâu có phụ tình em được*
*Chỉ bởi nghĩa yêu quá lẽ thường*
*Anh chỉ biết là quí trọng em*
*Với tính cao cả một nàng Tiên*
*Với lòng trìu mến muôn hương sắc*
*Mỗi lúc anh nhìn dưới gót sen"*

Hàn-mặc-Tử

Tình yêu có bộc lộ với Mai Đình thì chỉ là chốc lát, không bao giờ Hàn quên được mối tình với Mộng Cầm. Hẳn là mối tình đầu trong đời; và đời chỉ có một lần yêu không biết so kè, yêu đúng nghĩa yêu; nhưng có bao giờ mối tình đầu thành tựu. Một *Premier Amour* của *Tourgueniev* mà chính nổi tiếng nhất của văn hào Nga là nói đúng được tâm trạng mối tình đầu mà anh chàng *Prétrovitch* đã yêu *Zassekine*. Cho nên Hàn hạ bút :

*"Anh chỉ biết quí trọng em*
*Với tinh thần cao cả một nàng Tiên"*

Tình yêu ấy gượng gạo lại là phản ảnh trung thành của lòng Hàn Mặc Tử. Thật là "yêu là yêu gượng gạo mà.."Thì trong khi ấy Mai Đình cũng không phải là không biết; cho nên những lúc Mai Đình thốt tâm trạng trên trang giấy là lúc lòng mình sống nồng đượm, bộc phát ý nghĩ thành khẩn. Chúng ta đọc một vài đoạn trong ĐIỆU ĐÀN MUÔN THUỞ của Mai Đình:

*"Dại quá mà lòng chẳng chịu khôn*
*Đi tìm đau khổ để mà chôn*
*Từ đây có nhẽ hồn ta đã*
*Bị trái tim người chiếm hẳn luôn.*

*Này chàng nhạc sĩ của ta ơi!*
*Chớ thấy hồn ta chiếm được rồi*
*Mà bỏ khúc đờn không gảy nữa*
*Cho lòng ta chết, lệ ta rơi*

*Đêm vắng lòng ta vẫn đợi chờ*
*Khúc đờn êm dịu tự xa mơ*
*Đem hồn ta nhập trong đờn ấy*
*Thu hết dư âm khắp bốn bờ.*

*Ta ở lòng chàng sẽ ngất ngây*
*Ôm đờn mỗi lúc sắp lên giây*
*Ta như cô bé đầy ngoan ngoãn*
*Tùy cái tay chàng điểm đắm say.*
(Qui nhơn 4-39) MAI ĐÌNH

Bài thơ trên viết vào tháng tư 1939 là khi Hàn ở Qui Hòa và lúc Mai Đình không được vào nhà thương săn sóc chàng thi sĩ. Tâm trạng như chúng ta vừa phân tích, Hàn chưa bao giờ yêu Mai Đình thành khẩn như Lệ Kiều, có yêu chỉ là chốc lát... mà đúng hơn là lòng thương Mai Đình. Những đoạn Mai Đình ghen diễn đạt nóng hổi trong :

*"Dại quá mà lòng chẳng chịu khôn*
*Đi tìm đau khổ để mà chôn"*

Nhưng tình yêu không bao giờ có khôn dại cả. Cho nên đến giai đoạn cuối ; lòng thương mình ấy chẳng còn nữa dành cho tình yêu Hàn tha thiết:

*"Ta như cô bé đầy ngoan ngoãn*
*Tùy cái tay chàng diễm đắm say..."*

## II.- SAU KHI HÀN MẶC TỬ CHẾT.

Ở đây chúng tôi chỉ bàn đến âm hưởng sau cái chết của Hàn đối với người yêu cũng là thi sĩ: Mai Đình. Còn âm hưởng chung như Trần Thanh Địch, Bích Khê, Quách Tấn và nhà đại cách mệnh Phan Bội Châu sẽ bàn trong tiết bốn.

Sau buổi Hàn mạc Tử không đồng ý để Mai Đình vào săn sóc chàng trong nhà thương Qui hòa; Mai Đình rất đau khổ như chúng ta vừa phân tích ở trên.

Chúng ta có thể chia ra làm năm giai đoạn nhớ thương Hàn của nữ thi sĩ Mai Đình qua năm bài thơ.

**a).- Bài thơ viết vào năm 1940.**

Khi Hàn Mạc Tử trút linh hồn trong nhà thương Qui Hòa, Mai Đình viết bài TAN RÃ. Thi bản này hẳn là làm sau ngày 11-11-1940 ? Lời lẽ thống thiết của một người bao giờ cũng yêu Hàn mạc Tử.

TAN RÃ

Tặng hương hồn H.M.T

*Đã trót hai năm em cố quên*
*Một hình ảnh cũ một người quen*
*Mà em tự thấy đời không xứng*
*Để được cùng người kết lứa duyên.*

*Nhưng em khổ quá vì em tiếc*
*Cuộc gặp gỡ nhau đã muộn màng*
*Em đã dấn thân trong gió bụi*
*Còn mong chi nữa kết uyên ương.*

*Những lời em hứa lúc anh đau*
*Là giải cho anh bớt khổ sầu*
*Trong lúc đời anh không thể sống*
*Nửa hồn thì chết nửa hồn đau!*

*Hôm nay bỗng được tin anh mất*
*Khắp cả thân em đã lạnh rồi*
*Anh chết là hồn em đã chết*
*Não nùng chí, lắm hỡi anh ơi!*

*Em khấn cùng anh thấu nỗi lòng*
*Xem tình em có phụ anh không?*
*Tình em đã chết muôn năm trước*
*Nào có còn đâu để ước mong!*

*Thôi nhé từ đây miền Cực Lạc*
*Hồn anh theo với cảnh tiêu diêu*
*Xác anh vùi lấp trong muôn kiếp*
*Để lại cho người hận mến yêu...*

*Còn có khi nào nhớ tới em*
*Hồn anh hãy kiếm buổi ban đêm*
*Một người sắp chết trong tăm tối*
*Giữa lúc bầu trời vẫn lặng yên !*

1940

**b).- Bài thơ viết vào năm 1941**

Ngót mười tháng sau khi Hàn mặc Tử chết, nữ thi sĩ Mai Đình làm bài TÌM KIẾM. Trong thi bản này, Mai nói lên sự hi sinh, chung tình của một người đã yêu Hàn chưa bao giờ nguôi. Và qua bao nhiêu ngày tìm kiếm nhưng chẳng bao giờ được gặp Hàn nữa. Đã có lúc tâm hồn muốn siêu thoát phàm tục để cùng người yêu gặp gỡ nhau chốn phiêu diêu, nơi trăng sao mà xưa kia Hàn ưa thích buổi sinh thời:

TÌM KIẾM

Tặng H.M.T

*Ta sẽ nhập hồn ta trong bóng nguyệt*
*Để bay lên cho đến tận ngàn khơi*
*Tìm cho ra một bóng hình đã chết*
*Kẻo não nùng đau khổ cả hồn tôi.*

*Lệ Thanh hỡi! Chàng thấu hiểu tình chăng hỡi!*
*Nhớ tới chàng lòng thiếp khổ sầu thay*
*Buồn hơn nữa trong những đêm mộng mị*
*Mộng tan rồi, hồn thiếp cũng xa bay!*

*Khắp trung gian thiếp đã đi tìm kiếm*
*Mong gặp chàng cho thỏa nỗi nhớ mong*
*Nhưng chỉ khổ thêm cho lòng tê thiếp*
*Chẳng gặp chàng, thiếp đành trở về không!*

*Bao ngày tháng trôi qua rồi đi hẳn*
*Biết bao giờ chàng mới trở lại đây!*
*Thiếp chỉ đợi trong một đêm im lặng*
*Thiếp theo chàng cho thoát nợ trần ai.*

*Bên cõi thế chàng đã yên phận số.*
*Trong giờ này chàng còn nhớ thiếp chăng?*
*Thiếp đã chết bởi tấm lòng đau khổ,*
*Hận chung tình muôn kiếp vẫn chưa tan.*

*Thiếp nhớ chàng, thiếp nhớ chàng khôn tả*
*Dầu muôn ngày thiếp còn ở thế gian*
*Không phút nào thiếp quên chàng được cả.*
*Một thiên tài đã an giấc tu san.*

*Lời chàng hứa thuở chàng còn bên thiếp.*
*Dẫu không thành nhưng thiếp chẳng hề quên*
*Thôi từ đây đành nghìn thu vĩnh biệt*
*Mà bóng chàng thiếp đã khắc trong tim.*

(Tháng 6.1941) MAI ĐÌNH

**c).- Bài thơ viết vào năm 1941.**

Ba tháng sau, nghĩa là sau khi viết bài TÌM KIẾM, Mai Đình ghé Qui Nhơn để tìm hình bóng cũ. Hẳn là năm ấy, Mai Đình thương nhớ Hàn nhiều nhất, Mai Đình hay đến những nơi mà đã cùng Hàn đi chơi. Bài thơ ẢNH NGƯỜI XƯA là kết quả của buổi Mai Đình đến biển Qui Nhơn. Nếu Hàn nhớ Phan Thiết đã sống với Lệ Kiều, đã kêu rên vô vàn vì lòng yêu mến Mộng Cầm thì đây là bài thơ thống thiết nhất của Mai Đình khóc Hàn. Từ những chỗ giải, đầy cát trắng ngày xưa đã in dấu vết Hàn và Mai; cho đến nhà thương Qui Hòa cao ngất, nơi ấy đã khép chặt sự sống của Hàn; Mai Đình không quên ! Nàng gào thét, nàng gọi gió trăng, gọi thuyền, gọi lữ hành để cùng giãi bày lòng thương nhớ Hàn, mong tìm Hàn để được gặp mặt. Bài thơ hay và thống thiết nhất :

## ẢNH NGƯỜI XƯA

Tặng Hương hồn H.M.T.
Cảm đề một buổi chiều chơi biển Qui Hòa

*Ta chỉ yêu thương có một người*
*Bên bờ cát trắng giữa chơi vơi*
*Mà nơi ấy chỉ chôn sầu thảm*
*Đầy vẻ đau thương với ngậm ngùi.*

*Cảnh vật hôm nay trông khác lạ*
*Mà hồn ta cũng thấy nao nao*
*À thôi! người ngọc đà tan mất*
*Nào thấy yên chi ở chốn nào?*

*Ảo não ta nhìn tận chốn xa*
*Trời ơi! Điên một buổi Qui Hòa*
*Nơi chôn tất cả niềm tâm sự*
*Để lại cho lòng những thiết tha...*

*Kia nơi nhà ngói cao cao ngất*
*Bức tượng Giê-Su vẻ thảm sầu*
*Ta cố tìm ra trên bãi cát*
*Nấm mồ tưởng tượng của thương đau!...*

*Này hỡi thuyền ai ở góc trời*
*Hãy xin ghé lại chở dùm tôi*
*Đến bên bãi cát bên hồ ấy*
*Thêm hộ dùm cho một mả người!*

*Tôi đang chết điên vì đau khổ*
*Trời cướp của tôi một nửa hồn*
*Giấc mộng năm xưa bao trở lại*
*Nửa hồn đây nửa gửi theo luôn...*

*Này kẻ qua đường hãy đứng im*
*Đừng thêm bước nữa để tôi tìm*
*Đừng cho mây gió xôn xao quá*
*Mà bóng người yêu phải đắm chìm!*

*Trong mây như dấu hình ai đó!*
*Có phải hình người mất đã lâu?*
*Hơn một năm trời tôi vẫn kiếm*
*Nhưng chưa hề gặp phút nào đâu...*

*Này thôi mây gió*
*Rung chuyển đi nào*
*Hình người rơi xuống*
*Ta hớp hình vào trong đáy lòng ta*
*A ha! A ha!*
*Ta là Tiên Nga*
*Được thu tất cả sơn hà*
*Vào lòng vào mắt vào xa tận trời*
*Lệ Thanh ơi! Lệ Thanh ơi!*
*Anh đã chết rồi*
*Nhưng anh chỉ chết với người*
*Với em anh vẫn sống hoài muôn năm!!!*

Ngày 6 tháng 9 năm 1941
MAI ĐÌNH

**d/.- Bài thơ viết vào năm 1943**

Có thể nói rằng giai đoạn Mai Đình yêu Hàn nhất là một hai năm sau khi Hàn chết — và nhất là năm 1941 (TÌM KIẾM và ẢNH NGƯỜI XƯA). Trong "Ảnh Người Xưa" là bài thơ pha một chút điên cuồng của Hàn mặc Tử, nhưng chính đoạn cuối nữ sĩ muốn tất cả phải chú ý đến Mai Đình tìm kiếm Hàn mặc Tử. Không những thế lại muốn cả trăng sao phải biết cái tang chung để tìm lại hồn của thi hào là những phút tình yêu sống động trong tâm hồn.

Hẳn cuối năm ấy, 1943 Mai Đình không thể sống cô độc; nàng bước đi bước nữa. Lúc này Mai Đình đã có chồng con (hai con: Hưởng và Yến). Trong một buổi hai con nhắc đến: "Này mẹ! yêu ai nhất mẹ nào?" Để Mai Đình lại đau khổ với dĩ vãng là yêu Hàn. Chúng ta nhớ đến một TTKH khi đã đi lấy chồng còn thốt:

*"Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ*
*Người ấy cho nên vẫn hững hờ".*

Thật là mỉa mai, thật là chua chát! Luật mâu thuẫn là một triết học khó phân tích được trong mọi sinh hoạt tâm não của sinh vật. Tôi muốn nói đến hầu hết sinh vật. Luật mâu thuẫn ấy đã đưa Mai Đình đến nhớ, đến quên, đến đau khổ và thiết tha nhất là bài thơ QUÊN, tố cáo sự mâu thuẫn của trời đất, của sinh vật, của Mai Đình, của loài người.

**QUÊN (l)**

*Tôi tưởng hồn tôi đã mất rồi,*
*Cuộc đời cô độc mãi theo tôi*
*Nhưng thời gian giúp tôi mờ xóa*
*Trong trái tim đau một bóng người!*

*Chồng tôi đem lại bao tươi đẹp*
*Những đứa con thơ gọi mẹ thày*
*Chồng biết yêu thương con trìu mến*
*Lòng tôi mờ xóa bóng hình ai?*

*Tôi biết tình tôi trong giấc mơ*
*Đâu bằng sự thật chứa chan thơ*
*Mặt trời tình ái trong tư tưởng*
*Một phút kề vai cũng đủ mờ!*

*Con tôi lắm lúc ôm tôi hỏi*
*- Này mẹ yêu ai nhất mẹ nào?*

*- Mẹ chỉ yêu ba và Hưởng, Yến*
*Và còn... nhưng biết nói làm sao?*

*Sức mạnh thời gian vẫn cứ đôi*
*Gia đình hạnh phúc chiếm tim tôi*
*Tôi vì bổn phận quên lời hứa*
*Quên cả trong tim một bóng người!!!*
1943.- Mai Đình

**e).- Bài thơ sau tiền chiến.**

Cách mệnh bùng nổ vào 1945 nhân dân Việt lao đầu vào trường kỳ kháng chiến; hẳn trong số ấy có nữ sĩ Mai Đình Không biết rằng khi ấy Mai Đình còn sống trong gia đình đằm thắm ? hay là cuộc đời lại cô độc ? thì trong thi ca và cuộc đời loạn lạc cắt đứt thông tin cho nên không biết rõ thực t rạng. Nhưng nhớ Hàn hòa đồng với tình yêu kháng chiến; bài thơ TRĂNG CŨ tố cáo một sự kiện hiển nhiên rằng Mai Đình không bao giờ quên Hàn. Bài thơ ấy do một người bạn công giáo yêu Hàn mang lại dây liên lạc của mối tình thơ mộng ấy đăng trên báo *Cải Tạo* ở Hà Nội: Ở đây tình thương yêu Hàn lại sống động; một lần thứ hai Mai Đình đòi quyên sinh tìm hình bóng Hàn. Nếu xét theo luật mâu thuẫn thì hẳn là Mai Đình lại gặp bước đường hẩm hiu; quên hẳn hiện tại là chán chường với hôm nay để lùi về dĩ vãng. Nếu con người có hành động, thái độ tự mãn với hiện tại thì ít khi lui mình vào dĩ vãng để khép chặt một âm hưởng nếu có sẽ làm khổ cho hôm nay.

Tình yêu người đàn bà dễ thay đổi và phức tạp, phải chăng luật mâu thuẫn hay áp dụng trong mọi cuộc xử thế của họ ? Phải chăng từ xưa đến nay đã có rồi? Thì một TTKH Việt Nam, một *Zazzekine* Nga (nhân vật của *Tourgueniev* trong *Premier Amour*); một Mai Đình nữa tiếp theo... Bài thơ ấy như sau :

# TRĂNG CŨ

Chiêu niệm anh hồn anh H.M.T.

*Trăng cũ giờ đây vẫn sáng trong*
*Người mua trăng cũ cách muôn trùng*
*Ai về thăm thẳm trời tinh tú*
*Để lại trần gian bóng lạnh lùng?*

*Từng tập thơ xưa, từng tập thơ*
*Từng trang huyết lệ ngấn trăng mờ*
*Hồn ai siêu thoát ngoài nhân thế*
*Có biết rằng em vẫn đợi chờ?*

*Trên cõi Thiên Đường ngát ánh sao?*
*Tình anh tỏa rộng bốn trời cao*
*Phiêu diêu anh sống bên mình CHÚA,*
*Dựng một đài thơ ở chốn nào?*

*Em mãi phiêu linh với bụi đời*
*Ngại ngùng mưa gió khóc buồn vui*
*Từng đêm trăng sáng, đêm trăng sáng*
*Biết mấy đau thương mấy ngậm ngùi ?*

*Cũng muốn theo anh dứt nợ trần*
*Đập tan lưu luyến thoát phàm thân*
*Bay qua muôn vạn từng tinh khí*
*Hồn quyết tìm cho thấy cố nhân !!!*

*Chút nợ ân tình giả chửa xong*
*Đành mang tâm sự mãi bên lòng*
*Sắt son chẳng cùng nhau giữ vẹn*
*Em phải đem mình gửi núi sông.*

*Em đã làm dân của nước nhà*
*Khi quân thù địch dấy can qua*

*Máu hồng đang nhuộm trang hùng sử*
*Em lẽ nào quên nghĩa quốc gia!!!*

*Hăng hái xông pha giữa cuộc đời*
*Chút lòng tranh đấu phút nào nguôi*
*Bao giờ Tổ quốc ta toàn thắng,*
*Là lúc tìm anh giữa cõi Trời*

*Em chỉ cầu xin một buổi chiều*
*Dưới bàn tay Chúa cạnh người yêu*
*Ta tung thơ lạ cho trần thế*
*"Lạy Chúa đời con đã khổ nhiều"!*

Đô Lương 11-11-40
Nhớ ngày tạ thế của anh HMT
tại Qui Hòa 11-11-1940

**III. — KẾT LUẬN**

Mai Đình là một thi sĩ, dù là một thi sĩ ngẫu nhiên chỉ vì có người yêu là thi sĩ để rồi mình tập làm thi sĩ. Nhưng nguyên nhân ấy không phải là chính yếu trong vấn đề nghiên cứu Mai Đình.

Cứ xét trên phương diện thi nghiệp của Mai Đình chúng ta không thể phủ nhận khả năng thơ của nàng; nhất là từ giai đoạn kháng chiến. Qua TRĂNG CŨ, ÁNH TRĂNG XƯA đến ngày nay... dù chưa biết bây giờ nàng lưu lạc ra sao ? Nhưng cứ mỗi năm kỷ niệm một lần Hàn chết là một lần Mai Đình lại nhớ thương ... và biểu lộ qua những vần thơ lạ "tung cho trần thế". Thơ Mai Đình tuy không được toàn bích cả, nhưng một bài thơ hay cũng đủ cho người sau nhớ muôn đời.

*Văn Hóa Á-Châu*
*Số 8 .- Tháng 11-1958*

# == LÀM SAO GIẾT ĐƯỢC NGƯỜI TRONG MỘNG !!! ==

***Bài của Cô TÂM KIỀU***

**Lời Giới Thiệu.**- Nhân làm văn nghệ tôi muốn nhắc đến Hàn Mạc Tử, thì đây các bạn hãy nghe cô Tâm Kiều, một nhà văn tình cảm, kể lại đời thơ phú của Hàn MạcTử;Tử là một ngườiThiênChúa giáo;Thơ tử rất được ca tụng.Tử làm Thơ,hồn thơ không phân biệt màu sắcTôn giáo của mình và Tôn giáo của người nhất là đối với Phật giáo. Vì lẽ đó Tử đã tìm nguồn cảm hứng trong đạo Bồ Đề, Hàn Mạc Tử đã đem những từ ngử, những hình ảnh Phật giáo dùng vào văn thơ của mình :

*Hoa tôi thơm Huyền Diệu*
*Mọc lên* Đao Từ-Bi
......................
*Mây vẽ* hằng-hà sa-số lệ
*Là nguồn ly-biệt giữa Cô-đơn*
(Cuối Thu)

Dưới đây cô Tâm Kiều kể lại cống hiến bạn đọc câu chuyện cuộc theo đuổi dấu chân Mai Đình Nữ-Sĩ, người tình nhân hờ hững của thi sĩ Hàn Mạc Tử, để khám phá về thiên tình sử ly kỳ giữa một cô gái lãng mạn giang hồ và nhà thơ cùi họ NGUYỄN...

Chủ trương Biên tập
Trần Đăng Minh

*Trời hởi ! Nhờ ai cho khỏi đói ?*
*Gió trăng có sẳn, làm sao ăn ?*
*Làm sao giết được người trong mộng*
*Để trả thù duyên kiếp phụ phàng !*
Hàn Mạc Tử

Mùa đông năm ấy, Hàn bắt đầu quen Mai trong một trường hợp khá thơ mộng. Xưa nay vốn nghe đại danh của Hàn lẩy lừng trong làng thơ phú, Mai hằng thì thầm với các bạn rằng nàng rất mong mõi được gặp mặt nhà thi sĩ để học hỏi về thi

nghệ. Chẳng lâu, điều ước của nàng đã lọt đến tai Hàn và đã được Hàn đền đáp bằng một tác phẩm mới xuất bản. Đó là tập thơ *Gái Quê*. Và sau bao lần thư từ trao đổi, hai người đã bắt đầu quen nhau. Cho đến một chiều, Mai đã thu xếp hành trang lên đường từ Thanh Hóa vào Qui Nhơn với mục đích tìm gặp mặt Hàn.

Với những đường nét diễm huyền in trên khuôn mặt trái xoan, với làn nước da trắng hồng mịn màng, với suối tóc huyền chảy óng ánh xuống đôi bờ vai thanh, Mai đã hiện ra dưới mái nhà nghèo nàn tiều tụy của thi sĩ họ Hàn trong một ngày giá lạnh.

Bà Duy, mẹ của Hàn buồn rầu hỏi Mai :

- Cô tìm Hàn có chuyện gì cần không ?

Mai vui vẻ kính cẩn đáp :

- Thưa Bà, cháu tìm gặp anh Hàn với mục đích thăm anh ấy. Vì lâu nay, cháu vốn quen anh Hàn nhưng chưa hề được gặp mặt anh lần nào.

Bà Duy bằng một giọng trầm buồn se sẽ trả lời Mai :

- Cô ạ, cô có biết đâu cháu nó đang mang một thứ bệnh nan y khốc hại trong người... Vâng – chính Hàn đã bị hủi lâu nay. Nó đã trốn tránh tất cả các bạn văn Thơ tìm đén thăm nó. Ngày nay, không biết riêng đối với cô nó sẽ xử sự sao đây?

Bà ngừng lại trầm ngâm giây lát, đoạn chỉ ghế mời Mai ngồi rồi tiếp :

- Vậy cô ngồi chờ, để tôi cố gắng giải thích cho cháu nó rõ sự cảm tình của cô đối với nó.

Bà Duy bỏ đi vào phòng trong, Mai ngồi một mình trên chiếc ghế mây củ kỹ rách nát, dưới làn ánh sáng vàng vọt của phòng ngoài gian nhà ảm đạm. Im lặng một lúc lâu, bỗng Mai nghe từ trong buồn kín có tiêng một người đàn ông khàn khàn vang ra :

- Cô Mai nữ thi sĩ của Hàn đó phải không ? Muốn gặp mặt người hủi thân tàn ma dại này ư ? Không, không thể được. Cô có nghe rõ không ? Gặp tôi, cô sẽ ghê tởm vô cùng !

Mai chợt thấy lạnh cả tâm hồn. Nàng thổn thức nói vọng vào trong :

- Nếu Hàn thi sĩ không mắc phải bệnh đau thương kia, chắc chắn Mai này không bao giờ lại thăm đâu ! Mai đã tưởng tượng đến sự ghê khiếp tận cùng của căn bệnh nên Mai không còn cảm giác gì lạ nữa. Hãy cho gặp đi ! ...

Lại một thời gian im lặng. Khoản mươi phút sau Mai mới được gặp Hàn với điều kiện là nàng phải tự buộc vải che kín mắt lại không cho trông thấy chàng.

Lâu nay Mai trôi nổi theo gió bụi đời. Mai đã kể cho Hàn rõ về đời nàng : Mai đã ghé qua bao gầm trời có sương lạnh trăng mờ; đã gối đất của nhiều vùng có suối, thác rạt rào Thơ ý. Tại sao đời Mai lại trở nên thế, anh có biết không ? Anh ạ, xưa kia Mai có yêu một người đàn ông, yêu si mê, yêu tha thiết. Nhưng song thân Mai thì lại nhất định ép gã cho một người khác mà Mai chưa hề yêu. Thú thật cùng anh, hồi đó Mai đã vụng tính để đến nổi lở làng cả một đời. Vì một tâm hồn lãng mạng, em đã bỏ nhà ra đi, tìm theo người tình cũ ngay trong cái hôm pháo đỏ rượu hồng sắp tiễn em vào cuộc hôn nhân cưỡng ép. Tìm tới tình quân thì mới vỡ mộng yêu đương. Em đau khổ mà nghe người ta từ chối tình yêu của em mang tới. Em đâ ra thất vọng, và bây giờ còn kèm theo một ít kêu căng trong tâm hồn. Em đã không trở về nhà mà lại lang thang vào gió bụi đời, kéo dài một kiếp sống phiêu lưu vô bờ bến. Anh ạ, ngày nay có ăn năn, hối hận và tự trách là mình có bồng bột đi nữa thì cũng đã muộn rồi.

Hàn vốn mang một tâm hồn tiểu thuyết. nay nghe Mai kể lại đoạn đời bi đát, chàng cảm động đến nghẹn cả lời. Mấy phút sau. đột hứng, Hàn ngâm lên mấy vần diễm tuyệt :

. . . . . . . . . . . . . . . . .

*Chết ruột gan mà ngoài mặt như không*
*Anh nhìn Mai chua xót nửa tấm lòng*
*Không biết nói làm sao cho da diết...*

Nghe đến đây Mai ôm mặt và òa ra khóc nức nở.

Thế rồi từ đó, Mai xếp hành trang vào một xó nhà của Hàn; nàng ở lại với chàng và thề sẽ săn sóc chàng mãn đời. Cứ mỗi lần ngồi nói chuyện thơ với nhau, trái tim Mai lại đập mạnh những nhịp đàn sai lạc. Họ đã ngồi từng chiều tím trên đồi hoa sau nhà để mong trăng lên trải buồn qua nội cỏ và âm thầm đếm từng tiếng chim kêu lạc lõng trong sương khuya. Quả thật Mai đã hoàn toàn hy sinh cả đời nàng khi gần gủi bên cạnh Hàn, một bệnh nhân đã bị người đời xa lánh. Cho đến một chiều hôm, Hàn nhận thấy Mai đã quá chân thành đối với mình, Hàn cảm biết được hết những nỗi đau khổ trong thâm tâm Mai. Cho nên Hàn tự thấy cần phải thành thật :

- Đã lâu nay, giấc mộng tình sầu khổ tuyệt vọng trôi qua trong đời bệnh tật. Rồi đây không biết sẽ đập tan được giấc mộng ấy hay không ? Hay sẽ từng đêm thao thức về hình ảnh người tình cũ không phai nhòa trong trí tưởng tượng ? Cô Mai ! Cô hãy tha thứ cho tôi cái tội đã bắt cô phải buồn lây vì nghe phải một chuyện lòng tan nát. Xưa kia ...

- Mai không chịu được nữa. Nàng thổn thức ngâm mấy câu Thơ đầy nước mắt để gián tiếp chứng tỏ tấm tình yêu của nàng đối với nhà thi sĩ :

*Mộng Cầm hỡi ! Nàng tiên rớt xuống*
*Hay là vì tinh tú giữa trần gian ?*
*Diễm phúc thay, sung sướng biết bao kìa*
*Đầy đủ quá, Nàng thương chăng kẻ thiếu ?*
*Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lắm*
*Đã ra người hành khất bấy lau nay*
*Mà người đời toàn ban vị chua cay...*

Ngâm hết, Mai vùng cầm lấy chéo áo Hàn, Hàn sợ hải khé né tránh. Đăm đăm nhìn vào mắt chàng, thốt nhiên Mai nói bằng môt giọng run run vì xúc cảm :

- - Anh Hàn ! Anh hãy quên con người tệ bạc ấy đi ! ...

*Đăc-san ÁNH SÁNG*
*Tháng 4 - 1962*

# TÍNH CHẤT SIÊU THỰC TRONG THƠ VÀ TÌNH YÊU CỦA HÀN MẶC TỬ.

***Lê Nhựt Thăng***

Hàn Mặc Tử có nhiều người yêu trong cuộc đời ngắn ngủi của ông. Những mối tình ấy rất thơ mộng nhưng cuối cùng đều tan vỡ. Nhưng dù sao, tình yêu của Hàn Mặc Tử là nguồn cảm hứng chính, sức sống mãnh liệt của thơ, và cũng là sức mạnh nuôi dưỡng tâm linh của thi sĩ trong những năm tháng dài bị bệnh hủi.

Trong số chín người tình, Hàn Mặc Tử chỉ thật sự yêu bốn người, đó là Hoàng Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình, và Thương Thương, còn 5 người kia thì chỉ được Hàn Mặc Tử làm thơ tặng như Ngọc Sương, Thanh Huy, Thu Yến, Mỹ Thiện và Thu Hà.

Mộng Cầm là mối tình đầu lãng mạn của Hàn Mặc Tử khi hai người gặp gỡ nhau tại Phan Thiết và Qui Nhơn. Họ thề nguyền gắn bó keo sơn, thường xuống họa thi văn, đưa nhau đi viếng thắng cảnh, nhất là lầu Ông Hoàng. Nhưng sáu tháng sau khi biết tin Hàn Mặc Tử lâm bệnh nặng, Mộng Cầm đã quyết định đi lấy chồng. Tất cả nỗi ai oán chất chứa trong tâm hồn được Hàn Mặc Tử giãi bày trong những vần thơ bất hủ:

*Làm sao giết được người trong mộng*
*Để trã thù duyên kiếp phũ phàng.*
(Lang Thang)

*Người đi, một nửa hồn tôi mất,*
*Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.*
(Những Giọt Lệ)

Hàn Mặc Tử quen Hoàng Cúc tại Qui Nhơn khi hai người có dịp gặp nhau bình phẩm văn thơ. Nhưng sau đó Hoàng Cúc theo gia đình về Huế. Nàng bắt đầu ăn chay trường, trở thành

cư sĩ, sống cuộc đời lặng lẽ bí ẩn. Trong thời gian ấy, Hàn Mặc Tử in tập thơ mới đầu tiên *Gái Quê*. Những câu thơ sau phải chăng đã thể hiện tình cảm sâu đậm của Hàn Mặc Tử đối với Hoàng Cúc:

*Em có ngờ đâu trong những đêm*
*Trăng ngà giãi bóng, mặt hồ êm,*
*Anh đi thơ thẩn như ngây dại,*
*Hứng lấy hương nồng trong áo em ...*
(Âm Thầm)

Trong nhiều năm, Hàn Mặc Tử không liên lạc với Hoàng Cúc. Nhưng đến khi Hoàng Cúc nghe tin Hàn Mặc Tử lâm bệnh, nàng liền gửi thư thăm hỏi. Quá cảm động, Hàn Mặc Tử đã sáng tác bài *Đây Thôn Vỹ Dạ* gửi tặng nàng "Áo trắng thôn Vỹ Dạ". Bài thơ này rất nổi tiếng, với những câu thơ chứa chan tình, pha lẫn với hương vị đắng và đã được phổ nhạc và dịch sang Pháp ngữ :

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?*
*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.*
*Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,*
*Dòng nước buồn hiu, hoa bắp lay ...*
*Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,*
*Có chở trăng về kịp tối nay ?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa,*
*Áo em trắng quá nhìn không ra ...*
*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,*
*Ai biết tình ai có đậm đà*

Bài thơ trên được Hàn Mặc Tử sáng tác vào năm 1939 trong khi tác giả lâm bệnh nặng.

Định mệnh đắng cay không ngăn được nguồn thơ thật mãnh liệt của Hàn Mặc Tử. *Dòng nước buồn hiu* như thân phận con người,và ánh trăng xưa không trở về bến cũ vì người yêu lỗi hẹn, để rồi phải cách xa như *gió theo lối gió, mây đường mây*. Cái thế giới tình yêu của Hàn Mặc Tử mờ ảo, thật hư hòa lẫn. Tà áo người yêu chỉ là mầu trắng mơ hồ và hình ảnh người yêu như nhạt mờ trong *sương khói*. Vì *trí tuệ* hay tri thức luôn đưa về hiện tại, một hiện tại đầy khổ đau của thân xác hay của những mối tình tan vỡ,Hàn Mặc Tử luôn đi tìm những gì đã mất hay tạo cho mình một thế giới thật huyền ảo để *hồn vội thoát ra khỏi bờ trí tuệ* (Siêu Thoát).

Tình yêu của Hàn Mạc Tử đôi khi không còn là sự liên hệ tình cảm và thể xác thông thường, nó trở thành một thực thể siêu hình :

*Chúng ta biến, em ơi, làm thanh khí,*
*Cho tan ra hòa hợp với tinh anh*
*Của trời đất, của muôn vàn ý nhị,*
*Và tình ta sáng láng như trăng thanh.*
(Sáng Láng)

*Em, hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.*
(Hãy Nhập Hồn Em)

Hàn Mặc Tử cũng đã dành cho Thương Thương nhiều tình cảm đặc biệt. Nàng đã trở thành nguồn cảm hứng cho Hàn Mặc Tử yêu đời sáng tác nhiều tập thơ như *Cẩm Châu Duyên* và hai kịch thơ *Duyên Kỳ Ngộ* và *Quần Tiên Hội*. Hàn Mặc Tử đã đặt cho Thương Thương biệt danh "Người lụa bến sông Hương".

*Bây giờ đây khóc than niềm ly hận*
*Hỡi Thương Thương, người ngọc của lòng anh.*
(Kịch thơ *Duyên Kỳ Ngộ*)

Trong các người tình của Hàn Mặc Tử, có lẽ không ai yêu nhà thơ tha thiết bằng nữ sĩ Mai Đình, tên thật là Mai

Thị Lệ Kiều. Nàng thường gửi những bài thơ ký tên Lệ Kiều và xin nhà thơ sửa và đăng báo. Từ đó tình thơ bắt đầu chớm nở. Khi nghe tên nhà thơ bị bệnh, ba lần Mai Đình đến thăm nhưng không đươc gặp, nhưng cuối cùng Hàn Mặc Tử thuận cho gặp nhưng với điều kiện là nàng phải bịt kín đôi mắt để không nhìn thấy sự tàn phá của chứng bệnh trên thân xác nhà thơ. Hàn Mặc Tử đã đáp lại tình yêu đó trong khi biết rỏ mình không còn sống lâu ở trần gian :

*Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt,*
*Ngó như gần, song vẫn thiệt xa khơi !*

(Trường Tương Tư)

Sau này khi về thăm mộ Hàn Mặc Tử, nữ sĩ Mai Đình đã viết những vần thơ như sau :

*Hình anh em khắc trong tim,*
*Cho mai trắng nở quanh viền mộ anh.*

Một mối tình thủy chung, bi đác nhưng thật đẹp! Dù thể xác Mai Đình đã bị vùi dập giữa dòng đời cay nghiệt trước khi gặp Hàn Mặc Tử, tình yêu của nàng dành cho Hàn Mặc Tử vẫn luôn trong sáng, thanh cao như cánh hoa "mai trắng".

Dù yêu hay được yêu, Hàn Mặc Tử luôn cảm thấy mình cô đơn và khổ đau :

*Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh,*
*Hơn hết u buồn của nước mây,*
*Của những tình duyên thương lỡ dở,*
*Của lời rên siết gió heo may.*

(Sầu Vạn Cổ)

Nhưng hình như Hàn Mặc Tử đã tìm ra một lối thoát cho riêng mình khi nhận thấy rằng tình yêu không đơn thuần là sự kết hợp của hai con tim hay hai thể xác, theo cái nhìn của thế gian. Vì tình yêu không còn được chia xẻ và cảm nhận bằng giác quan hay tình cảm, nó trở thành môt cái gì trừu tượng, siêu thực, trong cái thế giới đầy mộng ảo, kỳ bí của tiềm thức thi nhân. Vì tính chất siêu thực của tình yêu, nó không còn bị hủy diệt.

Dù tình yêu có tan vỡ, người yêu có xa cách, hương nồng vẫn còn phảng phất trong không gian:

*Em có ngờ đâu trong những đêm*
*Trăng ngà giãi bóng, mặt hồ êm,*
*Anh đi thơ thẩn như ngây dại,*
*Hứng lấy hương nồng trong áo em ...*

(Âm Thầm)

Đối với Hàn Mặc Tử, tình yêu là một cái gì thật huyền ảo, có khi nó được đồng hóa với thiên nhiên, với ánh trăng huyền diệu:

*Tôi với hồn hoa vẫn nín thinh,*
*Ngấm ngầm trao đổi những ân tình,*
*Để thêm ấm áp nguồn tơ tưởng,*
*Để bóng trời khuya bớt giật mình ...*

*Không gian dầy đặc toàn trăng cả,*
*Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng.*

(Huyền Ảo)

Trong nhiều bài thơ của Hàn Mặc Tử, ánh trăng được nhân cách hóa và ám ảnh tâm trí của thi nhân một cách huyền bí, đôi khi hình ảnh như gợi tình:

*Trăng nằm sóng soải trên cành liễu*
*Đợi gió đông về để lả lơi ...*
*Ô kìa bóng nguyệt trần truồng tắm*
*Lộ cái khuông vàng dưới đáy khe .. .*

(Bẽn Lẽn)

*Bóng nguyệt leo song sờ sẩm gối*
*Gió thu lọt cửa cọ mài chăn.*

(Đêm Không Ngủ)

Đôi khi chỉ một cơn gió thoảng cũng đủ để Hàn Mặc Tử cảm thấy gần người yêu :

*Nghe hơi gió ôm ngay lấy gió,*
*Tưởng chừng như trong đó có hương ..*

(Muôn Năm Sầu Thảm)

Tình yêu của Hàn Mặc Tử vượt thời gian và không gian, nó trở nên bất diệt :

*Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang*
*Vỡ toang ra từng mảnh cả không gian*
*Cả thời gian từ tạo thiên lập địa*
*Đều trộn trạo điều hòa và xí xóa*
*Thành hư không như tình ái của đôi ta.*

(Đôi Ta)

Tuy cuộc đời của Hán Mặc Tử bắt đầu tan nát khi mới 24 tuổi vì con bệnh hủi, thi sĩ vẫn tiếp tục sáng tác, luôn đi tìm một nguồn vui trong sáng và mãnh liệt, trong sự kết tinh thật lạ lùng của tình yêu trần thế và một thứ tình yêu khác, cao xa và huyền bí hơn, mà Hàn Mặc Tử gọi là *Harmonie Suprême* (*Thượng Thanh Khí*). Thơ của Hàn Mặc Tử vì vậy đã hoàn toàn vượt ra khỏi tri thức giới hạn của con người; nó trở nên siêu thực, kỳ bí, mênh mông đến lạnh người. Hàn Mặc Tử đã viết trong bài tựa *Thơ Điên* : "Vườn thơ tôi rộng rinh không bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh".

Khi đọc thơ Hàn Mặc Tử chúng ta không thể quên tập *Thơ Điên*, gồm có *Hương Thơm, Mật Đắng, Máu Cuồng và Hồn Điên.* Trong *Máu Cuồng* và *Hồn Điên*, Hàn Mặc Tử đã đưa chúng ta ra khỏi thế giới hiện hữu để vào một thế giới kỳ lạ, ngập ánh trăng, không phải ánh trăng huy hoàng của mộng tưởng mà là một vật thể rất linh động, có khi cay nghiệt hay nao nức dục tình. Phải chăng đó là cái thế giới kỳ dị và xa thẳm của một tâm hồn đã quá đau khổ trong tình yêu và bệnh hoạn ?

*Bỗng đêm nay, trước cửa bóng trăng quỳ*
*Sấp mặt xuống cúi mình theo dáng liễu.*

(Hãy Nhập Hồn Em)

*Xác ta sẽ hút bao nguồn trăng loạn*
*Ngấm vào trong cơ thể những hoa hương*

(Hồn Lìa Khỏi Xác)

Nhưng cái thế giới đó đôi khi thật đẹp :

*Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ*
*Đầy mình lốm đốm những hào quang.*
(Ngủ Với Trăng)

Hàn Mặc Tử đã *hờn đau trăm vạn nỗi niềm riêng*, tâm linh như chìm đắm trong bể khổ trần gian (*Biển Hồn Ta*), nhưng *Hồn* thì như thoát khỏi cơn đau triền miên của thể xác vì nó có khả năng hòa nhập với ánh sáng *vũng trăng êm.*

*Thịt da tôi sượng sần và tê điếng,*
*Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên.*
*Tôi dìm hồn xuống một vũng trăng êm,*
*Cho trăng ngập, trăng dồn lên tới ngực.*
(Hồn Là Ai)

Tuy Hàn Mặc Tử là một thi sĩ theo đạo Thiên Chúa, và đã dựng lên một ngôi đền thật huy hoàng để thờ Chúa:

*Đường thơ bay sáng láng như sao sa*
*Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc*
*Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.*
(Nguồn Thơm)

Nhưng ý tưởng của Hàn Mặc Tử đôi khi như phảng phất triết lý nhà Phật, nhất là khi quan niệm rằng thế gian này chỉ là bến tạm và thân xác con người sẽ trở về cát bụi :

*Chỉ có trăng sao là bất diệt*
*Cái gì khác thảy đều đi qua*
(Thời Gian)

Khi Hàn Mặc Tử tự hỏi, *Ta là ta hay không phải là ta* trong bài thơ *Siêu Thoát*, phải chăng thi sĩ cũng đã ý thức được cái hư không (emptiness) của nhà Phật ?

Ánh sáng tâm linh của Hàn Mặc Tử như vươn lên và hòa nhập với ánh sáng linh diệu của Thượng Đế, nhất là khi sắp lìa đời. Trong những tuần lể cuối cùng của đời mình, Hàn Mặc Tử đã cố gắng viết những dòng thơ bằng

Pháp ngữ :

*Anges du Ciel, anges de Dieu, anges de Paix et de Gaité, apportez-moi une couronne,*

*Je veux me baigner dans l'Océan de Lumière et de l'Amour divin.*

Cái cảm giác ớn lạnh đã đến với Hàn Mặc Tử khi thi sĩ biết mình không còn sống lâu ở trần thế.Vũ trụ trở nên mênh mông khi con người sắp lìa bõ xác thân để ra đi. Sự mong manh của mạng sống con người như *hơi thở chạm tơ vàng* thật đáng sợ, nhưng Hàn Mậ Tử luôn giữ vững niềm tin nơi ơn trìu mến của Đức Mẹ Maria, nhất là trong những ngày cuối cùng ở trại phung Quy Hòa, còn được gọi là *Thung Lũng Tình Thương*. Bài thơ cuối cùng Hàn Mạc Tử đã sáng tác, *La Pureté De L'âme* (Tâm Hồn Thanh Khiết), vào đêm 8 tháng 11, 1940 cũng là bài thơ ca tụng Đức Mẹ và các nữ tu Phan Sinh đã săn sóc thi sĩ :

*Maria, linh hồn tôi ớn lạnh*
*Run như run thần tử thấy long nhan*
*Run như hơi thở chạm tơ vàng*
*Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến.*

(Thánh Nữ Đồng Trinh Maria)

Để thoát khỏi sự khổ đau của những mối tình tuyệt vọng, Hàn Mặc Tử đã đưa tình yêu vào thế giới siêu hình, để rồi cuối cùng âm thầm ra đi trong câu kinh, lời nguyện, và tan biến trong Tình Yêu bao la huyền nhiệm của Thượng Đế.

Washington, DC
Tháng 10/2006

# PHẦN III

## " . . . giưã nguồn trong trẻo. . ."

*"Người Thơ là khách lạ đi giưã nguồn trong trẻo"*
Hàn Mạc Tử .- (Tựa Gái Quê)

# TRĂNG VÀ HỒN TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

**Hồ Đình Chữ**

Hàn Mặc Tử Nguyễn Trọng Trí sinh ngày 22 tháng năm 1912, tức là ngày 13 tháng 8 năm Nhâm Tý, tại Mỹ Lệ, Đồng Hới, Quảng Bình. Nhà thơ là con thứ tư của Ông Nguyễn Văn Toản và Bà Nguyễn Thị Duy, sau người anh là Bá Nhân, hai chị là Như Nghĩa, Như Lễ và trước hai em là Bá Tín, Bá Hiếu, thuộc gia đình Thiên Chúa Giáo lâu đời. Hàn Mặc Tử mất vào ngày 11 tháng 11 năm 1940 vì bệnh phung ở nhà thương Qui Hoà, Bình Định.

Hàn Mặc Tử bắt đầu làm thơ Đường luật từ rất sớm lấy bút hiệu là Minh Duệ Thị, đã có bài Vội Vàng Chi Lắm được khen là thanh thoát tự nhiên, vào năm 15, 16 tuổi, sau đó tác giả đổi bút hiệu là Phong Trần rồi Lệ Thanh. Trong *Lệ Thanh Thi Tập*, thơ Đường của Hàn Mặc Tử đã đến mức xuất sắc lỗi lạc được nhà khoa bảng cựu nho Phan Bội Châu ca tụng và hoạ lại các bài *Thức Khuya, Gái Ở Chùa*, và đặc biệt có bài *Buồn Thu*, Trần Thanh Mại đã cho rằng có thể lầm lẫn với một bài nào của Nguyễn Khắc Hiếu...:

*Ấp úng không ra được nửa lời*
*Tình thu bi thiết lắm thu ơi!*
*Vội vàng chiếc nhạn bay qua trớt,*
*Buồn bã hơi may thoảng lại rồi...*
*Nằm gắng đã không thành mộng được*
*Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.*
*Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt*
*Cảnh sắp về đông, mắt sẽ vơi.*

Khi xu thế văn học Việt Nam bắt đầu thay đổi vào giữa thập niên 1920, Hàn Mặc Tử chuyển sang sáng tác thơ mới và cho xuất bản thi phẩm *Gái Quê* vào năm 1936, đáng lẽ ra thi nhân muốn đề tặng cho người yêu Kim Cúc... Sau năm 1936, khi thi sĩ đã mắc bệnh phung nan y, và bệnh tính càng ngày càng trầm trọng một cách nhanh chóng vì chữa trị không đúng cách, không hữu hiệu, Hàn Mặc Tử rất thất vọng, tuyệt giao vớI tất cả bằng hữu để giấu giếm sự thực đau thương về bệnh tình mà người đời thường rất ghê sợ. Mối tình Mộng Cầm của thi sĩ cũng vì căn bệnh hiểm nghèo này mà bị tan vỡ.

Đau đớn xót xa vì bệnh hoạn, thất vọng uất sầu vì tình yêu tan vỡ, thiên tài của thi nhân bộc phát mạnh mẽ, thơ văn của Hàn Mặc Tử mở ra một chân trời mới lạ hẳn ra. Bệnh càng tăng thì thể xác càng nhức nhối, tinh thần càng sa sút, nỗi đau khổ của nhà thơ càng day dứt thì văn thơ của tác giả càng có ý tưởng dồi dào súc tích, hình thức tân kỳ, ngôn ngữ sáng tạo, mới mẻ táo bạo... *Thơ Điên - Đau Thương* là thi phẩm được sáng tác trong thời kỳ nầy.

*Đau Thương* gồm có ba phần: *Hương Thơm, Mật Đắng, Máu Cuồng Và Hồn Điên.* Hoài Thanh phê bình sơ lược rằng với *Hương Thơm* ta bắt đầu bước vào một nơi ánh trăng, ánh nắng, tình yêu và cả người yêu đều như muốn biến ra hương khói. *Một trời tình ái mới dựng lên đâu đây.... Với* Mật Đắng *ta vẫn đi trong mờ mờ. Nhưng thỉnh thoảng một luồng ánh sáng lạ chói cả mắt. Nguồn sáng lạ toả ra từ một linh hồn vô cùng khổ não. Ta bắt gặp dấu tích còn hoi hóp của một tình duyên vừa chết yểu.Thất vọng trong tình yêu, chuyện ấy trong thơ là không thiếu gì, nhưng thường là một thứ buồn dầu có thấm thía vẫn dịu dịu. Chỉ trong thơ Hàn Mặc Tử mới thấy một nỗi đau thương mãnh liệt như thế, Lời thơ như dính máu.* Với *Máu Cuồng* Và *Hồn Điên* ta đã hoàn toàn ra khỏi cái thế giới thực

và cả thế giới mộng của ta. *Xa lắm rồi. Ta thấy...trăng, toàn trăng, một ánh trăng gắt gao, ghê gớm, linh động như một người hay đúng hơn một yêu tinh... cũng ghen, cũng giận, cũng cay nghiệt, cũng trơ tráo và cũng náo nức dục tình. Hàn Mặc Tử đi trong trăng, há miệng cho máu tung ra làm biển cả, cho hồn văng ra, và rú lên những tiếng ghê người... Ta rùng mình, ngơ ngác, ta đã lục lọi khắp trong đáy lòng ta, ta không thấy có tí gì giống cái cảnh trước mắt. Trời đất này thực của riêng Hàn Mặc Tử... Một tác phẩm như thế, ta không có thể nói hay hay dở, nó đã ra ngoài vòng nhân gian, nhân gian không có quyền phê phán...(Thi Nhân Việt Nam.* Trg 206-207. Thiều Quang 1967). Trần Thanh Mại cho rằng *Đau Thương* gồm ngót 50 bài thơ, hai phần ba tập nói đến trăng, hơn một nửa phần ba kia nói về hồn, chỉ một nửa phần ba còn lại là đả động đến các luận đề khác...*Trăng, hồn là hai cái luận đề yêu dấu của Hàn Mặc Tử; hơn thế, hai cái ám ảnh ghê gớm mà thi sĩ không thoát ly được... (Hàn Mặc Tử.* trg.67. Xuân Thu, không ghi năm). Riêng trong *Máu Cuồng* Và *Hồn Điên* ta tìm thấy được 14 bài về trăng và hồn, khi thì trăng bao phủ hồn, khi thì hồn nhập vào trăng, trăng hồn quấn quit...

Trăng có một địa vị đặc biệt, bao phủ gần khắp thơ văn của Hàn Mặc Tử và trong tiến trình sáng tác, hình ảnh của trăng càng về sau càng có sức ám ảnh dị thường, mỗi lúc mỗi có vẻ khác, có sức sống khác.

Trăng trong thơ Đường còn cổ điển, là trăng sáng đẹp chiếu rọi hoa đêm ngoài khung cửa, lấp lánh gợi tình làm cho người xa quê nhớ cảnh nhớ người nơi cố lý, hay là trăng nghịch ngợm trêu ngươi làm cho những ai có tâm sự ưu quốc, ái dân phải thao thức canh trường vì nghĩa cả chưa thành:

*Hoa cười nguyệt rọi cửa lồng gương,*
*Lạ cảnh buồn thêm nỗi vấn vương.*

**Cửa Sổ Đêm Khuya**

*Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối,*
*Gió thu lọt cửa cọ mài chăn...*
*Trỗi dậy nôm na vài điệu cũ,*
*Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

**Thức Khuya**

Đã là Đường thi tất phải cổ điển. Đây là bài thơ *Vịnh Nguyệt* trong bốn bài tứ tuyệt vịnh Phong, Hoa, Tuyết, Nguyệt ở *Lệ Thanh Thi Tập:*

*Cung thiềm tỏ rạng suốt đêm thanh*
*Hương quế xa đưa lọt bức mành*
*Gảy khúc Nghê Thường êm ái lạ*
*Phòng thư luống ngại khách đa tình.*

Trăng trong thi phẩm *Gái Quê*, xuất bản năm 1936, đã theo xu hướng lãng mạn của trào lưu văn học phát triển, nhịp điệu tâm hồn rạo rực buổi thanh xuân căng tràn cảm xúc rung động mà ngân vang ý tình thiết tha sôi nổi, có khi có chút lơi lả làm cho cô gái đối cảnh sinh tình hồi hộp, bẽn lẽn như trong bài thơ:

*Trăng nằm sóng soải trên cành liễu*
*Đợi gió đông về để lả lơi*
*Hoa lá ngây tình không dám động*
*Lòng em hồi hộp Chị Hằng ơi!*

*Trong khóm vi lô rào rạt mãi*
*Tiếng lòng ai nói sao im đi?*
*Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm*
*Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

*Vô tình để gió hôn trên má*
*Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm*
*Em sợ lang quân em biết được*
*Nghi ngờ đến cái tiết trinh em.*

**Bẽn Lẽn**

Từ hình ảnh "trăng nằm sóng soải trên cành liễu" đến hình ảnh "bóng nguyệt trần truồng tắm, lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe", ngoài nghệ thuật tượng hình rất tinh diệu, tác giả còn nhân cách hoá trăng thành một thiếu nữ có tâm hồn lãng mạn, có tâm tính lả lơi, có những cử chỉ và hành động táo bạo như muốn gợi tình làm cho hoa lá ngây tình và cô gái ngắm trăng khuya tự mình cũng cảm thấy bẽn lẽn với những ý nghĩ thầm kín về âu yếm không chính đáng. Nội dung của trăng trong bài thơ *Bẽn Lẽn* chứa đựng một thi ảnh gợi tình mạnh mẽ và tưởng tượng sáng tạo của tác giả có sắc thái độc đáo của tình cảm lãng mạn, không những đã thoát sáo mô hình lãng mạn cựu thức mà còn rất dị biệt với nội dung của trăng trong thi ca của các nhà thơ lãng mạn đương thời.

Tuy vậy, nội dung của trăng trong *Bẽn Lẽn* là tình cảm khách quan của nhà thơ. Nhà thơ đã sử dụng trí tưởng tượng sáng tạo phong phú của mình để hướng ngoại bắt gặp hình ảnh của ngoại cảnh và tình ý của tha nhân. Đến như bài thơ *Uống Trăng*, tuy cũng bắt nguồn từ cảm xúc rung động với trăng ngoại cảnh nhưng tình chính là tình cảm lãng mạn chủ quan, một thứ tình có căn nguyên từ khát vọng tình yêu chung thuỷ:

*Bóng trăng trong chén ngã nghiêng,*
*Lả lơi tắm mát làm duyên gợi tình.*
*Gió lùa mặt nước rung rinh,*
*Lòng ta khát miếng chung tình từ lâu.*
*Uống đi cho đỡ khô hầu,*
*Uống đi cho bớt cái sầu miên man.*
*Có ai nuốt ánh trăng ngàn,*
*Có ai nuốt cả bóng nàng tiên nga.*

Vì tình cảm trong *Uống Trăng* là tình cảm chủ quan nên tình cảm đã dâng lên mãnh liệt và khát vọng của nhà thơ không phải nhắm đến chiếm hữu phần vật chất cụ thể của trăng, của

nàng tiên nga mà là khát vọng chiếm hữu ánh trăng, bóng nàng tiên nga tức là phần hồn linh động, phần tinh hoa vĩnh hằng.

Trong phần *Hương Thơm* của thi phẩm *Đau Thương*, dù thi vị như *Đà Lạt Trăng Mờ*, dù mầu nhiệm như *Huyền Ảo* hay đẹp đẻ căng đầy như *Sáng Trăng*..., trăng đều là kỷ niệm về cảnh và người, biểu thị một tình cảm nhớ tiếc khôn nguôi, sầu trách khôn xiết. Đến như bài *Trăng Vàng, Trăng Ngọc* thì hình ảnh trăng đã đi dần vào thế giới *Đau Thương* tê tái, tiếp cận với thế giới *Mật Đắng* tân khổ xót xa. Lời thơ như diễu cợt, ý thơ lạ lùng, nhưng là cái diễu cợt, lạ lùng của tan tác thể xác và tâm hồn mà cuối cùng phải cầu nguyện:

*... Trăng, Trăng, Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!*
*Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi*
*Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi*
*Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi*
*Trăng mới là trăng của rang ngời.*

Trần Thanh Mại cho rằng thơ trăng của Hàn Mặc Tử về sau là cái ám ảnh của trăng Những câu thơ:

*Ai mua trăng tôi bán trăng cho*
*Không bán đoàn viên, ước hẹn hò!*
*Bao giờ đậu trạng vinh quy đã*
*Anh lại đây tôi thối chữ thơ.*

thật chính vì ám ảnh của trăng nhưng ngôn từ và ý tưởng vẫn là ý tưởng, ngôn từ của người tỉnh thức đang đau khổ. Có ai nghĩ rằng những người đang chìm đắm trong đau khổ triền miên, vô vọng tận cùng kể cả về mạng sống của mình thường cười ra nước mắt, diễu cợt bằng ngôn từ nghe như lạc quan vô sự nhưng kỳ thực đẫm ướt thương đau. Hàn Mặc Tử, với bệnh phung nan y đã đến lúc trầm trọng không cứu chữa được nữa đang ở trong trường hợp ấy.

Trăng là một báu vật thiên nhiên, thưởng thức không ai cấm, dùng không bao giờ hết: đó là cái kho vô tận của tạo hoá...(*thưởng chi vô cấm, dụng chi bất tuyệt, thị tạo vật giả chi vô tận tàng dã...* Tô Đông Pha. Tiền Xích Bích Phú). Nhưng ý nghĩa trăng liên quan đến tình yêu, trăng nguyệt lão, trăng thề nguyền đoàn viên, hẹn hò gắn bó lại chỉ là của riêng của những đôi lứa hạnh phúc. Lời hứa đậu trạng vinh quy là lời hứa vinh quang hạnh phúc:

*Giấc hồ nghe phấp phới*
*Cờ biển nhịp mơ màng*
*Đường hoa son phấn đợi*
*Áo gấm về xênh xang.*

**Vũ Hoàng Chương - Vân Muội**

Giấc mơ ấy chỉ là một viễn ảnh rất xa xôi, xa xôi khó đạt đối với Hàn MặcTử đang tiếp cận với cái chết thảm thương. Lời rao bán trăng của tác giả đúng là lời giả đò, giả bộ, lời nói đùa, nói chơi vậy.

Trăng vô ngã của thiên nhiên vũ trụ đang chiếu sáng khắp mọi nơi nhưng trăng hữu ngã của riêng tác giả chưa phải là trăng chói sáng rực rỡ. Trong tận cùng tuyệt vọng, thi nhân lần tràng hạt cầu nguyện cho trăng của mình một màu tươi sáng rạng ngời.Đối với đôi lứa hân hoan hạnh phúc, trăng có ý nghĩa tròn đầy,rực rỡ.Trăng sáng, trăng sáng khắp mọi nơi, nhưng đối với Hàn Mặc Tử, trăng có ý nghĩa thất vọng, nhớ nhung, tan tác:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,*
*Có chở trăng về kịp tối nay?*

**Ở Đây Thôn Vỹ Dạ**

*Đêm nay có một nửa trăng thôi,*
*Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi.*
*Ta nhớ mình xa thương đứt ruột,*
*Gió làm nên tội buổi chia phôi.*

**Một Nửa Trăng**

Và nhà thơ cầu nguyện:

*Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi,*
*Trăng mới là trăng của rạng ngời*

Từ đó, trăng càng tiến sâu vào đau thương sầu thảm với *Mật Đắng*, theo nhịp cuồng điên mê dại với *Máu Cuồng* và *Hồn Điên* của nhà thơ. Trăng có những hình ảnh, màu sắc, khoảng cách và nhiệt độ khác nhau, khi êm dịu, khi choáng váng, khi mờ lạnh, khi ấm nồng, khi thì là hình ở cách xa muôn trùng không gian, khi là bóng ở ngay trước cửa:

*Ai thả chim bay đến Quảng Hàn,*
*Và ai gánh máu đi trên tuyết.*

**Cuối Thu**

*Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy*
*Cho nên chăn chiếu vẫn so le*
*Cho hay thương nhớ là thương nhớ*
*Em dại gì đâu ngủ thiếp đi!*

**Thao Thức**

*Bỗng đêm nay trước cửa bóng trăng quỳ*
*Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu*

**Hãy Nhập Hồn Em**

*Tôi chết giả và no nê vô hạn*
*Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng*
*Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng...*

*Tôi dìu hồn xuống một vũng trăng êm*
*Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực.*

**Hồn Là Ai**

Càng về sau, ám ảnh của trăng đối với hồn thơ Hàn Mặc Tử cũng theo ảnh hưởng của trăng đối với bệnh tình của thi sĩ

dâng cao lên đến độ trầm trọng ngút ngàn. Nhà thơ *Ngủ Với Trăng, Say Trăng, Chơi Trên Trăng, Miệng Đầy Trăng, Rượt Trăng* ở thượng tầng không gian, ở ngoài vũ trụ. Nơi khí tượng bốc ngùn muôn tinh tú, hay cứu *Trăng Tự Tử* ở giếng lạnh mùa thu tất cả âm dương đều tụ họp.

Trăng trong bài thơ *Ngủ Với Trăng* là hình ảnh trăng vú mộng của muôn đời thi sĩ như thi sĩ Xuân Diệu đã từng mô tả. Hàn Mặc Tử vốn là một thi sĩ khao khát trăng gió đi vào thế giới của cảm xúc, rung động tế nhị để thăm dò tình tự tạo vật, thiên nhiên và tình yêu nồng nhiệt của tuổi thơ mơ mộng, phổ thành nhạc, vịnh thành thơ, theo đà nâng của gió, theo nhịp bay lượn của mây. Cuối cùng, càng bay càng xa, càng nâng càng cao, thơ tình, nhạc tình càng thêm chới với giữa sương đêm. Chới với vì thiếu điểm tựa, điểm trụ. Vì vậy, hoặc là thi sĩ còn tiếp tục hành trình bay đến một nơi sáng láng:

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền,*
*Không u ám như cõi lòng ma quỷ*
*Vì có đấng hằng sống, hằng ngự trị*
*Nhạc thiêng liêng dồn trổi khắp hư linh*
*Ồ, say sưa trên hết các tục tình*
*Ồ, thú lạ những phút giây thanh thoát.*

**Ngoài Vũ Trụ**

hoặc trở về một nguồn suối xa xôi trong cõi thực và thoát ly hệ luỵ thơ mộng yêu đương mà trở thành chất phác hồn nhiên của một anh nhi thánh thiện ngủ với trăng ngời sáng hào quang:

*Theo tôi đến suối xa miền*
*Cởi thơ, cởi mộng, cởi niềm yêu đương.*
*Mây trôi lơ lửng trên giòng nước*
*Đôi tay vốc uống quên lạnh lùng*
*Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ*
*Đầy mình lốm đốm những hào quang.*

Ngủ với trăng, đầy mình lốm đốm những hào quang, Hàn Mặc Tử say sưa với trăng, hồn nhập vào trăng. Hồn ở đây không còn là cõi lòng, tâm hồn hay hồn thơ mà là hồn mộng hay linh hồn có thể thoát ly thể xác bay về ngàn khơi.

Nhà thi sĩ khạc hồn ra khỏi miệng đi tìm trăng, tìm giai nhân giặt lụa bên sông Ngân, trăng nước nhập thể bất phân, lụa là với người đẹp cũng hoà với trăng, và thi sĩ tha hồ ôm ấp trăng, say sưa trăng cho thoả lòng mơ ước bình sinh. Đó chính là lúc hương hoa, màu sắc và âm thanh hoà điệu, giao hưởng cộng thông 'Ceux sont les parfums, les couleurs et les sons se répondent "' (Baudelaire- Correspondance), từ thi tứ về trăng trong thơ Đường, khát vọng trăng trong *Gái Quê, Chơi Giữa Mùa Trăng, Hương Thơm,* đến nguồn ám ảnh của trăng trong *Mật Đắng, Máu Cuồng* và *Hồn Điên:*

*Nước hoá thành trăng trăng hoá nước*
*Lụa là ướt đẫm cả trăng thơm*
*Người trăng ăn vận toàn trăng cả*
*Gò má riêng thôi cũng đỏ hườm.*

Hàn Mặc Tử mơ trăng, thương trăng, choàng lấy trăng, lượm tơ trăng rơi trên cành lá, trên mái tóc giai nhân vì chỉ sợ trăng tan ra bọt lấy gì tôi thương. Trăng nhập thể vào giai nhân. Giai nhân và trăng là một, Người trăng ăn vận toàn trăng cả, Gò má riêng thôi cũng đỏ hườm. Đêm trăng sáng khắp phương. Người trăng đang ra đi, đang náo nức khóc mừng vu qui. Hàn Mặc Tử với chứng bệnh phung ghê gớm, nan y, không thể là tân lang. Nhà thơ còn ở lại, phải ở lại, cô đơn sầu khổ, say trăng và lảo đảo cả trời thơ. Trong tận cùng đau khổ ngất ngư vì giấc mộng yêu đương tan vỡ, giấc mơ đôi lứa không thành, cả nguyệt cầu hạnh phúc, cung quế lý tưởng của nhà thơ cũng sụp đổ, đọng thành vũng trăng đêm, trong đó Hàn Mặc Tử đang khắc khoải điên cuồng, đau khổ tê điếng từ thể xác đến tinh thần:

*Tối nay trăng ở khắp phương*
*Thảy đều náo nức khóc mừng vu qui*
*Say! Say lảo đảo cả trời thơ*
*Gió rít từng cao trăng ngã ngửa*
*Vỡ tan thành vũng đọng tàn khô*
*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy*
*Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra.*

**Say Trăng**

Ở sông Ngân Hà, trăng nước lấp lánh bất phân, người trăng ăn vận toàn trăng cả, lụa là với người đẹp thơm ngát mùi trăng, nhưng hình như tất cả mới chỉ là trăng hiện tượng, hiện thể (phenomenon). Hàn Mặc Tử muốn thực hiện cuộc hành trình tìm đến *Nguyệt Cầu*, lên chơi *Cung Quế*, vì ở đây mới thực là nơi ngự trị của trăng, mới chính là trăng bản thể (being, essence), là chỗ nhiệm mầu đầy phép lạ, là vườn tiên sáng láng như lòng người thương:

*Tôi nhập hồn tôi trong tiếng hát*
*Để nhờ không khí đẩy lên trăng*
*Để nghe tiếng nhạc Nghê Thường trổi*
*Để hợp tinh anh của Nguyệt Cầu*
*Và để thoát ly ngoài thế giới*
*Để cười, để trửng, để yêu nhau*
*Lên chơi Cung Quế lần đầu*
*Ôi phép lạ, ôi nhiệm mầu*
*Vườn tiên sáng láng như lòng người thương.*

**Chơi Trên Trăng**

Thoát ly ra ngoài thế giới, lên đến *Nguyệt Cầu*, Hàn Mặc Tử đang còn ở trong *Cung Quế* có muôn vàn phép nhiệm mầu, không còn có màu sắc xung khắc của tôn giáo, không có mùi vị tê tái, đày đoạ của mầm bệnh. Đó là vườn tiên sáng láng như lòng người thương, không chịu ảnh hưởng Phật Giáo hay Thiên Chúa Giáo, không bị vẩn đục bởi đắn đo lợi hại, lành dữ của tâm lý người đời. Dù ôm choàng lấy trăng, dù lượm tơ

trăng rơi, dù lên chơi *Nguyệt Cầu, Cung Quế*, đâu đâu Hàn Mặc Tử cũng gặp người đẹp, giao ngộ với mỹ nhân, có tình tự chan hoà trong màu sắc, hương vị và âm thanh tình yêu.

Thật vậy, từ khi tình yêu lên ngôi thì tình yêu Kim Cúc chết yểu vì ngang trái tôn giáo phân kỳ, tình Mộng Cầm phũ phàng vì chứng bệnh nan y, nhưng bản thể tình yêu từ đó cứ gắn kết với tâm hồn thi sĩ tràn đầy mỹ cảm và tình yêu với người đẹp, Giai nhân, người yêu cũng đi vào thế giới ý niệm để thành bản thể tuyệt đối cùng với tình yêu và thi ca của thi nhân. Thi sĩ đuổi theo trăng, rượt trăng lại cũng gặp giai nhân. Đây là một cuộc gặp gỡ giữa hai linh hồn thanh khiết rất mộng mơ thi vị, trời cao làm màn, lá trăng làm chiếu, sao băng làm gối. Hai linh hồn trao đổi tâm tình qua hơi thở chuyền vào hoa cỏ biến ra thơ. Tình yêu của thi sĩ với giai nhân tha thiết, siêu thoát như vậy, nên tình yêu trăng tưởng như ít nồng nàn say đắm, và vì vậy nên trăng ghen, trăng ngã, trăng rụng xuống giữa cuộc tình lý tưởng của thi sĩ và giai nhân:

*Ta đuổi theo trăng*
*Trăng bay lả tả ngã lên cành vàng*
*Tới đây là nơi tôi được gặp nàng*
*Rủ rê, rủ rê hai đứa tôi vào rừng hoang*
*Tôi lượm lá trăng làm chiếu trải*
*Chúng tôi kề đầu bên khối sao băng*
*Chúng tôi nói chuyện bằng hơi thở*
*Dần dần hoa cỏ biến ra thơ*
*Chúng tôi lại là người của ước mơ*
*Không xác thịt chỉ có linh hồn đang mộng*
*Chao ôi! Chúng tôi rú lên vì kinh động*
*Vì trăng ghen, trăng ngã, trăng rụng xuống mình hai tôi.*

**Rượt Trăng**

Nhưng không, trăng ghen là vì trăng không hiểu rõ tình yêu của thi sĩ vừa khao khát gió trăng vừa say đắm hồng nhan.Hàn Mặc Tử yêu mỹ nhân và yêu trăng. Trăng và giai nhân như

nhập thể vào nhau vì trăng là Hằng Nga, là gái hồng nhan trong thinh không ngoài vũ trụ làm mây nước ngất ngây, sao thượng giới rơi rụng, gió ngàn khơi rào rào,và suối rừng say sưa:

*Cả miệng ta trăng là trăng*
*Cả lòng ta vô số gái hồng nhan*
*Ta nhả ra đây một nàng*
*Cho mây lặng lờ, cho nước ngấtngây*
*Cho vì sao rụng xuống mái rừng say*
*Gió thổi rào rào như lá đổ*
*Suối gì trong trắng vẫn đồng trinh...*

**Một Miệng Trăng**

Trăng nhập thể với giai nhân và cùng thi nhân như hai chiếc bóng theo dõi nhau khôn dứt. Trăng, giai nhân ám ảnh Hàn Mặc Tử như yêu tinh ám ảnh người mê sảng:

*Bóng ai theo dõi bóng mình*
*Bóng nàng yêu tinh*
*Dịp cười như tiếng vỡ pha lê*

**Một Miệng Trăng**

Hàn Mặc Tử cũng là người mê sảng đang chiêm bao, mộng mị lưởng vưởng bến xa mờ, và khi ra khỏi mộng, đối diện với thực tại đau thương nhức nhối thể xác, tan nát tinh thần, nhà thơ hoảng hồn thất kinh, thương giận sững sờ:

*Thưa tôi không dám say mê*
*Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyền*
*Bây giờ tôi dại tôi điên*
*Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.*
*Hẹn tôi tảng sáng đi tìm mộng*
*Mộng còn lưởng vưởng bến xa mơ*
*Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ*
*Tôi hoảng hồn lên giận sững sờ.*

**Một Miệng Trăng**

Bài thơ *Trăng Tự Tử* phải chăng là kết quả của trí tưởng tượng của nhà thơ Hàn Mặc Tử, có tương quan nhân quả với trăng ghen trong bài thơ *Rượt Trăng*? Nhà thơ đã tả một miệng giếng lạnh về mùa thu, nước trong giếng lặng yên không nổi sóng, trong vắt in rõ bóng trăng mây.

Nếu câu thơ 'Nghe nói mùa thu náu chỗ nầy nghe phảng phất mùi vị thoát sáo từ Đường Thi cổ điển' "Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu", vang dội trong *Đoạn Trường Tân Thanh* khi thi hào Nguyễn Du tả mùa thu "Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô" thì câu thơ "Tất cả âm dương đều tụ họp lại" hàm chứa ý nghĩa dịch lý của sự tuần hoàn thời tiết theo ý nghĩa thu liễm, mùa thu âm dương tụ họp, sinh lực thảo mộc thu về để kết trái sung mãn.

Cũng là hình ảnh giếng nước lặng yên không ba động trong *Thanh Hiên Thi Tập*, Nguyễn Du có bài thơ *Đạo Ý*, bày tỏ ước mơ thoát tục của tác giả. Nguyễn Du muốn gác bỏ hết chuyện đời thị phi ngang trái để giữ gìn tấm lòng trong sáng yên tĩnh không xao động trước cuộc thế đổi thay, nhân sinh trôi nổi. Bóng trăng sáng chiếu giếng xưa biểu thị tấm lòng trong sáng như gương, vằng vặc như trăng không hề bị vẩn đục, bị lay chuyển:

*Minh nguyệt chiếu cổ tỉnh*
*Tỉnh thuỷ vô ba đào*
*Bất bị nhân khiên xả*
*Thử tâm chung bất dao*
*Túng bị nhân khiên xả*
*Nhất dao hoàn phục chỉ*
*Trạm trạn nhất phiến tâm*
*Minh nguyệt cổ tỉnh thuỷ*
(Trăng sáng chiếu giếng xưa
Nước giếng không nổi sóng

Không bị người khuấy lên
Lòng này không lay chuyển
Dù bị người khuấy lên
Lay chuyển một lúc lại lặng
Tấm lòng trong vằng vặc
Như ánh trăng sáng, như nước giếng xưa)

Đối với Hàn Mặc Tử bệnh hoạn nhức nhối thể xác, rối loạn tinh thần, bóng trăng soi dưới lòng giếng lạnh là hình ảnh của trăng tự tử, Hằng Nga tự tử, giai nhân tự tử.Ý tưởng trăng tự tử đã cùng với các mẫu chuyện giai nhân, liệt nữ vì tình cảnh, vì áp lực hay vì uất ức hận sầu nhảy xuống giếng tự tử như các trường hợp My Phu nhân của Lưu Bị khi bị quân của Tào Tháo rượt đuổi và bà nghĩ rằng Triệu Tử Long đơn thương độc mã không thể chu toàn cả hai mạng sống của mẹ con bà, Trân Tài nhân của vua Đường dưới áp lực của Võ Hậu... trong truyền thuyết hay lịch sử, hoặc chuyện người tỳ nữ Kim Xuyến của Vương Phu nhân trong tiểu thuyết *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần... đã hiện về trong trí tưởng tượng của Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử đã tưởng tượng ra mối u tình với thề thốt và oán hận si mê của trai gái tự tình trên miệng giếng. Vì hận tình, giai nhân, Hằng Nga đã nhảy xuống giếng để tự kết liễu mạng sống cùng mối hận tình. Những chuyện giai nhân trầm mình dưới đáy giếng thật là phổ biến trong truyền thuyết và trong văn chương. Miệng giếng là cửa mộ và lòng giếng là huyệt lạnh chôn kiếp hồng nhan si mê và oán hận. Thế mà không có ai cảnh giác, cả nhân gian vô ý và cả trời đất vạn năng cũng vô tình, để cho riêng một mình thi sĩ Hàn Mặc Tử quan tâm:

*Lòng giếng lạnh! Lòng giếng lạnh!*
*Sao chẳng một ai hay.*
*Nghe nói mùa thu náu chỗ này*
*Tất cả âm dương đều tụ họp,*
*Và trăng mây ngừng lại ở nơi đây.*
*Để nghe, à để nghe*

*Bao lời bí mật đêm thời loạn*
*Bao giọng buồn thương gió đã thề*
*Bao lời oán hận của si mê*
*Mà trai gái tự tình trên miệng giếng.*
*Miệng giếng hả ra*
*Nuốt ực bao la*
*Nuốt vì sao rồi*
*Loạn rồi! Loạn rồi, ôi giếng loạn!*
*Ta hoảng hồn, hoảng vía, ta hoảng thiên*
*Nhảy úm xuống giếng vớt xác trăng lên.*

Khi thấy hình ảnh nhân cách hoá của trăng và mây trên trời chiếu xuống mặt nước giếng lặng yên trong câu thơ "Và trăng mây ngừng lại ở nơi đây", ta đã tưởng như tác giả muốn đề cập, bàn bạc, triết lý về vấn đề thực ảo, có không, bản thể hiện tượng như thiền sư Đạo Hạnh đời Lý bàn về trăng dưới nước:

*Tác hữu sa trần hữu*
*Vi không nhất thiết không*
*Hữu không như thuỷ nguyệt*
*Vật trước hữu không không*
(Có thì có tự mảy may
Không thì cả vũ trụ này cũng không
Có, không: bóng nguyệt lòng sông
Cả hai tuy vậy chẳng không chút nào)

Nhưng không, tác giả thực sự muốn cho biết trăng và mây ngừng lại để nghe, ... *để nghe lời oán hận si mê của đôi lứa trai gái tình tự trên miệng giếng.*

Đối với Hàn Mặc Tử, một tín đồ ngoan đạo của Thiên Chúa Giáo, tự tử là một hành vi phạm tội với Chúa, là một hành động nổi loạn. Trong đau khổ vì tình yêu Kim Cúc ngang trái, tình yêu Mộng Cầm tan vỡ phũ phàng, với bệnh phung thân

xác nhức nhối, tinh thần tàn tạ gần đứt sự sống, trong tận cùng tuyệt vọng của những phép chữa trị, người con chiên Nguyễn Trọng Trí không bao giờ dám có ý nghĩ tự kết liễu đời mình. Thế mà trăng nhảy xuống giếng tự tử, miệng giếng nuốt ực nàng trăng của thi sĩ thì thật là loạn rồi vậy.

Từ hình ảnh trăng lơi lả gợi tình trong *Bẽn Lẽn*, trăng ánh sáng, nhất là trăng thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm mà nhà thơ đã cùng thưởng thúc với chị Như Lễ đến độ hai chị em say sưa nhập thể vào trăng "*Chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!*" trong *Chơi Giữa Mùa Trăng*, Hàn Mặc Tử đã tìm về trăng huyền ảo của kỷ niệm, ký ức về thiên nhiên ở Đà Lạt, về tình yêu ở xứ Huế, Qui Nhơn, Phan Thiết... Cuối cùng, với loạt bài từ *Ngủ Với Trăng* đến *Trăng Tự Tử*, nhà thơ Hàn Mặc Tử đã thực hiện một cuộc viễn du vào xứ mộng, vào thế giới hư linh phi vật chất. Thi sĩ Hàn Mặc Tử, trước sau, đã đi hết hành trình từ cảm trăng đến tình trăng, từ mộng mơ thi vị đến ám ảnh dị kỳ, từ hiện tượng đến bản thể trong thế giới thực tại có giới hạn kích thước và ngoài vũ trụ cao rộng khôn lường...

Sau trăng, hồn cũng là một chủ đề trong thơ Hàn Mặc Tử. Và cũng như trăng, hồn trong thơ văn của Hàn Mặc Tử có nhiều sắc thái và mang khoác nhiều ý nghĩa từ rất thông thường đến rất cao sâu phức tạp khác nhau. Hồn trong thơ Đường ở *Lệ Thanh Thi Tập* và thơ mới *Gái Quê* hàm chứa ý nghĩa tâm hồn, con tim, tấm lòng của thi nhân như hồn thơ, hồn chữ, hồn thi sĩ..., hoặc cái phần nội tại có tính cách siêu hình của thực tại tạo vật như hồn hoa, hồn sông núi, cây cỏ...

*Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi*
*Chỉ một lòng son muốn giãi bày*
*Này nhạn! Ta còn quên chút nữa*
*Con tim non nớt tặng nàng đây.*

**Vội Vàng Chi Lắm**

*Mực hoà khí vị vô hồn chữ*
*Văn hút hào quang ở miệng ta.*
**Bút Thần Khai**

*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá*
*Dám ôm hồn cúc ở trong sương*
**Hồn Cúc**

Hồn còn là phần tinh hoa của thi ca, của tiếng lòng thi nhân trong tương quan với tạo vật, với tha nhân đặc biệt với giai nhân nhà thơ yêu quý, và với bản thân thi nhân trong những hoàn cảnh đặc thù:

*Ta thích đứng lặng trên bờ ao*
*Lắng nghe trong bụi tiếng thì thào*
*Của hai luồng gió đang vương vấn*
*Mà tiếng lòng ta cũng rạt rào.*
**Mơ**

*Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ*
*Em lấy chồng rồi hết ước mơ*
*Tôi sẽ đi tìm mỏm đá trắng*
*Ngồi lên để thả cái hồn thơ*
**Em Lấy Chồng**

*Vì nếu ta đây là trích tiên*
*Là hồn thi sĩ có lương duyên*
*Với bao gái đẹp trong nhân thế*
*Thì sống vô tâm chẳng biết phiền.*
**Nói Chuyện Với Gái Quê**

Trong thi phẩm *Hương Thơm*, hồn vẫn còn có ý nghĩa là phần tinh hoa rất mực nhạy bén của con người, là sinh khí linh động

của tạo vật. Đó là tâm hồn đau thương , cõi lòng sầu nhớ, hồn cỏ cây, hồn sông núi, gió mây...

*Tôi với hồn hoa vẫn nín thinh*
*Ngấm ngầm trao đổi những ân tình.*
**Huyền Ảo**

*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá*
*Dám ôm hồn cúc ở trong sương*
**Mơ Hoa**

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly*
*Hồn anh theo dõi bóng em đi*
*Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió*
*Lưu luyến bên em chẳng nói gì*
...
*Anh đứng cách xa hàng thế giới*
*Lặng nhìn trong mộng miệng em cười*
*Em cười anh cũng cười theo nữa*
*Để nhắn hồn em đã tới nơi .*
**Lưu Luyến**

Trong bài thơ *Lưu Luyến*, tâm hồn đau thương sầu nhớ của Hàn Mặc Tử đã nhập vào chiêm bao mộng mị thành hồn mộng của thế giới hư huyền ảo tưởng để rồi dần dần khoác lấy ý nghĩa linh hồn, phần tinh anh vô hình của con người, đối lại với thể xác ô trọc hữu hình có tính cách duy linh thần học trong các tác phẩm *Mật Đắng*, *Máu Cuồng* và *Hồn Điên*. Trong bài thơ *Những Giọt Lệ*, ý nghĩa của tâm hồn, cõi lòng và linh hồn còn đan dệt vào nhau, vương vấn với nhau, nửa hư nửa thực, nửa ý thức nửa vô thức:

*...Họ đã xa rồi không níu lại*
*Lòng thương chưa đã, mến chưa bưa*

*Người đi một nửa hồn tôi mất*
*Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?*
*Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?*
*Sao bông phượng nở trong màu huyết*
*Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.*

Đến như các bài thơ *Hãy Nhập Hồn Em*, *Đôi Ta* thì hồn là hồn mộng, linh hồn ở cõi hư ảo vô thức. Dù thân xác đang sống, thi nhân muốn đắm chìm trong cõi mộng, cố làm ngơ không biết đến không-thời gian, cứ nhắm mắt như chết, cứ sảng sốt, tê mê, rủ liệt và cứ yêu nhau trong cõi hư không:

*... Bỗng đêm nay trước cửa bóng trăng quì*
*Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu.*
*Lời nguyện gẫm xanh như màu huyền diệu*
*Não nề lòng viễn khách giữa cơn mơ.*
*Trời từ bi cảm động ứa sương mờ*
*Sai gió lại lay hồn trong kẻ lá*
*Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã*
*Anh đoán chừng cơn ấy em ngất đi.*
*Khổ lòng chưa em hỡi ! Mộng tình si*
...
*Em hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt !*

Trong chiêm bao, hồn mộng của nhà thơ Hàn Mặc Tử đã gặp hồn của người chàng yêu dấu và nghĩ rằng người chàng yêu cũng đang ngây ngất đi trong chiêm bao với mộng tình si mê đắm đuối :

*Mà anh hay em trong tim đều rạn*
*Đều chôn sâu hình ảnh một người mơ*
*Bây giờ đây quấn quít, hiện bây giờ*
*Chỉ biết có đôi ta là đang sống*

*Đang cho nhau ngọt ngào và đang mộng*
*Cố làm ngơ không biết đến thời gian*
*Đến bông hoa tàn tạ với trăng ngàn*
*Đến những tình duyên chung quanh thất vọng*
*Nhiều hành tinh tan đi vì đã lỏng*
*Ôi muôn năm! Giấc mộng đã đời chưa?*
*Lúc ấy sóng triều rên rỉ chưa bưa*
*Cứ nhắm mắt, cư yêu nhau như chết*
*Cứ sảng sốt, tê mê và rủ liệt*
*Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang*
*Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian*
*Cả thời gian từ tạo thiên lập địa*
*Đều xáo trộn, điều hoà và xí xoá*
*Thành hư không như tình ái đôi ta*

**Đôi Ta**

Trong khi bị bệnh phung hành hạ, tàn phá, chính thể xác và tinh thần của nhà thơ Hàn Mặc Tử đã trải qua những trạng thái sảng sốt, tê mê, rủ liệt, nhắm mắt như chết, hồn mộng nhập vào thế giới chiêm bao, linh hồn lìa khỏi thể xác nhập vào thế giới u linh, cõi hư không của buổi đầu thiên địa, nhân gian. Và cũng từ đó, tâm hồn đau thương biến thành hồn mộng yêu đương trong sầu nhớ, trong ảo tưởng, thành linh hồn sắp hết chỗ nương thân, cứ dằn vặt thân xác bệnh hoạn của nhà thơ đang chờ đợi giây phút vĩnh biệt cõi đời. Thi sĩ đã nhiều lần chết giấc vì đau đớn, và mỗi lần chết giấc thì máu tim tuôn ra làm biển cả, sóng lòng như mây trôi tràn lan đến một xứ lạ ở chân trời...

Trong thi phẩm *Máu Cuồng Và Hồn Điên*, nếu đã có loạt bài thơ về trăng như *Ngủ Với Trăng, Say Trăng, Một Miệng Trăng, Lên Chơi Trăng, Rượt Trăng, Trăng Tự Tử* thì cũng có loạt bài thơ về hồn như *Hồn Là Ai, Biển Hồn Ta, Trút Linh Hồn, Hồn Lìa Khỏi Xác...* Ta có thể nói rằng thi phẩm *Máu Cuồng Và*

*Hồn Điên* là phần ngưng đọng chủ đề Trăng và Hồn. Hồn và Trăng quyện lẫn vào nhau, đan kết với nhau, trong Hồn có Trăng, trong Trăng có Hồn. Trăng và Hồn như là một liên chủ thể không tách rời nhau :

*Hồn tôi mớm cho tôi bao ánh sáng*
*Tôi chết giả và no nê vô hạn*
*Cười như điên; sặc sụa cả mùi trăng*
*Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng...*

Những bài thơ khác trong thi phẩm *Máu Cuồng Và Hồn Điên* như *Trường Tương Tư, Sáng Láng, Ngoài Vũ Trụ, Rướm Máu...* cũng đều ngân vang ý nghĩa trăng và hồn. Hồn của nhà thơ đã thoát ra ngoài xác thịt đi tím hồn người yêu đang chới với trên giải nước mênh mang ở bến Mê hà diệu vợi :

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt,*
*Để chập chờn trong ánh sáng mông lung,*
*Để tìm em đưa hai tay ràng rịt*
*Mảnh tình thiêng ngả ngớn giữa không trung.*

*Anh đã gặp hồn em đương chới với,*
*Bến Mê hà trên giải nước mênh mang.*
*Anh đã đón tình em bay phất phới,*
*Như hương trăng đằm thắm cõi không gian...*

**Sáng Láng**

Nhưng ở đây hồn vẫn còn trong vòng không gian vũ trụ, dù cho có Sông Ngân đã im lìm không tiếng sóng... nhưng với nhạc tình của tiên cung ở tầng cao khúc Nghê Thường đồng vọng nên lòng chàng thi sĩ đa tình và bị tình luỵ vẫn rào rạt mãi không thôi. Lòng chàng thi sĩ vẫn như thuở nào sầu thảm hơn mùa lạnh, Hơn hết u buồn của nước mây, Của những tình duyên thương lỡ dở.. Muốn hoàn toàn thoát khỏi khúc nhạc say mê, điệu vũ đắm đuối, của không gian cảm và vũ trụ tình, Hàn Mặc Tử ước ao đưa hồn mình ra ngoài vũ trụ nơi khí tượng bốc

ngùn muôn tinh túõ, nơi có đấng hằng Sống, hằng Ngự trị, nhạc thiêng liêng dồn trổi khắp hư linh nơi Trời hạo nhiên với nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm... công trình châu báu của Đấng Vô thỉ Vô chung. Nhà thơ còn muốn đưa hồn mình lên cao nữa, quá thinh gian tới chốn chiêm baõ tìm mộng tràn trề, tìm tình thơm tho cho ngấn lệ còn nguyên không lăn dài trên gò má đau khổ, bi ai. Nhà thơ đã từng kể "Từ sự thực đi tới bào ảnh từ bào ảnh đi tới huiyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. *Mông lung đã trùm lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết..." Ở khung cảnh ngoài vũ trụ ấy, và chốn chiêm bao ấy, Hàn Mặc Tử ước mong hồn mình đầu đội mũ triều thiên, và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng:*

*...Hồn hỡi hồn, lên nữa, quá thinh gian.*
*Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.*
*Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ức.*
*Tình thơm tho như ngấn lệ còn nguyên.*

*Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên,*
*Ca những điệu ngọc vàng cao sang sảng*
*Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.*
*Lời văng xa truyền nhiễm đến vô song.*
*Bầu hạo nhiên lồng lộng một màu trong,*
*Không rung động bởi tơ huyền náo nức...*

**Ngoài Vũ Trụ**

Không chỉ hồn là bộ phận vô hình linh thể của bản thân nhà thơ Hàn Mặc Tử, trăng trong thi phẩm *Máu Cuồng và Hồn Điên* cũng không phải là một thực thể khách quan mà là một yếu tố chủ quan thuộc tâm linh của nhà thơ. Cả trong thời kỳ trước năm 1936, khi chưa mắc chứng bệnh nan y, nhà thơ Hàn Mặc Tử cùng chị Như Lễ "*Chơi Giữa Mùa Trăng*", chính Hàn Mặc Tử cũng đã có kinh nghiệm về ánh sáng trăng' ngợp quá,

sáng quá, hứng trí làm sao? Nhà thơ không biết được cảnh sáng trăng là thực hay là nước Nhược non Bồng, động phủ thần tiên ngàn xưa còn sót lại.*"mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương phật nữa... Và không những bằng kinh nghiệm của thị quan, nhà thơ Hàn Mặc Tử cũng có kinh nghiệm về trăng qua khứu giác và thính giác"ánh sáng kỳ ảo, thơm thơm... có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lả tả.. Nghĩa là Hàn Mặc Tử đã có kinh nghiệm về trăng qua cả hồn mình, hồn thi sĩ.* Kíp đến khi nhà thơ mắc chứng nan y, trong suốt thi phẩm *Máu Cuồng Và Hồn Điên*, ta có thể nhận ra rằng trăng và hồn xuất hiện tràn lan, dày đặc, đan kết, quấn quit vào nhau, có khi thì hồn mớm cho người thơ nguồn ánh sáng cho sặc sụa cả mùi trăng, cho tràn lan sảy ngợp hơn vàng, có khi thì trăng thâm nhập tràn trề dồn lên tới ngực để cho trăng và hồn, hồn và trăng lặng yên thổn thức rồi bay lên nghiêng ngả giữa muôn hình:

*Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng*
*Tôi chết giả và no nê vô vạn*
*Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng*
*Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng...*

*Tôi dìm hồn tôi xuống một vũng trăng êm*
*Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực*
*Hai chúng tôi lặng yên trong thổn thức*
*Rồi bay lên cho tới một hành tinh*
*Cùng ngả nghiêng lăn lộn giữa muôn hình.*

**Hồn Là Ai**

Trăng và Hồn trong *Máu Cuồng Và Hồn Điên* đều được mô tả, trình bày, khắc hoạ dưới hình thức hư linh, với ngôn từ rất mực táo bạo, phô ra hết những máu tim , da thịt, cân não của thân xác và thần phách của linh hồn. Trăng thì ánh sáng lung linh, hương vị thơm tho, âm thanh huyền ảo. Hồn thì ma quái đùa

cợt, là linh hồn thi sĩ đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng. *Hồn Là Ai* là nhan đề của một bài thơ và cũng là một câu hỏi đặt ra với kiếp nhân sinh luôn luôn thao thức tới vấn đề hữu thể và hư vô làm hao tốn thời gian và sinh lực của những nhà trí thức, đặc biệt là những triết gia, những vị tu hành chủ trương những tôn giáo lớn của nhân loại làm nảy sinh ra nhiều khuynh hướng ý tưởng phức tạp duy tâm, duy linh, duy vật.... Đối với nhà thơ Hàn Mặc Tử , có khi đó là một câu hỏi không có giải đáp:

*Hồn là ai là ai? Tôi không biết*
*Hồn theo tôi như muốn cợt tôi chơi...*

Hồn chính là phần nửa bản thân, phần vô hình nhưng rất mực tinh khôn của tôi. Tôi không chỉ là phần thân xác hữu hình cụ thể mà còn có cả phần hồn, linh hồn vô hình trừu tượng, phần linh thể thiêng liêng. Không quan tâm đến các triết phái, hầu như ai thông thường cũng nhận ra rằng hồn chính là tôi, không có hồn thì không có tôi. *Hồn Là Ai* là một câu hỏi nghe như ngớ ngẩn nhưng lại chính là một câu hỏi của người tỉnh thức Hàn Mặc Tử sau cơn mê sảng, nom thấy hồn lìa khỏi xác xuất du vào thế giới hư lãng chơi vơi trong khí hậu chín tầng mây. Chính nhà thơ Hàn Mặc Tử, trong cơn đau nhức nhối cả châu thân và cái chết đang gần kề trong gang tấc, vẫn thản nhiên, bình tỉnh viết thư cho nhà thơ Bích Khê ở Quảng Ngãi bằng những lời chân thành mà rất thê thảm : *Bích Khê anh ơi! Anh có đau khổ lắm không? Bao giờ thì chết? Và còn lâu hay đã gần rồi? Tôi cũng đang chết đây, nhưng vẫn thản nhiên lắm. Tôi mong anh sống đã, sống để đọc tập thơ điên Đau Thương của tôi trước khi chết.* Trần Thanh Mại. Hàn Mặc Tử trg.95. Xuân Thu. Không ghi năm).

Con người lành mạnh thường sống vong thân nên không hề có vấn nạn về hồn hay xác vì xác và hồn là một, hồn nhập thể vào xác tạo nên sinh khí toàn bộ nên dù tỉnh thức vẫn không

phân biệt và cũng không thể phân biệt. Kịp đến khi đau đớn đến độ tan rã, sự sống không còn nán lại được bao lâu, cái chết không những ám ảnh thường xuyên trong tâm trí mà có lúc như từng bước từng bước đến gần với bệnh nhân, chiếm một phần trong cơ thể hữu hình và tâm trí vô hình của bệnh nhân, tự nhiên con người phản tỉnh về thân mạng và đặt vấn đề xác hồn một cách đau thương bi đát.. Cách đặt vấn đề này thật rất xa khác với cách của các nhà triết học và tôn giáo tìm về đối tượng nghiên cứu hay phương thức giải thoát, tìm hiểu linh hồn và thể xác với một thái độ khách quan như các nhà khoa học tìm khám phá hiện tượng trời đất, thế giới sự vật trong vũ trụ...

Đành rằng, có nhiều nhà tôn giáo đạt đạo, trong những lúc định, thần trí sáng suốt, huệ có thể nhận rõ thân tướng, linh hồn và thể xác, nhưng đó cũng là những nhận định có tính chất siêu thoát của kẻ tu hành mà người phàm tục dù hiểu rõ cũng khó có kinh nghiệm của chính bản thân:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô*
*Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô*
*Nhiệm vận thịnh suy vô bố uý*
*Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*
**Vạn Hạnh Thiền Sư- Thị Đệ Tử**

*(Thân như bóng chớp có rồi không*
*Cây cối xuân tươi, thu não nùng*
*Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hải*
*Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông.)*
**Ngô Tất Tố dịch**

Có thi sĩ nói đến cái chết như Huy Cận:
*Ai chết đó nhạc sầu chi lắm thế*
và cái chết là phút giây tận cùng của số phận tha nhân, hay Chế Lan Viên :

*Trong những lúc còn xa xôi cõi chết,*
*Cứ khóc đi những cảnh ở chân trời...,*

cái chết vẫn còn là ý tưởng phóng ngoại của con người lành mạnh dựa trên kinh nghiệm của tha nhân, vì chính bản thân của cá nhân mỗi người không ai có thể có kinh nghiệm trực tiếp về cái chết, trừ một số rất ít người chết đi rồi sống lại... Trường hợp T.T.Kh. trong câu thơ:

*Đâu biết lần đi một lỡ làng,*
*Dưới trời đau khổ chết yêu đương,*

cái chết là nỗi đau khổ phải chấm dứt cuộc tình, chấm dứt yêu đương...

Các nhà văn, nhà thơ Tây phương cũng thường nói đến cái chết như J.L.McCreery cho rằng: Chẳng có cái chết! *Những vì sao lặn xuống để rồi lại mọc lên ở vài bãi biển sáng ngời hơn (There is no death!* The stars go down to rise upon some fairer shore), hay Young cho rằng Chết chỉ chôn vùi thể xác, sống mới chôn vùi linh hồn (Death but entombe the body, life the soul. Thanh Văn Nguyễn Duy Nhường. Tư Tưởng Tây Phương, trg 192. Khai Trí 1966)... Các tư tưởng trên đây vẫn nhuốm màu sắc triết lý khi con người phóng ngoại tìm về ý nghĩa của sống và chết, cái thể xác và linh hồn, hữu thể và hư vô...

Thiền sư Giác Hải cũng đã nói sống chết với vũ trụ cũng như hoa bướm với mùa xuân. Khi mùa xuân đến thì hoa sẽ đua nở, bướm sẽ bay ra. Hoa nở hay tàn, bướm đi hay ở bao giờ cũng đúng kỳ. Nhưng hoa với bướm chẳng qua là cảnh huyễn giả, chớ nên để bụng làm chi. Sự sống chết của đời người cũng vậy, còn nghiệp duyên thì sống, hết nghiệp duyên thì chết, chết hay sống đều không phải là thực tướng của vũ trụ, không nên cho là chuyện quan hệ:

*Xuân lai hoa điệp cộng tri thì*
*Hoa điệp ưng tu cộng ứng kỳ*

*Hoa điệp bản lai giai thị huyễn*
*Mạc tu hoa điệp hướng tâm tri.*
**Giác Hải Thiền Sư-Thị Vật**

*(Xuân sang hoa bướm khéo quen thì*
*Bướm liệng, hoa cười vẫn đúng kỳ*
*Nên biết bướm hoa đều huyễn ảo*
*Thây hoa mặc bướm để lòng chi)*
**Ngô Tất Tố dịch**

Thi sĩ Bích Khê đang bị lao phổi trầm trọng, nằm ở Thu Xà chờ cái chết từng bước đến mang về cõi huỷ diệt. Nhà thơ Hàn Mặc Tử bị bệnh phung đang tự cô lập mình ở Gò Bồi chờ đợi phút vĩnh biệt mẹ, chị em và bằng hữu... Vì vậy, Bích Khê và Hàn Mặc Tử nói về cái chết là nói đến trạng thái của bản thân, thực chất của của sự sống mong manh đang hằng giờ hằng phút đối diện với những chứng nan y hiểm nghèo, khác với các nhà thơ nhà văn nói đến sống chết với thái độ khách quan hoặc mang ý nghĩa tha nhân hoặc hàm chứa ý nghĩa sự việc, nỗi niềm, và càng khác với các thiền sư nói đến sống chết với thái độ của kẻ tu hành đạt đạo.

Cơn đau phổi nhức ran trong lồng ngực, hơi thở đang như tắc nghẽn trong khí quản, những ưu phiền, sầu hận nặng trĩu cả châu thân, nhà thơ Bích Khê đang như muốn linh hồn ưu phiền sầu hận của mình mặc lòng thoát ly, trôi giạt cõi xa mơ. Đây là một ước mong có tính cách tuyệt vọng, là một đau khổ tan nát của số phận làm người với đầy đủ, trọn vẹn ý nghĩa thể xác và tâm linh:

*Lắng cô liêu xuống tận vạn hồn đau*
*Muôn ưu phiền đầy đặc ứ trong đầu*
*Muôn sầu hận xây mồ ngay giữa phổi*
*Tôi ngây ngất trong bể lòng sôi nổi*
*Để hôn mê trôi giạt cõi xa mơ*
**Bích Khê-Đôi Mắt**

Hàn Mặc Tử, trong cơn đau đớn da thịt, nhức nhối xương gân đến tê điếng, thần trí điên cuồng đến mê sảng đã chứng kiến hồn lìa khỏi xác. Nhà thơ đã ghi lại trạng thái hồn thoát xác trong những bài thơ *Hồn Lìa Khỏi Xác, Hồn Là Ai, Biển Hồn Ta, Hãy Nhập Hồn Em, Trút Linh Hồn*... Trần Thanh Mại cũng cho rằng sự xuất ngoại hoài hoài của hồn ấy, ta nên nhận là một điều có thực, chứ không phải do trí tưởng tượng của thi sĩ bịa ra. *Thi sĩ chỉ ghi chép trạng thái của mọi sự vật mà người trông thấy hay cảm biết. (Sđd.* Trg.71). Ngoài những triệu chứng kỳ lạ, cảm giác ghê gớm mà nhà thơ Hàn Mặc Tử đã trải qua hằng đêm như trường hợp người hủi thành A-ốc trong truyện của Xavier de Maistre, Trần Thanh Mại đã nghĩ rằng vì sống trên giang sơn cũ của Chiêm Thành, những câu chuyện kể về hồn người bỏ xác đi kiếm ăn của người Hời có thể đã ảnh hưởng đến tâm trí yếu đuối vì bệnh hoạn đến lúc mê sảng mà hoá ra sự thật, và kết luận sự thấy hồn lìa khỏi xác mà đi chơi là chuyện hằng đêm của Hàn Mặc Tử. Sau đây là bài thơ *Hồn Lìa Khỏi Xác*:

*Há miệng cho hồn văng lên muôn trượng,*
*Chơi vơi trong khí hậu chín từng mây.*
*Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng ,*
*Trời thiêng liêng cao cả gợi nồng say...*

*Vì không giới, nơi trầm hương vắng lặng,*
*Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao,*
*Sóng gió nổi rung rùng như địa chấn,*
*Và muôn ngàn hồn phách ngả lao đao.*

Hồn là phần tinh hoa của con người và cư ngụ trong cơ thể con người. Hàn Mặc Tử lại tin tưởng rằng hồn thoát ra khỏi xác theo cửa miệng và bay lên cõi không giới thiêng liêng:

*Ta khạc hồn ra ngoài cửa miệng,*
*Cho bay lên hí hửng với ngàn khơi...*

**Say Trăng**

*Hả miệng cho hồn văng lên muôn trượng,*
*Chơi vơi trong khí hậu chín từng mây...*

Hồn ra khỏi miệng, thoát khỏi thân xác của sắc giới, bay lên vùn vụt tới trăng sao của thế giới hư vô không hình hài hương sắc thanh âm, và trong cảnh giới vô thanh hương hình sắc này, hồn hoà với ánh sáng lạ tan và hư lãng, nhập vào thiêng liêng làm cho trời thêm cao cả nồng say. Khi xưa, hồn vốn ở trên trời. Sau bao nhiêu kiếp làm người, hồn trở về thượng giới, và những vang bóng, những dư âm của muôn xưa tìm theo hồn ám ảnh. Hồn đã trải qua muôn kiếp luân hồi đang lạc lõng chờ đầu thai kiếp khác vì chưa đạt đến cõi vô sinh:

*Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh,*
*Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu?*
*Và vướng phải muôn vàn tinh khí lạnh,*
*Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.*

*Rồi sảng sốt bay tìm muôn tử khí,*
*Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ.*
*Hồn cảm thấy bùi ngùi như rớm lệ,*
*Thôi hồn ơi, phiêu lạc đến bao giờ!*

Tình ý của tác giả trong hai câu thơ:
*Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh,*
*Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu?*

chịu ảnh hưởng tư tưởng Thiên Chúa Giáo hay tư tưởng Phật Giáo, hay cả hai tư tưởng đang hoà hợp kỳ diệu vào tư tưởng của dân tộc Việt Nam trong tín ngưỡng truyền thống từ nghìn xưa.

Dù sao, trong phút giây đầu hồn lìa khỏi xác, hồn không khỏi cảm thấy trơ vơ, phiêu lạc và bùi ngùi trong cảnh ly biệt với tử thi. Những mẫu chuyện ma quỷ, cô hồn trong truyện kể dân gian, những câu thơ trong *Chiêu Hồn Ca* của thi hào Nguyễn Du, những bài văn tế của Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đình Chiểu, những nghi thức chiêu hồn nhập xác trong tín ngưỡng dân gian... như đã ngấm ngầm tác động thêm hồn thơ Hàn Mặc Tử làm phát sinh những thi tứ về linh hồn và tử thi nặng nề âm khí, tràn ngập ý nghĩa siêu hình:

*Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan rã,*
*Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa.*
*Hồn mất xác, hồn sẽ cười nghiêng ngả,*
*Và kêu rên thảm thiết khắp bao la...*

Hồn còn quyến luyến xác, nhưng hồn là thiêng liêng không hề bị huỷ diệt, và xác là vật chất cụ thể nên sẽ bị tàn phá rã tan. Chỉ đến ngày tận thế, vũ trụ trời đất tán loạn biến thành khối tinh vân lúc khởi thuỷ, lúc tiên thiên chưa hoá thành hậu thiên, lúc hình nhi thượng chưa xác lập được hình nhi hạ, không phân biệt hữu hình, vô hình, sắc giới, vô sắc giới thì hồn và xác mới hoàn nguyên nhất thể:

*Ôi hồn thiêng liêng không hề chết đặng,*
*Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên.*
*Ngày tận thế là ngày tán loạn,*
*Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.*

Thân xác của Hàn Mặc Tử là một cơ thể bệnh hoạn, một khối vật chất đang bị tàn phá. Linh hồn của Hàn Mặc Tử phải chịu đau thương khổ luỵ. Khạc hồn ra khỏi miệng, Hàn Mặc Tử muốn cho hồn thư thái thênh thang, nhưng hồn đi rồi , than xác nhà thơ lại trơ vơ, lạnh lẽo, thê lương:

*Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng,*
*Để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương.*
*Nhưng khốn nỗi xác ta đành câm tiếng,*
*Hồn đi rồi, không nhập xác thê lương.*

Hồn là ai mà xác không hồn thì xác phải thê lương. Xác là tử thi nặng nề âm khí, nhưng hồn nhập xác thì xác ý thức được tất cả đau đớn thể xác, tan nát hình hài. Cái ý thức ấy chính hồn đã mang lại cho xác, tạo cho ra xác để trong cơn đau đớn, rụng rời, cuồng điên, nhà thơ đã nghĩ chính cái sinh hồn, giác hồn và linh hồn là nguồn gốc của sự cảm biết, nhận thức và cả nỗi đau đớn cuồng điên. Hồn chính là nguồn gốc của tri giác và cả kết quả của tri giác, là bản thể mà cũng là hiện tượng:

*Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiến*
*Thịt da tôi sượng sần và tê điếng*
*Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên...*

**Hồn Là Ai**

Có sinh hồn nên có sống chết, có giác hồn nên biết đau đớn da thịt, nhức nhối xương gân, và có linh hồn, là phần tinh hoa làm cho loài người trổi vượt lên trên các loài thực vật và động vật khác, nên con người ý thức rõ tất cả, từ cái rã rời của cốt nhục đến cái khổ đau của tuổi mộng, tình yêu và thân phận mong manh bé bỏng trong không thời. Dù cho Hàn Mặc Tử đã thấu hiểu lý lẽ duyên hợp, duyên tan, sống gửi thác về, thân phân lưu đày để chuộc tội tổ tông, nhưng nhà thơ, và tất cả nhân sinh dưới ánh mặt trời vẫn tiếc nuối khôn nguôi trong giờ hấp hối, sắp trút linh hồn.

Cuộc sống nhân sinh dù khổ đau đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng, con người ở muôn nơi và từ muôn thuở vẫn luôn luôn níu kéo cuộc đời, xem trọng sự sống, trìu mến vẻ xa hoa của số

phận. Nói rằng xa hoa vì không phải cần thiết, là luxury chứ không phải necessity. Trên hành trình số phận của con người, những đau thương sầu khổ do hoàn cảnh bất ưng, những thất bại tuyệt vọng do tham dục, ở góc cạnh nào đó vẫn có ý nghĩa là một vẻ đẹp. Trong bài thơ *Ngập Ngừng* ở thi phẩm *Quê Ngoại*, Hồ Dzếnh đã viết:

*Tình mất vui khi đã vẹn câu thề,*
*Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở...*

Cùng một ý tưởng ấy, Ausone de Chancel đã nói: Chúng ta đến và chúng ta khóc, đó là đời sống; Chúng ta ngáp dài và chúng ta đi, đó là cuộc chết. (We come and we cry, and that is life; We yawn and we depart, and that is death) không phải đã xác nhận cái vẻ đẹp xa hoa của những sầu thương đau khổ đó sao? Giờ hấp hối, phút giây trút linh hồn là thảm thương vậy:

*Ta còn trìu mến biết bao người,*
*Vẻ đẹp xa hoa của một thời*
*Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng,*
*Ôi, giờ hấp hối sắp chia phôi!*

**Trút Linh Hồn**

Linh hồn trong các bài thơ *Hồn Lìa Khỏi Xác, Hồn Là Ai, Trút Linh Hồn, Biển Hồn Ta, Rướm Máu* là linh hồn của nhà thơ Hàn Mặc Tử đau khổ khôn nguôi, sầu thương vô hạn. Những đau khổ sầu thương ấy bắt nguồn từ thực tại và ý thức hiện hữu nhân sinh tha thiết với sinh tồn trong không gian và thời gian. Thực tại, ý thức và lòng tha thiết với hiện hữu vốn là tính chất cơ hữu của con người trên thế gian, nhưng lại rất đặc biệt khẩn thiết đối với Hàn Mặc Tử do căn bệnh nan y. Kiếp hiện sinh ngắn ngủi sắp mãn, hiện hữu thân xác sẽ bị tan biến trong thời-không, Hàn Mặc Tử mong ước phần tinh hoa của mình là linh hồn sẽ tồn tại với mây gió, cỏ cây, còn lại trong tha nhân, trong người yêu và nhất là trong thơ văn của tác giả:

*Máu đã khô rồi, thơ cũng khô,*
*Tình ta chết yểu tự bao giờ!*
*Từ nay trong gió, trong mây gió*
*Lời thảm thương rền khắp nẻo mơ...*

*Ta trút linh hồn giữ lúc đây*
*Gió sầu vô hạn nuối trong cây.*
*Còn em sao chẳng hay gì cả?*
*Hãy để tang anh đến vạn ngày.*

**Trút Linh Hồn**

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,*
*Mỗi hồn thơ đều dính não cân ta*
*Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,*
*Như mê man chết điếng cả làn da.*

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,*
*Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh.*
*Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết,*
*Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh...*

**Rướm Máu**

Khi linh hồn từ biệt thể xác thì hiện thể thân xác không còn có sinh khí và dần dần sẽ tan rã. Không gian và thời gian số phận con người chỉ còn là vang bóng, tên tuổi, tiếng tăm chỉ còn là dư âm, và vang bóng , dư âm ấy của người quá cố như đã đi vào thế giới kỷ niệm trong cách thế suy tưởng của tha nhân, đặc biệt là thân nhân , bằng hữu...

Bản chất của hồn là hư thể, hư linh ở vô sắc giới và hiện tượng của hồn là sự sống, cảm giác, tri thức nhập thể vào thân xác vật chất hữu thể. Theo tín ngưỡng truyền thống Việt Nam hay các tôn giáo du nhập, lúc hồn lìa khỏi xác đi vào cõi hư ảo siêu thực là lúc thân xác không còn sinh khí, cảm giác, tri thức; thân

xác là tử thi bất động sẽ rã tan trở về đất bụi. Các hình thức cầu nguyện, sám hối hay lễ bí tích rửa tội cho người hấp hối, lễ cầu hồn, cầu siêu cho người quá cố của các tôn giáo, tín ngưỡng đều nhắm vào việc cầu cho linh hồn giải thoát, thảnh thơi ở cõi tiên, cõi trời, cõi Phật.

Với chứng nan y đang dày vò thân xác và tinh thần, nhà thơ Hàn Mặc Tử đang sống trong rên xiết, quằn quại không có hy vọng được bình phục với những phương pháp điều trị Đông y hay Tây y khi bệnh đã đến hồi nguy kịch. Trong cơn tuyệt vọng khốn cùng, cái chết đang gần kề trong gang tấc, nhà thơ đau khổ đang cần một thứ tình yêu cao cả trọng đại, ngưỡng vọng một đức tin thiêng liêng, cầu cứu với tràng hạt mân côi, ơn phù trợ Từ Bi của Chúa Trời và Đức Mẹ ban phép lạ nhiệm mầu cứu vớt sự sống, cứu rỗi linh hồn như Đức Mẹ đã cứu vớt nhà thơ ở bãi bể Qui Nhơn.

Hồn trong bài thơ *Hồn Lìa Khỏi Xác, Hồn Là Ai, Trút Linh Hồn*... chính là hồn hư linh, hồn linh thiêng, linh hồn mà trong những cơn ngất hay xuất thần Hàn Mặc Tử đã nhận biết. Nguyễn Bá Tín đã ghi nhận rằng Hàn Mặc Tử như có khả năng đi vào cõi mộng ảo rồi trở về thực tại dễ dàng như nhiều lần tôi nhận xét anh sau những cơn ngất hay nói là xuất thần... *và ngay cả trong những cơn xuất thần, anh còn phân biệt được những nơi nào có Chúa nơi nào có ma quỷ (Hàn Mặc Tử Trong Riêng Tư*. trg.87-88).

Tóm lại, trăng và hồn trong thơ Hàn Mặc Tử, hay đúng hơn là trong phần *Máu Cuồng* Và *Hồn Điên* của thi phẩm *Đau Thương* của tác giả, vì vậy đã đi vào thế giới siêu thực về cả hai bình diện ý nghĩa và nghệ thuật.

Về ý nghĩa, trăng không còn là một thực tại vật chất toả ánh sáng lung linh huyền diệu gợi nên bao cảm giác dịu dàng, mát

mẻ làm phát sinh những ý tình đẹp đẻ, những ấn tượng thơ mộng... mà trăng, toàn trăng ám ảnh, ánh sáng trăng kỳ lạ, ma quái như yêu tinh biết náo nức, biết ghen tức, giận hờn... Trong tác phẩm Hàn Mặc Tử Thi Sĩ Đồng Trinh, Nguyễn Thuỵ Kha đã cho rằng có lẽ vì sinh vào kỳ rằm Trung Thu nên đời Trí lại gắn bó nhiều với mặt trăng, mang tính khí mặt trăng nhiều hơn. *Nhạy cảm tới mức bệnh hoạn và cảm xúc khác thường... Vì ám ảnh của mặt trăng mà sáng tác thường thê lương, sầu muộn, bi thương...* (Nguyễn Thuỵ Kha. Hàn Mặc Tử Thi Sĩ Đồng Trinh.trg.45. Đà Nẵng 1993). Thật ra, tuy Nguyễn Trọng Trí sinh vào ngày 22.9.1912 nhằm ngày 12 tháng 8 năm Nhâm Tý, ngày 13 tháng 8 là ngày Thu phân, và rằm tháng 8 là Trung Thu, nhưng có lẽ không vì vậy mà bị trăng ám ảnh đến mức bệnh hoạn. Nguyên nhân của trăng ám ảnh có thể là do bệnh phung của nhà thơ và do hình ảnh giai nhân, người tình mà nhà thơ mơ về và ôm ấp trong tâm trí, vì muôn xưa trăng đã là Hằng Nga, một hình ảnh, một ý niệm mỹ nhân tuyệt vời thường xuất hiện trong thần thoại, truyện cổ và thi ca...

*Anh đã đón tình em bay phất phới*
*Như hương trăng đằm thắm cõi không gian.*

**Sáng Láng**

*...Chính giờ này anh đang yêu em thiệt*
*-Em hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.*

**Hãy Nhập Hồn Em**

Hồn khi nhập thể vào thân xác để tạo nên sinh hồn, giác hồn và ý thức con người là lúc hồn hiện thể, hiện diện trong thế giới vật chất hữu hình. Khi hồn thoát ra khỏi xác là lúc hồn trở về cõi hư linh không dấu vết. Trăng ma quái yêu tinh và hồn hư linh không dấu vết đều là những hình ảnh, ý niệm trong thế giới siêu linh, siêu thực.

Về nghệ thuật, nếu mộng là sự thực được nối dài ra do trí tưởng tượng trong cõi tiềm thức của con người thì thế giới hư linh vô sắc của ma quỷ, yêu tinh, linh hồn cũng là sản phẩm của trí tưởng tượng của con người dựa trên thực tế để tiến vào thế giới ảo tưởng, thế giới siêu thực.

Các nhà chủ trương trường phái siêu thực (surrealism) trong văn chương, nghệ thuật thường sử dụng những đề tài kỳ lạ, quái đản, những giấc mộng, những ảo giác, ảo tưởng thuộc tiềm thức trong tác phẩm của họ. Phương thức sáng tạo của văn gia, thi sĩ siêu thực là đặt để những vật quen thuộc vào những tương quan mới mẻ và phi lý để làm nổi bật tính chất thiển cận của những cái nhìn quy ước về thực tại. Quan điểm của các văn gia, thi sĩ siêu thực được thể hiện trong cách thế cố gắng hợp nhất cái thực (the real) và cái phi lý (the irrational) vào trong một loại thực thể mà André Breton, người sáng lập trường phái siêu thực, gọi là siêu thực thể (surreality). Trong văn học Pháp, những nhà văn, nhà thơ báo hiệu trường phái siêu thực là Baudelaire của phong trào lãng mạn, Rimbaud và Mallarmé của trường phái tượng trưng, và về sau là Guillaume Apollinaire...

Trần Thanh Mại cho rằng thi sĩ vì qúa say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trần mới chiếm, nên quên mất đường lối trở về, con đường còn dính líu với người thế gian. Nguyễn Bá Tín cũng cho rằng trong quá trình tập thơ *Đau Thương*, anh đi từ tình tứ say sưa đến đắng cay cuồng loạn để rồi tan biến vào một thế giới mông lung. *(Hàn Mặc Tử Trong Riêng Tư. trg.87-88).*

Khác với các văn gia, thi sĩ siêu thực tự tạo cho mình một thế giới siêu thực bằng đề tài, ngôn từ, hình ảnh... kết hợp cái thực với phi lý vào cái siêu thực thể (surreality), Hàn Mặc Tử, trong cơn đau tê điếng, điên cuồng, đã ngất đi, linh hồn thoát khỏi

thể xác nhập vào thế giới mông lung, xuất thế gian có thể là một sự thực như Trần Thanh Mại và Nguyễn Bá Tín nhận xét. Do đó, thế giới siêu thực của Hàn Mặc Tử là một cảnh giới mà nhà thơ đã có kinh nghiệm trong lúc xuất thần.

Cũng chính vì những kinh nghiệm xuất thần thấy hồn bay vút đến cõi trăng sao và phân biệt được những nơi nào có Chúa, nơi nào có ma quỷ, nên, vốn là một tín hữu rất sùng đạo Thiên Chúa, Hàn Mặc Tử đã một lòng hướng đến đức tin cao trọng với Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Maria. Theo Nguyễn Bá Tín, những hiện tượng kỳ lạ mà Hàn Mặc Tử đã gặp và cảm nhận trong lúc xuất hồn không có gì trái với đức tin của nhà thơ. Cứ theo những chuyện Hàn Mặc Tử kể lại cho Bá Tín và bằng hữu thì nơi nào tối tăm là có ma quỷ, nơi nào có ánh sáng, có nhạc, có hương là nơi đó có Thiên Chúa. *Nhà thơ còn ước mơ được đội mũ triều thiên và tắm gội trong nguồn ánh sáng thiêng liêng ngào ngạt hương thơm và chan hoà nhạc điệu ấy (Hàn Mặc Tử Trong Riêng Tư.* trg. 89).

Nếu hiện tượng xuất thần có nguồn gốc chính yếu ở bệnh hoạn thì sự cầu nguyện và đức tin của nhà thơ cũng không phải chỉ đơn giản ở tâm lòng mộ đạo của người tín hữu mà còn xuất phát từ tâm trạng tuyệt vọng của chính bản thân trong việc cứu chữa bệnh phung, bảo toàn tính mạng. Nhà thơ đã mong ước Đức Mẹ làm phép lạ cứu vớt sự sống của mình một lần nữa. Nguyễn Bá Tín thấy anh mình thiệt tâm cầu nguyện mới trao cho anh tập sách nhỏ *Imitation de Jésus Christ* của Linh Mục Lamennais. Hàn Mặc Tử rất vui mừng, và rất hớn hở khi đọc câu Chỉ có Chúa mới biết được thời gian và cách thế giải thoát cho con. *(Dieu seul sait le temps et la manière de vous délivrer),* và từ đó nhà thơ càng cầu nguyện tha thiết hơn: Xin cho con ra khỏi cái thân xác nặng nề hôi hám đang giam hãm con. (Sđd. trg.90-91).

Trong bốn năm mắc bệnh phung ghê gớm, nhất là sau những đau khổ triền miên, tuyệt vọng bi đát trong việc chữa trị, những suy niệm về thể xác, linh hồn, về cứu rỗi, giải thoát đã đúc kết thành một mơ ước duy nhất, chân thành nhất là được giải thoát. Mơ ước này đã đưa tư tưởng, tình cảm và hồn thơ của thi sĩ đến một thế giới mới, chân trời mới rất xa khác với thế giới bế tắc của Đau Thương, chân trời tăm tối của *Máu Cuồng Và Hồn Điên*. Giác ngộ được lẽ sinh tồn, nhà thơ đã đến cảnh giới *Xuân Như Ý, Thượng Thanh Khí.*

**Hồ Đình Chữ**
(Trích Tác phẩm
*Hàn Mặc Tử - Thơ Văn Và Cuộc Đời)*

NHỚ TÌM ĐỌC TRONG NĂM 2007
các số DÒNG VIỆT đã xuất bản, hiện còn rất ít :

Số 2,- Tuyển-tập Ngôn-ngữ và Văn-học V.N. - 2 tập - $16.00

Số 3.- Chữ nghĩa tiếng Việt .- $ 12,00

Số 8.- Đại-học Sư-phạm Huế ,- (Tập 1) .- $ 12.00

Số 9.- Đại-học Văn-khoa Saigon .-( Tập 3) .- $12,00

Số 10.- Đại-học Sư-phạm Huế ,- (Tập 2) .- $ 12,00

Số 14,- Kỳ-niệm 300 năm Cố-đô Huế .- (Tập 3).- $12.00

Số 15.- Vua Quang-Trung Nguyễn Huệ .- $ 12.00

Số 16,- Tuyển-tập phê-bình Đoạn-Trường Tân-thanh
(Tập 2) .- $12.00

Số 17.- Cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt .- $ 12.00

Số 18.- Tuyền-tâp phê-bình Đ.T.T.T.(Tập 3) .- $12.00

Số 19.- Văn-học Nam-kỳ Lục tỉnh .- (Tập 1) .- $12,00

Số 20.- Văn-học Nam-kỳ Lục Tỉnh .- (Tập 2) .- $ 12.00

Số 21,- Hàn Mạc Tử, thi-nhân Bình-Định .- $ 12,00

Tiền cước-phí mỗi quyển là $ 1.50

Thư từ, chi-phiếu xin đề : SEACAEF
17212 Blue Fox Circle.-Huntington Beach, CA 92647 .-(USA)
Phone : (714) 842-7589 .- E-mail : SEACAEF@socal.rr.com.

# THI ẢNH KHẨU CẢM TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

***Bùi xuân Bào***

Bài này nhằm nêu một khía cạnh đặc biệt của những hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử: những hình ảnh liên quan đến khẩu cảm. Những hình ảnh này rất nhiều, rất phong phú và được tác giả dùng về mọi đề tài, từ trăng, mộng, đến thi hứng, sáng tạo và Thượng Đế.

Điều ấy không có gì làm cho chúng ta ngạc nhiên. Miệng là cơ quan của vị giác, cơ quan để ăn uống và nuôi thể xác, nhưng cũng là cơ quan của lời nói. Trong lúc sáng tạo, thi sĩ vận dụng trong tiềm thức lưỡi và miệng. Riêng trong thơ Hàn Mặc Tử những cảm giác của miệng và lưỡi chiếm một địa vị đặc biệt.

*

*     *

Hàn Mặc Tử ít khi trực tiếp nói đến miệng lưỡi, như trong câu thơ sau đây:

*"Ai cho châu báu cho thanh sắc*
*Miệng lưỡi khô khan hết cả thèm"(1)*

Những hình ảnh về vị giác cũng rất hiếm, ngoại trừ những thành ngữ như mùi cay đắng đã mất từ lâu tính cách của một thi ảnh để trở thành một sáo ngữ. Riêng vị giác ngọt, thi sĩ đã nói đến nhiều lần, nhất là để tả cảm giác về mùa xuân, do sự giao cảm giữa khứu giác và vị giác:

"Vì chưng xuân là lương thực ngon ngọt mỹ vì, ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê li, tuổi xuân là NGỌC NHƯ Ý, tên xuân là DẠ LAN HƯƠNG.(2)

*"Trầm ngán nghê bay trong lãnh cung*
*Xuân thơm bối rối ngọt vô cùng" (3)*

Mỹ vì cũng được dùng trong một đoạn thơ khác, cũng liên hệ đến mùa xuân, nhưng lần này kết hợp với xúc giác :

*"Hơi xuân ấm mỹ vì hơn dạ yến*
*Ta đem ươm trong ý vị đêm nay" (4)*

Lúc còn nhỏ, dạo thuyền với một người chị để thưởng thức trăng rằm một đêm thu. Hàn Mặc Tử có cảm giác khoái lạc vô cùng :

*Sao đêm nay kiều diễm như một bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê cả lưỡi và hàm răng. (5)*

Khi tả sự đau khổ vì ái tình, thi sĩ lại dùng những hình ảnh có tính cách vật chất hơn về sự thèm khác ăn uống :

*"Trời hỡi! Nhờ ai cho khỏi đói?*
*Gió trăng có sẵn, làm sao ăn?*
*Làm sao giết được người trong mộng*
*Để trả thù duyên kiếp phụ phàng?" (6)*

Trong thơ văn Á Đông, từ Lý Thái Bạch đến Vũ Hoàng Chương, rượu và thơ thường đi đôi với nhau. Thơ của Hàn Mặc Tử không ngoài thông lệ đó :

*Nhạc dường say và rượu vẫn còn thơm (7)*
*"A, ha ha, say sưa chê chán đã*
*Ta là ta hay không phải là ta" ( 8)*

Có lúc, Hàn Mặc Tử cho rằng vạn vật cũng choáng váng hơi men:

*"Cho trăng xuân tràn trề say chới với" (9)*

Điều này chẳng có gì là đặc biệt, vì do sự ứng chuyển cảm giác từ thi nhân đến thiên nhiên, thường thấy trong văn thơ xưa nay. Nhưng khi thi sĩ tả sự say sưa của trời đất, hay của chính mình, thì hay dùng những động từ hình dung sự cử động của môi và miệng lúc uống rượu như nhấp, hớp:

*"Đêm nay lại giống đêm nào,*
*Nhấp xong chung rượu buồn vào tận gan" (10)*
*"Trời như hớp phải men ngan ngát*
*Đắm muôn ngôi tinh lạc xuống mười phương" (11)*

Tửu hứng lại là một nguồn thơ rấy mạnh kết hợp với đau thương. Ở đây chúng ta bước vào thế giới mãnh liệt của Hàn Mặc Tử. Trong bài *Đàn Ngọc* "nàng" (12) cần phải say sưa tột độ để nảy ra những tiếng đàn đê mê thống thiết :

*"Nốc đi cho làn phấn điểm màu say*
*Cho rúng động toàn thân người rớm khóc"*
*"Rồi muôn xuân đã nư chiều thổn thức*
*Đều rung lên như thể tắm hồn mơ.*
*Ai gieo chi thương tiếc giữa đường tơ*
*Cho lỡ dở vang lên từng tiếng nấc" (13)*

Các hình ảnh ở đây có một động lực hai chiều: Rượu đưa nguồn cảm hứng vào tâm hồn, và những nguồn nhạc tuôn trào từ tay nhạc sĩ (14). Ở đây chúng ta nhận thấy rằng những hình ảnh của Hàn Mặc Tử có tính cách dịch thể (images liquides) kết hợp với nhau thành một hệ thống, thành một mạng nhện hình ảnh (réseau d'images) theo một biện chứng pháp của trí tưởng tượng (15):

*"Ai nỡ nào cắt nghĩa tới hàng mi*
*Là ứ lại là trào ra nước mắt" (16)*

Nhạc đã chảy tràn một khi rượu đã thấm nhuần con người của nhạc sĩ cũng như đau khổ đã ứ lại và trào ra nước mắt: Và sau khi thôi thúc uống nhiều nữa:

*"Hãy uống đi cốc rượu ngấm đầy hơi*
*Chan chứa vị nồng cay đêm hợp cẩn (17)*

Thi sĩ lại van lơn nhạc sĩ dừng tay:

*"Hay khoan tay cầm lại trí tương tư*
*Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư*
*Đang lướt mướt ở trong màu hoa lệ" (18)*

Để thấy rõ tiết điệu nhị phân hay nhịp đôi (rythme binaire) của thi ảnh của Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể so sánh bài thơ Đàn ngọc của Hàn Mặc Tử với bài Dựng của Vũ Hoàng Chương cũng khai triển đề tài tương tự : nhạc và say

*"Đàn rưng rưng lệ phách dồn mưa*
*Tiếng hát tàn rơi hận thưở xưa*
*Bụi nhuốm Thiên thai nhoà hứng rượu*
*Đời sau say giúp mấy cho vừa*
*Cô đơn men đắng sầu trăng bến*
*Đất trích Tầm Dương quạnh tiễn đưa*
*Nhịp đổ càng mau nghe ríu rít*
*Tê rời tay ngọc lúc buông thưa"(19)*

Trong Vũ Hoàng Chương nhạc và say hoà hợp với nhau từ đầu đến cuối bài thơ, chứ không tách rời nhau để cấu tạo nhịp đôi của thi ảnh.

Trong những bài thơ đặc biệt nhất của Hàn Mặc Tử, chúng ta cũng thấy lại nhịp đôi của hình ảnh như đã nêu trên. Trong bài mở đầu tập Thơ Hàn Mặc Tử tác giả cũng diễn tả bản chất của thi nhân đón nhận tinh hoa của vũ trụ để đưa tất cả linh hồn vào khúc nhạc:

*"Gió phương mô đẩy đưa Người đến bờ xa lạ, đầy trinh tiết và đầy thanh sắc. Người dừng lại để hái lá tinh hoa. Người nín lặng để mà nghe tiếng trăng reo vang như tiếng châu báu vỡ lở. À ra người cũng dại dột hốt vàng rơi trong vạt áo".*

*- "Tôi làm thơ?*

*"Nghĩa là tôi nhấn* mạnh *một cung đàn,* bấm *một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng.*

*"Anh sẽ thấy hơi đàn lả lướt theo hơi thở của hồn tôi và chìu theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển chuyển*

*"Anh sẽ rung theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai âm rền rĩ nuối không ngưng"*(20)

Đối với Hàn Mặc Tử, thi hứng có nghĩa là thi sĩ nhận một luồng cảm hứng từ ngoại giới vào thể xác và tâm hồn, và sau đó thi sĩ biến chất luồng cảm hứng đó thành lời thơ. Tin vào Thượng Đế, Hàn Mặc Tử cho rằng thi sĩ thuộc vào một "loài" đặc biệt, khác hẳn với "loài người". Thi sĩ phải biết tận hưởng tạo vật để đưa lời thơ đến nhân loại

*"Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mạng thiêng liêng: phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của người, và trút vào linh hồn người ta, những nguồn khoái lạc đê mê, nhưng rất thơm tho, rất tinh sạch*(21).

Một thi sĩ Tây phương, Paul Claudel, cũng là một nhà thơ công giáo, quan niệm thi hứng gần như thế, khi ông tả một cách thiết thực hơn nguồn cảm hứng của thi nhân:

" Hình như là ở bên ngoài đột nhiên có một hơi thở thổi vào tiềm năng để rút ra ánh sáng và hiệu lực, có thể nói là khơi mào khả năng ngôn ngữ của chúng ta"(22)

oOo

Khai triển hai đề tài quan trọng và cao thượng nhất của chính mình cũng như của thi ca nhân loại. Hàn Mặc Tử dùng những hình ảnh liên hệ đến sự ăn, ăn để nuôi sống linh hồn và duy trì sinh lực của nguồn thơ.

Như một đứa bé đói bụng thèm ăn, Hàn Mặc Tử đòi hỏi một nguồn thi hứng được đưa vào rất nhiều và rất lanh chóng để thi sĩ có thể thốt ra những lời thơ "cao sang" và sáng láng.

Trong thơ Hàn Mặc Tử sáng trăng nhiều lần gợi cảm hứng, nhưng nguồn cảm hứng sâu xa nhất là Thượng Đế đã tạo dựng vũ trụ và con người, cho nên trăng kết hợp với ơn của Thượng Đế :

"Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây. Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

"Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chan vô vàn phước lộc"(23)

Các thi sĩ thường tìm nguồn thơ trong thiên nhiên đầy hương sắc và thanh âm. Hàn Mặc Tử cũng thế, nhưng đi xa hơn: thơ của ông thật sự có vũ trụ tính vì thi sĩ có "Chí muôn sao". Khao khát tuyệt đối và vô biên, ông muốn nuốt cả vũ trụ vào lòng:

"Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải do phép tắc mầu nhiệm của Đấng Vô thỉ Vô chung?"

*Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm.*

*"Đưa ra nào là gió biệt ly, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, bông nhũ hương, niềm mộc dược.*

"Vẫn chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi được chí muôn sao!" (24)

Đó là những gì mà thi sĩ muốn cho vào tâm hồn mình. Để đáp lại lòng thương vô ngần của Thượng Đế, thi sĩ:

*"... Cho ra một dòng thơ rất mát*
*Mới tinh khôi và thanh bạch bằng hương"*
*. .. . . . . . . . . .*
*"Ta há miệng cho nguồn thơ trào vọt*
*Đường thơ bay sáng láng như sao sa"(25)*

Đối với Thánh nữ đồng trinh cũng thế: Maria:
*"Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi"(26)*
và thi sĩ nhận được ơn phước của ngài, lòng thi sĩ "vẫn thấm nhuần ơn trìu mến"(27).

Hưởng được tình thương vô biên của Đức Mẹ, thi sĩ sẵn sàng thốt ra những câu thơ dồi dào và trong sáng:
*"Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ*
*Bút tôi reo như châu ngọc đền vua;*
*Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị....*
*Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,*
*Và trong tay nắm một nạm hào quang,*
*Tôi no rồi, ơn võ lộ hoà chan" (28)*

Trong những bài thơ được trích dẫn trên đây được xem như những bài thơ tiêu biểu nhất cho thi tài của Hàn Mặc Tử, những khẩu cảm được lặp đi lặp lại rất nhiều, và những bài thơ đó lại ca tụng những lý tưởng cao quý nhất của con người : thơ và tôn giáo, làm cho chúng ta có cảm tưởng rằng trong thơ Hàn Mặc Tử đề tài cao thượng bao nhiêu thì những khẩu cảm lại nhiều và mạnh mẽ bấy nhiêu.

Thơ là điều quan trọng nhất đối với Hàn Mặc Tử, Hàn Mặc Tử sống nhờ thơ và vì thơ, nuôi tâm hồn mình bằng thơ và cho rằng sứ mạng độc nhất của ông là làm thơ. Và thơ của ông chảy như "máu vọt"(29) và ông muốn"hồn trào ra đầu bút"(30) một khi dồn chứa đủ chất thơ trong tâm hồn, và dù thơ có "rướm máu" thi sĩ cũng sung sướng lúc làm thơ:

*Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ*
*Của phường trai mê mẩn khí thanh cao*
. . . . . . . . . . . . . .. . .
*Đương cầu xin ọc thơ ra dường sữa*
*Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau (31)*

Đề tài quan trọng nhất trong thơ Hàn Mặc Tử không phải là ái tình, cũng không phải là đau khổ (32) và cũng không phải là Thượng Đế, mà chính là thơ. Ái tình chỉ làm cho Hàn Mặc Tử mơ mộng luyến tiếc và đau khổ. Và dù đau khổ, Hàn Mặc Tử vẩn vui sướng khi sáng tạo. Thượng Đế đối với Hàn Mặc Tử là nguồn thơ thuần tuý và cao thượng nhất và thi sĩ có lúc ước vọng gặt hái một mùa thơ cao siêu hơn cả Thượng Đế:

*"Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo*
*Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian*
*Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân*
*Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế" (33)*

Những gì tươi đẹp nhất trong vũ trụ, quý hoá nhất trong tâm linh, huyền bí nhất trong tôn giáo, Hàn Mặc Tử đều đồng hoá với thơ. Trăng sao vằn vặc, mùa xuân mát dịu và tươi sáng, lòng thương yêu của Chúa Trời và Mẹ Đồng Trinh đều là biến thể của chất thơ man mác:

*"Đây, thi sĩ của đạo quân Thánh giá*
*Nửa Đêm nay vùng dậy để tung hô*
*Để sớt cho cả xuân xuân thiên hạ*
Hương mến yêu là lộc của lời thơ" (34)

Tin Chúa ra đời mà thiên thần Gabriel đưa xuống cho Maria cũng là thơ :

*"Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel*
*Khi Người xuống truyền tin cho Thánh nữ,*
*Người có nghe xôn xao muôn tinh tu Ô?*
*Người có nghe náo động cả muôn hoa ?*

*Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời*
*Để ca tụng - bằng hương hoa sáng láng*
*Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiều rạng*
*Một đêm xuân là rất đổi anh linh" (35)*

Nhưng đồng thời, thơ cũng là một cái gì cụ thể, có thể sờ mó được, có thể nắm được. Nếu Xuân Diệu muốn "quấn riết đôi vai" của người yêu để tránh "xa cách"(36) và muốn "cắn vào xuân hồng"(37) thì Hàn Mặc Tử cần lời thơ và siết nguồn thơ :

*"Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết*
*Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh (38)*
*"Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái,*
Anh cắn lời thơ để máu trào"
.. . . . . . . .
Lời thơ ngậm cứng không rền rĩ
*Mà máu tim anh vọt láng lai" (39)*

Đây thi sĩ nói đến một bài thơ của người yêu mà chàng phải vĩnh biệt. Thi sĩ để cho linh hồn mình theo dõi người trong mộng.

Thám hiểm những vùng thiêng liêng và bí mật nhất của đời sống tinh thần. Hàn Mặc Tử không thể không tự đặt câu hỏi mà xưa nay chưa một người nào giải đáp dứt khoát : Hồn là gì?(40) và cố nhiên. Hàn Mặc Tử chỉ biết đặt câu hỏi mà thôi.

Nhưng nói về hồn, thi sĩ cũng dùng những hình ảnh liên quan đến những tác dụng của miệng :

*"Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng...*
*Tôi chết giả và no nê vô hạn,*
*Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng*
*Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng*
*Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiến" (41)*

oOo

Thật tình không vì một tiên kiến nào trong khi đọc thơ Hàn Mặc Tử, tác giả bài này nhận thấy rằng đa số những thi ảnh đặc biệt của Hàn Mặc Tử, nhất là trong những đề tài độc đáo nhất của ông, là những thi ảnh liên hệ đến khẩu cảm : vũ trụ, tín ngưỡng, tôn giáo và thơ, đều nhuốm màu những hình ảnh ấy.

Những hình ảnh ấy có tính cách động, mãnh liệt, và có một động lực hai chiều (42) và được dùng nhiều nhất trong các đề tài xa với đời sống vật chất và liên hệ mật thiết nhất với đời sống của tâm linh.

Sau khi nhận thấy tầm quan trọng của những thi ảnh khẩu cảm, soạn giả bài này cố gắng thử ứng dụng vào những thi ảnh ấy phương pháp phân tích tiết điệu thi ảnh (43) mà nhà phê bình văn học Gaston Bachelard đã sáng tạo và được giới văn học Tây phương cho là một khám phá tân kỳ và sâu xa nhất để hiểu thơ. Cố gắng nói trên đã đem lại một vài kết quả tích cực và hữu ích.

Sự phân tích các thi ảnh khẩu cảm trong thơ Hàn Mặc Tử cho phép chúng ta kết luận rằng thi sĩ đã ghi vào những thi ảnh đó hai chiều hướng thi hứng và sáng tạo : thi sĩ đón nhận vào tâm hồn những gì cao đẹp nhất trong thiên nhiên, trong con người, và trong tôn giáo để biến thành thơ.

Và do đó chúng ta nhận xét rằng Hàn Mặc Tử sống để làm thơ và phụng sự thơ. Đối với ông, nhất là trong thời kỳ bệnh tình trầm trọng nhất, thơ không phải chỉ là nguồn an ủi cuối cùng, mà là nguồn sống duy nhất của thi sĩ. Vì vậy, khi ca tụng thơ ông lại dùng nhiều thi ảnh khẩu cảm hơn khi nào hết.

Nguồn vui độc nhất của Hàn Mặc Tử là thơ mà thi sĩ đồng hoá với đức tin và có khi còn cho là cao hơn cả đức tin. Trích dẫn bốn câu:

*'Ta chắp hai tay, lạy quỳ hoan hảo*
*Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian*
*Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân*
*Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế*

Nhà phê bình Võ Long Tê nhận xét rằng sự cạnh tranh giữa "bốn mùa xuân và Thượng Đế, dù là khả nghi, có vẻ vượt qua ngoài khung cảnh của một từ hoa vô tội và trái lại chứng tỏ chiều hướng của Hàn Mặc Tử tự phụ về thiên chức thi nhân của mình"(41).

Dù sao ước vọng của Hàn Mặc Tử đạt đến đời sống thiêng liêng là sự thèm khát tuyệt đối, và thơ thoả mãn sự thèm khát đó :

Của thế gian nếm mãi, chưa bưa, chưa ớn, chưa hả hê chút nào. Thi sĩ vẫn còn đi tìm mãi và kêu rên thảm thiết, để đi đến cõi ước mơ hoàn toàn (42) .

Trích Tập-san Khoa-học Nhân-văn
**của Hội-đồng Quốc-gia Khảo-cứu khoa-học**
**Saigòn, tập II .1974,- Trang 163-172.**

**Chú Thích.-**

**(1).-** *Ghen, Thơ Hàn Mạc Tử* .- Tân Việt, 1958, tr.37. Trong bài nghiên cứu này, thơ Hàn Mạc Tử sẽ được viết tất THMT.

(2).- *Xuân Như Ý, THMT, tr.65*

(3).- *Nhớ Thương, THMT, tr.75*

(4).- *Nguồn Thơm , THMT, tr.70*

**(5).-** *Chơi giữa mùa Trăng, An Tiêm, tr.35*

(6).- "Lang Thang", Xuân như ý, trích trong Hàn Mạc Tử của Trần Thanh Mại, Tân Việt 1957, tr.95

(7),- "Nguồn Thơm", Hàn Mạc Tử, tr,70

(8),- "Siêu Thoát", Hàn Mạc Tử, tr.58

(9).- "Trường Tương Tư", Hàn Mạc Tử, tr,47

(10). "Say chết đêm nay" Hàn Mạc Tử , tr.80

(11). "Nguồn Thơm", Hàn Mạc Tử, tr,80

(12). "Điện Hàm Chương mai hoa còn rớt ngọc

*Xiêm nghê nàng ven vén để hương bay"*

*(Đàn Ngọc", Hàn Mạc Tử* , tr.39 ., câu 1-2

Nàng trong thơ Hàn Mạc Tử chưa chắt là một người đàn bà có thật. Có thể là nàng thơ như trong câu : "Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ta tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú,,," (Thơ Hàn Mạc Tử , tr.8) hay là lời thơ để mọi người được hưởng "Cả lòng ta vô số gái hồng nhan. Ta nhả ra đây một nàng. Cho mây lặng lờ, cho nước ngất ngây",(*Một Miệng Trăng*, Hàn Mạc Tử, tr.51)

(13).- "*Đàn Ngọc*", Thơ HMT, trang 39. câu 3-8.

(14).- Xem bài mở đầu thơ HMT :"Anh sẽ thấy hơi đàn lã lướt theo hơi thở của hồn tôi và chìu theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu nhón tay uyển chuyển (THMT tr.7). "*Đàn ngọc*", THMT, tr.40, câu 19-20.

(15).- Dialectique de l'imagination (Gaston Bachelard)

(16).- THMT, tr.39, câu 11-12

(17).(18).- THMT, tr.40, câu 19-20.,- câu 22-24.

(19).- *Mây*, nhà in Nguyễn Đình Vượng, Saigon: 1969, tr.74

(20).- THMT, tr.7

(21).- "*Chơi giữa mùa trăng*", An Tiêm, 1969.- tr.35

(22).- (... c'est comme si du dehors tout à coup une haleine soufflait sur les dors latents pour en tirer lumière et efficacité, amorcait en quelque sorte notre capacité verbale. (Partitions et Propositions. Oeuvres en prose de Paul Claudel. Bibliothèque de la Pléiade, 1965, tr. 46 .

(23)-(24).- "Xuân Như Ý", THMT, tr.65

(25).- *Nguồn Thơm, Xuân Như Ý, THMT, tr.* 70-71

(26).(27).(28)-"Thánh Nữ Đồng Trinh Maria" Xuân Như Ý, THMT tr.76-77.

(29)-(30).-"*Rướm Máu"*.-Trần Thanh Mại,- tr.58

(31.- "Đêm Xuân Cầu Nguyện". *Xuân Như Ý.THMT* . tr.73

(32).-Đau khổ đối với HMT chỉ là một điều kiện tất yếu để đạt đến thơ : "Bởi muốn cho loài thi sĩ làm tròn nhiệm vụ ở thế gian này ố nghĩa là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh lại muôn đời. Người bắt chúng phải mua lại bằng giá máu,luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình". (HMT *"Quan Niệm Thơ","Chơi Giữa Mùa Trăng"*,An Tiêm,1969.tr.35

(33).-"*Đêm Xuân Cầu Nguyện"Xuân Như Ý.THMT, tr.73*

(34).-"*Nguồn Thơm", Xuân Như Ý.*- THMT, tr.71

(35).-"*Thánh Nữ Đồng Trinh Maria".Xuân Như Ý, THMT, tr.77.*

(36).- "Hãy sát đôi đầu ! *Hãy kề đôi ngực !*
*Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài !*
*Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai !*
*("Xa cách", Thơ Thơ.* Tài liệu của sinh-viên Đại-họcVăn khoa Saigon, tr.12).

(37).- "Hơi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi" (Xuân Diệu "Vội Vàng". *Thơ Thơ,- tr.24)*

(38).- "*Rướm Máu*" Hàn Mạc Tử, của Trần Thanh Mại, Tân Việt, 1957,.- tr. 58.

(39).- "*Lưu Luyến", Đau Thương*, THMT,- tr. 41

**(40).**(41) "Hồn là Ai ?", THMT, tr.53.- Ông Đặng Tiếng đã nêu ảnh hưởng tín ngưỡng của người Chàm về ma Hời đối với quan niệm linh hồn trong thơ HMT : "Đức Tin trong hồn thơ HMT".- *Văn,* 1/6/1971, tr.22

(42).-Ông Phạm Đán Bình cũng nhận xét hai chiều trong những hình ảnh tan loảng trong thơ HMT: Tựu trung HMT diễn tả cảm giác hay ý thức tiêu tan qua những biến thể những gì liên tục, tuôn trào như dòng đời, nguồn sống, thì cứng đọng lại, còn những gì chắc chắn, có hình thù khối lượng, thì tan loảng ra. (Tan loảng trong HMT.- *Văn,* 1/6/1971, tr.33*)*

(43).- Rythmanalyse.- "Với một cách có hệ thống hơn Phân tâm học phân tích tiết điệu thi ảnh tìm các động tác của đôi nguyên tính trong sinh hoạt tinh thần. Sự phân tích ấy tìm thấy lại sự phân biệt giữa những chiều hướng vô thức và những cố

gắng của ý thức, nhưng quân bình hóa một cách đầy đủ hơn Phân tâm học và các chiều hướng đến những thái cực tương phản, sự cử động lưởng hướng của Tâm thần".
(Plus systématiquement que la Psychanalyse, la Rythmanalyse cherche les motifs de dualité pour l'activité spirituelle. Elle retrouve la distinction des tendances inconscientes est des efforts de conscience, mais elle èquilibre mieux que la Psychanalyse les tendances vers les pôles contraires, le double mouvement du psychanalisme". (Gaston Bachelar.- *La Dialectique la durée,- tr.141)*

(44).- La rivalité entre "Les quatre printemps" et Dieu pour problématique qu'elle soit, parait dépasser le cadre d'une innocente figure de style et témoigner au contraire de la tendance de Hàn Mạc Tử à se prévaloir de sa vocation poétique. *(L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mạc Tử.* Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, 4ẽ, trimestre 1972, tr. 584.

(45).- "*Chơi giữa mùa trăng*", An Tiêm, 1969, tr. 37

-oOo-

# KINH NGHIỆM THƠ VÀ HÀNH TRÌNH TINH THẦN CỦA HÀN MẶC TỬ.

Khảo luận của **VÕ LONG TÊ**

Trong thiên khảo luận bằng tiếng Pháp *L'Expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mặc Tử*, đăng trong tập san *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* (Sài Gòn, loại mới bộ XLVII số 4 quý 4 năm 1972, trang 567-632) và đồng thời in riêng thành sách (Nxb *La voie Nouvelle*, Paris tái bản, 1985), chúng tôi nhận định khái quát về cuộc đời và tác phẩm trong phần I : còn lại trong phần II (Nghệ thuật và đức tin) và phần III (Nhà thơ công giáo) chúng tôi đề cập đến vận động biện chứng khiến Hàn Mặc Tử, tín hữu Công giáo làm thơ trở thành Hàn Mặc Tử, nhà thơ Công giáo.

Trong thư đề ngày 14-9-1990 gởi chúng tôi, nhà văn Phan Cự Đệ có nhã ý muốn dẫn làm phụ lục sách ông biên soạn về Hàn Mặc Tử các phần II và III nêu trên. Và thể theo lời yêu cầu của ông, chúng tôi hân hạnh dịch hai phần ấy ra tiếng Việt để phục vụ độc giả.

Nhân dịp này chúng tôi xin thưa rằng nên gọi nhà thơ của chúng ta bằng bút hiệu tối hậu Hàn mạc Tử (mạc viết với chữ /a/ thay vì bút hiệu áp cuối Hàn Mặc Tử (mạc viết chữ /ă/). Về trình tự các bút hiệu của nhà thơ, chúng tôi đã trình bày với tài liệu khả tín trong phần I (trang 573-575).

Tháng 10 năm 1990
Võ Long Tê.

**Nghệ thuật và đức tin.**

Nhìn qua sự nghiệp hùng hậu vì đa dạng và phong phú của Hàn Mặc Tử, chúng ta đã thoáng thấy nhiều phương diện đáng chú ý của một của một hoạt động sáng tạo tràn trề. Nó thể hiện trong một vận động biện chứng qua đó thiên tài Hàn Mặc Tử tự khẳng định bằng cách tự vượt, lúc trãi qua những chặng đường khổ nạn của đời mình

Chúng ta nên nhấn mạnh sự phân thân bi đát giữa một bên là những cám dỗ của nghệ thuật muốn tự phong là thần linh sáng tạo (1), khiến Hàn Mặc Tử sống như một nhà thơ và một bên là những yêu cầu cơ bản của đức tin đòi Hàn Mặc Tử sống như là tín hữu Công giáo.

**Bước đầu của một thi học mới.**

Phong trào "thơ mới" biểu thị chân tướng thi ca Việt Nam hiện đại tự xác định bằng cách từ bỏ thi pháp truyền thống và tìm kiếm những hình thức vận - luật - học mới xét là thích nghi hơn với đà tiến của thơ, lôi cuốn thế hệ trẻ đến những chân trời mới. Bài thơ *Tình già* của Phan Khôi, công bố năm 1932, được kể là đại công trình đầu tiên của cuộc cách mạng văn học ấy.

Hàn Mặc Tử chính thức gia nhập phong trào 'thơ mới' năm 1936 với tập *Gái quê*. Nhưng trong những bài thơ thể cách cổ điển mà Hàn Mặc Tử đã sáng tác thuở thiếu niên và trong số có những bài làm trước bài *Tình già*, chúng ta cảm nghiệm đã có mối rung động biểu thị chân tướng của những nhà canh tân thị học Việt Nam. Nhà thơ Quách Tấn tán thưởng nỗ lực đổi mới thi pháp truyền thống ấy và trở nên bạn thân của Hàn Mặc Tử. Chí sĩ Phan Bội Châu cũng tán thưởng, xem ba bài thơ cổ điển *Thức khuya*, *Chùa Hoang* và *Gái ở chùa* của nhà văn trẻ tuổi ấy như là những tác phẩm thành công rực rỡ. Bài bát cú *Thức Khuya* có song cú viện dẫn sau đây, vang vọng âm hưởng nhục cảm đạp ý xiêu lòng :

*"Bóng nguyệt leo song rờ rẩm gối,*
*Gió thu lọt cửa cọ mài chăn"*

Giọng điệu cố tình táo bạo của phép nhân hoá càng nhấn mạnh thêm trong tập *Gái Quê* như đoạn thơ sau đây của bài *Bẽn Lẽn* chứng tỏ :

*"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu*
*Đợi gió đông về để lả lơi*
*Hoa lá ngây tình không muốn động*
*Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!"*
*(câu 1-4)*

Đấy là một lối giải toả ẩn ức bằng ngôn từ, chứ không phải là văn chương kích dục. Được giáo dục từ thời thơ ấu theo những yêu cầu đạo đức học Công Giáo, Hàn Mặc Tử sống khiết tịnh và giữ mình không sa ngã vào cảnh truỵ lạc xác thân. Về vấn đề này, chúng ta có chứng từ của nhà văn Hoàng Trọng Miên từng sống chung với Hàn Mặc Tử thuở lưu ngụ Sài Gòn trong một thứ nhà trọ thiết trí ở tầng lầu căn nhà số 107 đường Espagne, nay là đường Lê Thánh Tôn. Trong bài những ngày sống chung với Hàn Mặc Tử ở Gòn (2) Hoàng Trọng Miên thuật rằng nhà thơ từ chối không hề tới lui các nhà gái điếm và cây liễu miêu tả trong bài Bẽn lẽn chỉ là sự chuyển hóa nên thơ của cây me nhìn từ cửa sổ nhà trọ.

*Gái quê là một đóng góp thiết yếu vào thi học mới mà𝑜 còn trung thành với phần sống động trong vận luật học cổ điển.* Cái mới trong *Gái quê* là một thứ thị hiếu nhuốm màu huyền nhiệm và hướng tâm vào những thực tại buồn thảm củ𝑜a đời sống. Về điểm này xin viện dẫn bài thơ *Tình quê* mà thể cách cổ điển thích nghi tài tình với nỗi nhớ quê hương và hoài niệm đau thương một mối tình thơ mộng dở dang ....

Khảo sát thơ trong tập *Gái quê* vốn có quan niệm thân tộc với thơ cổ điển mà Hàn Mặc Tử sáng tác thưở mới bước vào

đời thơ, chúng ta thấy toát ra một quan niệm thơ mà đặc trưng là lựa chọn những ảnh tượng gợi cảm và phối trí những yếu tố âm nhạc của ngôn ngữ không phải tuân theo quy tắc nghiêm ngặt của thi pháp cũ nhưng phải tùy thuộc cảm hứng đòi phải sản sinh ra một hình thức riêng biệt cho mỗi sáng tác.

Với *Gái quê*, nhà thơ còn ở giai đoạn mà Kierkegaard gọi là "giai đoạn thẩm mỹ", nghĩa là giai đoạn cảm giác thuần túy. Một thứ thỏa thích xu hướng lãng mạn không che dấu và xét ra cũng là thỏa thích chung cho các nhà thơ thế hệ Hàn Mặc Tử, đã không làm cho vũ trụ *Gái quê* linh hoạt theo đà hứng cảm huyền bí. Người tín hữu Công giáo sống đạo ấy mãi về sau mới trở nên nhà thơ Công giáo, sau khi đi trọn một đoạn đường đau thương và có một nhận thức do ân sũng thúc đẩy.

**Trong đêm tối đức tin**

Nhiều biến cố bi đát thử thách đức tin của nhà thơ. Một chứng bệnh nan y, một tuổi thanh xuân bị tước đoạt hết mọi hy vọng tươi đẹp nhất, viễn tưởng một cái chết, đó là những yếu tố của một thực tại nghiệt ngã cấu thành một chất liệu dồi dào cho trí tưởng tượng sáng tạo của nhà thơ. Ngỏ lời cùng nữ sĩ Mai Đình, một người trong đông đảo nữ nhân ái mộ mình, Hàn Mặc Tử đã thú nhận cơn điên dại và mối thất vọng của mình trong bài thơ *Lưu Luyến*:

*"Tôi điên, tôi nói như người dại*
*Van lạy không gian xóa những ngày&"*

(Câu 19-20 trong tập *Đau thương*)

Lời thú nhận này là lời nhà thơ tự nhận định về thi học của tập *Đau thương*, một thi học đã trình bày trong bài thơ rướm máu :

*"Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút*
*Mỗi lời thơ đều dính não cân ta*
*Bao nét chữ quay cuồng trong máu vọt*
*Cho mê man chết điếng cả làn da*

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết*
*Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh*
*Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết*
*Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh*

*Ta đã ngậm hương trăng đầy lổ miệng*
*Cho ngây người tê dại đến tâm cang*
*Thét chòm sao hoảng rơi vào đáy giếng*
*Và muôn năm rướm máu trong không gian (1)*

Xúc động biết bao khi nghĩ đến những cơn khủng hoảng đau thương trong đo nhà thơ chỉ có cái chết là niềm an ủi tối thượng. Bài thơ *Những giọt lệ* có một đoạn bổ báng lộng ngôn, xin viện dẫn ra đây:

*"Trời hỡi! Bao giờ tôi chết đi?*
*Bao giờ tôi hết được yêu vì?*
*Bao giờ mặt nhật tan thành máu*
*Và khối lòng tôi cứng tợ si"*

(Câu 1-4)

Muốn biết rõ tình thế bi đát trong đó nhà thơ đã nhận diện cái chết của chính mình, không phải với đức cậy của một người mang dấu ấn đức tin nhưng với những tiếng kêu than đoạn trường của một kẻ phản kháng và những lời chiêu niệm ghê rợn của một bệnh nhân ảo giác, chúng ta hãy khảo sát bài thơ *Trường tương tư*. Nhan đề này là nhan đề một ca khúc Việt Nam truyền thống, nghe não nuột vì tiết điệu ai oán và nhắc nhở mối tuyệt vọng của thi hào Trung quốc Bạch Cư Dị qua bài *Trường hận ca*. Đây Hàn Mặc Tử trong thị kiến về cái chết của chính mình :

*"Một khối tình nức nở giữa âm u*
*Một hồn đau rã lần theo hương khói,*
*Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi,*
*Một lời run hoi hóp giữa không trung.*
*Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng*
*Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.*

*Đấy là tất cả người anh tiêu tán,*
*Cùng trăng sao bàng bạc xứ Say Mơ*
*Cùng tình em tha thiết như văn thơ*
*Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế".*
(Câu 36-46 trong tập *Đau thương: Mật đắng*)

Bài thơ *Trường tương tư* là chứng từ mối cám dỗ muốn xây dựng một vũ trụ thơ nhờ phép mầu nhiệm của những mối giao ứng theo Baudelaire, nhờ ngôn-hóa-thuật của Rimbaud và nhất là nhờ ma thuật siêu thực của hoạt động sáng tạo. Hàn Mặc Tử dường như buông thả mình trong một thứ xuất thần tự nhiên, trạng thái thành tựu của sáng tạo nghệ thuật. Trong chừng mực nhà thơ thỏa thích chiều theo cơn cám dỗ muôn đời của người nghệ sĩ muốn tôn mình vào địa vị biện minh cho chính mình, nhiều bài thơ của Hàn Mặc Tử trở nên bí hiểm kín mít, thậm chí báng bổ lộng ngôn.

**Trong khoái lạc của hồn đau**

Những đau khổ mênh mông của nhà thơ nhập vào khuôn khổ nhiệm cục Thiên Chúa Đôi lúc ánh sáng của nhiệm cục lóe sáng dưới sức thúc đẩy của ân sủng và gợi hứng cho nhà thơ sáng tác nhiều thi phẩm đậm chất huyền bí học tạo nên niềm xúc động.

Ngay trong thời kỳ *Thơ điên*, nhà thơ đã có cơ hội tìm lại trọn vẹn trí sáng suốt và suy niệm mầu nhiệm hiện diện khôn tả nên lời của Thiên Chúa. Trong bài thơ *Đà Lạt trăng mờ* có một đoạn thấm nhuần tâm tình tín mộ tôn giáo xin viện dẫn ra đây :

"Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều
*Để nghe dưới đáy nước hồ reo*
*Để nghe dương liễu run trong gió*
*Và để nghe trời giải nghĩa yêu"*
Câu 5-8 trong tập *Đau thương: Hương thơm*)

Người ta có thể tin rằng ân sủng đã can thiệp lúc nhà thơ tự mình viết bài tựa toàn bộ tập *Thơ điên*. Trong bài tựa ấy nhà thơ ám chỉ Thiên Chúa trong lúc nói về "*Nguồn Trong trẻo*" và triều sóng hứng cảm cao dâng :

*"Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa Nguồn Trong Trẻo.*

*Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng ; chung quanh người là mơn trớn với yêu đương vây phủ bởi trăm dây quyến luyến - làm bằng êm dịu, làm bằng thanh bai. Gió phương mô đẩy đưa người đến bờ xa lạ, đầy trinh tiết và thinh sắc. Người dừng lại để hái những lá tinh hoa. Người nín lặng để mà nghe những tiếng trăng reo vang vang như tiếng châu báu vở lở. À ra Người cũng dại dột hốt vàng rơi trong vạt áo.*

*Trí Người đã dâng cao và thơ Người dâng cao hơn nữa. Thì ra Người đang say sưa đi trong mơ ước, trong huyền diệu, trong sáng láng và vượt hẳn ra ngoài hư linh..."*

(Tựa *Đau thương* phần đầu)

*Đoạn trích dẫn trên đây chứa đựng những thiết yếu của một Thi học* mới mà Hàn Mặc Tử có dịp bàn bạc dông dài hơn và giải bày tinh bạch hơn chẳng hạn trong bài tựa tập *Xuân như ý*, bức thư gửi Hoàng Trọng Miên năm 1939 và những lời tâm sự ngỏ cùng Bùi Tuân là thân hữu.

Đó là một quan niệm thơ tôn giáo đánh dấu sự hòa giải nghệ thuật với đức tin và thông qua quan niệm ấy, nhà thơ gặp lại luận đề nổi tiếng của linh mục Bremond về mối tương đồng giữa thơ và kinh cầu nguyện.

Trong thi học ấy của Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể phát hiện những gì nhà thơ vay mượn của các tác giả hằng yêu thích, trong đó phải kể đến Verlaine, Rimbaud, Péguy và Claudel (4). Nhưng tưởng nên nói nhiều về trận chiến tinh thần mà một khi kết thúc, Hàn Mặc Tử tiến vững hơn trong đức tin.

Bài thơ *Đêm xuân cầu nguyện* diễn tả một cách nên thơ sự hòa nhập huyền bí học của linh hồn nhà thơ trong Chúa. Chính là "*Trong khoái lạc của hồn đau*" mà nhà thơ ăn năn thống hối, thành thực hối tiếc đã làm mất lòng Chúa vì đã từng nghi ngờ, phản kháng và mê sảng trong cái mà chính nhà thơ gọi là *Thơ Điên* :

*"Tôi van lơn thầm nguyện Chúa GiêSu*
*Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối*
*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi*
*Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng*
*Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng*

(Câu 27-31 trong tập *Xuân như ý)*

Tuy nhiên chúng tôi muốn nêu rõ trong bản tuyên tín rực sáng ấy có một bóng mơ :

*"Ta chắp hai tay lạy quỳ hoan hảo*
*Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian*
*Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân*
*Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế"*

(Câu 13-16.- *Đêm xuân cầu nguyện*
trong tập thơ *Xuân như ý*)

Sự cạnh tranh giữa "Bốn mùa xuân" và Thượng Đế, dù là khả nghi có vẻ vượt ra ngoài khung cảnh một từ hoa vô tội và trái lại chứng tỏ chiều hướng của Hàn Mặc Tử tự phụ về thiên chức thi nhân của mình. Chính chiều hướng này xui khiến nhà thơ ứng xử như người ảo thị huyễn tưởng trong những bài thơ kết thành tập *Thượng thanh khí*. Một số bài thơ trong tập *Xuân như ý* có quan hệ thân tộc với tập *Thượng thanh khí*. Chiều hướng này càng rõ nét thêm trong hai kịch phẩm *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*. Các nhân vật và tác giả vận động trong một vũ trụ xem là bản chuyển tả Thiên đường KiTô giáo theo cấu trúc ngoại giáo. Chúng tôi xin thưa không có kỳ vọng đưa ra lời phê phán nào về đức tin Hàn Mặc Tử. Đứng trên bình diện khu biệt của văn chương, chúng tôi chỉ ghi nhận đơn giản

những trường hợp lo nghĩ muốn cho lối diễn tả nên thơ thêm đa dạng dường như có ưu thế hơn những yêu cầu cơ bản của đức tin.

Với những điều cần lưu ý như thế chúng ta có thể khẳng định rằng trận chiến tinh thần thử thách đức tin sống động của nhà thơ toát ra những yếu tố thiết yếu của một thi học được minh họa bằng những tác phẩm sáng tác theo nguồn cảm hứng Công giáo.

**Nhà thơ Công giáo.**

Chúng ta đã thử chứng minh rằng thiên chức huyền bí học của Hàn Mặc Tử được khẳng định trong cuộc đời và thi nghiệp dù nhà thơ chịu nhiều ảnh hưởng khác nhau. Vấn đề còn lại là trình bày những phương diện chủ yếu của cái đã buộc chặt Hàn Mặc Tử với thiên chức của mình và xác định Hàn Mặc Tử có uy thế nhà thơ Công giáo.

**Nhà mỹ học.**

Thơ Hàn Mặc Tử đòi hỏi nền mỹ học siêu thoát. Có lúc nhà thơ cảm thấy ghê tởm những bài thơ điên của mình và hứa sẽ không bao giờ công bố. Xin viện dẫn sau đây một đoạn trong bài thơ *Cuối thu* thành phần tập *Thơ Điên* nhưng lại đòi hỏi cần có thơ chân thực :

*"Thu héo nấc thành những tiếng khô*
*Một vì sao lạ mọc phương mô?*
*Sao Thơ chưa thấy ra đời nhỉ?*
*Trinh bạch ai chôn tận đáy mồ"*

(Câu 13-16 trong tập
*Đau thương:Mật đắng)*

Trong bài tựa *Xuân như ý* nhà thơ định giới thuyết cho quan niệm thơ của mình từ nay bành trướng theo chiều kích vũ trụ và sinh động bởi ân sủng Thiên Chúa. Bài tựa kết thúc với lời mời gọi nguyện cầu :

*"Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió*
*Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao"*

Về thi học này nhà thơ đã đưa ra lời bình luận có tính chất học thuyết trong một bức thư dài gởi năm 1939 cho Hoàng Trọng Miên, bạn thân của nhà thơ. Văn bản quan trọng này được công bố với nhiều bài văn xuôi khác nhau của nhà thơ trong di cảo *Chơi giữa mùa trăng*. Đây là phần kết :

*"Cho nên tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời, thi sĩ phải biết đem tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn và làm cho người đời thấy rõ vẽ đẹp của thơ để đua nhau nhìn và tận hưởng. Những thi sĩ nào không biết đem tài ứng dụng vào chỗ tốt đẹp thì sẽ bị Chúa Trời lấy lại một cách nhãn tiền !*

*Miên ơi, như thế là Miên đã hiểu thế nào là quan niệm của Trí về thơ. Thơ là sự ham muốn vô biên nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt. Câu này ăn ý với câu : Thơ là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao giải thích bằng hai mặt: lạc quan và bi quan.*

*Trí đã tóm tắt những điều đã nói. Có điều này nữa, Trí khác với Baudelaire. Baudelaire nói "Thơ văn không thể dung hòa với khoa học hay luân lý và thơ văn không thể lấy chân lý làm chủ đích được, thơ chỉ là thơ (la poésie ne peut sous peine de mort ou de déchéance s'assimiler à la science ou à la morale. El n'a pas la Vérité pour object, elle n'a qu'elle même"(5) Baudelaire đã nói trái nghịch với lẽ tự nhiên. Sở dĩ thơ văn được phong phú dồi dào, phát triển hết cả anh hoa huyền bí và vượt lên cả những tầng biên giới tân kỳ, mới lạ cũng nhờ khoa học điểm chuyết cả. Còn luân lý là tiểu chuẩn cho văn thơ, không có nó thì văn thơ chẳng còn ra cái mùi mẫn gì nữa. Nếu để trơ trọi một mình thơ sẽ lạt lẽo, vô duyên, không còn phong vị gì nữa. Baudelaire thuộc phái vô thần, nên không tin có Chân lý, không nhìn nhận Chân lý làm tiêu chuẩn cho*

*văn thơ. Còn Trí phải lấy Đức Chúa trời làm Chân lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn thơ không phải bởi không mà có".*

Chúng ta hãy bổ sung phần trình bày này bằng những lời nhà thơ tâm sự cùng bạn thân Bùi Tuân. Trong bài của Bùi Tuân đã nêu trên, chúng ta hãy trích dẫn sau đây lời nhà thơ :

*"Tôi dự định viết ra (lời Hàn Mặc Tử) nhiều tập thơ tôn giáo. Trong thi giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh nhật, truyện Phục sinh làm thi đề. Đó là những tài liệu không còn gì thú vị bằng.*

"... Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn, và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh. *Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy (6).*

**Người tín hữu.**

Những nhận định có tính chất lý thuyết trên đây, phát biểu trong các thời kỳ khác nhau đặt cho Hàn Mặc Tử một vấn đề nan giải, đó là dung hòa trong một tổng hợp để hòa điệu những yêu cầu của đời sống tôn giáo với những đòi hỏi sáng tạo nghệ thuật. Vốn xem thường những dể dãi của lối thơ khuyến thiện, nhà thơ luôn là nghệ sĩ tinh tế đồng thời vẫn là tín hữu lo lắng phát huy đức tin.

Mầu nhiệm Tình yêu Thiên Chúa mời gọi nhà thơ tĩnh tâm và cầu nguyện. Trong bài thơ *Say Thơ* đặc sắc vì đã hứng cảm huyền bí, có mấy câu diễn tả trung thực những rung động của linh hồn nhà thơ tiếp xúc với mầu nhiệm Thánh thể xin viện dẫn sau đây :

*"Đây tất cả, hỡi ôi, Mình Thánh Chúa*
*Của tế lễ là nguồn thương chan chứa*
*Đáng trọng thiên và rất đáng mong ơn*
*Ly tao rằng đàn ngọc cũng đeo đờn*
*Bởi đạo hạnh rung muôn dây tình cảm"*

(Câu 40-44 trong tập *Xuân Như ý)*

Thi học Hàn Mặc Tử có chiều hướng cấu thành huyền bí học. Sinh động bởi Tình yêu Thiên Chúa, sốt sắng bởi đức cậy trông nhà thơ triển nở theo đà của đức tin và xác định những viễn tưởng tốt đẹp của hoạt động sáng tạo mà nhà thơ quan niệm như một sứ vụ tông đồ trong đoạn cuối bài thơ *Nguồn thơm* :

*"Đây thi sĩ của đội quân Thánh giá*
*Nửa đêm nay vùng dậy để tung hô,*
*Để sớt cho cả xuân xuân thiên hạ*
*Hương mến yêu là lộc của lời thơ"*

(Câu 29-32 trong tập *Xuân như ý*)

Nhà thơ tô đậm nét mùa xuân, mùa nhắc nhở cho nhà thơ nhớ đã đổi mới thi học lấy đức tin làm trung tâm điểm. Nhà thơ ca ngợi sự hiện diện sáng tạo của Thần ngôn Thiên Chúa trong bài thơ *Ra đời* trong đó gợi tả mầu nhiệm sáng thế và sự sinh thành thơ mình:

*"Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc*
*Rất trọng vọng, rất thơm tho man mác,*
*Rất phương phi trên hết cả anh hoa*
*Xuân ra đời...*

. . . . . . . . . .

*Điểm ngọc ấm hơn ngà*
*Thơ có tuổi và chiêm bao có tích"*

(Câu 16-20 trong tập *Xuân như ý*)

Những âm hưởng huyền bí học của bài thơ *Ra đời* phát sinh từ một lối chú giải nên thơ - chứ không phải lối chú giải chính thống của giáo hội - về những dữ kiện Thánh Kinh học. Đừng nên trách cứ nhà thơ phạm tội lầm lạc, nếu quả có lầm lạc. Nhà chú giải thận trọng nhường bước cho nghệ sĩ thị kiến dẫu sao vẫn đồng thời là một tín hữu nhiệt thành. Hàn Mặc Tử đặc biệt thích diễn tả nhiệt tín tôn giáo bằng những ảnh tượng khêu gợi có tầm cỡ linh đạo vượt quá ý nghĩa trực tiếp gần kề.

**Cá nhân của lòng sùng kính Đức Maria.**

Trong viễn tượng ấy cũng nên khảo sát những bài thơ Hàn Mặc Tử sáng tác theo cảm hứng về Đức Maria. Những tước hiệu khác nhau tôn vinh Thánh nữ Đồng trinh được đề cập trong nhiều cơ hội. Những câu thơ sau đây trích từ bài *Nguồn thơm* là lời tạ ơn Đức mẹ hằng Cứu giúp ;

"*Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc*
*Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng. . . .*"

(Câu 26-27)

Về phần thơ Say thơ thì nêu vị thế Đức Mân Côi trong nhiệm cục Thiên Chúa :

"*Trăng tờ mờ một trời thơ sớm nở*
*Bao Hoa hồng mầu nhiệm Nữ vương xưa*"

(Câu 21-22)

Nhưng chính trong bài thơ *Ave Maria* Hàn Mặc Tử mới tiết lộ tầm cở huyền bí học của tư tưởng và tính tượng trưng phong phú của nghệ thuật. Bài thơ trường thiên này chứng tỏ Hàn Mặc Tử có hơi thơ dạt dào phong phú. Được nhiều nhà phê bình văn học thuộc nhiều gia đình tôn giáo hay tinh thần khác nhau xem là một kiệt tác. Bài *Ave Maria* đánh dấu một chặng quan trọng trong hành trình tinh thần của tác giả. Bài thơ này bắt đầu với một thị kiến Thánh kinh học về Ân sủng, tiến về phía trước theo đường lối sùng kính đức Maria và kết thúc với một bản tuyên xưng đức tin và đức cậy :

"*Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả*
*Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng*
*Thơm tho bay cho đến cõi Thiên đàng*
*Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể*
*Và Tổng lãnh Thiên thần quỳ lạy Mẹ*
*Tung hô câu đường hạ ngớp châu sa*
*Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa*
*Trí miêu duệ của muôn vi rất thánh.*

*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh*
*Run như run thần tử lấy long nhan.*
*Run như run hơi thở chạm tơ vàng*
*Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến.*

(Câu 1-12 trong tập *Xuân như ý)*

Chúng ta đứng trước sự mặc khải khôn tả nên lời về cái mà nhà thơ cảm nghiệm toàn vẹn trên ngưỡng cửa tình yêu muôn đời, mời gọi nhà thơ phó thác trong hiệp - thông huyền nhiệm.

**Nhà cách tân ngôn ngữ thơ.**

Chứng từ cao đẹp tuyệt vời ấy là bí mật bất khả xâm phạm của một linh hồn. Sự tiếp cận văn học, dẩu là thấu tình đạt lý, cũng không thể khám phá nhiều hơn nữa nội dung tinh thần. Tuy nhiên chúng ta vẫn có thể nghiên cứu lối diễn tả nên thơ của nội dung ấy chiếu theo "lệ luật thâm sâu và mầu nhiệm của ngôn ngữ vốn thiết lập một mối liên hệ giữa điều thuộc về tinh thần đã trực tiếp cảm nghiệm và hình thức mà chúng ta phủ lên điều ấy". Theo một nhận xét chí lý của Daniel Rops viết trong sách "*Où passent les Anges*"(7).

Ngôn ngữ thơ do Hàn Mặc Tử đào luyện có vẽ đặc sắc vì sự lựa chọn tài tình của các từ ngữ hòa điệu và thú vị, vì ma thuật gợi tả những ảnh tượng dẫn khởi, vì tính đa dạng của những hình thức vận luận học thích ứng với đà nhiệt tình cảm hứng vì tài chế ngự thể thơ tám chữ vốn là sự đóng góp thiết yếu của phong trào "thơ mới", nói tắt lại, vì những phương thế vận dụng cách thiên tài của một nghệ thuật phong phú.

Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu này chúng tôi chỉ muốn làm nổi bật phần đóng góp của Hàn Mặc Tử vào việc chế định một thứ ngôn ngữ thích nghi với cảm hứng Công giáo. Tôn trọng toàn vẹn các chân lý mặc khải của đạo Công giáo, tìm cách diễn tả các chân lý ấy theo tinh thần của tư tưởng và ngôn ngữ Việt Nam, đó là một công việc bao la phát sinh nhiều tổng- hợp-đề lạ lùng xét ra đã được giáo hội Công giáo

khuyến khích vì lẽ cần phải hội nhập các giá trị Ki tô giáo trong bối cảnh văn hóa của mỗi dân tộc.

Hàn Mặc Tử không chối bỏ những phương thế văn hóa truyền thống của tiếng Việt, trái lại đổi mới những phương thế ấy theo yêu cầu của đức tin. Trong bài thơ *Ave Maria* câu đầu tiên ám chỉ Thánh vịnh số 42-43, câu 2 :

*"Như song lộc triều nguyên ơn phước cả"*
Hàn Mặc Tử

*"Như một con nai khát khao nguồn suối,*
*Hồn con khát khao tìm Chúa, Chúa ơi!"*
Thánh Vịnh (8)

Trong lúc lấy cảm hứng từ một biểu tượng Thánh Kinh học, nhà thơ sáng chế một từ ngữ học vô cùng gọn nghĩa: *Song lộc triều nguyên* (hai con nai chầu nguồn suối). Xin lưu ý rằng nhà thơ nói đến hai con nai, có lẽ vì thị hiếu đối xứng, xét ra rất được hoan nghênh trong văn học truyền thống. Đó là một từ ngữ đồng cấu trúc với từ *lưỡng long triều nguyệt* (hai con rồng chầu mặt trăng), tả một kiểu thức trang trí theo cảm hứng thần thoại, kiểu thức đặc trưng của mái chùa, miếu Lão giáo và đình làng. Xin mách trong hai dấu ngoặc đơn rằng nhà thơ Quách Tấn tưởng có thể xác định nguồn suối và hai con nai mà Hàn Mặc Tử đề cập đến tương ứng với Tam Vị Nhất Thể(9).

Hàn Mặc Tử vui lòng sử dụng một số từ ngữ của Kinh điển Phật giáo đã đi vào ngôn ngữ thông dụng. Từ ngữ *Ba ngàn thế giới* dùng trong bài *Ave Maria* và nhiều từ ngữ khác gốc Phật giáo được dùng theo mục đích thuần túy văn chương, không hề mâu thuẫn với văn mạch Công giáo.

Từ ngữ *Phượng Trì* lặp lại bốn lần trong bài *Ave Maria* là một sáng chế thật tài tình đáng bàn luận nhiều hơn. Theo nghĩa

mặt chữ thì *Phượng* là chim phượng còn *Trì* có nghĩa tương đương như ao hồ (...)

Xin nhắc lại rằng trong vạn-thần-miêu Lão giáo có nữ thần Tây Vương Mẫu có lần hiện ra ở Dao trì (*Dao* là ngọc bích, *trì* là ao hồ) .Dường như Dao trì là nguồn gốc từ Phượng Trì. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn có ghi nhận hồ Phượng trì ở Hà Nội về phía hữu Quốc Tử Giám thời xưa (10). Nhưng Hàn Mặc Tử vốn không uyên bác về địa danh học như giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chúng ta có thể nghĩ rằng nhà thơ chấp nhận từ Phượng trì vì những lý do ngữ âm học và ngữ nghĩa học.

Quả vậy, với thanh dấu nặng trong *Phượng* và thanh dấu huyền trong *Trì, Phượng Trì* cấu thành hai nốt nhạc trầm có một sức thần chú mạnh hơn *Dao trì*. Từ ngữ này chỉ có một nốt nhạc trầm do thanh dấu huyền trong *Trì* còn Dao là tiếng không có dấu giọng như chúng ta biết.

Đàng khác nhà thơ không muốn dừng lại lâu hơn nữa trong vạn-thần-miêu Lão giáo. Hình ảnh nữ thần Tây Vương mẫu phải nhường chỗ cho sự quang vinh của Thánh nữ Đồng trinh. Sắc màu lạnh lẽo của ngọc dao không thích hợp với vẻ kiều lệ của Đức Maria gợi tả đầy đủ hơn bởi vẻ huy hoàng rực rỡ của chim phượng. Nên lưu ý rằng cảnh tung cánh uy nghi của linh điểu huyền thoại này nghĩ đến cảnh thơ vươn lên cách kỳ diệu đề cập câu thơ tiếp theo câu cấu tạo bằng từ ngữ Phượng Trì lặp lại bốn lần. Thêm vào cách chú giải này mà một số chi tiết vay mượn của nhà thơ Quách Tấn (11), có một luận cứ quyết liệt về thần học: Bộ lông vàng ánh của chim phượng gợi nhớ áo choàng kim tuyến của vị công chúa trong Thánh vịnh số 44, câu 14, qua đó Thánh nữ được tôn vinh :

*"Trong trang phục toàn thân đầy vinh hiển*
*Công chúa đến phủ áo choàng kim tuyến"(8)*

Ông Phan Xuân Sanh (12) đã ghi nhận có nhiều từ ngữ gốc Phật giáo trong nhiều bài thơ Hàn Mặc Tử và tưởng là đã có thể kết luận rằng nhà thơ chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo. Chống lại kết luận ấy, một kết luận dường như nghi ngờ đức tin của Hàn Mặc Tử, chúng tôi, trái lại, xác tín rằng nhà thơ chỉ muốn làm cho ngôn ngữ thơ mình phong phú thêm bằng những vay mượn nhiều nguồn khác nhau đồng thời thận trọng đổi mới những vay mượn ấy theo yêu cầu của đức tin. Làm như vậy, nhà thơ vẫn trung thành với những phương pháp chế định danh từ và văn học Công giáo ở Việt Nam, đó là những phương pháp làm giàu kho tàng văn hóa của giáo hội Công giáo bằng những đóng góp riêng biệt của Việt Nam. Những phương pháp ấy đã đem lại kết quả tốt trong đó nên kể rằng tư tưởng và ngôn ngữ Việt Nam đã trở nên phong phú và có khả năng, kể từ Hàn Mặc Tử, đảm trách việc truyền đạt tính cao trọng và chất thơ của sứ điệp phúc âm.

**Kết luận.**

Nói về quyền hành của nhà thơ trên ngôn ngữ, Valéry nhấn mạnh nhận xét này: "Muốn tác động bằng ngôn ngữ nhà thơ tác động trên ngôn ngữ"(13). Ứng dụng của công thức Valéry, chúng ta có thể nói Hàn Mặc Tử đã thành công trong việc thích nghi những khả năng của tiếng Việt với những yêu cầu của cảm hứng Công giáo và việc sáng chế một ngôn ngữ thơ mang dấu ấn bất hủ của một nhà thơ thiên tài. Hàn Mặc Tử đã biết đáp ứng tiếng gọi không cản trở và không gì lay chuyển của Thiên Chúa, ấy là tiếng luôn luôn mời gọi chúng ta vượt lên cao :

*"Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí*
*Xa xôi đời, trăng mọc nước Huyền vi.*
*Đây Miên trường, đây Vĩnh cửu, Tề phi"*

(Câu 1-3 bài Sao, Vàng, Sao (14)
trong tập *Thượng thanh khí*)

Quả thật vậy, trong suốt hành trình khổ nạn đau thương của Hàn Mặc Tử , thi học của nhà thơ dao động giữa trọng lực và Ân sủng. Nhưng thoát khỏi tâm tình phản kháng sinh ra vì đau khổ, Hàn Mặc Tử đã vươn lên cao ngang tầm Ân sủng: Ân sủng định hướng cho hoạt động sáng tạo của nhà thơ trên đường tìm cái đẹp và lạc phúc hằng hữu.

Tự dịch nguyên tác bằng tiếng Pháp
(1972 từ trang 576 đến 593)

CHÚ THÍCH:

1. Dịch từ ngữ *art démiurgique*: tính từ này gốc danh từ *démiurge* (Hy Lạp : démiourgos) tên thần linh sáng tạo trong triết học Platon.

2. Hoàng Trọng Miên: *Những ngày sống chung với Hàn Mặc Tử* (tác giả viết Mặc) *ở Sài Gòn,* đăng tạp chí *Văn* (Sài Gòn) số 73-74 ngày 7-11-1967 trang 13-20. Về số nhà trọ tác giả nhớ là 162, nếu vậy thì không thể nhìn qua cửa sổ mà thấy "*Những cành me xanh mướt lả ngọn...kế cận khám lớn Sài Gòn*". Chúng tôi điều chỉnh là số 107 theo Trần Thanh Mại *Hàn Mặc Tử* NXB Huế 1941, tr. 44.

3. Trong bài in năm 1912 thiếu các câu 9-12 của bài *Rướm máu.*

4. Trong bài in năm 1972: in thiếu tên Rimbaud.

5. Hàn Mặc Tử dẫn theo trí nhớ nên nguyên văn là *défaillance* mà viết là *Déchéance.* Xin xem nguyên văn trong *Notices sur Edgar Poe* của Baudelaire, dẫn trong *L' Art poëtique* do Jacque Charpier và Pierre Seghers biên soạn. *Nxb* Seghers, Paris, 1956, tr.321-323. Hàn Mặc Tử không dịch vế « sous peine de mort ou de défaillance » và dịch « s'assimiler » là dung hòa, sát nghĩa hơn là đồng hóa.

6. Bùi Tuân. *Nửa đêm đi tìm Hàn Mặc Tử,* đăng nguyệt san *Vinh Sơn* (Huế) số 22 ngày 1-2-1951 tr.7.

7. La profonde et mystérieuse loi du langage qui établit un lien entre le donné spitrituel et la forme dont nous le revelons" trong Daniel Rops,*Où passent les Anges*, Nxb Plon, Paris, 1947.

8. Việt dịch của Võ Long Tề.

9. Trường Xuyên (Quách Tấn). *Bàn qua đôi điểm về bài Thánh nữ đồng trinh Maria.(*Nhan đề đúng là Ave Maria) nghĩa là Kính mừng Maria) của Hàn Mặc Tử (Trường Xuyên viết Mặc thay vì Mạc), đăng nguyệt san *Lành mạnh* số 38 ngày 1-1-1959, tr.13.:"*Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả*" là ý Tử nói : "*Ơn đức Thánh nữ đồng trinh ban xuống cho Tử cũng cao cả như ơn phước Ba ngôi ban xuống cho khắp thế gian*".

10. Hoàng Xuân Hãn (hiệu đính và chú giải) *Bích Câu kỳ ngộ,* Huế, Nxb Đại học 1964. Hoàng Xuân Hãn có phiên dịch nguyên tác *Bích Câu kỳ ngộ ký* của Đặng Trần Côn. Chính Đặng Trần Côn đã có chú giải mà Hoàng Xuân Hãn dịch như sau; "Ở mé hữu Quốc tử giám có một ao, hình cánh phượng, người ta gọi là Phượng trì. Nay gọi là hồ Tú Uyên" (sđd, tr.91).

11. Xem chú số 9 trên đây

12. Phan Xuân Sanh. *Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam,* đăng tạp chí *Đại học,* số 9, năm 1959.

13.Paul Valéry,*Pieces sur L'art*,Paris,Nxb Gallimard, Paris, tr.49;"Pour agir par le langage il (le poète) agit sur le langage".

14. Nhan đề theo đúng thủ cảo của Hàn Mặc Tử tặng cô Hoàng Thị Kim Cúc (1913-1988), mà chúng tôi đã trực tiếp tham khảo. Bài này đã phổ biến dưới nhan đề "*Đừng cho lòng bay xa*" trong nhiều sách trước đây và bản in năm 1972 của chúng tôi. Nay xin đính chính.

# HÀN MẶC TỬ VỚI THƠ ĐƯỜNG-LUẬT

*QUÁCH TẤN*

Hàn Mặc Tử họ Nguyễn húy là Trọng Trí, chánh quán huyện Lệ Thủy (Đồng Hới), sanh quán huyện Thanh Thủy (Thừa Thiên), trú ngụ Quy Nhơn từ lúc ấu thơ , vừa tạ thế hôm 11 Novembre 1940 lối 11 heures 30 tại Quy Nhơn, an táng tại đất thánh Quy Hòa, thọ không hơn ông Nhan Hồi thuở trước.

Song thân ấy yếu mà danh ấy thọ, vì Hàn Mặc Tử còn để lại cho non sông Việt Nam một văn nghiệp rực rỡ.

Nói đến văn nghiệp Hàn Mặc Tử phần đông các bạn thanh niên chỉ nghĩ đến tập thơ Tự do ("Thơ mới") *Gái quê* (đã xuất bản) *Thơ điên, Xuân như ý* và *Cẩm Châu Duyên* (chưa xuất bản song nhiều bài đã đăng trên báo chí ba kỳ). Và hẳn có lắm bạn tưởng Hàn Mặc Tử không có tình nghĩa với thơ Đường luật.

Nếu các bạn tưởng thế là lầm: Hàn Mặc Tử vốn là một người tình cũ của thơ Đường luật và đã nổi tiếng về lối thơ Đường luật từ 1931. Song lúc bấy giờ biệt hiệu của thi sĩ không phải là Hàn Mặc Tử mà là Phong Trần. Lấy hiệu Phong Trần vì lúc bấy giờ tuổi thi sĩ tuy chưa quá hai mươi, song đời thi sĩ đã trải qua đôi lớp phong trần rồi vậy.

Qua đến năm 1932, kết bạn cùng thi sĩ, tôi bàn nên bỏ cái hiệu Phong Trần thi sĩ mới lấy hiệu là Lệ Thanh (Lệ Thủy và Thanh Thủy hợp lại). Mãi đến năm 1935 (hay 1936) vào làm chủ bút tờ phụ trương văn chương báo *Sài Gòn*, thi sĩ mới lấy hiệu Hàn Mặc Tử và cũng từ báo đó thi sĩ mới bước qua làng "thơ mới".

Cũng như "thơ mới" của thi sĩ đối với bạn thanh niên, "thơ cũ" của Hàn Mặc Tử cũng được rất được khách làng thơ đồng phái thưởng thức. Phan Sào Nam lúc mở Mộng Du thi xã, xem ba bài thơ của thi sĩ gởi sau đây:

### THỨC KHUYA

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng*
*Thức chi mình ta dạ chẳng an!*
*Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối*
*Gió thu lọt cửa cọ mài chăn.*
*Khóc giùm thân thế hoa rơi lệ,*
*Buồn giúp công danh để dạo đàn*
*Trỗi dậy nôm na vài điệu cũ...*
*Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

### CHÙA HOANG

*Chùa không sư tụng cảnh buồn teo*
*Cốt Phật còn đây chuỗi Phật đâu?*
*Réo rắc cành thông thay kệ đọc*
*Lập lòe bóng đóm thế đèn treo.*
*Hương rầu khói lạnh nằm ngơ ngác,*
*Vách chán đêm suông đứng dãi dầu*
*Rứa cũng trơ gan cùng tuế nguyệt...*
*Bên thềm khắc khoải giọng quyên kêu.*

### GÁI Ở CHÙA

*Rừng thiền thấp thoáng bóng quần thoa*
*Khuê các trâm anh cũng rứa à?*
*Mùi thế chưa chi mà vội chán*
*Trò đời mới rứa đã lo xa*
*Lợt màu son phấn say màu đạo*
*Chán cảnh phiền ba mến cảnh chùa*
*Bà Nguyệt trớ trêu lòng dạ thiểm*
*Trăm năm nỡ để thiệt thòi hoa.*

Cụ họa vận cả ba và viết bài đăng trên tờ báo quốc văn (báo *Trung lập* thì phải) hết lời khen ngợi. Về đọan kết bài ấy tôi nhớ mày mạy như thế này; "Từ về nước đến nay, tôi xem thơ quốc âm cũng khá nhiều song chưa gặp được bài báo nào hay đến thế...Ôi hồng nam nhạn bắc, ước ao có ngày gặp gỡ, để bắt tay nhau cười lên một tiếng là thỏa hồn thơ đó". Khi Tản Đà tiên sinh giữ mục "thi đàn giảng tập" cho báo *Thanh Nghệ Tĩnh* (hay *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*) tôi có gởi ra cho tiên sinh bài *Vịnh cây đàn nguyệt* của Hàn Mặc Tử sau đây :

*Hỏi trơ mấy tuổi – Đáp mười lăm,*
*Non nước từng phen nổi tiếng tăm*
*Bạc mạng giây lần đau chín khúc*
*Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm.*
*Chướng minh trước án trông đầy đặn,*
*Nép mặt trong hoa nói thì thầm.*

(Câu chuyển kết quên ! Cố nghĩ mãi mà không nhớ lại được !!!)

Tiên sinh xem và cũng nhận là một bài thơ hay và đã định đem ra làm việc giảng tập, song kế đó thôi trợ bút cho tờ báo kia, nên bài thơ đó tiên sinh chỉ dành thưởng thức riêng một mình.

Ngoài mấy bài thơ trên Hàn MặcTử còn nhiều bài truyền tụng như bài :

BUỒN THU

*Áp úng không ra được nửa lời*
*Tình thu tha thiết lắm thu ơi!*
*Vội vàng cánh nhạn bay đi trớt*
*Buồn bã hơi may thoảng lại rồi:*
*Nằm gắng đã không thành mộng được*
*Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi*
*Ngàn tầm bóng liễu trông xanh ngắt*
*Cảnh sắp về đông mắt sẽ vơi..*

Những bài chép trên đây lúc thi sĩ chưa qua làng "thơ mới".

Từ lúc bước qua làng "thơ mới" thỉnh thoảng cũng có làm đôi bài thơ Đường luật. Tháng trước đây, nhân tôi gửi ra một bài thơ của tôi làm để tặng thi sĩ. Bài :

NGỌN GIÓ CANH KHUYA

*Ngọn gió muôn xa phe phẩy vào*
*Rẽ mây đưa nguyệt gác trời cao*
*Sáo dìu dặt thổi rừng dương liễu*
*Hương chập chờn bay khóm trúc đào*
*Vàng ngọc nhảy reo câu khiển hứng*
*Non sông bừng tỉnh giấc chiêm bao*
*Lòng chan chứa biết bao cay đắng*
*Tan sạch còn lưu chút ngọt ngào*

Thi sĩ có họa vần gửi vào:

*Từ Đằng vương các đẩy đưa vào*
*Vừa thoáng đâu đây đã vụt cao*
*Chưa tối lung linh thay bóng nguyệt,*
*Đang đêm len lén lại song đào*
*Âm thầm cảnh ấy thương khôn xiết*
*Mát mẻ lòng đây hưởng được bao!*
*Trận gió qua rồi hơn mộng nữa*
*Niềm riêng riêng chạnh lúc hương ngào*

Bài họa này là bài thơ Đường luật cuối cùng của thi sĩ, vì từ bấy, thi sĩ đau luôn không có sức nghĩ đến thơ nữa. Và câu "*Mát mẻ lòng đây hưởng được bao!*" là một tiếng kêu tình cờ của con từ quy khi cảm thấy mùa thu sắp tới !.

*(Người Mới, ngay 30 -11-1940 )*

DÒNG VIỆT xin giới thiệu :

**VĂN-HỌC HIỆN-ĐẠI** (4 Tập)
của NGUYỄN THIÊN THỤ

Nhà Xuất-bản GIA HỘI (2006)
Ottawa, Ontario, CANADA
Ấn-phí và cước-phí : $34 mỗi quyển

Thư từ và chi-phiếu xin gởi về và đề tên :
TUYẾT HONG NGUYEN
45 Inverkip Avenue
Ottawa, Ontario, K1T 4B8,- CANADA
Phone:(613) 249-0598 .- E-mail : sontrung2@hotmail.com

-o0o-

**HÀN MẶC TỬ**
QUA NHỮNG CUỘC TÌNH

của Huyền-Vũ Lê Văn Huyên
Tác-giả tự xuất-bản, Houston : 2006

Không đề giá tiền

Thư từ, chi-phiếu xin liên-lạc :
Huyền Vũ , LÊ VĂN HUYÊN
8530 Battle Plains Drive.- Houston TX 77040
Phone: (713) 983-8036 .- Cell : 713-530-1346
E-mail : huyenle42@yahoo.com

# CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

***Hàn Mặc Tử***

Trăng là ánh sáng? Nhất là trăng giữa mùa thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm, và nếu người thơ lắng nghe một cách ung dung, sẽ nhận thấy có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lả tả... Và rơi đến đâu, chạm vào thứ gì là chỗ ấy, thứ ấy vang lên tuy chẳng một ai thấy rõ sức rung động. Nghĩa là trăng rằm trung thu : một đêm siêu hình, vô lượng, tượng trưng của một mùa ao ước, xây bằng châu lệ, làm bằng chia ly, và hơn nữa, hiện hình của một nguồn khoái lạc chê chán... Phải không hở chàng Ngưu và ả Chức?

Sông ? Là một dải lụa bạch, không, là một đường trăng trãi chiếu vàng, hai bên bờ là động cát và rừng xanh và hoang vu và thanh tịnh. Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những dòng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nớt, tiếng cười trong như thuỷ tinh và thanh khiết lạ thường, luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được: "Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước ?". Tôi ngước mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước rồi cũng cười đáp lại: "Cả và hai chị ạ". Sướng quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo động luồng tinh khí của hạo nhiên.

Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu chưa đủ, Ngưu lang và Chức nữ, Chúa của đêm trung thu còn sai gió mang lại gần chúng tôi một thứ mùi băng phiến : trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết có mình và nhận mình là ai nữa.

Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hoà lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đang đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to : "Đã gần tới sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang !".

Đi trong thuyền chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, in hình có một vì tiên nữ đang kêu thuyền để quá giang.

Thình lình vùng mộng của chúng tôi bớt sáng lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Chùa Mo [1] và bảo tôi rằng : "Thôi rồi ! Trí ơi ! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không ? Nó gỡ mãi mà không sao thoát ra được, biết làm thế nào hở Trí". Tôi cười : "Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn". Hai chị em liền dấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ bước lên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh khiết như mạch nước ngọc tuyền, chồm lên những vừng lá, hễ trông đến là kinh hãi vì ngó giống con bạch hoa xà như tạc...

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thinh - mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hòn non bằng cát trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, của lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh - một màu

[1] Một làng ở cửa biển Quãng Ngãi.

trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát...

Hai chị em đồng dang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao...Thỉnh thoảng mõi hai đầu gối quá, cả chị liền em đồng ngả lăn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra dòn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngợp quá, sáng quá, hứng chí làm sao ? Đây có phải là nước Nhược non Bồng, động phủ thần tiên ngàn xưa còn sót lại ? Nhìn xuống cát cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào Nguyên Tiên nữ, nhưng tấm cát phẳng lờ của lụa căng, trinh bạch làm sao.

*Bất tri thử địa quy hà xứ*
*Tu tựu Đào Nguyên vấn chủ nhân?*

Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa trăng, Mở mắt cũng không thấy rõ ở đâu là chín phương trời, mười phương phật nửa. Cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của tôi và chị tôi lờ đi vì chói lói... ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như cả bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong răng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngã vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu... Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là đức tinh truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao : "Có phải chị không hở chị ?". Tôi run run khi tôi có ý nghĩ : chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và lại reo lên : "A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!".

Ngó lại chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt. Chị tôi hí hửng như xuân, chạy nhảy xênh xang cơ hồ được dịp phát triển hết cả ngây thơ của người con gái mười lăm tuổi, tôi ngắm mãi chị tôi, và tự vui sướng trong lòng vô hạn. Có lúc tôi đã kiêu ngạo thay cho sắc đẹp nhu mì ấy, mà chỉ dưới trời thu đêm nay tôi mới biết thưởng thức. Những phút sáng láng như đêm nay, soi sáng linh hồn tôi, và giải thoát cái "ta" của tôi ra khỏi nơi giam cầm của xác thịt...Tôi bỗng rú lên một cách điên cuồng, và chực ngửa tay hứng một vì sao đang rụng. Chị tôi đằng xa chạy lại bảo tôi :

- Em la to quá, chị sợ âm thanh rung động đến khí trời, rồi những ánh trăng sẽ tan ra bọt mất...

- Không, không, chị ơi ! Rồi ánh sáng đêm nay sẽ tan đi, ta sẽ buồn thương và nhớ tiếc. Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi...

# LA PURETÉ DE L'ÂME

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, apportez moi – une couronne.

Je veux baigner dans l'Océan de lumière et d'amour divin.

Car ici-bas s'accomplissent des miracles qui tiennent les hommes muets d'admiration en contemplant l'oeuvre mystique du Très Haut.

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, voyez-vous cette lumière diaphane qui se précise cette blancheur de neige, cette forme immaculée, cette âme apparue au monde ?... Je crois dès premier abord que c'est l'esprit des

saints, la poésie la quintessence de la prière, qui au lieu de s'exhaler en parfum et en ether prend la modeste résolution de se faire créature !

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, applaudise : car ce sont les Mères et Soeurs de Saint Francois d'Assise qui descendent au monde pour calmer les douleurs et les peines des faibles mortels, des malades et des lépreux tels que nous sommes.

Je veux chanter des louanges, me désaltérer de leurs douces paroles quand elles chantent :

Hosannah ! Hosannah !

Je veux toujours admirer cette blancheur immaculée, cette fraicheur, cette lumière, cette poésie, car tout cela est l'emblème de la

PURETÉ DE L'ÂME

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, lancez-vous des roses et des nénuphars, des chants mélodieux et des notes embaumées et versez avec effusion les vertus, le courage et le bonheur parmi les servantes de Dieu...

Francois Trí
Déo gratias

Nuit de Mercredi
24 Octobre 1940.

# CÔ GÁI ĐỒNG-TRINH

***Tặng Mỹ-Thiện sau khi
hay tin tự tử.***

*Ôi chao ghê quá ! Ôi ghê quá !*
*Cảm thấy hồn tôi ớn lạnh rồi.*

*Đêm qua trăng vướng trong cành trúc*
*Cô láng giềng bên chết thiệt rồi*
*Trinh tiết vẫn còn nguyên vẹn mới*
*Chưa hề âu yếm ở trên môi.*

*Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc*
*Cả một mùa xuân đã hiện hình*
*Thinh sắc cơ hồ lưu luyến mãi*
*Chết rồi – xiêm áo trắng như tinh.*

*- Có tôi đây ! hồn phách tôi đây !*
*Tôi nhập vào trong xác thịt này*
*Cốt để dò xem tìng ý lạ*
*Trong lòng bí mật ả thơ ngây.*

*- Biết rồi, biết rồi ! Thôi biết cả*
*Té ra Nàng sắp sửa yêu ta*
*Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy*
*Như chực xuân về thổ lộ ra.*

Người Mới
số 28-12-1940

# PHẦN IV

" Cách nhau ngàn vạn dặm"

*"Cách nhau ngàn vạn dặm,*
*"Nhớ chi đến trăng thề*
*"Dầu ai không mong đợi. . . ."*
Hàn Mạc Tử .- Tình Quê
(Gái Quê)

# Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mạc Tử.

*Nguyễn Đình Niên*

***Lời Tòa Soạn*** .- Nguyễn Đình Niên.

Nguyên cựu giáo sinh Đại Học Sư Phạm Huế – Ban Việt Hán - đồng thời cũng là sinh viên Đại Học Văn Khoa Huế

Sau khi tốt nghiệp, đã giảng dạy môn Văn Chương Việt Nam ở các trường Trung Học miền Trung. Dưới sự bảo trợ của cố giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Đình Niên đã trình bày Tiểu Luận Cao Học: "*Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mạc Tử* " tại Đại Học Văn Khoa – Viện Đại Học Saigon năm 1973 và được chấm tốt nghiệp "ưu hạng"

Hội Đồng Khảo Thí gồm có cố Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cố giáo sư L. M. Thanh Lãng. cố giáo sư Phạm Việt Tuyền. Phần trích đăng ở Dòng Việt thuộc Phần Dẫn Nhập theo lời ghi nhận của tác giả, hiện ở Huế và đã về hưu vì đề ngoài "Thất thập cổ lai hi !"

*Dòng Việt*

"*... Nếu phải quỳ lạy dâng tất cả những ngày sung sướng đã qua và sẽ tới cho người để đổi lấy một phút gặp gỡ ... tôi cũng xin vâng.*

*Nhưng chẳng bao giờ tôi chịu đem những ngày đau khổ cực điểm đổi lấy những đêm hoan lạc trong cung A hoàn*" (1).

Hàn Mạc Tử đã nói như thế trong bài MÙA THU ĐÃ TỚI. Đã không hẳn là tiếng nói của một Hàn Mạc Tử thi sĩ. Đó chính là tiếng nói ngây thơ của một tâm hồn ngây thơ, bàng

hoàng ngây ngất trước ngưỡng cửa cuộc đời. Một cuộc đời mà nụ cười cùng giọt lệ nhiều lần trộn lẫn vào nhau để nở thành hoa hạnh phúc trên đầu mối thì thầm cầu nguyện. Nếu phải quỳ xuống, nếu phải dâng lên tất cả những diễm phúc cuộc đời, trong quá khứ và cả trong tương lai, để được nhận "một chút gặp gỡ", một chút an ủi phủ dụ trong hiện tại, Hàn Mạc Tử đã bằng lòng làm thế. Nhưng Hàn Mạc Tử hơn một lần đã từ chối chẳng bao giờ chịu đem đổi những đau khổ cực điểm của ngục tù tâm tư u uất bằng những hoan lạc nồng nàn của cuộc đời sẵn sàng trao tặng. Thà rằng làm một kẻ mù lòa, hành khất đi lang thang vô định trong nẻo đường riêng của tâm tư mình, sâu thẳm tối tăm khuất khúc, còn hơn là một gã hoàng vương hồng hào bụ bẫm trong cung điện A Phòng. Hàn Mạc Tử đã có ý ấy. Trong cung A Phòng mỹ nhân thân hóa bướm sẵn sàng của khúc nghê thường vũ y, quay theo mây lối vòng cung cố định. Hàn Mạc Tử đã từ chối nỗi hoan lạc ấy. Thà rằng làm một kẻ mù lòa, dò theo luồng ánh sáng lạ, luồng ánh sáng ảo não bất ngờ của tâm tư, còn hơn là sống bụ bẫm trong một sự tự mãn đáng ghét. Cái ánh sáng trong suốt, chói lói, tuyệt vời đó, vẫn hằng soi dọi trên cái bề mặt ảm đạm nhạt nhẽo của số đông bình an tự mãn, để làm rõ ra ý nghĩa chân thực của cuộc đời, cố làm sáng lên cái ý nghĩa chân thực của số phận làm người. Cúi xuống, còng lưng, ôm lửa đỏ. Mang lửa từ trời cao xuống đất, phải chăng Prométhée đã mang xuống cho cõi đời này một ý nghĩa, và cũng là một ân sủng : Đau Khổ. Cúi xuống, còng lưng, ôm đá cứng. Đá cứng mang ngược lên triền núi đứng, phải chăng Sisyphe đã ôm trong vòng tay trần trụi mình một ý nghĩa, một biểu tượng của THÂN PHẬN CON NGƯỜI : ĐAU KHỔ.

Đau khổ khơng phải chỉ là những cơn thảng thốt rùng mình kéo dài tràn lan trong cơ thể.Đau khổ không phải chỉ hoàn toàn ràngbuộc vào, gắn liền với thân xác.Đau khổ là

một thứ cảm tình, và không thể có một thứ cảm tình *nhưng không*; đau khổ có một ý nghĩa, tùy thuộc vào con người, chứ không phải là một cảm tính vô thưởng vô phạt. Đau khổ có tính chất đa diện, hàm hồ. Có đau khổ đem tới hạnh phúc. Có thứ hoan lạc chỉ là cầu nối của đau khổ. Tội lỗi là một thứ trái hồng mọng chín, quyến rũ, mời gọi đầu môi. Đau khổ cũng là "một thứ trái cây mang đầy tro đắng, một thứ khổ qua của sa mạc" và đối với cơn khát sống, chỉ càng làm tăng sự nung đốt khốc hại lên mà thôi (2). Thế nhưng, đau khổ vẫn mang một ý nghĩa phổ quát của cuộc đời, một ý nghĩa chung cùng của số phận loài người, ở trong thế giới này. Thân phận con người là gì, nếu không phải bị đóng khung lại trong những hoàn cảnh cố định. Chúng ta có thể nỗ lực để thay đổi một hoàn cảnh. Nhưng có những hoàn cảnh mà con người – dù nỗ lực bao nhiêu nữa – cũng khó lòng vượt qua. Đó là những hoàn cảnh giới hạn (situations – limites). Chúng ta phải chết. Chúng ta phải đau khổ, Chúng ta phải: lẩn quẩn trong xiềng xích của sa đọa tội lỗi (chute) (3). Ý thức về cái chết, ý thức về đau khổ, ý thức về sa đọa... nghĩa là ý thức về nền tảng thân phận làm người bi đát của chúng ta.

Hàng ngày, chúng ta nhắm mắt sống theo nhịp đời đẩy đưa, tưởng như chúng ta quên rằng chúng ta phải chết. Chúng ta chuối mình vào tội lỗi, và chúng ta vật vờ trôi theo số mệnh luân lưu cho đến chừng nào chúng ta ý thức về cái chết, rõ đau khổ, lúc bấy giờ chúng ta mới thực sự hiện hữu. Đau khổ dày vò chúng ta bắt chúng ta kiểm điểm lại mình, có cái nhìn mới mẻ, chân thực về mình. Chúng ta thoát ra khỏi cái vỏ ốc cứng cỏi của sự bình an hưởng thụ. Đau khổ bắt chúng ta chiêm nghiệm lại lẽ sống ở đời. Đau khổ bắt chúng ta hiện hữu trên từng nhịp đời, chứ không phải sống vắng mặt khuất mình theo đa số.

Có những thứ chữ đen, hằn vết mực, không phai nhòa. Đau khổ là những dòng chữ đen đậm nét trên những trang đời của chúng ta đó. Hạnh phúc, khác thế. Hạnh phúc

được viết bằng những dòng chữ trắng. Bảo rằng trắng, thì bao nhiêu ngày tháng hạnh phúc vượt qua ngưỡng cửa tâm hồn chúng ta, sẽ không để lại cho chúng ta một ấn tượng sâu xa nào. Tưởng như, nửa năm dài sống diễm phúc bên cạnh người tiên, không bằng được một khoảnh khắc vĩnh biệt đã ghi lại một dấu son não nùng trong lòng Lưu Nguyễn. Tưởng như, chàng thư sinh trong truyện *Bích Câu Kỳ Ngộ*, Tú Uyên, chỉ hiện hữu thực sự trong nỗi dày vò chờ đợi nhớ thương, trước một bức tranh mỹ nhân kiều diễm, câm nín, Tú Uyên, chỉ hiện hữu thực sự trong nỗi dày vò hối hận, sau khi Giáng Kiều thoát biến đi. Giáng Kiều là người tiên. Nàng đẹp ở bất cứ giai đoạn nào của đời nàng. Khi còn trong tranh, nàng kiều diễm. Khi từ trong tranh bước xuống với đời, nàng vẫn giữ nguyên vé kiều diễm đó. Tú Uyên là người trần. Thế cho nên, khuôn mặt chàng gắn liền với số phận người trần. Tú Uyên thực sự hiện hữu trong nét mặt hằn vết khổ đau vì chờ đợi, vì sa đọa, vì hối hận dày vò. Tú Uyên gần như chỉ là ảo ảnh trong những ngày chung đôi hạnh phúc với người tiên. Diễm phúc là gì, nếu không phải chỉ là ảo tưởng. Hạnh phúc chỉ là cặp cánh trắng, rất nhẹ nhàng, của các nàng tiên, của một loài chân quý, của một loài bướm lạ... mãi mãi bay đi trong vòm trời thinh không lý tưởng, dám đâu đậu lại mãi mãi trên nền đất buồn sầu gặm nhấm, đau khổ ăn mòn này. Chúng ta sống trong một khổ hãi, mà thân phận của chúng ta là thân phận của những kẻ trót bước xuống thuyền (4). Thuyền gắn liền vào với sóng, chúng ta gắn liền vào với đau khổ:

*Nghĩ thân phu thể mà đau*
*Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê (5)*

Chúng ta không thể không chấp nhận đau khổ. Sống ở đời, mà chỉ chấp nhận hạnh phúc, không biết chấp nhận đau khổ, chính là một hình thức phản bội! Phản bội, vì chẳng khác chi những kẻ đã bước xuống thuyền, mà không chịu chấp nhận sóng nước. Chấp nhận đau khổ, nghĩa là can đảm nhận lấy tính chất tất yếu của đời này. Đau khổ

làm sáng lên khuôn mặt làm người bi tráng ở trong cuộc đời. Đau khổ làm rõ ra khuôn mặt làm người can trường ở trong thế giới. Đằng nào, chúng ta cũng là kẻ đã bước xuống thuyền. Gió đã lên rồi. Đằng nào, chúng ta cũng phải sống, phải đau khổ. Trong khổ hải, thân phận con người chỉ là những cánh bèo:

*... bèo đầu bến mê*

dù rằng đó là cánh bèo có ý thức, cánh bèo có tư tưởng. Biểu tượng "cánh bèo" của Ôn Như Hầu cũng vừa hèn mọn vừa can đảm chẳng khác gì biểu tượng cây sậy của Pascal. Hèn mọn, yếu đuối, mỏng manh... chúng ta cũng là cánh bướm mỏng dám liều lĩnh đập cánh trên mặt đại dương (6). Cái đẹp của kiếp người, chính là ở chỗ dám liều, dám chao mình trên cái mênh mông của biển khổ. Biết là có đôi cánh mỏng, nhưng vẫn đập cánh, liều mình trên mặt nước đại dương, cái bi tráng của kiếp người cũng là ở chỗ đó. Đời người, tưởng như bị vây bọc bởi chiếc kén đau khổ. Nhưng, chúng ta không phải là những chiếc kén yên phận. Chúng ta là những con ngài luôn luôn vùng vẫy, tìm cách cắn chiếc kén, để chui ra. Đau khổ, hoàn cảnh giới hạn vây bọc thân phận chúng ta, tuy rằng nhiều lần, chúng ta muốn vượt qua hơn là thụ động cắn răng chịu đựng. Chúng ta lẩn quẩn giẫy giụa trong đau khổ. Đau khổ sinh lý rồi đến đau khổ tâm tình. Chúng ta đau khổ vì chúng ta cũng là thân xác mỏng, dòn, dễ vỡ. Vết thương trên da thịt hay vết thương tâm tình đều ghi đậm dấu vết quằn quại. Chúng ta đau khổ trước cái chết người thân yêu, cái chết như là giới hạn tột cùng và ghê rợn của thống khổ. Chúng ta đau khổ trước những người thân yêu của ta đang quằn quại trong khổ hình của bệnh tật, đau buồn. Trước cái chết hay trước nỗi quằn quại của người yêu, chúng ta tự thấy hoàn toàn bất lực. Chúng ta bị chặn đứng bởi những giới hạn ghê sợ. Thế nào chúng ta cũng nhiều lần, chiêm nghiệm về ý nghĩa của đau khổ. Chúng ta cũng có lúc không nên giấu giọt lệ, bởi giọt lệ là ý nghĩa của đời người. Giọt lệ tùy thuộc vào tình còn đau xót,

ngang trái, mâu thuẫn của chúng ta. Giọt lệ được xem là những viên ngọc quý của cảm tình, vì chúng ta sống ở đời, chưa từng thấy có dòng lệ đục! Thiên thần không có lệ. Con vật giá mà biết khóc! Chỉ có con người có được hạt lệ mà thôi. Bạo chúa Néron mỗi khi khóc, hứng nước mắt vào một bình thủy tinh, điều đó, phải chẳng đã cho chúng ta thấy giọt lệ nhân sinh quý giá biết bao nhiêu. Đau khổ chất lại trong những hạt lệ thầm lặng đôi đũa ngọc trên má chúng ta, những cũng lắm lúc, giọt lệ chỉ nhỏ xuống trong tim, và càng đau khổ hơn là những giọt lệ rỏ xuống trong tư tưởng chúng ta. Do đó, quả như lời của Alfred de Musset, hạt lệ có cái vinh quang của hạt lệ, cũng như đau thương có cái thuần khiết của đau thương!

*Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,*
*Et j'en sais d'immortels qui sont de pure sanglots (7)*

Đau khổ cắm ngọn cờ đen trong óc chúng ta. (8). Đau khổ cắm mũi tên hồng trên tim ta. Chúng ta suy tư về đau khổ. Chúng ta vật lộn với đau khổ. Những trang đời thanh thiên hy vọng hoặc hồng đào hạnh phúc, có lẽ không ghi dấu đậm nét trong hồn chúng ta bằng một khoảnh khắc đối đầu, vật lộn với những móng vuốt nhọn đen của đau khổ. Liệu rằng sống, chúng ta có đủ can đảm chịu đựng được những chiếc đinh đau khổ đóng vào thân xác chúng ta trên thập tự giá của cuộc đời hay không? Tiếng thét của Jésus-Christ trên thập tự giá là một biểu tượng thực chất, đầy đủ nhất về nỗi thống khổ nhân sinh. Không những chỉ đau khổ tâm tư, tiếng kêu thét của Jésus-Christ (9) bị đóng đinh mang theo tất cả thống khổ tột độ của thể xác. Trong cái khoảnh khắc chịu khổ hình trên thập tự giá đồ, trong tiếng kêu thét đó, Jésus-Christ sống lại tất cả những đau thương vốn tiềm ẩn trong đời người. Tiếng thét của Jésus-Christ không phải là tiếng kêu cứu. Đó là biểu tượng chói sáng của một nỗi đau khổ tuyệt vời, một niềm hy sinh cao khiết. Do đó, chịu nhận đau khổ, cũng là một sự dọn mình

cho cái chết. Đau khổ là sự tự chọn cái chết của chính mình theo một khía cạnh siêu hình mà mình đương cưu mang. Đau khổ, do đó, là một ý thức sáng suốt để sửa soạn trước cái chết của mình. Chết, hình thức tuyệt đỉnh của đau khổ, vốn là một sự hy sinh. Hy sinh, bởi vì, từ cái chết, nẩy mầm sự sống. Cây cỏ phải mục nát để được đâm chồi nảy lộc xanh non. Từ những xác chết thối rữa, dây leo quấn quít mọc lên, cùng với những chùm hoa rực rỡ chói lói. Hạt giống phải rứt ra, để cho chồi mộng nảy nở. Người sản phụ phải quằn quại đau đớn để có cái hạnh phúc được làm mẹ (10). Thế cho nên, hạnh phúc cùng đau khổ vốn hằng ôm nhau trong chiếc nôi đời. Không có một thứ hạnh phúc thuần phẩm, cũng như không có thứ đau khổ thuần phẩm... Làm người, nghĩa là chúng ta phải ngoạm vào trái tim đau khổ, phải cắn vào trái oan khiên, để từ những giọt lệ cay đắng rung rinh đầu mi, chúng ta tìm thấy được Thiên Đường đã mất. Chúng ta là những kẻ bị lưu đày. Thiên Đường khuất lấp, mịt mùng ở cuối chân trời ước vọng, chúng ta biết tìm về đâu để thấy lại quê hương đã mất ? Từ nền tảng đau khổ, chúng ta thường xuyên thức tỉnh, cảm nhận, đi về trên nỗi bi đát của thân phận làm người chúng ta. Chúng ta không phải là những gia súc để được nuôi cho béo (11), và sự xuất hiện của Hàn Mạc Tử, một nhà thơ bệnh hoạn, nghèo nàn, đau khổ... là một sự RA ĐỜI (12) cần thiết đối với chúng ta, những kẻ đang cưu mang bao nhiêu dấu hỏi đen và lớn về số phận làm người của chính chúng ta trong thế giới này.

Sự "ra đời" của một thi nhân, chính là chân tâm của nghệ sĩ. Chân tâm ấy được thể hiện bằng những chữ óng ánh sinh mệnh mình. Chữ nghĩa là những que diêm bật hồng, soi sáng khuôn mặt tư duy sống trái của nhà thơ. Chữ nghĩa của thi sĩ có mãnh lực lớn đối với cái nhìn ngắm đã cũ càng, cách nhìn ngắm đã trở thành quy ước của thế giới. Chữ nghĩa, đối với Hàn Mạc Tử, không phải

chỉ là tư tưởng tâm hồn vò xé, mà còn là não cân máu thịt quay cuồng của thi sĩ nữa. Trong ý hướng đó, Hàn Mạc Tử viết :

*Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút*
*Mỗi lời thơ đều dính não cân ta*
*Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt*
*Như mê man chết điếng cả làn da (13).*

Lời thơ "*rướm máu*", lời thơ "*dính não cân*", lời thơ "*chết điếng cả làn da*", mấy câu trên bộc lộ tất cả niềm đau xót quằn quại của nhà thơ trong giờ phút sáng tạo. Sáng tạo không phải chỉ là viết trên giấy, niềm hứng khởi để được kết tinh. Trong một khoảnh khắc nào đó, bộc lộ thành lời thành chữ. Sáng tạo bắt nguồn từ một đau khổ tối tăm, u uất. Sáng tạo, gần như là một sự kỳ diệu, bí ẩn. Tôi là thi sĩ, tôi có một đời sống thơ, nhưng có thể tôi chỉ là một hình thể nhàm chán tẻ nhạt trong đời sống bình thường nồng cháy. Tôi chỉ thực sự là thi sĩ trong giờ phút sáng tạo. Chữ viết xuất hiện trên đầu ngòi bút như máu vọt ra, như dính lại máu lệ não cân của người thi sĩ. Nói như thế, không có nghĩa là phủ nhận tính cách cưu mang của người thi sĩ, cưu mang bài thơ chưa thành hình dạng, cưu mang bài thơ mới là những ánh lửa thiêng, chợt tắt chợt sáng chợt có chợt không, trong tâm tư nhà thi sĩ, trước khi bài thơ thoát khỏi cõi bồng hoàn u uất của tiềm thức để trở thành bài thơ đã thành hình dạng của nhà thi sĩ. Thi sĩ thường xuyên cưu mang những mộng mơ, tâm tình, dự ước... của mình như là hút thở khí trời. Lời thơ, chữ thơ của thi sĩ chính là bảo vật di tặng của nhà thơ trao gởi lại cho cuộc sống. Trao bài thơ cho đời, cũng gần như là một sự trao thân, bởi vì – trong từng phút từng giây, nhà thơ thở ra bóng hình của sự chết. Thi sĩ thầm lặng cưu mang nỗi tuyệt vong bi thiết của mình như là loài trai dưới đáy

biển cưu mang hạt ngọc quý. Bài thơ là hạt ngọc đó. Rạch thịt, nát thân, ấy là số phận loài trai để cho ngọc thành hình.

Cần như thế, nhà thơ phải tự hủy một phần não bản thân mình, để cho bài thơ thành hình dạng. Chính Hàn Mạc Tử cũng nhận ra rằng :

" *Mỗi lần tôi làm được một bài thơ, là héo hắt đi một ít ở tâm hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi. Khi nào tôi òa lên khóc, hay gào thét như người điên, lúc bấy giờ tôi mới làm thơ được*" (14).

Sáng tạo, gần như là một sự tự hủy. Đem được lửa từ trời xuống cho nhân gian, Prométhée, phải chịu phỏng lửa. Đem bài thơ chưa thành hình dạng trong cõi u uất tranh tối tranh sáng của vô thức hiện hình trên giấy trắng mực đen để gởi vào đời, nhà thơ đã cam chịu bao nhiêu đau đớn. Đau khổ của cưu mang. Đau khổ của sáng tạo. "*Nhị cú tam niên đắc – nhất ngân sang lộ thủy*" (15), bài thơ là cái thành quả bí ẩn, là cái nhân duyên bất trắc (bất trắc, bởi vì, bài thơ có thể có, có thể không có, không thành) của niềm cưu mang sáng tạo. Bài thơ không hẳn là một sự kết tinh, một sự gạn lọc, như là chất ngọc vốn là kết tinh chói sáng của than, của đá. Bài thơ là một sức mạnh chuyển động ngấm ngầm, kỳ bí, và bất ngờ. Đò là một vết cắt to rộng dần : vết cắt nhỏ nhất trong tâm tư nhà thi sĩ, nảy nở ra, vút lên như một mũi tên lửa lao vào không gian vô tận. Bài Thơ – mũi tên lửa lao mãi vào không gian và thời gian – mang theo tất cả nỗi đau khổ dao cắt, nỗi đau khổ quằn quại, nỗi đau khổ chói sáng của người thi sĩ gửi cho cuộc đời để làm của tin cho loài người vốn chung cùng một số phận bi thiết :

*Của tin, gọi một chút này làm ghi* (16).

Thi sĩ sống ở giữa, ở trong chiếc nôi đời. Thi sĩ sống ở giữa hồng tâm của vũ trụ, ở giữa nhụy của cuộc đời. Thi sĩ biết và dám, hút mật đắng nhiều hơn mật ngọt. Thi sĩ

bằng lòng chịu đau khổ cực điểm, để có thể sáng tạo mình, hơn là sống hoan lạc trong cung điện hoàng vương để rồi đánh mất bản thân mình. Thi sĩ không phải là kẻ đứng bên lề. Bởi vì, kẻ đứng bên lề, nhìn cuộc đời bằng con mắt xoi bói, phán xét, không thể nào cảm nhận được mùi vị mặn ngọt chua cay của nhân thế. Dù con cưng hay ghét, thi sĩ "*hai tay chín mỏng bấu vào đời*", nằm giữa nôi đời rồi, là phải đã từng trải chua ngọt, nhận lấy kinh nghiệm sống trái của mình như một ân sủng được ban tặng.

Từ nhà thơ bình dân vô danh trong ca dao :

*Măng giang nấu cá ngạnh nguồn*
*Đến đây ta phải bán buồn mua vui*

Cho đến nhà thơ trí thức Nguyễn Du trong *Đoạn Trường Tân Thanh* :

*Khi tỉnh rượu, lúc canh tàn*
*Giật mình, mình lại thương mình xót xa* (17)

Tiếng thơ đều nằm trong một tình trạng vô cùng cô liêu. Thơ như là một tiếng nói riêng lẻ, nói giùm tiếng nói đa số. Thơ như là một tiếng nói cô độc nói về một số phận chung cùng. Bài thơ là ánh lửa le lói soi đường dẫn chúng ta đi vào mê lộ, nhưng theo từng bước chân, chúng ta có thể tìm thấy phảng phất niềm vui cao nhã, thuần khiết... thanh lọc qua bao nhiêu chặng đường sầu thảm gian lao của thi sĩ tác giả. Trên mỗi chữ thơ, chúng ta có thể tìm thấy hình bóng nỗi đau đớn ảo não bắt nguồn từ con tim u uất, bị rạch sâu vết mổ của tội lỗi hối hận hận dày vò. Trái tim đau khổ của nhà thơ, chính là một thứ nỏ cung (labyrinthe), trái tim cuồng nhiệt, đức hạnh, tội lỗi... nói chung trái tim chứa đầy mâu thuẫn – mà bài thơ có lẽ sẽ là sợi chi mảnh, hồng của nàng Ariana dặn chúng ta ngược lại chặng đường Thésée đã ra đi... Trái tim mẫu thuẫn, với hơn một lần, nhà thơ vốn hằng bị quần quại giằng co giữa hai mãnh lực : vừa muốn giấu hết tâm tình vào đáy lòng vừa muốn bộc bạch nỗi niềm để phô bày tâm sự.

Khi viết :

*Lòng ta là một bài thơ mãnh liệt*
*Vang tung lên trên thế giới mông lung* (18)

*Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút*
*Mỗi lời thơ đều dính não cân ta* (19)

chắc hẳn là Hàn Mạc Tử không bao giờ nghĩ :

*Ôi làm thơ là bóp chết riêng tây*
*Là giấu hết tình anh vào cẩn mật*

như một thi sĩ khác.

Thi sĩ là những kẻ can đảm đến thành khẩn, dám liều mình trong nỗi giằn vặt cô liêu, để nói lên tiếng đau thương. Đau thương vốn là đau thương chung của con người, "*bọn thi sĩ chúng tôi nhẹ lòng nhẹ dạ, nên lĩnh sang giùm cho tất cả nhân gian. Chuyện ngày tháng phôi pha, chuyện cuộc đời quanh quẩn, chuyện linh hồn tù hãm, thân thể bùn lầy, chuyện mùa đông hay buổi chiều quá đỗi thê lương như thế gian sắp tiêu diệt chắc không phải là chuyện một mình Huy Cận. Ai cũng nghe, mà cứ để trong cõi mù mờ của tình cảm, chúng tôi nghe rõ và nói ra, nên chúng tôi thành những người hay thở than*" (20).

Trầm thống như Hoàng Cảnh Nhân trong một đêm trừ địch :

*Nhữ bối hà tri ngô tử hối*
*Uổng phao tâm lực tác thi nhân* (21)

U uất như Lý TrácNgô trong lời tựa *Tây Sương Ký* :
"*Và chăng những kẻ thật biết viết văn ở đời, ban đầu nào có định viết văn. Chỉ vì trong bụng họ có chuyện lạ lùng quái gở, bên lòng họ có một món* "khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào". *Cửa miệng họ lại thường thường có*

*những câu muốn nói mà chẳng biết nói với ai. Những cái đó, chứa chất đã lâu ngày, không thể nén được nữa. một buổi sớm kia, cảnh vật gợi trêu, tình riêng rạo rực, họ xới giật chén rượu trong tay người, tưới khối hận trong đời mình, kể lể hết nỗi niềm uất ức, tiếc thương cho số phận chông chênh*" (22).

Rên siết như Hàn Mạc Tử, thở than như Xuân Diệu, Huy Cận, tự hối như Hoàng Cảnh Nhân, u uất lỗi như Lý Trác Ngô... tất cả đã nói ra thành lời thành tiếng – không phải để van xin một chút lòng thương hại hay một lời tặng thưởng của người đời, mà chính là đòi hỏi ở người đời, ở độc giả hãy dành cho nhau một sự cảm thông trọn vẹn, hãy nhìn sâu vào mắt xanh của nhau để thấu hiểu tất cả nỗi niềm quằn quại cưu mang của kẻ sáng tạo.

Cái chiều sâu thăm thẳm của thi ca thế giới là nỗi dày vò khắc khoải, là niềm đau thương hoặc bộc bạch hoặc ẩn tàng trên đầu mỗi chữ mỗi âm. Thi ca dẫn dắt chúng ta vào những hành lang hiu hắt, những lãnh cung buồn sầu, ở đó những lời ni non, những giọt lệ thầm lặng, những ve vuốt ân cần... Thơ Tây phương, với mặt trời cay đắng mặt trăng tàn bạo, với ngọn cờ đen cắm sâu trên đỉnh óc... Đau khổ nhọn hoắt bộc bạch rõ rệt trên giấy mực. Chúng ta có thể xem những mặt trời quay tít, những ngọn cây vươn lên những ngọn cờ... trong tranh VAN GOOH như là những biểu tượng nỗi thống khổ trọng đại, có góc có cạnh của phận người trong tinh thần nghệ thuật Âu Tây. Thơ Đông Phương, với "*vân tưởng y thường hoa tưởng dung*", với "*phù dung như diện liễu như mi*"... trăng, mây, hoa, liễu... tất cả uyển chuyển, nhịp nhàng, thanh bình, yểu điệu như gót son giai nhân, nét mày kỹ nữ... Thơ Á Đông hiền hòa, chân phương... với hình ảnh vương giả vũ khúc nghê thường, trong đó, có những vũ nữ "*Sở yêu tiêm tế chưởng trung khinh*", người hoa hóa bướm. Tuy nhiên, đó mới chỉ là cái nhìn đầu tiên của chúng ta ở bề mặt. Chìm xuống dưới mặt chữ lời ca, tiếng thơ Đông Phương vẫn là những

nỗi riêng tây đau khổ, những niềm chung cùng bi thảm phận người. Thơ Đông Phương, giống như nàng Lý Phi, Mai Phi... "*thà nép mày hoa thiếp phụ chàng*" (23) không muốn đấng quân vương thấy nhan sắc mình tiều tụy trong giờ lâm chung tối hậu... không muốn quân vương nghe tiếng thầm thì nỉ non của tình mình ở trong thâm cung... Do bởi những tiêu chuẩn nghệ thuật "*ý tại ngôn ngoại*", tình tràn đầy mà không để lộ, khí mạnh mà phải cố dằn khiến cho thơ Á Đông ít khi bộc bạch niềm đau thương lộ liễu trên đầu ngọn bút ? Hay tại vì, tâm hồn người Đông Phương, ẩn tàng, hướng nội... giống như đại dương sâu thẳm kia, sóng ngầm luân lưu, cuồn cuộn thường xuyên dưới đáy, mà bên trên, yên lành bề mặt phẳng lặng biên biếc vẫn bình thản soi chiếu cùng trời xanh?

Thế cho nên, từ nỗi niềm cưu mang quằn quại đau khổ sáng tạo ấy, dù là bộc bạch giãi bày hay dù là khắc chỗ ấm ức... tất cả thi sĩ – trước khi và đương sáng tác – đều sống trong tình trạng khắc khoải ray rứt ám ảnh không nguôi. Sáng tác, trở thành một nhu cầu thiết yếu. Làm thơ, phải chăng là thỏa mãn nhu cầu khốc liệt của chính thi sĩ muốn dò la bí mật nội tâm mình, muốn thấu hiểu năng lực mình ra sao. Thi sĩ dám có cái can đảm "... cứ để cho vết thương tối thiêng liêng mà các hắc thần đã vạch vào đáy lòng thi nhân lan rộng mãi ra (24). Từ đó, bài thơ thành hình. "Nó" là gì, nên không phải là chứng tích của một kinh nghiệm sống, một kinh nghiệm đoạn trường của người thi sĩ.

Chứng tích về kinh nghiệm đoạn trường của một thi sĩ như Nguyễn Du là *Đoạn Trường Tn Thanh*. Chứng tích về kinh nghiệm đoạn trường của một thi sĩ như Baudelaire là *Les Fleurs du Mal*. Tác phẩm không phải chỉ là khúc tân thanh của một tiếng đoạn trường, không phải chỉ là những hoa trái độc bởi phải ghi dấu nhiều vết thương tâm. Tác phẩm còn là tấm gương thần, tấm gương trong suốt nhất, để

từ đó thi sĩ xót xa soi vào, để thấy rõ mình hơn, biết rằng mình đã phải lệch đi bao nhiêu rồi khuôn mặt vuông tượng chữ điền... để cố tìm cho mình một lối thoát ra khỏi ngục tù u uất của tâm sự. Sự sáng tạo nghệ thuật, vì thế có bao hàm ý hướng tự giải thoát mình ra khỏi cái Ta chật hẹp, u tối... để thả xuống dòng đời ngọn hồng diệp để bắc qua lòng người nhịp cầu cảm thông. Trong một trang nói về một nhà thơ, Hoài Thanh có viết :

"*Một bài thơ hay, dầu nhẹ nhàng vui vẻ, dầu sầu não thương đau, bao giờ cũng là một sự giải thoát. Giải thoát ra khỏi cái u tối của xác thịt để sống trong cái ánh sáng láng của linh hồn. "Tự giáo nhi giác tha", cái tôn chỉ nhà Phật cũng là tôn chỉ của nhà thơ*" (25).

Lời nhận xét ấy rất đúng đối với trường hợp Hàn Mạc Tử. Hàn Mạc Tử, nhà thơ "*gánh máu đi trên tuyết*" (26) mà vẫn không quên "*trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng*" (27)

Tử :

*Những hạt lệ của trích tiên đày đọa* (28)

Hàn Mạc Tử dấn thân vào nô lệ của thơ, để tự lực mình tìm cho mình một đường hướng giải thoát. Thi sĩ là kẻ "*gánh máu đi trên tuyết*" cho nên, thơ Hàn Mạc Tử chính là những giọt máu nhỏ xuống nền tuyết trắng lạnh giá của mỗi nhịp đời. Ánh sáng của tuyết và của máu phản quang nhau chiếu giọi lên trên trang thơ thành luồng "*ánh sáng lạ*":

Tôi làm thơ?

- *Nghĩa là tôi nhấn một phím đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng* (29)

Thơ Hàn Mạc Tử không những chỉ là nỗi niềm đọng lại, mà thơ Hàn Mạc Tử chính là tiếng thơ phát quang, vỡ ra một tiếng đàn, bật lên một tia sáng từ mỗi nhịp đời

khổ não: "*Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai âm rền rĩ mãi không ngưng – và anh sẽ cảm giác lạ, nhìn không chớp mắt khi một tia sáng xôn xao tại có vì sao vỡ*".

Từ "*Những ngày đau khổ nhuộm buồn thiu*" (30) "*thân tàn ma dại*", Hàn Mạc Tử đã có ý tầm phương giải thoát mình ra khỏi cái Ta chật chội, u tối, bệnh hoạn bi thảm :

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt*
*Để chập chờn trong ánh sáng mông lung* (31)

Nếu nói như một nhà thơ Pháp, Jules Supervielle :

*Un poète prenait les mots de tous les jours*
*Pour chasser sa tristesse avec une nouvelle*
*Tristesse infiniment plus triste et moins cruelle* (32)

thì tiếng thơ đau thương Hàn Mạc Tử tiềm ẩn ý hướng tự giải thoát mình ra khỏi đau khổ của linh hồn và thân xác, bằng con đường trực tiếp của nghệ thuật. Trong cô liêu, nhà thơ phải tự cứu mình, tự giải thoát mình bằng sức mạnh vạn năng của chữ nghĩa.

*... Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực*
*Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ức*
*Tình thơm tho như ngấn lệ còn nguyên* (33)

"*Ngấn lệ còn nguyên*", nghệ thuật không hẳn chỉ là một sự đổi mới nỗi buồn thương, mà chính từ buồn thương bốc lên hương thơm, mật đắng ngây ngất khoái lạc kỳ diệu. "*Ngất đi trong khoái lạc của hồn đau*", thơ Hàn Mạc Tử là cánh phượng hoàng vút bay "*trong một tối trăng sao*" để thoát ra khỏi ngục tù tâm tư u uất của thi nhân :

*Phượng hoàng bay trong một tối trăng sao*
*Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa*
*Đương cầu xin ọc thơ ra dường sữa*
*Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...* (34)

Thi sĩ ngất đi trong khoái lạc thuần khiết của nỗi đau đớn dày vò trong giờ khắc sáng tạo. Tiếng thơ Hàn Mạc Tử bật ra như là một lời than, một tiếng thét của Jésus-Christ đương khi bị đóng đinh trên thập tự giá. Jésus-Christ không giấu tiếng thét đau đớn của người. Cũng thế, Hàn Mạc Tử không dồn nén tiếng đau thương. Hàn Mạc Tử bộc bạch nỗi lòng sượng sần tê điếng của chàng bằng lời thơ rướm máu. Hãy gục xuống, trên "*máu đang tươi*" của mình, để có thể tìm thấy Thiên Đường Cứu Rỗi. Hàn Mạc Tử đã có ý ấy. Sáng tác nghệ thuật, trong nghĩa đích thực của nó, phải chăng là tái tạo mình. Sáng tạo, không hẳn chỉ là sống đến hai lần (35) nó là một sự giải thoát – hơn thế nữa, một sự siêu thoát:

*"Trí người đã dâng cao và thơ người dâng cao hơn nữa. Thì ra người đang say sưa đi trong mơ ước, trong huyền diệu, trong sáng láng và vượt khỏi ra ngoài hư linh"* (36)

Tu sĩ giải thoát đau khổ bằng con đường tụ tập gian nan. Hàn Mạc Tử giải thoát khổ đau bằng lối đi khắc khoải của nghệ thuật. Nghệ thuật, chính là chiếc đũa thần kỳ diệu, có khả năng khuấy động đam mê, ban bố viễn tượng, sự sáng suốt, can đảm và, cả niềm tin nữa. Người thơ để trần luôn đến thế nào chăng nữa, cũng vẫn là người "*khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo*". Hàn Mạc Tử giãi bày tất cả bi thiết quằn quại của đời mình như là nói lên tất cả kinh nghiệm tu chứng gian nan của một tu sĩ. Bởi Hàn Mạc Tử không ghê tởm sợ hãi đau khổ. Hàn Mạc Tử thường xuyên trực nhận bản chất đau khổ. Hàn Mạc Tử không những chỉ cảm thấy đau khổ mà còn sống với đau khổ. Hàn Mạc Tử ngồi dưới cội cây bồ đề đau khổ, không phải để thành Phật như Thái Tử Tất Đạt Da, mà để thành một thi sĩ lớn. Tiếng thơ của Hàn Mạc Tử là "*ánh sáng lạ*", hơn nữa, là vòng linh quang tỏa chiếu quanh đỉnh đầu thi nhân, đã từ đau thương của khổ hải trầm luân, giải thoát bằng nẻo đường Nghệ Thuật./.

## CHÚ THÍCH .-

(1) Hàn Mạc Tử, *Chơi giữa mùa trăng,* Ngày Mới xuất bản. Hà Nội 1944, trang 21.

(2) André Gide "C'est un fruit plein de cendre amère; Il est pareil aux coloquintes du desert qui croissent aux endroits calcinés et ne présentent à la soif qu'une plus atroce brulure..."
(L'Immoraliste, 1902 – Préface, page 7).

(3) Karl Jaspers, *Triết học nhập môn,* .- Đại học xuất bản. 1960 tr.47.

(4) Paul Valéry .- Le vent se lève ! ... Il faut tenter de vivre! (Le Cimetière marin).

(5) Nguyễn gia Thiều, *Cung Oán Ngâm Khúc* .- câu 67-68.
Bản Vân Đính Tôn Thất Lương, Tân Việt in lần thứ ba. Saigon không đề năm.

(6) Karl Jaspers. "... như một con bướm đang dập cánh và đang chực gieo mình trên mặt nước mênh mông đại dương" (*Triết học nhập môn,* bản dịch của Lê Tôn Nghiêm, . Đại học xuất bản : 1960, trang 199).

(7) Alfred de Musset (1810-1867), *La Nuit de Mai* (1835) câu 151 – 152 : Những lời tuyệt vọng nhất là ca hay nhất / Và tôi biết có những lời bất hủ vốn là những tiếng nức nở thuần khiết mà thôi.

(8) Baudelaire, *Spleen :*
Et de longs corbillars, sans tambours ni nusique/ Défilent lentement dans mon âme, L'Espoir / Vaincu, pleure, et L'Angoisse: atroce, despotique/ Sur mon crâne incliné plante son drapeau noir. (*Les Fleurs du Mal,* Bibliotheque précieuse, Paris, bản in năm 1959 .- trang 85).

(9) Pourquoi m'avez – yous abandonné ? Theo lời dẫn của Max Schelar, Le sens de la Souffrance, .- Aubier, page 64.

(10) Max Schelar, sách đã dẫn, trang 19 "Sáns la mort et la douleur, point d'amour, point de communauté. Sans le sacrifice et la douleur du sacrifice, point de douceur dáns l'amour".

(11) Antoine de Saint Exupéry, *Terre des hommes,* 1939, Nous ne sommes pas un cheptel à l'engrais, et l'apparition d'un Pascal pauvre pèse plus lourd que la naissace de quelques anonymes prospères".

(12) Nhan đề một bài thơ của Hàn Mặc Tử trong tập *Xuân Như Ý.*

(13) Trích lại của Trần Thanh Mại, Hàn Mặc Tử, Tân Việt xuất bản..- Bản in lần thứ năm, Saigon, 1970, trang 56.

(14) Hàn Mạc Tử. Trích lại của Trần Thanh Mại, Hàn Mạc Tử, Sdd, trang 56.

(15) Thơ Giả Đảo (788-843) – Trích lại của Nguyễn Hiền Lê, *Đại cương văn học sử Trung quốc,* quyển 2, 1955,- trang 229.

(16) *Đoạn Trường Tân Thanh,* câu 356. Bản Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ, *Truyện Thúy Kiều,* in lần thứ ba , Saigon , không đề năm.

(17) *Đoạn Trường Tân Thanh*, câu 1233-1234, Sdd.
(18) Hàn Mạc Tử, *Say Máu ngà, Máu cuồng* và *Hồn điên.*
(19) Hàn Mạc Tử ,- *Rướm máu, Máu cuồng* và *Hồn điên*
(20) Xuân Diệu, *Lửa Thiêng*, Tựa Đời Nay, Hà Nội : 1940, trang III.
(21) *Bọn trẻ biết đâu là tự hối/ Uống đem tâm sự để làm thơ* – Trích lại của Nguyễn Hiến Lê, *Đại cương Văn Học sử Trung Quốc*, cuốn 3. Nguyễn Hiến Lê xuất bản,- Saigon : 1956, trang 147.
(22) Nhượng Tống dịch, *Mái Tây*, Tân Việt xuất bản, trang 24-25.
(23) Alfred de Musset, *La Nuit de Mai* (1835) câu 145 – 148 : Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,/ Laisse - la s'élargir, cette sainte blessure./ Que les noirs séraphins t'onf faite au fond du coeur / Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur."
(24) Hoài Thanh và Hoài Chân; *Thi Nhân Việt Nam* (đoạn nói về Phan Thanh Phước) .- Nguyễn Đức Phiên xuất bản, năm 1942, trang 292.
(25) *Cuối thu*, Thơ Hàn Mạc Tử, Tân Việt xuất bản. 1959 .- trang 39.
(26) Hàn Mạc Tử, *Chơi giữa mùa trăng*, Sdd. trang 47.
(27) Hàn Mạc Tử, *Chơi giữa mùa trăng*, trang 31.
(28) Hàn Mạc Tử, *Chơi giữa mùa trăng*, trang 47-48.
(29) Hàn Mạc Tử, *Lưu luyến, Thơ Điên Đau Thương.*
(30) Hàn Mạc Tử, *Sáng Láng, Thơ Điên Đau Thương.*
(31) Một nhà thơ lấy những tiếng rơi hàng ngày

*Để xua đuổi nỗi buồn cũ bằng một nỗi buồn mới*
*Nỗi buồn mới buồn gấp muôn lần và cỡ đau hơn...*

(Trích lại của Đoàn Thêm, *Quan niệm và sáng tác thơ*, Viện Đại Học Huế ,- xuất bản : 1962, trang 230.)
(32) Hàn Mạc Tử, *Ngoài Vũ Trụ, Thơ Điên Đau Thương.*
(33) Hàn Mạc Tử, *Đêm Xuân cầu nguyện, Xuân Như Ý.*
(34) Albert Camus: Créer, c'eat vivre deux fois (*Le Mythe de Sisyphe*, Gallimard, Paris, 1942, page 128.)
(35) Hàn Mạc Tử, *Chơi Giữa Mùa Trăng*, Sđd trang 47.

*
* *

# Nữ-sĩ HÀN LỆ THU

*Người nối dòng thơ Hàn Mặc Tử*

Hàn Lệ Thu là bút hiệu của Nguyễn Thị Thu Cúc, còn có biệt hiệu Kiều Lệ. Sinh ngày 12-4-1941 tại làng Thiều Quang xã Phước Thắng, tỉnh Bình Định, trong một gia đình khá giả có năm anh chị em, Thu là gái út. Thân phụ là cụ Trí Thành Nguyễn Thế Anh, tức Đại đức Thích Quảng Nguyên, thân mẫu là cụ bà Bùi Thị Diễn; bào huynh là nhà thơ Xuân Quang Nguyễn Thế Diêu.

Học hết bậc tiểu học đang hơ hớ tuổi xuân, duyên dáng, dễ thương thì Thu phát bệnh phong, gia đình cố công chạy chữa nhiều thầy, đủ thuốc, bệnh không dừng mà lại càng thêm nặng, buộc lòng gia đình phải đưa Thu vào bệnh viện phung Qui Hòa để điều trị. Sau chuyển vào Núi Sạn Nha Trang một thời gian rồi chuyển về lại bệnh viện Qui Hòa, Qui Nhơn cho đến nay.

Hoàn cảnh và tâm trạng của Hàn Lệ Thu cũng giống như Hàn Mặc Tử, ghê sợ bệnh tật và nỗi cô đơn mà số phận nghiệt ngã đã bắt phải gánh chịu. Và chính nhờ những cái đau khổ, tủi hờn, bất hạnh ấy đọng lại trong tâm hồn nhỏ xuống thành những vần thơ.

Hàn Lệ Thu đã chọn con đường thơ văn để giải thoát tâm hồn, có lẽ một phần lúc nhỏ ảnh hưởng bởi người anh cả là nhà thơ Xuân Quang Nguyễn Thế Diêu và khi bệnh tật vào Qui Hòa (nơi Hàn Mặc Tử đã sống suốt chặng cuối đời), ảnh hưởng mạnh dòng thơ của Hàn Mặc Tử.

Tuy không có những vần thơ điên loạn, kinh hoàng, tưởng chừng như có ma quỷ và khao khát tình yêu như Hàn Mặc Tử - một hiện tượng nổi bậc trong dòng Văn Học Việt Nam giữa thời kỳ hoàng kim của thơ mới - . Thơ của Hàn Lệ Thu phát xuất từ vũ trụ quan của mình, nhìn cuộc sống

tuyệt mỹ của trần gian và diễm lệ của núi sông... đã khiến cho Thu có những vần thơ dễ thương, dịu nhẹ, yêu mến thiên nhiên, quý trọng tình người và cũng để nói lên nỗi đau nhân thế của một con người phải hứng chịu cái nghịch cảnh như Hàn Mặc Tử "*Nhất phiến tài tình thiên khổ lụy*" mà những phút linh đã trở thành thơ. Chính vì vậy mà Nguyễn Thị Thu Cúc đã chọn cho mình bút hiệu Hàn Lệ Thu, và những người yêu mến thơ của Thu đã ban tặng: Nữ sĩ Hàn Lệ Thu, người nối dòng thơ Hàn Mặc Tử.

Thơ của Hàn Lệ Thu đã được phổ biến và đăng rải rác trên các báo trong nước trước năm 1975, như *Phổ Thông, Lành Mạnh, Giai Phẩm Bình Định*, và có mặt trong tuyển tập nhận định *Thi Ca Miền Trung Việt Nam* của Lương Trọng Minh (1969). Ngoài tài làm thơ, Hàn Lệ Thu còn biết đàn, hát, thổi sáo, tiếng sáo cũng khá réo rắc, thê lương. Hàn Lệ Thu rất được các Sơ (Soeur) Việt lẫn Pháp tại bệnh viện quý mến, dành nhiều ưu tiên. Hiện bệnh viện Quy Hòa cất thêm một căn nhà (gọi là lều cỏ) dành riêng làm nơi đọc sách, làm thơ và tiếp khách: thỉnh thoảng có các phái đoàn báo chí, văn nghệ sĩ đến thăm và phỏng vấn. Bệnh Thu đã dừng lại từ lâu, nhưng gần đây, sức khỏe có phần suy yếu, Hàn Lệ Thu hạn chế tiếp khách để dành thì giờ suy tư, an dưỡng và hoàn thành tác phẩm "*Tình Người*" tuyển tập thơ Hàn Lệ Thu.

Sau đây là những bài thơ tiêu biểu:

TRĂNG VÀ THƠ

*Trăng hỡi trăng! Em van trăng đừng sáng*
*Cho lòng em tê điếng trong đêm nay*
*Trăng đừng nhuộm tàu dừa non ướt láng*
*Mà mỉa mai đau xót lẫn chua cay!*

*Không! Xê ra đừng ôm em thủ thỉ*
*Đừng mơn man suối tóc lạnh không hồn*
*Đừng hôn lên vành môi sầu vạn kỷ*
*Trăng về đi trả lại bóng hoàng hôn.*

*Trăng vừa bảo: yêu thơ nên tìm đến?*
*Không! Không! Không! Thơ chẳng có nơi này*
*Thơ xa lánh vì em là con bệnh*
*Đi tìm bao thi sĩ đẹp, thơ ngây...*

*Trăng đã khóc, làm sao em không khóc!*
*Thôi biết rồi, em đã biết trăng yêu*
*Xin lỗi trăng đừng nhìn em hằn học*
*Đừng bỏ em quằn quại vũng cô liêu*

*Lại gần đây, gần em thêm chút nữa*
*Cho người em thơm nức ánh trăng mơ*
*Cho làn tóc ngọt ngào hơn dòng sữa*
*Toàn thân em tràn ngập thơ... thơ... thơ*
(Trích Thi Ca Miền Trung Việt Nam-1969)

ĐÊM NGHE TIẾNG CÚ

***Kính viếng vong hồn Hàn Mặc Tử***

*Đêm tĩnh mịch chìm sâu trong bóng tối*
*Dãy thông dày tấu khúc nhạc ai bi*
*Đôi mắt con ươn ướt lệ tràn mi*
*Và từng tiếng thở dài theo tiếng cú.*
*Vang thanh âm lên một vì tinh tú*
*Như cầu xin tia ánh sáng vô ngần*
*Rưới vào con và cho thấm cả thể nhân*
*Cho tiếng cú không còn trong đêm tối.*
*Maria! Con đang giờ hấp hối!*
*Thuyền lòng con vùi dập lớp phong ba*
*Giọng cầu xin trong nước mắt chan hòa*
*Mẹ ơi Mẹ! đưa con vào ánh sáng*
*Hãy cho con một ngày xuân quang đãng*
*Xóa nhòa muôn hình ảnh của đêm thâu*
*Đọt dừa non nắng nhuộm ướt tươi màu*
*Không một chiếc lá vàng rơi trong gió.*
Một đêm cuối mùa Thu năm Kỷ Hợi
Lạnh trong tôi và lạnh ngoài trời.

## QUỲNH HOA

*Đêm huyền ảo... nhẹ rung từng cánh trắng*
*Đêm Thiên đàng không vướng bụi trần ai*
*Bao đau khổ tháng năm chồng chất nặng*
*Vụt biến tan trong cảnh sắt trang dài.*

*Đêm sâu lắng! cổ thi thơm từng chữ...*
*Ôi Quỳnh hoa! Sao em nhẹ gót hài?*
*Xiêm y trắng như linh hồn trinh nữ*
*Đông bàng hoàng say ảo giác liêu trai...*
(Tình Người, 2003)

## THƠ VIẾT TRONG LỀU CỎ

Kính tặng Anh Chị Sinh Hòa – Thái Tẩu
và vợ chồng em Huy Lực – Bùi Tiến Khôi

*Một đèn, một bóng, một bông hoa,*
*Một áng thơ xưa, một tách trà*
*Trầm mặc trong lều tranh vắng vẻ*
*Từng dòng thơ ấu chảy trôi qua!...*
Hàn Lệ Thu

**Huyền Vũ**
*Hàn Mặc Tử Qua Những Cuộc Tình*
*Tác giả Xuất bản.- Houston : 2006*

# LỀU THƠ BÊN MỘ HÀN

**Huyền Vũ**

Đã nhiều năm qua, dù cho trời nắng hay mưa, ngày ngày, người ta thường thấy một người đàn ông trung niên, dáng người dong dỏng cao, gương mặt phong sương với mái tóc để dài kiểu nghệ sĩ, đều đều mỗi sáng, anh lặng lẽ đến mở cửa túp lều nhỏ của mình, cạnh mộ Hàn Mặc Tử, trên đồi Ghềnh Ráng (thành phố Qui Nhơn, Bình Định).

Trong lều, chính giữa là một bàn thờ đặt di ảnh thi sĩ Hàn Mặc Tử với khói hương. Bên cạnh có chiếc tủ kính đặt các tác phẩm của Hàn và của các tác giả viết về Hàn. Những bức tranh thư pháp bằng gỗ thông và giấy treo chật các vách. Ở một góc khá trang trọng có những bức ảnh của những gương mặt gần gũi với thi sĩ Hàn Mặc Tử như: Kim Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình, Ngọc Sương, Thương Thương. Người đó chính là Dzũ Kha, người được mệnh danh "giữ lửa thơ Hàn", và là chủ nhân của "lều thơ" này, vòn vã chào đón du khách đến viếng mộ Hàn.

Trong những dịp này, anh lưu loát giới thiệu với du khách về thân thế, ự nghiệp của nhà thơ và say sưa đọc cho cho du khách nghe những bài thơ hay nhất của Hàn MặcTử cũng có khi với cây "Bút lửa" sẵn trên tay, tùy theo yêu cầu của du khách, anh trực tiếp chép tặng một câu thơ, hay cả một bài thơ lên trên tấm gỗ thông Đà Lạt, nhẹ nhàng, xinh xắn, làm vật kỷ niệm.

Nhiều người gọi anh là chàng "*nghệ sĩ lãng tử*", bởi anh đã chọn cho mình một công việc làm chẳng giống ai, với biệt danh "*Bút lửa Dzũ Kha*". Anh tên thật là Trương Vũ Kha, sanh năm 1960 tại Phù cát, Bình Định. Tốt nghiệp trường mỹ thuật Qui Nhơn, về mở phòng tranh nghệ thuật

và làm thơ tại Qui Hòa (Nơi Hàn Mặc Tử đã sống những ngày cuối đời). Rồi anh dựng một lều thơ cạnh mộ Hàn Mặc Tử, anh bảo rằng: "*Tôi dựng lều cỏ làm nơi đọc thư Hàn, thư họa bút lửa thơ Hàn, để người đời luôn nhớ đến Hàn Mặc Tử, vì tôi cũng yêu thi sĩ HMT, có thể thôi*".

Từ năm 1983 Dzũ Kha bắt đầu vẽ tranh và thư họa bằng "Bút lửa". Thật ra kỹ thuật bút lửa (tức là dùng dòng điện trở nung nóng một đoạn kim loại, dùng làm ngòi bút để vẽ bằng cách đốt cháy gỗ) không có gì mới lạ. Nghệ thuật bút lửa đã được nghệ nhân ở Đà Lạt. Sài Gòn sử dụng từ lâu; nhưng Dzũ Kha đã nâng lên một bực cao hơn, ngòi bút của anh đã đạt đến mức điêu luyện là dùng bút lửa vẽ cả lên giấy. Đặc biệt bút lửa của Dzũ Kha chỉ dùng để chép thơ, vẽ thơ Hàn như một kiểu thư pháp. Có lẽ hiếm có một nhân vật nào hạnh phúc như thi si Hàn Mặc Tử. Anh đã qua đời  hơn nửa thế kỷ nay mà vẫn được người Bình Định ái mộ, tổ chức sinh  nhật cho Anh đều đặn vào ngày 22 tháng 9 hàng năm dưới dạng một buổi lễ tưởng niệm và sau đó là một bữa tiệc  nhỏ. Tham dự lễ sinh nhật gồm có một số nhà thơ, nhà  báo, họa sĩ, nhạc sĩ, sinh viên. Họ khác nhau về nghề nghiệp,tuổi tác, giới tính, nhưng đều có một điểm chung là trân trọng và yêu quý thơ Hàn.

Hai mươi năm gần đây, nghĩa là từ ngày có "lều thơ", việc tổ chức sinh nhật Hàn Mặc Tử là do Dzũ Kha đảm trách, chương trình có thêm phần ngâm thơ, đọc thơ Hàn và thơ cảm tác của các tác giả khác. Có lẽ tấm lòng của Dzũ Kha không chỉ là tấm lòng của một nghệ sĩ yêu thơ Hàn, muốn phổ biến rộng rãi thơ Hàn, mà còn là tấm lòng giữa người với người, giữa người với đời và thiên cổ.

***Huyền Vũ***

***Hàn Mặc Tử Qua Những Cuộc Tình***

**Tác giả tự xuất bản: Houston, 2006**

## DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ ỦNG-HỘ TỪ
## 1 THÁNG 7 NĂM 2006 ĐẾN 31 THÁNG 5 NĂM 2007

-o0o-

| | | |
|---|---|---|
| 1.- Hoàng Ngoc Thành (S.Jose) | $ 15.00 | DV.21 |
| 2.- Ngô T.Phương Chi (Silver Spring,MD) | $ 20.00 | DV.20-21 |
| 3.- Tươi Staggs (Buckey, WA) | $ 50.00 | DV.20-22 |
| 4.- Hoàng Ngọc Cẩn (Marlboro,NJ) | $100.00 | DV.18-22 |
| 5.-Viléo Monique (France) | $ 20.00 | DV.20 |
| 6.- Nguyễn Di (France) | $ 20.00 | DV.20 |
| 7.- Trần Đại Hồng (Reading, England) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 8.- Đặng Đức Thanh (F.Valley) | $ 20.00 | DV.20 |
| 9.- Phạm Đăng Trúc (S.Ana) | $ 20.00 | DV.20 |
| 10.- Thanh Lô Sananikone (Hawai) | $ 50.00 | DV.18-21 |
| 11.- Hoàng Tổng (San Diego) | $ 20.00 | DV.20 |
| 12.- Lý Bá Khải (Anaheim) | $ 50.00 | DV.17-20 |
| 13.- Tròn Ba Lẹ (Markhane, ONT.) | $ 25.00 | DV.19-20 |
| 14.- Dr. Peter Lê Tri (Seal Beach) | $ .25.00 | DV.19-20 |
| 15.- Trần Cảnh Xuân (San Diego) | $ 15.00 | DV.20 |
| 16.- Dr. Mai Thanh Truyết (Orange) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 17.- Cao Tiêu (Orange) | $ 15.00 | DV.20 |
| 18.- Phan Thanh Hoài (Santa Ana) | $ 50.00 | DV.18 -20 |
| 19.- Lê Đình Phát (Santa Ana) | $ 15.00 | DV.20 |
| 20.- Nguyễn Lương Ba (Farmers Br.,TX) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 21.- Dr. Lê ThànhViệt (Sacto) | $ 50.00 | DV.18-20 |
| 22.- Tăng Khánh Đản (Woomington, PA) | $ 30.00 | DV 20- 21 |
| 23.- Phạm Đăng Tải (San Jose) | $ 15.00 | DV.20 |
| 24,- Bữu Quê/Vân Trà (San Jose) | $ 40.00 | DV,19-20 |
| 25.- Nguyễn Minh (Hillsborough, NC) | $ 15.00 | DV.20 |
| 28.- Phạm Văn Hòa (Shrewport, LA) | $ 15.00 | DV.20 |
| 29.- Lê Văn Nhàn (Garden Grove) | $ 15.00 | DV.20 |
| 30.- Nguyễn Ngọc Kỳ (F. Valley) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 31.- Lê Mạnh Đồng (France) | $100.00 | DV.17-21 |
| 32.- Tôn Thất Hy (Cypress) | $ 30.00 | DV.19-20 |

| | | |
|---|---|---|
| 33.- Nghiêm Hồng (Milwaukee, WI) | $100.00 | DV.15-20 |
| 34.- Phạm Lập (Hatfield, PA) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 35.- Nguyễn Văn Tân (San Jose) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 36.- Nguyễn Văn Lâu (San Jose) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 37.- Nông Thi Chuyên (Arlington, VA) | $100.00 | DV.16-21 |
| 38.- Nguyễn Mai Hương (Huntington Bh) | $ 15.00 | DV.20 |
| 39.- Nguyễn Lý Tưởng (Westminster) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 40.- Dương Quang Trung (F. Valley) | $ 20.00 | DV.20 |
| 41.- Nguyễn Th. Bạch Yến (Houston) | $ 15.00 | DV.20 |
| 42.- Nguyễn Công An (Tualatin, OR) | $ 15.00 | DV.20 |
| 43.- Cao Văn Cúc (Petaluma, CA) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 44.- Hồ Bạch Thảo (Bricks, NJ) | $ 50.00 | DV.18-21 |
| 45.- Lê Thượng Giang (Dorchester, MA) | $ 50.00 | DV.18-21 |
| 46.- Phan Văn Thính (Rockville, MD) | $ 16.00 | DV.20 |
| 47.- Trần Uyên Thi (Centreville, VA) | $ 20.00 | DV.20 |
| 48.- Đặng Cao Ruyên (San Jose) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 49.- Nguyễn Đình Hoan (Orlando, FL) | $ 30.00 | DV.19-20 |
| 50.- Dr.Trương Th.Kim Sa (Houston) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 51.- Dr. Lê Th.Minh Châu (Palm Spring) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 52.- Phạm Ngọc Trác (Santa Ana) | $ 20.00 | DV.20 |
| 53.- Phạm Tuân (Silver Spring) | $100.00 | DV.16-21 |
| 54.- Ng. Phúc Vĩnh Tiên (Australia) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 55.- Dr. Huỳnh Long Vân (Australia) | $ 20.00 | DV.20 |
| 56.- Đào Hữu Suyền (F. Valley) | $ 75.00 | DV.17-21 |
| 57.-Lê Quang Khanh (Anaheim) | $ 50.00 | DV.16-19 |
| 58.-Nguyễn Văn Mỹ (Irvine) | $ 50.00 | DV 18-21 |
| 59.- Dr. Bùi Nam (F. Valley) | $100.00 | DV.16-21 |
| 60.- Võ Tấn Cao (Santa Ana) | $ 20.00 | DV.20 |
| 61,- Hoàng Cảnh Tân (San Diego) | $ 20.00 | DV.20 |
| 62.- Dr, Nguyễn Quới (Liège, Belgium) | $ 20.00 | DV.20. |
| 63.- Trần Huy Bích (Carson) | $ 50.00 | DV.18 -21 |
| 64.- Nguyễn Hương Mai (Huntington Bh) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 65.- Trần Nữ Anh (Woodinville, WA) | $ 35.00 | DV.20-21 |
| 66.- Võ Hồng Phi (Santa Ana) | $ 20.00 | DV.20. |

| | | |
|---|---|---|
| 67.- Trần Trung Lương (Ontario, Canada) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 68.- Trần Lưu Cung (Potomac) | $ 15.00 | DV.20 |
| 69.- Nguyễn Đức Nghĩa (Sacto) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 70.- Nguyễn Trong Nho (Alhambra) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 71.- Dr. Nguyễn Hữu Tiến (F.Valley) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 72.- Ha Thị.Thanh Ngọc (Houston) | $100.00 | DV.16-22 |
| 73.- Võ Đại Trung (Iowa City) | $ 28.00 | DV.20-21 |
| 74.- Nguyễn T. Nhàn (Buffalo, MD) | $ 40.00 | DV.20-21 |
| 75.- Võ Việt Hưng (San Jose) | $ 45.00 | DV.20-21 |
| 76.- Trần Thị Thu Tâm (Canada) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 77.- Viléo Monique (France) | $ 25.00 | DV.20 |
| 78.- Đỗ Quang Vinh (Ontario, Canada) | $ 20.00 | DV.20 |
| 79.- Nguyễn Đức Tuyên (Aliso Viejo) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 80.- Phan Thanh Hoài (Santa Ana) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 81.- Trần Kim Thoa (Australia) | $ 50.00 | DV.20-21 |
| 82.- Dư Tế Xuân (Houston) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 83.- Nguyễn Tuấn Khanh (San Jose) | $ 60.00 | DV.18-21 |
| 84.- Liên Nguyễn (Rowlett, TX) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 85.- Đặng Ngọc Dung Firpo (Hawthorne) | $100.00 | DV.18-23 |
| 86.- Nguyễn Văn Mỹ (Irvine) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 87.- Phặm Văn Quảng (Westminster) | $ 50.00 | DV.20-21 |
| 88.- Nguyễn Kim Tước (Lancaster, PA) | $ 50.00 | DV.19-21 |
| 89.- Phạm Ngọc Thạch (Garden Grove) | $ 30.00 | DV.20-21 |
| 90.- Nguyễn T. Lộc (Santa Ana) | $ 250.00 | DV.12-24 |

Tổng cọng : $3,724.00

DÒNG VIỆT xin chân thành cảm tạ
quí Dộc Giả đã có hảo tâm ủng hộ.

BOOKS AVAILABLE
(Price as of September 1, 2004)

#2205.- *Selected Vietnamese Prover bs* (Bilingual: English-Vietnamese).Huỳnh Đình Tế.- 2002 .- $12.00
#2007.- *First-Aid English* (Bilingual : English-Vietnamese).- Huỳnh Đình Tế .- 2000 .- $ 12.00
#9906.- *Introduction to U.S. Government.* (Bilingual edition : English-Hmong, English-Khmer, English-Lao,- English-Vietnamese) .- Huỳnh Đình Tế .- 1999 .- Set of 4 volumes : $30.00 .- Individual order by languuage (specify) : $ 8.00 per volume.
#9804.- *Vietnamese Literature : an Anthology* .- Nguyễn Đình Hòa .- 1998 .- $18.00
#9709.- *Bilingual Glossary of School Terminology* (English-VN) .- Huỳnh Đình Tế .- 1997 .- $ 10.00
#9708.- *Helping Your Child Achieve in School : a Handbook for Southeast Asian Parents.*- (Bilingual : English-Hmong, English-Khmer, English-Lao, English-Vietnamese and English) . Huỳnh Đ. Tế. 1997 .- Set of 5 vols : $ 35.00 .- Individual order by language (Specify) : $ 8.00 per volume
#9602.- *Introduction to Vietnamese Culture* .- Huỳnh Đình Tế, 1996 .- $ 10.00
#9405.- *Vietnamese Literature : a Brief Survey* .- Nguyễn Đình Hoà, 1994 .- $ 12.00
#9403.- *Handbook for Teaching Vietnamese-speaking Students* .- Edited by Ralph Hanson and Van Le, 1994 (2nd revised edition) .- $ 15.00
#9207.- *Minority Cultures of Laos : Kammu, Lua, Lahu, Hmong and Mien* .- Judy Lewis, Kam Raw, Lue Vang, Julia Elliott, James Matisoff, Yang Dao, Eric Crystal & Kaota Saepham, 1992 .- $ 20.00
#9107.- *The Indochinese and Their Cultures* .- Huỳnh Đình Tế .- 1991 (3rd edition) .- $ 10.00
#8904.- *Introduction to the Indochinese and Their Cultures.* Sun-Him Chhim, Khamchong Luangpraseut and Huỳnh Đình Tế .- 1994 (2nd edition) .- $ 15.00
#8903.- *Handbook for Teaching Lao-speaking Students* .- Khamchong Luangpraseut and Judy Lewis .- 1989 .- $ 10..00
#8802.- *Handbook for Teaching Khmer-speaking Students* .- Mory Ouk, Franklin E. Huffman and Judy Lewis .- 1988 .- $ 10.00
#8801.- *Handbook for Teaching Hmong-speaking Students.*- Bruce Bliatout, Bruce Downing, Judy Lewis and Yang Dao.- 1988 .- $ 10.00

PUBLICATIONS IN VIETNAMESE

#2411.- *Tiếng Việt Đa Dạng* .- Nguyễn Hữu Phước ,. 2004 .- $ 14.00
#2410.- *Bangsa Champa : Tìm Về Với Cội-Nguồn Cách Xa* .- Dohamide và Dorohiêm.- 2004 .- $ 15.00
#2409.- *Chuyện Bên Lề và Chợ Trời Chữ Nghĩa.*- Tập I .- Từ Dinh và Võ Cao .- 2004 .- $ 12.00
#2407.- *Tuyển-tập Phê-bình Đoạn-trường Tân-thanh* .- Tập 2.- Dòng Việt # 16 : 2004 .- $ 12.00
#2401.- *Vua Quang Trung, Nguyễn Huệ* .- Dòng Việt # 15 : 2004 .- $ 12.00.
#2307.- *Kỷ-niệm 200 năm Cố-đô Huế : 1802-2002* .- Tập 3 .- Dòng Việt # 14 : 2003 .- $ 12.00
#2301.- *Tuyển-tập Phê-bình Đoạn-trường Tân-thanh* .- Tập 1 .- Dòng Việt # 13 : 2001 .- $ 12.00
#2207.- *Kỷ-niệm 200 năm Cố-đô Huế : 1802-2002* .- Tập 2 .- Dòng Việt # 12 : 2002 .- $ 12.00
#2106.- *Đại-học Sư-phạm Huế* .- Tập 2 .- Dòng Việt # 10 : 2001 .- $ 12.00
#2012.- *Đại-học Văn-khoa Saigon.*- Tập 3 .- Dòng Việt # 9 : 2001 .- $ 12.00
#2009.- *Thể-tánh của Thi-ca* .- Lê Tuyên .- 2000 .- $ 12.00
#2005.- *Đại-học Sư-phạm Huế* ,- Tập 1 .- Dòng Việt # 8 : 2000 .- $ 12.00
#9902.- *Đại-học Văn-khoa Saigon* .- Tập 1.- Dòng Việt # 6 : 1999 .- $ 12.00
#9809.- *Theo ngọn mây Tần* (Thơ) .- Hoàng Mịch Điền .- 1998 .- $ 10.00
#9611.- Chữ nghĩa Tiếng Việt .- Dòng Việt # 3 : 1996 .- $ 12.00
#9412.- *Tuyển-tập Ngôn-ngữ Văn-học Việt-nam* .- Dòng Việt # 2 : 1994.- 2 tập : $ 16.00

NOTES.- For orders under $30.00, add $2.00 per copy for mailing. For orders over $30.00, add 15% for mailing.